萬 丈 青 雲 才 子 路
一 輪 皓 月 眾 家 燈

Vạn trượng thanh vân tài tử lộ;
Nhất luân hạo nguyệt chúng gia đăng.

Muôn trượng mây xanh, đường tài tử;
Một vầng trăng sáng, nến mọi nhà.

溶 溶 夜 月 燈 連 市
藹 藹 春 光 花 滿 城

Dung dung dạ nguyệt đăng liên thị;
Ái ái xuân quang hoa mãn thành.

Lung linh đêm nguyệt đèn liền thị;
Tao nhã ánh xuân hoa khắp thành.

銀 登 輝 映 千 街 月
玉 炬 光 搖 萬 户 春

Ngân đăng huy ánh thiên nhai nguyệt;
Ngọc cự quang dao vạn hộ xuân.

Đèn bạc sáng bừng nghìn lối nguyệt;
Đuốc vàng soi khắp vạn hộ xuân.

平 安 竹 報 全 家 慶
富 貴 花 開 滿 堂 春

Bình an trúc báo toàn gia khánh;
Phú quý hoa khai mãn đường xuân.

Trúc báo bình an toàn gia thịnh;
Hoa khai phú quý khắp nhà xuân.

碧 水 環 門 龍 起 舞
丹 山 繞 室 鳳 飛 鳴

Bích thuỷ hoàn môn long khởi vũ;
Đan sơn nhiễu thất phượng phi minh.

Sông biếc bao quanh như rồng múa;
Núi son uốn lượn tựa phượng bay.

靜 向 庭 中 看 鶴 舞
閒 從 户 外 聽 鶯 歌

Tĩnh hướng đình trung khan hạc vũ;
Nhàn tòng hộ ngoại thính oanh ca.

Trong sân tĩnh lặng xem hạc múa;
Ngoài cổng thanh nhàn lắng oanh ca.

勤 與 儉 治 家 上 策
和 而 忍 處 世 良 規

Cần dữ kiệm trị gia thượng sách;
Hoà nhi nhẫn xử thế lương quy.

Cần kiệm trị gia là sách tốt;
Nhẫn hoà xử thế ấy phép hay.

忠 厚 傳 家 安 且 吉
公 平 處 世 熾 而 昌

Trung hậu truyền gia an thả cát;
Công bằng xử thế xí nhi xương.

Trung hậu truyền gia an lại tốt;
Công bằng xử thế đẹp mà hay.

碧 桃 紅 杏 乾 坤 景
暖 日 和 風 宇 宙 春

Bích đào hồng hạnh càn khôn cảnh;
Noãn nhật hoà phong vũ trụ xuân.

Hạnh hồng đào biếc càn khôn cảnh;
Ngày ấm gió hoà vũ trụ xuân.

傳 家 萬 事 皆 宜 忍
教 子 千 方 不 外 勤

Truyền gia vạn sự giai nghi nhẫn.
Giáo tử thiên phương bất ngoại cần.

Muôn việc truyền gia cần lấy nhẫn;
Nghìn phương dạy trẻ chẳng ngoài "cần".

座 擁 書 城 謀 素 志
門 迎 鴈 塔 望 題 名

Toạ ủng thư thành mưu tố chí;
Môn nghênh nhạn tháp vọng đề danh.

Nhà giúp thành thư mưu chí hướng;
Môn nghênh nhạn tháp vọng danh đề.

待 人 寬 三 分 是 福
處 世 讓 一 步 爲 高

Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;
Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.

Đãi người rộng ba phần là phúc;
Xử thế nhường một bước mới cao.

瑞氣生來唯孝悌
家聲振起是詩書
Thuỵ khí sinh lai duy hiếu đễ;
Gia thanh chấn khởi thị thi thư.
Khí tốt sinh ra duy hiếu đễ;
Gia thanh hưng chấn ấy thi thư.

光借清風明借月
動觀流水靜觀山
Quang tá thanh phong minh tá nguyệt;
Động quan lưu thuỷ tĩnh quan sơn.
Quang mượn thanh phong minh mượn nguyệt;
Động nhìn nước chảy tĩnh nhìn non.

同心兄弟眞師友
得意文章祇性情
Đồng tâm huynh đệ chân sư hữu;
Đắc ý văn chương chi tính tình.
Huynh đệ đồng tâm như sư hữu;
Văn chương đắc ý thỏa tính tình.

處世莫如積德
傳家還是讀書
Xử thế mạc như tích đức;
Truyền gia hoàn thị độc thư.
Xử thế chẳng gì bằng tích đức;
Truyền gia duy nhất đúng độc thư.

靜以修身儉以養德
入則篤行出則友賢
Tĩnh dĩ tu thân, kiệm dĩ dưỡng đức;
Nhập tắc đốc hành, xuất tắc hữu hiền.
Tĩnh để tu thân, kiệm để dưỡng đức;
Nhập thì quyết làm, xuất thì giúp bạn.

金石其心芝蘭其室
仁義爲友道德爲師

Kim thạch kỳ tâm, chi lan kỳ thất;
Nhân nghĩa vi hữu, đạo đức vi sư.
Vàng đá là tâm, chi lan là thất;
Nhân nghĩa làm bạn, đạo đức làm thầy.

慈孝友恭一堂吉慶
詩書禮樂滿室榮華
Từ hiếu hữu cung nhất đường cát khánh;
Thi thư lễ nhạc mãn thất vinh hoa.
Từ hiếu hữu cung, một nhà tốt phúc;
Thi thư lễ nhạc, đầy cửa vinh hoa.

春發其華秋結其實
行先乎孝藝裕乎文
Xuân phát kỳ hoa, thu kết kỳ thực;
Hành tiên hồ hiếu, nghệ dụ hồ văn.
Xuân phát về hoa, thu kết về thực;
Hành đầu ở hiếu, tài nghệ ở văn.

是訓是行纂乃祖考
有典有則貽厥子孫
Thị huấn thị hành toản nãi tổ khảo;
Hữu điển hữu tắc di quyết tử tôn.
Việc huấn việc hành, tổ tiên hợp lại;
Có phép có tắc con cháu kế thừa.

積慶仰前徽世德相承所愛箕裘繼美
發祥看後裔家修勿替還其蘭桂騰芳
Tích khánh ngưỡng tiền huy, thế đức tương thừa, sở ái cơ cầu kế mỹ;
Phát tường khán hậu duệ, gia tu vật thế, hoàn kỳ lan quế đằng phương.
Tích đức ngưỡng tiền nhân, đạo đức kế thừa, kính ái dõi truyền tục mỹ;
Phát tường xem hậu duệ, nếp nhà chớ bỏ, quế lan tiếp nối thơm hương.

滿架圖書都市當行孝弟
盈庭草木莫非祇種芝蘭
Mãn giá đồ thư đô thị đương hành hiếu đễ;
Doanh đình thảo mộc mạc phi chi chủng chi lan.
Đầy giá đồ thư đều là thực hành hiếu đễ;
Một sân thảo mộc gì hơn loài quý chi lan.

柳綠桃紅四面雲山舒錦繡
蘭芳桂馥滿庭花木獻文章

Liễu lục đào hồng tứ diện vân sơn thư cẩm tú;
Lan phương quế phức mãn đình hoa mộc hiến văn chương.

Liễu thắm đào hồng, bốn mặt núi mây giăng gấm dệt;
Lan thơ quế ngát, đầy sân hoa mộc hiến văn chương.

無事樂琴棋上斷春風林下趣
有舒遺子弟還期秋月桂中攀

Vô sự lạc cầm kỳ thượng đoạn xuân phong lâm hạ thú;
Hữu thư di tử đệ hoàn kỳ thu nguyệt quế trung phan.

Nhàn tản thú cầm kỳ, hứng lấy gió xuân ùa dưới lá;
Rỗi việc truyền con trẻ, hẹn kỳ thu nguyệt vịn quế cành.

積德勝遺金處世當遵司馬訓
惟善以爲寶持身宜省楚書言

Tích đức thắng dị kim xử thế đương tuân Tư mã huấn;
Duy thiện dĩ vi bảo trì thân nghi tỉnh Sở thư ngôn.

Tích đức thắng kim ngân, xử thế hãy theo lời Tư mã[1];
Duy thiện là của quý, tu thân nên tỉnh giọng Sở thư[2].

龍之騰鳳之舞大丈夫這般氣象
風之光月之霽士君子何等襟懷

Long chi đằng, phượng chi vũ, đại trượng phu giá ban khí tượng;
Phong chi quang, nguyệt chi tế, sĩ quân tử hà đẳng khâm hoài.

Gió thoảng trăng trong, thật rõ mộng hoài người sĩ quân tử;
Rồng bay phượng múa, ấy là khí tượng bậc đại trượng phu.

居安宅行正路心地蕩平舒泰
稽聖經訂賢傳事業正大高明

Cư an trạch, hành chính lộ, tâm địa đãng bình thư thái;
Kê thánh kinh, đính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.

An cư gia trạch, làm theo chính lộ, tâm chí yên bình thư thái,;
Khảo cứu thánh kinh, đính chính hiền truyện, sự nghiệp chính đại cao minh.

念先人立身教家不外綱常大節
囑後裔繼志述事毋忘忠孝初心

---

[1] Tư Mã Quang là sử gia đời nhà Tống, Trung Quốc. Ông có sách *Gia huấn* nổi tiếng.
[2] Sách vở nước Sở có những điều không phù hợp với quan điểm của tác giả.

Niệm tiên nhân lập thân giáo gia, bất ngoại cương thường đại tiết;
Chúc hậu duệ kế chí thuật sự, vô vong trung hiếu sơ tâm.
Nhớ tiền nhân lập thân giáo gia, chẳng ngoại cương thường đạo lớn;
Dặn hậu duệ kế chí thuật sự, đừng quên trung hiếu việc đầu.

室有餘香謝草鄭蘭竇桂樹
家無別況唐詩晉字漢文章
Thất hữu dư hương, Tạ thảo, Trịnh lan, Đậu quế thụ
Gia vô biệt huống, Đường thi, Tấn tự, Hán Văn chương.
Nhà ở có thừa hương thơm, ngát Tạ thảo, Trịnh lan, Đậu quế[1];
Gia đường không gì khác, ngời danh Đường thi, Tấn tự, Hán văn[2].

父母遐齡白髮堂中榮暮景
兒孫滿眼彩衣階下舞春風
Phụ mẫu hà linh, bạch phát đường trung vinh mộ cảnh;
Nhi tôn mãn nhãn, thái y giai hạ vũ xuân phong.
Cha mẹ tuổi cao, bạch phát trung đường[3] vui kế bóng;
Cháu con tươi trẻ, thái y giai hạ[4] múa mừng xuân.

書有未曾經我讀
事無不可對人言
Thư hữu vị tằng kinh ngã độc;
Sự vô bất khả đối nhân ngôn.
Sách có thể ta chưa từng đọc;
Việc tất cùng kẻ khác đối ngôn.

四時淑氣融萱草
六月薰風動竹林
Tứ thời thục khí dung huyên thảo;
Lục nguyệt huân phong động trúc lâm.
Bốn mùa thục khí[5] ngời huyên thảo;
Tháng sáu huân phong[6] động trúc lâm.

---

[1] Tạ Linh Vận đời Nam Bắc triều, Trịnh Huyền người đời Đông Hán, Đậu Yên Sơn đời Chu ở Trung Quốc là những người văn học giỏi và dạy bảo con cái thành đạt.
[2] Thơ đời Đường, chữ thời Tấn, văn chương đời Hán đều nổi tiếng.
[3] Bạch phát trung đường: cha mẹ già tóc bạc ở trong nhà.
[4] *Thái y giai hạ:* Con cháu mặc áo đẹp ở dưới thềm.
[5] *Thục khí:* Không khí ôn hoà.
[6] *Huân phong:* Gió nam.

北 海 樂 交 天 下 士
東 山 笑 讀 古 人 書

Bắc hải lạc giao thiên hạ sĩ;
Đông sơn tiếu độc cổ nhân thư.

Sĩ thiên hạ giao lưu nơi biển Bắc;
Sách cổ nhân vui đọc chốn non Đông.

清 言 如 晉 人 足 矣
濁 酒 以 漢 書 下 之

Thanh ngôn như Tấn nhân túc hỹ;
Trọc tửu dĩ Hán thư hạ chi.

Nói lí luận suông, như người nước Tấn là quá đủ;
Rượu chè vô độ, xem sách đời Hán là rất xuàng.

風 生 草 際 笙 蕭 韻
雨 過 庭 前 蘭 蕙 香

Phong sinh thảo tế sênh tiêu vận;
Vũ quá đình tiền lan huệ hương.

Gió qua cỏ rậm sinh tiêu sáo;
Mưa đến trên nhà ngát huệ lan.

伊 周 事 業 間 中 會
孔 孟 文 章 靜 裏 尋

Y Chu sự nghiệp nhàn trung hội.
Khổng Mạnh văn chương tĩnh lý tầm.

Văn chương tĩnh lý tìm Khổng Mạnh[1]
Sự nghiệp nhàn quan khảo Y Chu[2].

紫 燕 庭 中 宜 好 語
黃 鸝 户 外 報 佳 音

Tử yến đình trung nghi hảo ngữ;
Hoàng ly hộ ngoại báo giai âm.

Yến tía gữa sân vang tiếng hót;
Ly vàng ngoài cửa báo âm hay.

---

[1] *Khổng tử, Mạnh tử*: hai nhà Nho nổi tiếng ở Trung Quốc cổ đại.

[2] *Y Doãn:* một khai quốc công thần đời nhà Thương ở Trung Quốc. Chu Công: người đời nhà Chu ở Trung Quốc có công định chế độ lễ nhạc và nghi thức: quan, hôn, tang, tế thời xưa.

得 意 客 來 倩 不 厭
如 心 人 到 語 相 投

Đắc ý khách lai thiến bất yếm;
Như tâm nhân đáo ngữ tương đầu.

Khách thăm đắc ý vui không chán;
Người đến như lòng chuyện hợp nhau.

兄 友 弟 恭 乃 君 子 修 身 之 本
禮 門 義 路 爲 大 人 涉 世 之 方

Huynh hữu đệ cung nãi quân tử tu thân chi bản;
Lễ môn nghĩa lộ vi đại nhân thiệp thế chi phương.

Huynh hữu đệ cung[1] ấy là gốc tu thân trang quân tử;
Lễ môn nghĩa lộ[2] ấy là phương tiện thiệp thế bậc đại nhân.

雲 路 鵬 程 九 萬 里
雪 窗 熒 火 十 餘 年

Vân lộ bằng trình cửu vạn lý;
Tuyết song huỳnh hoả thập dư niên.

Chín vạn dặm chim bằng nơi vân lộ[3];
Hơn mười năm lửa đóm chốn tuyết sơn[4].

青 雲 路 遠 留 心 步
丹 桂 根 深 著 意 栽

Thanh vân lộ viễn lưu tâm bộ;
Đan quế căn thâm trước ý tài.

Đường thẳng thanh vân lưu tâm bước;
Gốc sâu đan quế chú mục trồng.

一 簾 花 影 雲 垂 地
半 夜 書 聲 月 在 天

Nhất liêm hoa ảnh vân thuỳ địa;
Bán dạ thư thanh nguyệt tại thiên.

Một bức bóng hoa mây rủ đất;
Nửa đêm tiếng đọc sách, trăng trên trời.

其 人 如 碧 梧 翠 竹
此 志 在 流 水 高 山

---

(1) *Huynh hữu đệ cung*: Anh thì giúp đỡ, em thì cung kính.
(2) *Lễ môn nghĩa lộ*: Lấy lễ làm cửa, láy nghĩa làm đường.
(3) *Vân lộ*: Đường mây, chỉ con đường học hành đỗ đạt.
(4) *Tuyết song*: Nơi song cửa có tuyết. ý nói học hành chăm chỉ.

Kỳ nhân như bích ngô thúy trúc;
Thử chí tại lưu thuỷ cao sơn.
Nhân cách như ngô xanh trúc thắm;
Chí hướng tại nước chẩy non cao.

一 庭 花 發 成 知 己
萬 卷 書 開 見 古 人
Nhất đình hoa phát thành tri kỷ;
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.
Một sân hoa nở thành tri kỷ;
Vạn quyển thư khai kiến cổ nhân.

一 樹 梅 花 一 樹 玉
半 床 明 月 半 床 書
Nhất thụ mai hoa nhất thụ ngọc;
Bán sàng minh nguyệt bán sàng thư.
Một khóm hoa mai một khóm ngọc;
Nửa giường trăng sáng nửa giường thư.

學 海 無 涯 勤 是 岸
登 雲 有 路 志 爲 高
Học hải vô nhai cần thị ngạn;
Đăng vân hữu lộ chí vi cao.
Học bể vô bờ cần là bến;
Lên mây có nẻo chí phải cao.

萬 丈 文 星 光 户 外
一 聲 鳥 語 鬧 花 前
Vạn trượng văn tinh quang hộ ngoại;
Nhất thanh điểu ngữ náo hoa tiền.
Muôn trượng ánh sao soi ngoài cổng;
Một thanh chim hót náo trước thềm.

文 筆 插 天 雲 作 篆
詞 瀾 浴 日 劍 成 龍
Văn bút tháp thiên vân tác triện;
Từ lan dục nhật kiếm thành long.
Văn bút viết thanh thiên, mây chữ triện;
Từ lan[1] tô hồng nhật, kiếm thành rồng.

---

[1] *Từ lan*: Văn từ như sóng nước.

滿室芝蘭滋雨露
一園桃李召風雲
Mãn thất chi lan tư vũ lộ;
Nhất viên đào lý triệu phong vân.
Đầy thất chi lan tươi mưa móc;
Một vườn đào mận gọi gió mây.

日月兩輪天地眼
詩書萬卷聖賢心
Nhật nguyệt lưỡng luân thiên địa nhãn;
Thi thư vạn quyển thánh hiền tâm.
Nhật nguyệt đôi vầng thiên địa nhãn;
Thi thư vạn quyển thánh hiền tâm.

滿院花香呈翰墨
三春鳥語話文章
Mãn viện hoa hương trình hàn mặc;
Tam xuân điểu ngữ thoại văn chương.
Đầy viện hoa thơm tình bút mực;
Ba xuân chim hót nói văn chương.

萬里風雲橫筆陣
九天奎壁入文章
Vạn lý phong vân hoành bút trận;
Cửu thiên khuê bích nhập văn chương.
Vạn dặm gió mây vung bút trận;
Chín tầng khuê bích nhập rừng văn.

一軒風月雖然靜
萬卷詩書莫放閒
Nhất hiên phong nguyệt tuy nhiên tĩnh;
Vạn quyển thi thư mạc phóng nhàn.
Một hiên trăng gió dầu yên tĩnh.
Vạn quyển thi thư chẳng lúc nhàn.

研沼風生排墨浪
筆毫花放染彤雲
Nghiên chiểu phong sinh bài mặc lãng;
Bút hào hoa phóng nhiễm đồng vân.

Ao nghiên sinh gió xô sóng mực;
Ngọn bút phát hoa nhuộm hồng mây.

窗 外 青山 舒 錦 繡
詹 前 好 鳥 話 文 章

Song ngoại thanh sơn thư cẩm tú;
Thiềm tiền hảo điểu thoại văn chương.

Ngoài cửa non xanh như gấm dệt;
Trước thềm chim hót vẻ văn chương.

曙 色 横 窗 春 日 麗
雞 聲 入 耳 夜 燈 青

Thử sắc hoành song xuân nhật lệ;
Kê thanh nhập nhĩ dạ đăng thanh.

Sắc nắng ngang song ngày xuân đẹp;
Tiếng gà lọt nhĩ ngọn đèn xanh.

十 載 雲 窗 稽 古 典
一 朝 虎 榜 奪 科 名

Thập tải vân song kê cổ điển;
Nhất triêu hổ bảng đoạt khoa danh.

Mười năm đèn sách khảo điển cố;
Một sáng bảng đề đoạt khoa danh.

士 子 攻 書 十 載 寒 窗 燈 火 苦
儒 生 及 弟 一 朝 魁 榜 姓 名 香

Sĩ tử công thư thập tải hàn song đăng hoả khổ;
Nho sinh cập đệ nhất triêu khôi bảng tính danh hương.

Sĩ tử chuyên cần, song lạnh mười năm công đèn lửa;
Nho sinh trúng tuyển, khôi khoa một sớm họ tên thơm.

有 志 竟 成 雲 程 那 怕 路 頭 遠
無 書 不 讀 理 窟 方 知 海 漾 深

Hữu chí cánh thành vân trình na phạ lộ đầu viễn;
Vô thư bất độc lý quật phương tri hải dạng thâm.

Có chí sẽ thành công, thang mây đâu sợ đường xa lắc;
Không sách gì không đọc, suy kĩ mới hay biển học sâu.

著 意 栽 培 燈 火 結 成 丹 桂
留 心 涵 養 研 池 飛 起 蒼 龍

Trước ý tài bồi đăng hoả kết thành đan quế;
Lưu tâm hàm dưỡng nghiên trì phi khởi thương long.
Chú ý đắp bồi, đèn lửa kết thành đan quế;
Lưu tâm nuôi dưỡng, ao nghiên khởi động rồng bay.

風生碧澗魚龍躍
月照青山松柏香
Phong sinh bích giản ngư long dược;
Nguyệt chiếu thanh sơn tùng bách hương.
Gió sinh khe biếc cá rồng nhảy;
Trăng chiếu non xanh tùng bách thơm.

山色滿窗書滿架
雲根爲壁竹爲門
Sơn sắc mãn song thư mãn giá;
Vân căn vi bích trúc vi môn.
Sắc núi đầy song sách đầy giá;
Chân mây làm sách trúc làm môn.

千載圖書山色裏
四時歌曲鳥聲中
Thiên tải đồ thư sơn sắc lý;
Tứ thời ca khúc điểu thanh trung.
Ngàn năm sách vở trong sắc núi;
Bốn mùa chim hót rộn tiếng ca.

惟靜不嫌茅屋小
心清自覺茶根香
Duy tĩnh bất hiềm mao ốc tiểu;
Tâm thanh tự giác trà căn hương.
Tính tĩnh chẳng hiềm nhà tranh nhỏ;
Tâm thanh tự biết gốc trà thơm.

半窗月落梅無影
三徑風來竹有聲
Bán song nguyệt lạc mai vô ảnh;
Tam kính phong lai trúc hữu thanh.
Nửa song trăng lặn mai không bóng;
Ba lối gió về trúc có thanh.

栽 花 準 擬 爲 詩 客
看 竹 何 須 問 古 人

Tài hoa chuẩn nghĩ vi thi khách;
Khán trúc hà tu vấn cổ nhân.
Tỉa hoa cẩn thận là thi khách;
Xem trúc đâu cần hỏi cổ nhân.

點 點 水 中 星 看 破 一 天 河 洛
層 層 架 上 史 擁 來 萬 古 經 綸

Điểm điểm thuỷ trung, tinh khán phá nhất thiên Hà, Lạc[1];
Tằng tằng giá thượng, sử ủng lai vạn cổ kinh luân.
Điểm điểm nước soi, tinh tú phá một trời Hà, Lạc;
Tầng tầng giá xếp, sử pho lưu vạn cổ kinh luân.

村 徑 遶 山 松 葉 暗
柴 門 臨 水 稻 花 香

Thôn kính nhiêu sơn tùng diệp ám;
Sài môn lâm thuỷ đạo hoa hương.
Đường thôn vòng núi thông che kín;
Cửa sài mép nước lúa ngát hương.

農 圃 有 書 教 子 且 經 喪 扼
榮 華 無 夢 潛 身 獨 守 筌 蒿

Nông phố hữu thư, giáo tử thả kinh tang ách;
Vinh hoa vô mộng, tiềm thân độc thủ thuyên khao.
Nghề nông có sách, dạy con cháu phòng khi thất bát;
Đừng mộng vinh hoa, ẩn thân mình riêng giữ cỏ thơm.

樓 高 遠 送 千 峰 翠
閣 峻 長 生 六 月 涼

Lâu cao viễn tống thiên phong thuý;
Các tuấn trường sinh lục nguyệt lương.
Lầu cao xa tiễn nghìn núi thẳm;
Gác lớn trường sinh tháng sáu lương[2].

好 月 當 樓 端 近 水
清 言 對 客 總 如 蘭

---

[1] *Hà, Lạc*: Hà đồ, Lạc thư là cơ sở của người xưa vạch ra bát quái trong sách Kinh dịch.
[2] *Lương*: Mát mẻ.

Hảo nguyệt đương lâu đoan cận thuỷ;
Thanh ngôn đối khách tổng như lan.
Tháng tốt ở lầu vui gần nước;
Lời hay tiếp khách thẩy như lan.

先 祖 芳 名 留 國 史
子 孫 績 學 繼 家 風
Tiên tổ phương danh lưu quốc sử;
Tử tôn tích học kế gia phong.
Tiên tổ danh thơm ghi sử nước;
Cháu con học giỏi nối gương nhà.

四 時 花 月 寒 喧 裡
一 片 湖 山 錦 繡 中
Tứ thời hoa nguyệt hàn huyên lý;
Nhất phiến hồ sơn cẩm tú trung.
Bốn mùa trò chuyện cùng hoa nguyệt;
Toàn cảnh gấm thêu giữa núi hồ.

虛 閣 清 幽 睹 春 夏 秋 冬 景 氣
小 亭 瀟 洒 樂 琴 棋 詩 畫 襟 懷
Hư các thanh u đổ xuân hạ thu đông cảnh khí;
Tiểu đình tiêu sái lạc cầm kỳ thi họa khâm hoài.
Các vắng thanh u nhìn xuân hạ thu đông cảnh tượng;
Tiểu đình tiêu sái, vui cầm kỳ thi họa đam mê.

翠 竹 蒼 梧 六 月 秋 聲 來 枕 簟
奇 花 異 卉 四 時 春 氣 藹 瓊 臺
Thúy trúc thương ngô lục nguyệt thu thanh lai chẩm đạn;
Kỳ hoa dị hủy tứ thời xuân khí ái quỳnh đài.
Ngô xanh trúc thắm, lục nguyệt tiếng thu về gối giỏ;
Thảo lạ hoa kỳ, tứ thời xuân khí nhã đài quỳnh.

半 窗 月 落 梅 花 影
三 徑 風 來 竹 管 聲
Bán song nguyệt lạc mai hoa ảnh;
Tam kính phong lai trúc quản thanh.
Nửa song trăng xế hoa mai bóng;
Ba luống[1] gió về sáo trúc thanh.

---

[1] *Ba luống*: Xưa nhà nho thường trồng ba luống cúc trước nhà làm cảnh.

修竹滿庭浮翠色
芳枝逸徑映春暉
Tu trúc mãn đìnhphù thúy sắc;
Phương chi nhiễu kính ánh xuân huy.
Trúc sửa, một sân tôn sắc thắm;
Cành thơm quanh lối ánh mầu xuân.

花園紅杏酣春色
樹逸蒼松送午陰
Hoa vi hồng hạnh cam xuân sắc;
Thu nhiễu thương tùng tống ngọ âm.
Hoa vây hạnh đỏ mê xuân sắc;
Cây quấn tùng xanh tiễn bóng trưa.

梅雪松風清几席
竹窗書幌共煙波
Mai tuyết tùng phong thanh kỷ tịch;
Trúc song thư hoảng cộng yên ba.
Gió tuyết tùng mai sạch kỷ chiếu;
Màn song thư trúc cộng khói mây.

春來深院梅花發
秋滿閑庭桂樹新
Xuân lai thâm viện mai hoa phát;
Thu mãn nhàn đình quế thụ tân.
Xuân về viện thẳm mai hoa nở;
Thu mãn sân nhàn sắc quế tân.

月色溶溶青山綠水堪圖畫
風聲習習翠竹蒼松奏管絃
Nguyệt sắc dung dung thanh sơn lục thủy kham đồ hoạ;
Phong thanh tập tập thúy trúc thương tùng tấu quản huyền.
Ánh nguyệt toả lan nước biếc non xanh như nét vẽ;
Tiếng phong vi vút tùng xanh trúc thắm tựa sáo đàn.

松影入溪流照見許多魚躍樹
雲光隨日動看來無數燕飛波
Tùng ảnh nhập khê lưu chiếu kiến hứa đa ngư dược thụ;
Vân quang tuỳ nhật động khán lai vô số yến phi ba.
Bóng tùng in suối chảy soi rõ bao nhiêu cây, cá nhảy;
Mây sáng đuổi mặt trời, ngắm nhìn vô số sóng, yến bay.

賞 山 水 聲 音 祇 許 漁 樵 問 話
尋 田 園 樂 趣 聊 爲 農 圃 生 涯

Thưởng sơn thuỷ thanh âm chi hứa ngư tiều vấn thoại;
Tầm điền viên lạc thú liêu vi nông phố sinh nhai.

Thưởng thức thanh âm sơn thủy, vui vẻ cho ngư tiều hỏi chuyện;
Tìm về lạc thú điền viên, hãy làm người nông phố sinh nhai.

萬 卷 藏 書 宜 子 弟
十 年 種 樹 長 風 雲

Vạn quyển tàng thư nghi tử đệ;
Thập niên chủng thụ trưởng phong vân.

Vạn quyển tàng thư là tử đệ;
Mười năm gây giống lớn gió mây.

卷 裡 有 詩 皆 錦 繡
人 間 無 價 是 文 章

Quyển lý hữu thi giai cẩm tú;
Nhân gian vô giá thị văn chương.

Trong quyển có thơ là gấm vóc
Nhân gian vô giá, ấy văn chương.

玉 堂 聲 價 推 先 哲
金 鑒 家 風 見 後 賢

Ngọc đường thanh giá suy tiên triết;
Kim giám gia phong kiến hậu hiền.

Nhà ngọc tiếng tăm suy hiền triết;
Gương vàng phong tục biết hậu hiền.

天 邊 鶴 和 聲 傳 野
家 際 龍 江 德 在 淵

Thiên biên hạc họa thanh truyền dã;
Gia tế long giang đức tại uyên.

Bên trời tiếng hạc thanh vang nội;
Nhà sát sông rồng đức ở sâu.

才 花 五 色 光 明 錦
襟 度 重 宵 舒 卷 雲

Tài hoa ngũ sắc quang minh cẩm;
Khâm độ trùng tiêu thư quyển vân.

Tài hoa năm sắc quang minh gấm;
Hoài bão cao vời mở quyển mây.

道 德 光 華 溫 潤 玉
文 章 和 氣 吉 祥 花

Đạo đức quang hoa ôn nhuận ngọc;
Văn chương hòa khí cát tường hoa.

Đạo đức sáng tươi ôn nhuận ngọc;
Văn chương hoà khí tốt lành hoa.

雲 衢 有 志 終 釀 首
翰 苑 金 臺 待 紀 功

Vân cù hữu chí chung nhượng thủ;
Hàn uyển kim đài đãi kỷ công.

Đường mây có chí tròn danh vọng;
Đài ngọc rừng nho đợi chép công.

水 影 澄 清 觀 萬 相
月 華 圓 滿 見 諸 天

Thủy ảnh trừng thanh quan vạn tướng;
Nguyệt hoa viên mãn kiến chư thiên.

Bóng nước trong xanh xem muôn trạng;
Trăng tròn vành vạnh thấy khắp trời.

晴 窗 滴 露 花 搖 席
午 夜 揮 毫 月 滿 帷

Tình song đích lộ hoa giao chiếu;
Ngọ dạ huy hào nguyệt mãn duy.

Song sớm đọng sương hoa lay chiếu;
Nửa đêm huơ bút nguyệt đầy màn.

四 壁 圖 書 常 對 酒
一 簾 花 雨 欲 催 詩

Tứ bích đồ thư thường đối tửu;
Nhất liêm hoa vũ giục thôi thi.

Bốn vách đồ thư thường đối ẩm;
Một rèm hoa vũ muốn đề thơ.

玉 振 金 聲 臺 閣 度
和 風 光 雨 聖 賢 心

Ngọc chấn kim thanh đài các độ;
Hoà phong quang vũ thánh hiền tâm.
Lay ngọc tiếng vàng đài các độ[1];
Gió hoà mưa tạnh thánh hiền tâm.

家 傳 好 有 情 多 適
座 擁 琴 書 樂 有 餘
Gia truyền hảo tình đa thích;
Tọa ủng cầm thư lạc hữu dư.
Gia truyền hiếu thảo tình thân thiết;
Nhà trọng cầm thư vui có thừa.

不 事 詩 書 難 脫 俗
能 全 孝 友 亦 流 芳
Bất sự thi thư nan thoát tục;
Năng toàn hiếu hữu diệc lưu phương.
Không trọng thi thư sao thoát tục;
Biết toàn hiếu hữu cùng lưu phương[2]

半 生 事 業 青 燈 共
十 載 憂 勞 白 髮 知
Bán sinh sự nghiệp thanh đăng cộng;
Thập tải ưu lao bạch phát tri.
Nửa đời sự nghiệp đèn xanh thắp;
Thập tải chăm lo tóc trắng thay.

學 兼 人 己 須 防 假
德 判 盈 虛 只 戒 貪
Học kiêm nhân kỷ tu phòng giả;
Đức phán doanh hư chỉ giới tham.
Học gồm mình, bạn nên phòng giả;
Đức sẻ đầy vơi phải tránh tham.

眼 前 色 相 皆 成 幻
靜 裏 乾 坤 不 計 年
Nhãn tiền sắc tướng giai thành ảo;
Tĩnh lý càn khôn bất kế niên.

---

[1] ***Đài các độ***: Phong độ nơi đài các.
[2] ***Lưu phương***: Truyền lại tiếng thơm cho đời sau.

Nhãn tiền sắc tướng đều thành ảo;
Trong khoảng đất trời chẳng tính năm.

海日磻桃開法界
曇雲駕鶴擁諸天
Hải nhật bàn đào khai pháp giới;
Đàm vân giá hạc ủng chư thiên.
Hải nhật đầu tiên khai pháp giới;
Mây dầy cưỡi hạc ủng chư thiên.

禪門自有長生訣
佛教猶傳不老經
Thiền môn tự hữu trường sinh quyết;
Phật giáo do truyền bất lão kinh.
Cửa thiền tự có trường sinh phép;
Đạo phật còn truyền bất lão kinh.

百道泉光飛實地
一輪明月入霞觴
Bách đạo tuyền quang phi thực địa;
Nhất luân minh nguyệt nhập hà thương.
Trăm đạo suối trong bay cõi thực;
Một vầng trăng sáng nhập chén hà[1].

法界新登花甲子
禪堂長作老神仙
Pháp giới tân đăng hoa giáp tý;
Thiền đường trường tác lão thần tiên.
Pháp giới lại đăng hoa tuổi tác;
Nhà thiền còn tác lão thần tiên[2].

神聖啓炎邦至今地不改藉民不改聚
焄蒿奉清廟是謂木之有本水之有源
Thần thánh khải Viêm Bang, chí kim địa bất cải tịch, dân bất cải tụ;
Huân cao phụng thanh miếu, thị vị mộc chi hữu bản, thuỷ chi hữu nguyên.
Thần thánh mở Viêm Bang, đến nay đất không đổi tịch, dân không đổi tụ;
Hương khói thờ thanh miếu, như thế gọi cây có gốc, gọi nước có nguồn.
(Đền Hùng, Phú Thọ)

---

[1] *Hà:* Ráng mây. Ý nói nơi huyền ảo.
[2] *Lão thần tiên*: Ý nói tuổi thọ.

過故國盼瀘洮依然碧浪紅濤襟帶雙流迴白鶴
登新亭拜陵寢猶是神州赤縣山河四面控朱鳶
-河東總督黃仲敎拜題-

Quá cố quốc, phán Lô, Thao, y nhiên bích lãng hồng đào,
khâm đới song lưu hồi Bạch Hạc;
Đăng tân đình, bái lăng tẩm, do thị thần châu xích huyện,
sơn hà tứ diện khống Chu Diên.
- Hà Đông Tổng đốc Hoàng Trọng Phu bái đề-

Qua cố quốc, ngắm Lô, Thao, sóng biếc cuộn hồng,
hai dòng ôm ấp chầu về Bạch Hạc;
Lên đình này, vái lăng tẩm, thần châu xích huyện,
bốn mặt sơn hà khống chế Chu Diên.
- Hà Đông Tổng đốc Hoàng Trọng Phu bái đề-

此地此山南國紀
吾王吾土北辰尊

Thử địa thử sơn Nam quốc kỷ;
Ngô vương ngô thổ Bắc thần tôn.

Đất đó, núi này, nước Nam cương kỷ;
Vua ta, bản thổ, cung Bắc suy tôn.

貧居中市無人問
富在山林有客尋

Bần cư trung thị vô nhân vấn;
Phú tại sơn lâm hữu khách tầm.

Bần cư giữa chợ không người hỏi;
Phú tại rừng non có khách tìm.

錢財如糞土
義重似天金

Tiền tài như phấn thổ;
Nghĩa trọng tự thiên kim.

Tiền tài như bùn đất;
Nghĩa nặng tựa nghìn vàng.

功在前朝名在史
生爲良將死爲神

Công tại tiền triều danh tại sử;
Sinh vi lương tướng tử vi thần.

Công tại triều xưa danh tại sử;
Sinh làm lương tướng tử làm thần.

過如秋草芟難盡
學似春冰積不高

Quá như thu thảo sam nan tận.
Học tự xuân băng tích bất cao.

Nhiều như cỏ thu cắt không hết.
Học tựa băng xuân chất khó cao.

煉成鋒鍔眞關學
歷盡艱難始算才

Luyện thành phong ngạc chân quan học.
Lịch tận gian nan thủy toán tài.

Luyện thành sắt nhọn nhờ chân học.
Trải khắp gian nan mới thực tài.

斗酒縱觀廿一史
爐香靜對十三經

Đẩu tửu túng quan chấp nhất sử.
Lô hương tĩnh đối thập tam kinh.

Rượu đấu, đọc chơi hai mốt sử
Lò hương, đêm ngẫm mười ba kinh

板凳要坐十年冷
文章不寫一句空

Bản đẳng yêu tọa thập niên lãnh.
Văn chương bất tả nhất cú không.

Chiếc ghế vắng người, mười năm lạnh.
Văn chương lười viết, một câu không.

成家勿謂當家易
養子應知教子嚴

Thành gia vật vị đương gia dị;
Dưỡng tử ưng tri giáo tử nghiêm.

Nên nhà chớ nghĩ trông nhà dễ.
Dạy con cần biết dạy cho nghiêm.

删繁就簡三秋樹
領導梢新二月花

Sán phồn tựu giản tam thu thụ.
Lãnh đạo sao tân nhị nguyệt hoa.
Cắt thừa xén gọn cây ba năm;
Dẫn đường tạo mới hoa hai tháng.

藜 火 光 聯 書 案 月
筆 花 香 泛 墨 池 雲
Lê hỏa quang liên thư án nguyệt.
Bút hoa hương phiếm mặc trì vân.
Án nguyệt nhờ đuốc lê thắp sáng.
Nghiên mực với bút hoa hương bay.

文 章 眞 處 性 情 見
談 笑 深 時 風 雨 來
Văn chương chân xứ tính tình kiến.
Đàm tiếu thâm thời phong vũ lai.
Tính tình thể hiện ở văn chương.
Xô xát hay do lâu đàm tiếu.

家 少 樓 臺 無 地 起
案 余 燈 火 有 天 知
Gia thiểu lâu đài vô địa khởi.
Án dư đăng hỏa hữu thiên tri.
Nhà ít lầu cao không đất dựng.
Án thừa đèn thắp có trời hay.

是 何 意 態 雄 且 杰
不 露 文 章 世 已 惊
Thị hà ý thái hùng thả kiệt.
Bất lộ văn chương thế dĩ kinh.
Tình ý chi đây hùng lại kiệt.
Văn chương chưa tỏ đủ đời kinh.

花 香 滿 坐 客 對 酒
燈 影 隔 帘 人 讀 書
Hoa hương mãn tọa khách đối tửu.
Đăng ảnh cách liêm nhân độc thư.
Hương hoa khắp chốn, khách mời rượu.
Đèn sáng rèm bên, người đọc thư.

開 卷 神 游 千 載 上
垂 帘 心 在 萬 山 中

Khai quyển thần du thiên tải thượng.
Thùy liêm tâm tại vạn sơn trung.
Mở sách gặp người ngàn năm trước.
Buông rèm lòng ở vạn trùng non.

噓 吸 入 窗 通 香 藹
回 環 萬 象 出 文 章

Hư hấp nhập song thông hương ái.
Hồi hoàn vạn tượng xuất văn chương.
Hít thở vào song thoáng hương ngát.
Quanh co muôn vẻ lối văn chương.

文 如 秋 水 塵 埃 淨
詩 似 春 雲 態 度 妍

Văn như thu thuỷ trần ai tĩnh.
Thi tự xuân vân thái độ nghiên.
Văn nước mùa thu không vẩn bụi.
Thơ tựa mây xuân có vẻ xinh.

胸 中 錦 繡 三 都 賦
筆 底 煙 霞 五 岳 雲

Hung trung cẩm tú tam đô[1] *phú.*
Bút để yên hà ngũ nhạc[2] *vân.*
Rực rỡ phú tam đô trong bụng.
Khói mây núi ngũ nhạc bút đề.

春 似 秋 嘗 遵 萬 古 聖 賢 禮 樂
左 昭 右 穆 序 一 家 世 代 源 流

Xuân tự thu thường tuân vạn cổ thánh hiền lễ nhạc;
Tả chiêu hữu mục tự nhất gia thế đại nguyên lưu.
Cúng tế xuân thu, tuân theo muôn thuở thánh hiền lễ nhạc;
Phụng thờ tả hữu, thứ tự một nhà thế đại nguyên lưu.

念 先 人 立 身 教 家 不 外 綱 裳 大 節
囑 後 裔 繼 志 述 事 無 忘 忠 孝 初 心

---

[1] *Tam đô:* Ba kinh đô thời cổ đại Trung Quốc.
[2] *Ngũ nhạc:* Năm ngọn núi lớn ở Trung Quốc.

Niệm tiên nhân lập thân, giáo gia bất ngoại cương thường đại tiết;
Chúc hậu duệ kế chí, thuật sự vô vong trung hiếu sơ tâm.
Nhớ tiên tổ lập thân, dạy bảo chẳng ngoài cương thường đại tiết[1];
Cậy cháu con kế nghiệp, truyền nhau đừng quên trung hiếu sơ tâm.

鸚 鵡 前 頭 休 多 語
小 人 身 邊 須 慎 行
Anh vũ tiền đầu hưu đa ngữ;
Tiểu nhân thân biên tu thận hành.
Ở với vẹt chớ nên nói bậy;
Gần tiểu nhân chú ý việc làm.

欲 除 煩 惱 須 無 我
各 有 來 由 莫 妒 人
Dục trừ phiền não tu vô ngã;
Các hữu lai do mạc đố nhân.
Tự xem mình giúp trừ phiền não;
Đừng trách người khi khó đến ta.

事 不 躬 行 終 是 幻
書 能 活 用 可 通 神
Sự bất cung hành chung thị ảo;
Thư năng hoạt dụng khả thông thần.
Việc chẳng quyết làm thành ảo cả;
Sách đem áp dụng thảy đều hay

祖 有 德 宗 有 功 惟 烈 惟 光 永 保 衣 冠 聯 後 裔
左 爲 昭 右 爲 穆 以 享 以 祀 長 承 俎 豆 振 前 徽
Tổ hữu đức tông hữu công, duy liệt duy quang vĩnh bảo y quan liên hậu duệ;
Tả vi chiêu hữu vi mục, dĩ hưởng dĩ tự trường thừa trở đậu chấn tiền huy.
Tổ có đức, tông có công, quang liệt vĩnh hằng y quan truyền hậu duệ;
Trái thì chiêu, phải thì mục, phụng tự trường kế lễ vật chấn tiền huy.

穆 穆 皇 皇 大 聖 人 宗 廟 之 美 百 官 之 富
鏘 鏘 濟 濟 惟 君 子 能 由 是 路 出 入 是 門

---

[1] *Đại tiết*: Khí tiết lớn.

Mục mục hoàng hoàng đại thánh nhân tông miếu chi mỹ,
bách quan chi phú;
Thương thương tế tế duy quân tử năng do thị lộ
xuất nhập thị môn.
Cung kính đẹp tươi thay, bậc thánh nhân làm cho trăm quan giầu tông miếu đẹp;
Đàng hoàng thuận lợi vậy, trang quân tử biết chọn con đường thẳng lối vào ngay.

千 秋 翰 墨 文 光 燦
萬 古 旌 旗 武 烈 昭

Thiên thu hàn mặc văn quang xán;
Vạn cổ tinh kỳ vũ liệt chiêu.
Ngàn năm hàn mặc văn tỏa sáng;
Muôn thuở tinh kỳ võ bừng soi.

義 氣 秉 綱 常 千 秋 武 烈 昭 雲 漢
德 星 輝 翰 墨 萬 古 文 章 燦 斗 牛

Nghĩa khí bỉnh cương thường, thiên thu vũ liệt chiêu Vân Hán;
Đức tinh huy hàn mặc vạn cổ văn chương xán Đẩu Ngưu.
Nghĩa khí giữ cương thường, ngàn năm võ liệt soi Vân Hán;
Đức tinh[1] ngời hàn mặc, muôn thuở văn chương sáng Đẩu Ngưu.

學 知 不 足
業 精 于 勤

Học tri bất túc.
Nghiệp tinh vu cần.
Học biết chưa đủ.
Nghề giỏi ở chăm.

杯 浮 梅 蕊
詩 凝 雪 花

Bôi phù mai nhụy.
Thi ngưng tuyết hoa.
Chén nổi nhụy mai.
Thơ đọng hoa tuyết.

惟 道 習 虛
好 學 爲 福

---

[1] *Đức tinh*: Tên sao Cơ, sao Thiên Đức, cũng chỉ người có đạo đức.

Duy đạo tập hư.
Hiếu học vi phúc.
Theo đạo lòng rỗng.
Chăm học là phúc.

尋 窮 天 下
看 盡 人 間
Tầm cùng thiên hạ
Khán tận nhân gian.
Tìm khắp thiên hạ.
Xem hết nhân gian.

勤 能 補 拙
學 可 醫 愚
Cần năng bổ chuyết.
Học khả y ngu.
Chăm hay bù vụng
Học chữa được ngu.

學 知 不 足
事 留 有 余
Học tri bất túc.
Sự lưu hữu dư.
Học biết chưa đủ.
Việc còn có thừa.

文 心 花 引 動
詩 思 鳥 啼 來
Văn tâm hoa dẫn động.
Thi tứ điểu đề lai.
Văn tâm hoa khêu gợi.
Thi tứ chim đề ra.

燃 燈 苦 讀
洗 耳 恭 聽
Nhiên đăng khổ độc.
Tẩy nhĩ cung thính.
Thắp đèn gắng đọc.
Rửa tai lắng nghe.

四 体 不 勤 五 穀 不 分 孰 爲 夫 子
小 疑 必 問 大 事 必 聞 才 算 學 生

Tứ thể bất cần ngũ cốc bất phân thục vi phu tử.
Tiểu nghi tất vấn đại sự tất văn tài toán học sinh.

Chân tay không động, năm giống không phân, ai là thầy dạy.
Ngờ nhỏ lắng hỏi, việc lớn lắng nghe, đúng đấy học trò.

光 照 日 月
氣 壯 山 河

Quang chiếu nhật nguyệt.
Khí tráng sơn hà.

Sáng chiếu nhật nguyệt.
Khí mạnh sơn hà.

知 足 常 樂
無 欺 自 安

Tri túc thường lạc.
Vô khi tự an.

Biết đủ thường vui.
Không nhờn tự yên.

君 子 無 逸
民 生 在 勤

Quân tử vô dật.
Dân sinh tại cần.

Quân tử không rỗi.
Dân sinh phải chăm.

一 襟 和 氣
萬 斗 寬 胸

Nhất khâm hoà khí.
Vạn đẩu khoan hung.

Một vạt hoà khí.
Muôn đấu lòng khoan.

抱 素 懷 朴
安 性 約 身

Bão tố hoài phác.
An tính ước thân.

Giữ lòng chất phác.
Yên tĩnh giữ mình.

寧 爲 玉 碎
不 作 瓦 全
Ninh vi ngọc toái
Bất tác ngoã toàn.
Thà là ngọc nát.
Không làm ngói lành

聞 過 則 喜
疾 惡 如 仇
Văn quá tắc hỷ.
Tật ác như cừu.
Nghe lỗi thời mừng.
Ghét xấu như thù.

業 無 貴 賤
品 有 尊 卑
Tịnh vô quý tiện.
Phẩm hữu tôn ty.
Nghề không sang hèn.
Phẩm chất có bậc.

不 攻 人 短
莫 恃 己 長
Bất công nhân đoản.
Mạc thị kỷ trường.
Sở đoản người chớ chê.
Sở trường mình đừng cậy.

失 意 休 餒
得 勢 莫 狂
Thất ý hưu nỗi.
Đắc thế mạc cuồng.
Trái ý đừng nản.
Đắc thế chớ cuồng.

當 仁 不 讓
見 義 勇 爲
Đương nhân bất nhượng.
Kiến nghĩa dũng vi.
Gánh nhân không nhượng.
Thấy nghĩa mạnh làm.

雲 山 風 度
松 百 精 神
Vân sơn phong độ.
Tùng bách tinh thần.
Phong độ mây núi.
Tinh thần tùng bách.

勤 能 補 拙
儉 以 養 廉
Cần năng bổ chuyết.
Kiệm dĩ dưỡng liêm.
Chăm hay sửa vụng.
Kiệm để giúp liêm.

貧 賤 難 移
威 武 不 屈
Bần tiện nan di.
Uy vũ bất khuất.
Nghèo hèn khó rời.
Uy lực không khuất.

境 由 心 造
事 在 人 爲
Cảnh do tâm tao.
Sự tại nhân vi.
Cảnh do tâm tạo.
Việc bởi người làm.

寬 宏 大 量
遠 囑 高 瞻
Khoan hoằng đại lượng.
Viễn chúc cao chiêm.
Khoan dung đại lượng.
Trông rộng nhìn xa.

事 理 通 達
心 氣 和 平
Sự lý thông đạt.
Tâm khí hoà bình.
Lẽ việc thông suốt.
Tâm khí hoà bình.

甜 以 思 苦
樂 不 忘 憂
Điềm dĩ tư khổ.
Lạc bất vong ưu.
Ngọt hãy nhớ đắng.
Vui không quên lo.

胸 懷 大 志
檢 點 自 身
Hung hoài đại chí.
Kiểm điểm tự thân.
Bụng có chí lớn.
Kiểm điểm bản thân.

酒 當 少 飲
事 要 多 知
Tửu đương thiểu ẩm.
Sự yếu đa tri.
Rượu nên uống ít.
Việc cần biết nhiều.

求 通 民 情
愿 聞 己 過
Cầu thông dân tình.
Nguyện văn kỷ quá.
Mong biết tình dân.
Muốn nghe lỗi mình.

臨 事 勿 躁
待 人 宜 誠
Lâm sự vật táo.
Đãi nhân nghi thành.
Gặp việc chớ nóng.
Đãi người nên thành.

君 子 結 心 交
智 人 山 水 樂
Quân tử kết tâm giao.
Trí nhân sơn thuỷ lạc.

Người quân tử kết thân bằng cái tâm
Bậc trí nhân vui với non nước.

福 地 心 田 宜 美 果
賢 孫 孝 子 即 名 花

Phúc địa tâm điền nghi mỹ quả.
Hiền tôn hiếu tử tức danh hoa.

Cây phúc rộng tâm nên quả đẹp.
Cháu hiền con thảo tức hoa thơm.

口 呼 天 地 動
足 舉 鬼 神 驚

Khẩu hô thiên địa động.
Túc cử quỷ thần kinh.

Miệng hô trời đất chuyển.
Cất bước quỷ thần kinh.

楊 柳 枝 頭 甘 露 洒
蓮 花 座 上 慧 風 生

Dương liễu chi đầu cam lộ sái.
Liên hoa toà thượng tuệ phong sinh.

Cam lộ vẩy đầu cành dương liễu.
Gió tuệ sinh trên bệ đài sen.

一 人 作 福 千 人 賴
獨 木 開 花 萬 木 青

Nhất nhân tác phúc thiên nhân lại.
Độc mộc khai hoa vạn mộc thanh.

Một người làm phúc nghìn người hưởng.
Cây độc ra hoa vạn cây xanh.

養 成 大 拙 方 爲 巧
學 到 如 愚 總 是 賢

Dưỡng thành đại chuyết phương vi xảo.
Học đáo như ngu tổng thị hiền.

Giữ cho cực vụng mới là khéo.
Học đến như ngu thực đúng hiền.

眞 讀 書 人 天 下 少
不 如 意 事 古 來 多

Chân độc thư nhân thiên hạ thiểu.
Bất như ý sự cổ lai đa.
Người ham đọc sách thế gian ít.
Việc không như ý tự xưa nhiều.

喬 木 好 音 多 住 聽 鶯 遷 金 谷 曉
上 林 春 色 早 還 看 花 報 玉 堂 開

Kiều mộc hảo âm đa, trú thính oanh thiên kim cốc hiểu;
Thượng lâm xuân sắc tảo, hoàn khan hoa báo ngọc đường khai.
Cây lớn nhiều âm hay, đứng lặng oanh dời kim cốc sáng;
Trên rừng sớm xuân sắc,về nhìn hoa báo ngọc đường khai.

新 火 煙 分 新 瑞 氣
舊 年 春 早 舊 家 風

Tân hỏa yên phân tân thụy khí;
Cực niên xuân tảo cựu gia phong.
Tân hỏa khói chia tan khí tốt;
Cựu niên xuân sớm cựu gia phong.

尼 山 木 鐸 群 蒙 啓
夫 子 宮 墻 數 仞 臨

Ni sơn mộc đạc quần mông khải
Phu tư cung tường sổ nhận lâm
Bậc danh sư Ni Sơn biết bao công khai mở,
Nơi bái vọng phu tử đến mấy nhận tôn cao.

泗 水 聞 章 昭 萬 古
尼 山 道 範 耀 千 秋

Tứ thuỷ văn chương chiêu vạn cổ;
Ni Sơn đạo phạm diệu thiên thu.
Văn chương sông Tứ ngời vạn cổ;
Khuôn mẫu Ni Sơn sáng nghìn thu.

積 受 金 花 天 積 德
閑 饑 義 指 地 鍾 靈

Tích thụ kim hoa thiên tích đức;
Nhàn cơ nghĩa chỉ địa chung linh.
Góp nhặt kim hoa trời tích đức.
Đói nghèo nghĩa cử đất linh thiêng.

祖 宗 從 德 千 年 盛
子 孝 孫 賢 萬 代 昌

Tổ tông tòng đức thiên niên thịnh;
Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.

Công đức tổ tông nghìn năm thịnh;
Cháu thảo con hiền muôn đời vinh.

山 之 秀 水 之 清 地 勢 巍 峨 源 自 古
田 可 耕 書 可 讀 族 堂 懍 烈 到 于 今

Sơn chi tú, thuỷ chi thanh, địa thế nguy nga nguyên tự cổ;
Điền khả canh, thư khả độc, tộc đường lẫm liệt đáo vu kim.

Non xanh nước biếc, địa thế nguy nga nguyên có từ trước;
Ruộng chăm canh, sách chăm đọc, tộc đường lẫm liệt đến nay.

祠 堂 振 則 綱 常 柱
地 脈 留 傳 福 善 門

Từ đường chấn tắc cương thường trụ;
Địa mạch lưu truyền phúc thiện môn.

Từ đường thâm nghiêm thì đạo cương thường bền vững;
Mạch đất tốt điều phúc thiện lưu truyền trong nhà.

香 火 不 忘 先 祖 德
墓 墳 能 對 水 山 長

Hương hỏa bất vong tiên tổ đức;
Mộ phần năng đối thuỷ sơn trường.

Khói hương không quên đức tổ tiên;
Mồ mả trường tồn với núi sông.

壁 間 有 耳 言 當 謹
心 上 無 頭 念 要 中

Bích gian hữu nhĩ ngôn đương cẩn;
Tâm thượng vô đầu niệm yếu trung.

Bức vách có tai lời cẩn trọng;
Trong lòng đang rối tránh sự sai nghiêng.

忠 孝 兩 全 能 訓 禮
香 煙 三 燭 自 從 心

Trung hiếu lưỡng toàn năng huấn lễ;
Hương yên tam chúc tự tòng tâm.

Trung hiếu vẹn toàn năng răn mình;
Khói hương ba nén tự lòng ta.

幼 不 求 於 學
老 則 悔 終 年
Ấu bất cầu ư học
Lão tắc hối chung niên.
Lúc trẻ không để tâm học tập
Về già sẽ hối hận suốt đời.

莫 疑 進 路 無 知 己
須 就 桃 源 問 主 人
Mạc nghi tiến lộ vô tri kỷ;
Tu tựu đào nguyên vấn chủ nhân.
Chớ nghĩ đường đời không tri kỷ;
Muốn đến Đào nguyên hỏi chủ nhân.

桃 李 春 觀 粧 點 長 春 景 色
芝 蘭 善 室 藏 培 今 古 青 書
Đào lý xuân quan trang điểm trường xuân cảnh sắc;
Chi lan thiện thất tàng bồi kim cổ thanh thư.
Xuân sang đào lý tô vẽ thêm cảnh sắc mới;
Nhà mới chi lan giữ thêm vào sử sách xưa.

馬 按 朝 前 水 秀 山 青 先 勝 跡
金 星 衰 後 龍 盤 虎 踞 滿 餘 聲
Mã án triêu tiền, thuỷ tú sơn thanh, tiên thắng tích;
Kim tinh suy hậu, long bàn hổ triết, mãn dư thanh.
Trước có nước biếc non xanh Mã án chầu cảnh thắng tích;
Sau là rồng cuộn hổ phục Kim tinh chiếu mãi còn vang.

入 室 挽 香 蘭 桂 味
盈 堂 樂 會 晉 神 人
Nhập thất vãn hương lan quế vị;
Doanh đường lạc hội tấn thần nhân.
Vào nhà phảng phất hương lan quế;
Vui hội đầy nhà đón thần nhân.

日 月 爭 光 花 香 色
山 河 對 面 景 自 然
Nhật nguyệt tranh quang hoa xuân sắc
Sơn hà đối diện cảnh tự nhiên.

Nhật nguyệt sáng soi hoa thêm sắc
Núi sông đối diện cảnh tự nhiên

接客往來日夜門中不閉
迎人出入暮朝年月常開

Tiếp khách vãng lai, nhật dạ môn trung bất bế
Nghinh nhân xuất nhập, mộ triêu niên nguyệt thường khai

Tiếp khách qua lại ngày đêm, trong nhà không ngớt
Đón người ra vào sớm chiều, năm tháng thường vui.

高獨貴尊萬代長存名繼盛
祖堂靈拜千年憑在德留光

Cao độc quý tôn, vạn đại trường tồn danh kế thịnh
Tổ đường linh bái, thiên niên bằng tại đức lưu quang.

Đấng quý tôn muôn đời tiếng thơm lưu truyền mãi mãi
Nhà tổ chăm hương khói nghìn năm đức độ luôn toả sáng.

祖堂百世香花在
裔族千秋福祿長

Tổ đường bách thế hương hoa tại
Duệ tộc thiên thu phúc lộc trường

Nhà tổ trăm đời hương khói không ngớt
Con cháu nghìn năm phúc lộc dài

閑世平期禮户義門當進化
神仙有露祥風瑞氣有登臨

Nhàn thế bình kỳ, lễ hộ nghĩa môn đương tiến hoá
Thần tiên hữu lộ, tường phong thụy khí hữu đăng lâm

Thời thế yên bình, cửa lễ nghĩa đương nhiên tiến hoá
Thần tiên xuất hiện, phong khí tốt lành hướng lên trông.

妙相懍如生第一天仙多顯應
眞身魂不死無雙神女最英靈

Diệu tướng lẫm như sinh, đệ nhất thiên tiên đa hiển ứng
Chân thân hồn bất tử, vô song thần nữ tối anh linh

Diệu tướng tựa như sống thứ nhất tiên trời luôn hiển ứng
Chân thân hồn bất tử không hai nữ thần rất linh thiêng.

鸞駕顯微莫測所求必應
雲車升降無停有感必通

Loan giá hiển vi mạc trắc, sở cầu tất ứng
Vân xa thăng giáng vô đình, hữu cảm tất thông
Xe loan xuất hiện chẳng lường điều cầu sẽ được
Đài mây lơ lửng không dừng có cảm tất thông.

廟宇增修千秋如在
馨祠起造萬代常新
Miếu vũ tăng tu, thiên thu như tại
Hinh từ khởi tạo, vạn đại thường tân
Hiên miếu chăm tu sửa, nghìn năm vẫn còn nguyên vẹn
Đền thiêng khởi tạo, mới mãi muôn đời.

窈窕容儀天下母
英靈變化女忠仙
Yểu điệu dung nghi thiên hạ mẫu
Anh linh biến hoá nữ trung tiên
Dáng điệu dịu dàng xứng mẹ của thiên hạ
Biến hoá linh thiêng đáng bậc nữ tiên.

爲英爲靈千秋正氣
此民此地萬古福神
Vi anh vi linh, thiên thu chính khí
Thử dân thử địa, vạn cổ phúc thần
Anh linh tinh diệu nghìn năm chính khí
Dân này đất này muôn thuở phúc thần.

禮樂百年修廟典
青平一曲訟神功
Lễ nhạc bách niên tu miếu điển
Thanh bình nhất khúc tụng thần công.
Lễ nhạc trăm năm tôn điển miếu
Thanh bình một thuở tụng công thần.

十全群眾閑閑望
五福當歸日日新
Thập toàn quần chúng nhàn nhàn vọng
Ngũ phúc đương quy nhật nhật tân
Thập toàn quần chúng thong thả ngóng
Ngũ phúc đương quy ngày ngày đổi mới.

萬 古 英 靈 揚 聖 德
一 方 蔭 住 仰 神 功

Vạn cổ anh linh dương thánh đức
Nhất phương ấm trú ngưỡng thần công.

Muôn thuở anh linh dương đức thánh
Một phương ân trạch ngưỡng công thần.

孝 慈 門 户 留 輿 地
文 武 衣 冠 祖 肇 基

Hiếu từ môn hộ lưu dư địa
Văn vũ y quan tổ triệu cơ

Nếp nhà từ hiếu lưu muôn thuở
Khăn áo vũ văn tiếp nền xưa.

芳 名 常 在 留 青 史
功 德 長 存 記 石 碑

Phương danh thường tại lưu thanh sử
Công đức trường tồn kí thạch bi

Tiếng thơm còn mãi lưu thanh sử
Công đức dài lâu khắc tại bia.

市 發 見 有 威 可 畏
及 時 來 禮 物 不 遺

Thị phát kiến hữu uy khả uý
Cấp thời lai lễ vật bất di

Thị phát thấy có uy đáng sợ
Tức thời nay vật thể không dời.

廟 貌 莊 嚴 千 古 在
同 民 奉 祀 百 年 香

Miếu mạo trang nghiêm thiên cổ tại
Đồng dân phụng tự bách niên hương

Miếu mạo trang nghiêm nghìn năm vẫn còn đó
Muôn người thời phụng mãi còn thơm.

民 到 于 今 載 德
聖 自 遠 古 之 靈

Dân đáo vu kim tải đức
Thánh tự viễn cổ chi linh.

Người dân đến nay vẫn trọng đức
Đức thánh từ xưa muôn thuở linh thiêng.

繼 龍 君 而 丁 李 陳 黎 杖 笠 靈 聲 已 古
通 家 君 之 東 西 南 北 宮 庭 香 火 如 初

Kế Long quân nhi Đinh, Lý, Trần, Lê, trượng lạp linh thanh dĩ cổ
Thông gia quân chi đông, tây, nam, bắc, cung đình hương hoả như sơ

Kế Long quân, họ Đinh, Lý, Trần, Lê, nối dòng linh thanh thuở trước
Đến vua nay, bốn phương đông, tây, nam, bắc, cung đình hương khói như xưa

配 合 遇 奇 緣 東 土 降 生 三 顯 聖
聲 斯 成 大 道 南 邦 不 死 四 靈 神

Phối hàm ngộ kỳ duyên, Đông Thổ giáng sinh tam hiển thánh
Thanh tư thành đại đạo, Nam Bang bất tử tứ linh thần

Đông Thổ duyên kỳ ngộ, cùng giáng sinh ba bậc hiển thánh
Nam Bang đạo đại thành, nổi tiếng bốn vị linh thần bất tử

南 天 四 位 名 高 巍 巍 照 日 月
越 地 百 靈 威 勝 懍 懍 滿 高 山

Nam thiên tứ vị, danh cao nguy nguy chiếu nhật nguyệt
Việt địa bách linh, uy thắng lẫm lẫm mãn cao sơn.

Bốn vị trời Nam, danh cao vời vợi sáng cùng nhật nguyệt
Bách linh đất Việt, uy danh lẫm liệt khắp non cao.

一 夜 風 雷 三 同 化
億 年 香 火 四 靈 通

Nhất dạ phong lôi, tam đồng hoá
Ức niên hương hoả, tứ linh thông.

Một đêm sấm chớp, ba Thánh cùng hoá
Nghìn năm hương khói, bốn cõi linh thiêng.

樓 前 嫵 媚 龍 翔 化
檻 外 康 莊 鳳 奏 歌

Lâu tiền vũ mị long tường hóa
Hạm ngoại khang trang phượng tấu ca.

Trước lầu tươi đẹp rồng bay lượn
Ngoài hiên khang trang phượng tấu ca.

巍 峨 殿 宇 千 千 士
赫 奕 威 靈 萬 萬 兵

Nguy nga điện vũ thiên thiên sĩ
Hách dịch uy linh vạn vạn binh.

Nguy nga điện vũ ngàn ngàn sĩ
Chói lọi uy linh vạn vạn binh.

國色傾城天下有
英靈神女世間無
Quốc sắc khuynh thành thiên hạ hữu
Anh linh thần nữ thế gian vô.
Sắc nước nghiêng thành thiên hạ có
Anh linh thần nữ thế gian không.

昔丁卯歲奎星聚
今慶春王化日長
Tích Đinh Mão tuế Khuê tinh tụ
Kim khánh xuân vương hoá nhật trường.
Xưa năm Đinh Mão sao Khuê tụ chiếu
Nay cảnh thái bình mặt trời chiếu dài lâu.

敵掃萬兵名已古
澤成一夜昔猶今
Địch tảo vạn binh danh dĩ cổ
Trạch thành Nhất Dạ tích do kim.
Quét giặc vạn binh, danh muôn thuở
Đầm thành Nhất Dạ dấu còn đây.

造化亦無權制金鼎靈丹傳不死
神仙安在可接石斗廟貌懍如生
Tạo hoá diệc vô quyền chế, kim đỉnh linh đan truyền bất tử
Thần tiên an tại khả tiếp, thạch đẩu miếu mạo lẫm như sinh
Tạo hoá cũng chẳng quyền hành, đỉnh vàng linh đan truyền bất tử
Thần tiên đâu tiếp được, thạch đẩu miếu mạo vẫn còn đây.

三十六洞亭萬古聲寧天素月
七十二鄉社一壺風景世瀛蓬
Tam thập lục động, đình, vạn cổ thanh ninh thiên tố nguyệt
Thất thập nhị hương xã, nhất hồ phong cảnh thế doanh bồng.
Ba mươi sáu động đình, muôn thuở thanh ninh trời rạng rỡ
Bảy mươi hai làng xã, một vùng phong cảnh cõi doanh bồng.

靈跡照垂千古壯
神床顯相六民康

Linh tích chiếu thuỳ thiên cổ tráng
Thần sàng hiển tướng lục dân khang.
Dấu thiêng rủ chiếu nghìn thuở tráng lệ
Ban thờ thần tỏ rõ sáu dân khang ninh.

軒后鼎成鰥子府
湘妃琴托寡倉梧
Hiên hậu đỉnh thành quan Tử phủ
Tương phi cầm thác quả Thương Ngô.
Hiên hậu đỉnh thành mà Tử phủ không con
Tương phi đàn xong thì Thương Ngô goá bụa.

昔夜風雷神顯跡
今春雨露聖流恩
Tích dạ phong lôi Thần hiển tích
Kim xuân vũ lộ Thánh lưu ân.
Sấm gió đêm xưa, dấu thần tỏ rõ
Mưa móc xuân này, ơn thánh còn lưu.

靈跡照垂千古籙
神床顯聖累朝褒
Linh tích, chiếu thuỳ thiên cổ lục
Thần sàng, hiển thánh luỹ triều bao.
Tích linh để lại, nghìn năm còn chép
Ban Thần hiển thánh, nhiều triều ngợi khen.

爽豈一壺新棟宇
清光萬古舊宮庭
Sảng khải nhất hồ tân Đống vũ
Thanh quang vạn cổ cựu Cung đình.
Sảng khoái một lầu Đống vũ mới
Thanh quang muôn thuở Cung đình xưa.

過者化極其大英靈獨不觀一夜澤自然州留顯跡
得而入觀其中富美何必曰三神山太清洞有珠宮
Quá giả hoá, cực kỳ đại anh linh, độc bất quan Nhất Dạ trạch,
Tự Nhiên châu, lưu hiển tích.
Đắc nhi nhập, quan kỳ trung phú mỹ, hà tất viết Tam Thần sơn,
Thái Thanh động, hữu Chu cung.

Qua chơi hoá phép, anh linh diệu kì, không nhận ra đầm Nhất Dạ,
bãi Tự nhiên còn lưu hiển tích.
Được lúc mà vào, xem sự giàu đẹp trong đó,
việc gì phải nói động Thái Thanh, núi Tam Thần có cung Châu.

趙越王清夜一壇貴將無謀沉桂海
阮行遣黑墨半枕眞人有露出藍山

Triệu Việt Vương, thanh dạ nhất đàn, Bí tướng vô mưu trầm Quế Hải
Nguyễn Hành Khiển, hắc mặc bán chẩm,
Chân nhân hữu lộ xuất Lam Sơn.

Triệu Việt Vương, đêm trăng lập đàn, vì Bí tướng vô mưu chìm Quế Hải
Nguyễn Hành Khiển, đêm không ngủ,
được Chân nhân mách lối dấy Lam Sơn.

顯化妙神威日麗瓊臺千古壯
陰扶姿聖德春輝化縣四民康

Hiển hoá diệu thần uy, nhật lệ Quỳnh đài thiên cổ tráng
Âm phù tư thánh đức, xuân huy Hoa huyện tứ dân khang.

Hiển hoá diệu kỳ, thần uy nhật lệ, Quỳnh đài nghìn năm tráng lệ
Âm phù sẵn có, thánh đức sáng ngời, Hoa huyên muôn dân khang.

笠印自古樓臺物崒天寶
香火現今廟宇人傑地靈

Lạp ấn tự cổ lâu đài, vật hoa thiên bảo
Hương hoả hiện kim miếu vũ, nhân kiệt địa linh.

Từ xưa lạp ấn xuất hiện vật hoa thiên bảo chốn lâu đài
Hiện nay hương hoả địa linh nhân kiệt nơi miếu vũ.

再造一壺新棟宇
重修萬古舊宮庭

Tái tạo nhất hồ tân đống vũ
Trùng tu vạn cổ cựu Cung đình

Tái tạo một chùm Đống vũ đổi
Trùng tu muôn thuở Cung đình xưa.

歐亞數天傳四異
樓臺特地屹三宮

Âu Á phu thiên truyền tứ dị
Lâu đài đặc địa ngật tam cung.

Âu, Á khắp nơi truyền bốn sự lạ
Lâu đài được đất cao vút ba cung.

東 土 降 生 遭 仙 景
南 邦 妙 化 顯 聖 宮

Đông Thổ giáng sinh tao tiên cảnh
Nam Bang diệu hoá hiển thánh cung.

Đông Thổ giáng sinh chơi tiên cảnh
Nam Bang diệu hoá tỏ thánh cung.

萬 古 鴻 飛 昭 偉 跡
九 天 龍 爪 顯 神 功

Vạn cổ hồng phi chiêu vĩ tích
Cửu thiên long trảo hiển thần công

Muôn thuở hồng bay lưu dấu lớn
Chín trời rồng lượn để thần công.

巍 巍 廟 貌 關 郊 野
細 細 濤 聲 引 管 弦

Nguy nguy miếu mạo quan giao dã;
Tế tế đào thanh dẫn quản huyền.

Miếu mạo nguy nga nơi đồng ruộng;
Tiếng sóng rì rào tựa sáo đàn.

同 坤 道 含 弘 母 儀 天 下
休 天 心 遍 覆 子 育 蒼 生

Đồng khôn đạo hàm hoằng, mẫu nghi thiên hạ;
Hưu thiên tâm biến phú, tử dục thương sinh.

Cùng đạo Khôn khoan độ, xứng mẫu nghi thiên hạ;
Vui lòng Thiên che khắp, muôn dân được trời nuôi.

日 麗 祇 園 貝 葉 金 鍾 和 道 嚮
煙 凝 寶 蓋 溪 流 蓮 座 都 慈 香

Nhật lệ chi viên, bối diệp kim chung hoà đạo hưởng.
Yên ngưng bảo cái, khê lưu liên toạ đô từ hương;

Mặt trời chiếu khắp vườn thiền, lá quý, chuông vàng đều hướng đạo.
Sương khói bao trùm Tam Bảo, dòng suối, toà sen đều toả hương lành;

龍 德 正 中 厥 施 斯 普
神 功 墨 將 惟 休 無 疆

Long đức chính trung quyết thi tư phổ;
Thần công mặc tướng duy hưu vô cương.

Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

不 滅 不 生 貝 葉 寶 花 空 是 色
無 邊 無 量 善 人 福 果 滿 而 圓

Bất diệt bất sinh, bối diệp bảo hoa không thị sắc;
Vô biên vô lượng, thiện nhân phúc quả mãn nhi viên.

Không mất không sinh, kinh Bối diệp, kinh Bảo hoa không là có;
Không giới hạn không cùng, theo việc thiện thì phúc quả tràn đầy.

三 寶 放 玉 毫 而 遍 照
萬 靈 鑒 法 界 以 莊 嚴

Tam bảo phóng ngọc hào nhi biến chiếu;
Vạn linh giám pháp giới dĩ trang nghiêm.

Tam Bảo toả ánh ngọc sáng chiếu khắp mọi nơi;
Vạn linh khác ghi pháp giới tỏ rõ sự trang nghiêm.

四 生 十 類 皆 瞻 仰
三 途 六 道 免 沉 淪

Tứ sinh thập loại giai chiêm ngưỡng;
Tam đồ lục đạo miễn trầm luân.

Tứ sinh, mười loại đều chiêm ngưỡng;
Tam đồ, sáu đạo thoát cảnh trầm luân.

慧 日 慈 心 持 經 偈
明 月 清 風 伴 禪 門

Tuệ nhật từ tâm trì kinh kệ;
Minh nguyệt thanh phong bạn thiền môn.

Trời sáng lòng từ bi nắm giữ kinh kệ;
Trăng thanh gió mát làm bạn với cửa thiền.

萬 古 綱 常 惟 正 道
百 年 事 業 繫 斯 文

Vạn cổ cương thường duy chính đạo;
Bách niên sự nghiệp hệ tư văn.

Đạo cương thường muôn thuở vẫn là đạo chính;
Sự nghiệp trăm năm gắn chặt với tư văn.

道 德 文 章 參 兩 代
高 堅 前 後 卓 三 綱

Đạo đức văn chương tham lưỡng đại;
Cao kiên tiền hậu trác tam cương.
Đạo đức văn chương được coi là hai đạo lớn nhất;
Bền vững trước hay sau chỉ có ở đạo tam cương.

春回文物聲名地
日朗衣冠禮樂天
Xuân hồi văn vật thanh danh địa;
Nhật lãng y quan lễ nhạc thiên.
Xuân về đất văn vật thêm nổi tiếng;
Ngày sáng trời áo mũ đầy lễ nhạc.

人三綱正九疇敘
天四時行百物生
Nhân Tam cương chính, Cửu trù tự;
Thiên tứ thời hành, bách vật sinh.
Người giữ ngay đạo Tam Cương, Cửu trù được đặt ra;
Trời bốn mùa xoay vần, trăm vật sinh sôi nẩy nở.

至聖至誠純不已
配天配地久無疆
Chí thánh chí thành thuần bất dĩ;
Phối thiên phối địa cửu vô cương.
Bậc chí thánh, lòng thành thực lưu truyền mãi mãi;
Cùng với trời, cùng với đất bền vững dài lâu.

化日光天三代下
春風和氣兩間中
Hoá nhật quang thiên Tam đại hạ;
Xuân phong hoà khí lưỡng gian trung.
Trời quang mây tạnh thời Tam đại;
Xuân phong hoà khí giữa hai bên.

日月光華天復旦
海河清晏世如春
Nhật nguyệt quang hoa thiên phục đán;
Hải hà thanh yến thế như xuân.
Tháng ngày vui tươi trời bừng sáng;
Biển hồ phẳng lặng đời như xuân.

地 靈 人 傑 神 胎 福
化 美 風 淳 里 有 仁
Địa linh nhân kiệt thần di phúc;
Hoá mỹ phong thần lý hữu nhân.
Địa linh nhân kiệt thần để phúc;
Thuần phong mỹ tục làng có nhân.

星 出 雲 興 開 舜 旦
山 呼 風 祝 慶 堯 天
Tinh xuất vân hưng khai Thuấn đán;
Sơn hô phong chúc khánh Nghiêu thiên.
Sao hiện, mây mừng mở đất Thuấn;
Núi hô, gió chúc đẹp trời Nghiêu.

出 途 藏 市 遵 王 道
擊 壤 歌 衢 頌 帝 王
Xuất đồ tàng nhị tuân Vương đạo;
Kích nhưỡng ca cù tụng Đế vương.
Ra đường, vào chợ tôn Vương đạo;
Cầy cấy vang ca tụng Đế vương.

蘭 亭 佳 氣 徵 神 瑞
金 渚 文 波 識 聖 恩
Lan đình giai khí trưng Thần thụy;
Kim chử văn ba thức thánh ân.
Khí nhã Lan Đình điềm thần giáng;
Sáng văn Kim Chử huệ thánh cho.

翼 軫 山 河 高 正 氣
貉 鴻 宇 宙 懍 靈 聲
Dực Chẩn sơn hà cao chính khí;
Lạc Hùng vũ trụ lẫm linh thanh.
Sao Dực sao Chẩn, non sông cao chính khí;
Tổ tiên Lạc Hùng, trời đất dấy linh thanh.

威 鎮 鶴 江 寒 蜀 寇
靈 歸 龍 府 福 柴 庄
Uy trấn Hạc giang, hàn Thục khấu;
Linh quy Long phủ, phúc Sài trang.
Uy trấn giữ ở sông Hạc, giặc Thục khiếp sợ;
Linh ứng quy về Long phủ, thôn Sài đầy phúc.

名將爲福神鶴渚牛江顯跡
雙生而兩化龍樓蛟室鍾英

Danh tướng vi phúc thần, Hạc chử Ngưu giang hiển tích;
Song sinh nhi lưỡng hoá, Long lâu Giao thất chung anh.

Danh tướng làm phúc thần, bãi Hạc sông Ngưu hiển tích;
Sinh đôi mà cùng hoá, lầu Long nhà Giao linh thiêng.

鶴江一陣西無蜀
龍府雙歸水有神

Hạc giang nhất trận, tây vô Thục;
Long phủ song quy, thủy hữu Thần.

Sông hạc một trận, phía tây không bóng Thục;
Phủ Long cùng về, dòng sông có linh Thần.

立德立功不朽
配天配地無疆

Lập đức lập công bất hủ;
Phối thiên phối địa vô cương.

Lập đức lập công danh bất hủ;
Sánh trời sánh đất rộng vô cùng.

望遠能知風浪小
凌空始覺海波平

Vọng viễn năng tri phong lãng tiểu
Lăng không thủy giác hải ba bình.

Nhìn xã mới biết phong lãng nhỏ;
Cao vút thì hay sóng bể bằng.

聖護神扶柴邑圓成新景色
民康族密市庄英氣舊江山

Thánh hộ thần phù, Sài ấp viên thành tân cảnh sắc;
Dân khang tộc mật, thị trang anh khí cựu giang sơn.

Thánh che thần giúp, ấp Sài thành cảnh sắc mới;
Dân yên tộc nhiều, trang thị khí linh sông núi xưa.

破蜀勳高牛渚北
扶雄名重鶴江南

Phá Thục huân cao Ngưu chử Bắc;
Phù Hùng danh trọng Hạc giang Nam.

Phá giặc Thục, công lao lớn như bãi Ngưu vùng Bắc;
Giúp vua Hùng, danh trọng tựa sông Hạc phía Nam.

日 月 往 來 談 法 語
晨 昏 出 入 看 經 文

Nhật nguyệt vãng lai đàm pháp ngữ;
Thần hôn xuất nhập khán kinh văn.

Tháng ngày qua lại bàn Phật pháp;
Sớm tối ra vào đọc kinh văn.

入 門 口 念 彌 陀 佛
到 處 心 持 參 禮 經

Nhập môn khẩu niệm Di đà phật;
Đáo xứ tâm trì tham Lễ Kinh.

Vào thiền miệng niệm Di đà phật;
Khắp chốn tâm bền đọc Kinh lễ.

月 影 依 稀 魚 躍 影
風 聲 彷 彿 馬 斯 聲

Nguyệt ảnh y hy ngư dược ảnh;
Phong thanh phảng phất mã tư thanh.

Ánh trăng lờ mờ bóng cá quẫy;
Tiếng gió phảng phất như tiếng ngựa hí.

地 下 迷 津 開 覺 路
人 間 苦 海 渡 慈 航

Địa hạ mê tân khai giác lộ;
Nhân gian khổ hải độ từ hàng.

Bến mê dưới đất mở đường giác ngộ;
Biển khổ nhân gian vượt bến từ bi.

功 德 留 傳 千 古 念
石 碑 記 鑒 億 年 香

Công đức lưu truyền thiên cổ niệm;
Thạch bi ký giám ức niên hương.

Công đức lưu truyền nghìn năm nhớ;
Bia đá khắc ghi muôn thuở thơm.

東 土 億 年 崇 佛 法
南 越 千 秋 奉 如 來

Đông Thổ ức niên sùng Phật Pháp;
Nam Việt thiên thu phụng Như Lai.

Đông Thổ muôn đời tôn sùng Phật Pháp;
Nam Việt nghìn năm thờ phụng Như Lai.

國家有永山河固
佛道無窮日月長
Quốc gia hữu vĩnh sơn hà cố;
Phật đạo vô cùng nhật nguyệt trường.
Quốc gia vững chãi, sông núi trường tồn;
Đạo Phật vô cùng, ngày tháng dài lâu.

偈德通傳三界地
鍾聲透徹九重天
Kệ đức thông truyền tam giới địa;
Chung thanh thấu triệt cửu trùng thiên.
Đức kệ truyền thông cõi tam giới;
Tiếng chuông thấu đến chốn cửu trùng.

慧日麗中天一朵曇花呈瑞氣
慈雲覆大地四時法雨潤群生
Tuệ nhật lệ trung thiên, nhất đoá đàm hoa trình thuỵ khí;
Từ vân phú đại địa, tứ thời pháp vũ nhuận quần sinh.
Trời xanh quang đãng không trung, một đoá mây thiền đưa khí tốt;
Mây lành toả khắp mặt đất, bốn mùa mưa pháp giúp quần sinh.

龍德普施一切浮生歸濟渡
神功莫測萬般沙界總權行
Long đức phổ thi, nhất thiết phù sinh quy tế độ;
Thần công mạc trắc, vạn ban sa giới tổng quyền hành.
Đức rồng toả khắp, mọi kiếp phù sinh đều được tế độ;
Công thần chẳng cạn, muôn loài sa giới đều được quyền ngang.

貝葉經成佛教興隆資大德
蓮花瑞現人群普濟仰慈恩
Bối diệp kinh thành, Phật giáo hưng long tư đại đức;
Liên hoa thụy hiện, nhân quần phổ tế ngưỡng từ ân.
Kinh bối diệp thành làm cho hưng thịnh phật giáo nhờ đức lớn;
Đài Liên hoa xuất hiện, cứu khắp nhân gian ngưỡng ơn lành.

寶相巍巍百萬天人含敬仰
金身蕩蕩三千世界盡歸依

Bảo tướng nguy nguy, bách vạn thiên nhân hàm kính ngưỡng;
Kim thân đãng đãng, tam thiên thế giới tận quy y.
Bảo tướng vời vợi, trăm vạn người đều ngưỡng mộ;
Thân vàng rộng khắp, ba nghìn thế giới theo về.

福 生 禮 義 家 堂 盛
祿 進 榮 花 富 貴 春
Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh
Lộc tiến vinh hoa phú quý xuân.
Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh
Lộc nẩy vinh hoa phú quý xuân.

霹 靂 傳 聲 庇 民 果 葉 深 宵 夢
大 蛇 顯 跡 護 國 終 留 舊 世 勳
Tích lịch truyền thanh, tí dân quả diệp thâm tiêu mộng;
Đại xà hiển tích, hộ quốc chung lưu cựu thế huân.
Sấm sét truyền vang, mộng canh thâu giúp dân no ấm;
Rắn lớn hiển tích, sáng đời trước trợ nước dài lâu.

大 孝 大 忠 德 重 留 傳 萬 古
至 情 至 義 道 高 感 化 千 秋
Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;
Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá thiên thu.
Đại hiếu đại trung, đức trọng lưu truyền vạn cổ;
Chí tình chí nghĩa, đạo cao cảm hoá nghìn năm.

南 邦 第 一 洞 石 壁 擎 天
珥 水 自 然 洲 樓 臺 特 地
Nam bang Đệ nhất động, thạch bích kình thiên
Nhị thuỷ Tự nhiên châu, lâu đài đặc địa.
Động Đệ nhất ở Nam Bang, thạch bích ngất trời
Bãi Tự nhiên bên dòng Nhị, lâu đài được đất.

花 還 水 繞 陸 地 蓬 瀛
風 清 月 白 壺 天 宇 宙
Hoa hoàn thủy nhiễu lục địa Bồng Doanh
Phong thanh nguyệt bạch hồ thiên vũ trụ.
Hoa thơm nước lượn cõi Bồng Doanh
Gió mát trăng thanh trời vũ trụ.

慢 幬 夜 澤 皆 存 跡
廟 宇 樓 臺 有 古 終

Mạn Trù, Dạ Trạch giai tồn tích
Miếu Vũ, Lâu Đài hữu cổ chung.
Mạn Trù, Dạ Trạch nay còn đó
Miếu Vũ, Lâu Đài vẫn xưa nay.

龍 爪 兜 乖 扶 光 復
杖 笠 靈 聲 立 瀛 蓬

Trượng lạp linh thanh lập Doanh Bồng.
Long trảo đâu quai phù Quang Phục
Vuốt Rồng trao lại phù Quang Phục
Trượng lạp linh thanh lập Doanh Bồng

一 簇 樓 臺 春 色 媚
九 天 霓 舞 樂 聲 高

Nhất thốc lâu đài xuân sắc mị
Cửu thiên nghê vũ nhạc thanh cao
Một chốn lâu đài xuân sắc đẹp
Chín cõi múa ca nhạc thanh cao.

廟 萃 五 王 神 陟 降
朝 經 百 代 帝 嘉 封

Miếu tụy ngũ vương thần trắc giáng;
Triều kinh bách đại đế gia phong.
Miếu rợp năm vua, Thần thăng giáng;
Triều trải trăm đời, Vua gia phong.

道 若 路 然 得 其 門 而 入
聖 即 天 地 不 可 階 而 升

Đạo nhược lộ nhiên, đắc kỳ môn nhi nhập
Thánh tức thiên dã, bất khả giai nhi thăng
Đạo tựa lối đi, được đường hướng thì vào;
Thánh tức trời vậy, chẳng thể leo mà lên.

逝 水 有 如 斯 文 武 衣 冠 王 侯 第 宅
高 山 長 仰 止 三 關 閶 奧 數 仞 宮 墻

Thệ thuỷ hữu như tư, văn vũ y quan, vương hầu đệ trạch
Cao sơn trường ngưỡng chỉ, Tam quan khổn áo, sổ nhẫn cung tường
Nước chảy cũng như vậy, áo mũ các quan, lầu phòng vua chúa;
Non cao trông vời vợi, uy nghiêm ba cửa, nhà học mấy tầm.

知 識 海 洋 勤 是 岸
科 學 高 峰 志 爲 棲
Tri thức hải dương cần thị ngạn;
Khoa học cao phong chí vi thê.
Chăm chỉ là bờ biển tri thức;
Chí khí làm thang đỉnh các ngành.

宏 觀 在 宇 微 觀 在 握
虛 心 而 學 實 心 而 行
Hùng quan tại vũ, vi quan tại ác;
Hư tâm nhi học, thực tâm nhi hành.
Tầm rộng vũ trụ, tầm nhỏ tay nắm;
Khiêm tốn để học, thực tâm để làm.

且 喜 人 心 常 孝 古
漫 云 器 物 唯 求 新
Thả hỉ nhân tâm thường hiếu cổ;
Mạn vân khí vật duy cầu tân.
Hãy vui lòng người thường hiếu cổ;
Lạm bàn vật dụng lại cầu tân.

焰 吐 金 蓮 光 搖 霞 影
花 開 銀 粟 彩 沕 雲 衢
Diệm thổ kim liên, quang dao hà ảnh;
Hoa khai ngân túc, thái thế vân cù.
Tỏa sáng sen vàng, lung linh bóng ráng;
Hoa nở hạt bạc, lấp loáng mây trời.

牛 壯 土 中 生 白 玉
人 勤 地 內 產 黃 金
Ngưu tráng thổ trung sinh bạch ngọc;
Nhân cần địa nội sản hoàng kim.
Trâu khỏe trong đất sinh ngọc trắng;
Người chăm ngoài ruộng mọc vàng mười.

學 海 闊 千 里 絕 無 缺 志 人 敢 渡
書 山 高 萬 仞 唯 有 勤 奮 者 能 攀
Học hải khoát thiên lý, tuyệt vô khuyết chí nhân cảm độ;
Thư sơn cao vạn nhẫn, duy hữu cần phấn giả năng phan.
Biển học rộng ngàn dặm, chẳng phải để người không chí vượt;
Núi sách cao vạn nhẫn, chỉ để ai chăm chỉ vươn lên.

愛書讀書書中自有大世界
壘階登階階上即是新高峰

Ái thư độc thư, thư trung tự hữu đại thế giới;
Lũy giai đăng giai, giai thượng tức thị tân cao phong.

Quý sách đọc sách, trong sách tự có thế giới lớn;
Đắp cồn lên cồn, trên cồn chính là chỗ ngọn cao.

湖海交游憑道義
市場貿易具經綸

Hồ hải giao du bằng đạo nghĩa;
Thị trường mậu dịch cụ kinh luân.

Rộng rãi giao du cần đạo nghĩa;
Thị trường trao đổi sẵn điều cần.

大聚能人同治國
勇攀學術爲興家

Đại tụ năng nhân đồng trị quốc;
Dũng phan học thuật vị hưng gia.

Tập hợp nhân tài cùng giúp nước;
Xông vào học thuật để xây nhà.

水能性澹爲吾友
竹解心虛是我師

Thủy năng tính đạm vi ngô hữu;
Trúc giải tâm hư thị ngã sư.

Nước tính thanh đạm là bằng hữu;
Trúc lòng thông thoáng ấy thầy ta.

老不白頭因水土
冬猶赤腳爲師高

Lão bất bạch đầu nhân thủy thổ;
Đông do xích cước vị sư cao.

Già chẳng trắng đầu vì thủy thổ;
Suốt đông chân đất bởi thầy cao.

意靜不隨流水轉
心閑還笑白雲飛

Ý tĩnh bất tùy, lưu thủy chuyển;
Tâm nhàn hoàn tiếu bạch vân phi.

Ý tĩnh không theo nước chảy chuyển;
Lòng nhàn cười cả mây trắng bay.

雅 怀 深 得 花 中 趣
妙 慮 時 聞 筆 里 香

Nhã hoài thâm đắc hoa trung thú;
Diệu lự thời văn bút lý hương.

Lòng nhã sâu tìm trồng hoa thú;
Nghĩ nhiều nghe được bút viết luôn.

攻 千 重 關 心 怀 天 下
讀 萬 卷 書 志 在 四 方

Công thiên trùng quan, tâm hoài thiên hạ;
Độc vạn quyển thư, chí tại tứ phương.

Thông nghìn cửa khó, lòng vì thiên hạ;
Đọc vạn cuốn sách, chí ở bốn phương.

海 納 百 川 有 容 乃 大
山 連 千 嶺 無 際 自 高

Hải nạp bách xuyên, hữu dung nãi đại;
Sơn liên thiên lĩnh, vô tế tự cao.

Biển nhận trăm sông, bao dung nên lớn;
Núi liền nghìn ngọn, vô tư mà cao.

千 樹 奇 花 多 圃 藥
一 庄 修 竹 半 床 書

Thiên thụ kỳ hoa đa phố dược;
Nhất trang tu trúc bán sàng thư.

Ngàn cây hoa lạ nhiều vườn thuốc;
Một trại trúc xinh nửa giường văn.

遵 道 而 行 但 到 半 山 須 努 力
會 心 不 遠 欲 登 絕 頂 莫 辭 勞

Tôn đạo nhi hành, đản đáo bán sơn tu nỗ lực;
Hội tâm bất viễn, dục đăng tuyệt đỉnh mạc từ lao.

Theo đường mà đi, nhưng đến giữa non cần nỗ lực;
Hiểu được không khó, muốn lên tuyệt đỉnh chớ chây lười.

自 知 性 僻 難 諧 俗
且 喜 身 閑 不 屬 人

Tự tri tính tịch nan hài tục;
Thả hỉ thân nhàn bất thuộc nhân.

Tự biết khó tính khó hòa tục;
Nhưng mừng thân nhàn chẳng thuộc ai.

一時酒渴思吞海
几度詩狂欲上天
Nhất thời tửu khát tư thôn hải;
Kỷ độ thi cuồng dục thượng thiên.
Nhất thời khát rượu toan nuốt biển;
Mấy đợt cuồng thơ muốn lên trời.

行而不舍若驥千里
納無所窮如海百川
Hành nhi bất xả, nhược ký thiên lý;
Nạp vô sở cùng, như hải bách xuyên.
Đi không hề nghỉ, như tuấn mã nghìn dặm;
Nhận vào chẳng cùng, tựa biển chứa trăm sông.

讀書要能自出見解
處世無過善体人情
Độc thư yếu năng tự xuất kiến giải;
Xử thế vô quá thiện thể nhân tình.
Việc chính của đọc sách là tự có lý giải;
Chỗ khéo về xử thế là thể tất nhân tình.

處世無奇唯忠唯恕
治家有道克儉克勤
Xử thế vô kỳ, duy trung duy thứ;
Trị gia hữu đạo, khắc kiệm khắc cần.
Xử thế không kỳ, chỉ trung chỉ thứ;
Việc nhà có đạo, ấy kiệm ấy cần.

事宜終始毋務多業
任有大小唯其所能
Sự nghi chung thủy, vô vụ đa nghiệp;
Nhậm hữu đại tiểu, duy kỳ sở năng.
Việc nên thông thạo, đừng ham nhiều nghề;
Chức có nhỏ to, cốt theo năng lực.

清以自修誠以自勉
敬而不怠滿而不盈

Thanh dĩ tự tu, thành dĩ tự miễn;
Kính nhi bất đãi, mãn nhi bất doanh.
Trong sạch tự tu, thành thật tự cố;
Kính cẩn không xa, đầy đặn chẳng tràn.

靜以養性儉以樹德
入則篤行出則友賢
Tĩnh dĩ dưỡng tính, kiệm dĩ thụ đức;
Nhập tắc đốc hạnh, xuất tắc hữu hiền.
Tĩnh để dưỡng tính, kiệm để trồng đức;
Nhập thì có hạnh, xuất thì bạn hiền.

取靜于山寄情于水
虛怀若竹清氣若蘭
Thủ tĩnh vu sơn, ký tình vu thủy;
Hư hoài nhược trúc, thanh khí nhược lan.
Lấy tĩnh ở non, gửi tình ở nước;
Lòng như trúc thoáng, khí tựa lan trong.

虛能引和靜能生悟
仰以察古俯以觀今
Hư năng dẫn hòa, tĩnh năng sinh ngộ;
Ngưỡng dĩ sát cổ, phủ dĩ quan kim.
Thoáng thì được hòa, tĩnh thì giác ngộ;
Ngược lên tìm cổ, xuôi xuống xem nay.

心神欲靜骨氣欲動
腳跟宜定胸怀宜開
Tâm thần dục tĩnh, cốt khí dục động;
Cước căn nghi định, hung hoài nghi khai.
Tinh thần phải tĩnh, khí cốt phải động;
Bước chân cần chắc, lòng dạ nên buông.

翎柔未作凌霄鳥
性笨甘爲拓地牛
Linh nhu vị tác lăng tiêu điểu;
Tính bân cam vị thác địa ngưu.
Cánh mềm chẳng thể là chim bay vút;
Tính chậm đành làm trâu vỡ hoang.

偶得佳句放聲笑
欣見古人擊地歌

Ngẫu đắc giai cú, phóng thanh tiếu;
Hân kiến cổ nhân, kích địa ca.
Làm được câu hay cười hết cỡ;
Vui gặp bạn thân hát vang trời.

靜觀世界求一是
誠對蒼生不二心
Tĩnh quan thế giới, cầu nhất thị;
Thành đối thương sinh bất nhị tâm.
Lặng xem thế giới, theo một đích;
Thành với trời xanh, chẳng hai lòng.

面目總非眞借己証人由他做作
事情多不假居今鑒古要你思量
Diện mục tổng phi chân, tá kỷ chứng nhân, do tha tố tác;
Sự tình đa bất giả, cư kim giám cổ, yếu nhĩ tư lường.
Mặt mũi vẫn phi thực, mượn ta nói người, tùy nghi múa mép;
Sự tình thường chẳng giả, lấy nay bàn xưa, ta phải suy tư.

(Vịnh hát chèo)

喜挹清風除濁氣
常師翠竹問虛心
Hỷ ấp thanh phong trừ trọc khí;
Thường sư thúy trúc vấn hư tâm.
Vui giữ gió trong trừ khí bẩn;
Thường theo trúc biếc học tâm khiêm.

自將秋水洗望眼
常借燭光明學心
Tự tương thu thuy tẩy vọng nhãn;
Thường tá chúc quang minh học tâm.
Tự đem nước thu rửa sáng mắt;
Thường mượn ánh nến tỏ học tâm.

心有尺規行不亂
意存忠厚氣堪平
Tâm hữu xích quy hành bất loạn;
Ý tồn trung hậu khí kham bình.
Tâm luôn quy củ làm không loạn;
Ý giữ hậu trung khí được bình.

一 人 知 己 平 生 足
兩 袖 清 風 百 世 安
Nhất nhân tri kỷ, bình sinh túc;
Lưỡng tụ thanh phong, bách thế an.
Một bạn tâm giao, đời thế đủ;
Hai tay gió mát, sống vậy yên.

新 詩 捧 與 知 音 賞
美 酒 待 邀 貴 客 斟
Tân thi bổng dữ tri âm thưởng;
Mỹ tửu đãi yêu quý khách châm.
Thơ hay dành để tri âm thưởng;
Rượu quý chờ mời bạn nhậu thăm.

心 閑 細 嚼 聯 風 味
眼 倦 聊 觀 菊 愁 姿
Tâm nhàn tế tước liên phong vị;
Nhãn quện liêu quan cúc sầu tư.
Lòng nhàn nhấm nháp hồn câu đối;
Mắt mệt lười xem ý cúc buồn.

煎 茶 淨 地 迎 嘉 客
拍 手 開 怀 放 浩 歌
Tiễn trà tĩnh địa nghênh gia khách;
Phách thủ khai hoài phóng hạo ca;
Pha trà rũ chiếu chờ khách quý;
Vỗ án lòng vui xúm hát ca.

种 數 竿 竹 能 卻 俗
讀 半 卷 書 可 養 心
Chủng sổ can trúc năng khước tục;
Đọc bán quyển thư khả dưỡng tâm.
Trồng vài khóm trúc hay thoát tục;
Đọc dăm trang sách dưỡng được tâm.

木 秀 青 山 難 折 去
鷹 飛 白 日 易 知 還
Mộc tú thanh sơn nan chiết khứ;
Ưng phi bạch nhật dị tri hoàn.
Cây lớn non xanh chặt được khó;
Ưng bay ngày sáng dễ quay về.

鐵骨英姿甘負重
高山步履不知難
Thiết cốt anh tư cam phụ trọng;
Cao sơn bộ lý bất tri nan.
Xương sắt anh hùng vui gánh nặng;
Non cao bước tiếp chẳng thấy nhàm.

行舟每喜風高處
養氣常參水靜時
Hành châu mỗi hỷ phong cao xứ;
Dưỡng khí thường tham thủy tĩnh thời.
Đi thuyền thích nhất nơi gió lớn;
Dưỡng khí thường vui lúc nước yên.

回思往事難全是
靜看來今好自爲
Hồi tư vãng sự nan toàn thị;
Tĩnh khán lai kim hảo tự vi.
Suy tư việc cũ không toàn đúng;
Lặng nghĩ như nay cố sức hay.

莫對青山談世事
休將文字占時名
Mạc đối thanh sơn đàm thế sự;
Hưu tương văn tự chiếm thời danh.
Chớ với non xanh bàn thế sự;
Đừng đem chữ nghĩa chiếm thời danh.

勵學須識得頭腦
修身要立定腳跟
Lệ học tu thức đắc đầu não;
Tu thân yếu lập định cước căn.
Gắng học phải biết dùng đầu óc;
Sửa mình cần đứng vững đôi chân.

每臨大事有靜氣
不信今時無古賢
Mỗi lâm đại sự hữu tĩnh khí;
Bất tín kim thời vô cổ hiền.

Khi làm việc lớn lòng bình tĩnh;
Không tin ngày nay thiếu bậc hiền.

世事滄桑心事定
心中海岳夢中飛

Thế sự thương tang tâm sự định;
Hung trung hải nhạc mộng trung phi.

Việc đời biến đổi việc ta định;
Trong lòng cao rộng trong mơ bay.

若能杯水如名淡
應信村茶比酒香

Nhược năng bôi thủy như danh đạm;
Ưng tín thôn trà tỷ tửu hương.

Nếu danh cũng nhạt như nước lã;
Ắt chè quê ấy sánh rượu thơm.

莫坏良心極惡巨奸轉眼終歸慘景
學習好樣忠臣孝子到頭畢景團圓

Mạc hoại lương tâm, cực ác cự gian chuyển nhãn chung quy thảm cảnh;
Học tập hảo dạng, trung thần hiếu tử đáo đầu tất cảnh đoàn viên.

Chớ để lòng tà, cực ác đại gian, chớp mắt vẫn là thảm cảnh;
Học tập cái tốt, tôi trung con hiếu, đến cùng tất được đoàn viên.

世事何常驀地間萬國干戈千年人物
人生行樂且娛此几聲簫鼓滿眼風花

Thế sự hà thường, mạch địa gian vạn quốc can qua, thiên niên nhân vật;
Nhân sinh hành lạc, thư ngu thử kỷ thanh tiêu cổ, mãn nhãn phong hoa.

Việc đời đâu thường, khoảnh khắc qua vạn nước chiến tranh,
nhân vật nổi tiếng;
Sống nên vui vẻ, thư nhàn cùng mấy tiếng trống tiêu,
khắp chốn hoa thơm.

水惟善下能成海
山不爭高自極天

Thủy duy thiên hạ năng thành hải;
Sơn bất tranh cao tự cực thiên.

Sông nhường dưới thiện nên thành biển;
Núi chẳng tranh cao tự chạm trời.

六 禮 未 成 頃 刻 動 房 花 燭
五 經 不 讀 霎 時 金 榜 題 名

Lục lễ vị thành, khoảnh khắc động phòng hoa chúc;
Ngũ kinh bất độc, sáp thời kim bảng đề danh.

Sáu lễ chưa xong, vội vã đi vào phòng ngủ;
Năm kinh chẳng học, qua loa tên có bảng vàng.

(Vịnh đám cưới chèo)

乾 坤 大 戲 場 請 君 更 看 戲 中 戲
俯 仰 皆 身 鑒 對 影 休 疑 身 外 身

Càn khôn đại hí trường, thỉnh quân cánh khán hí trung hí;
Phủ ngưỡng giai thân giám, đối ảnh hưu nghi thân ngoại thân.

Đời người là sân khấu lớn, mong bạn hãy xem kịch trong kịch;
Cúi ngẩng đều tự soi gương, nhìn bóng đừng ngờ ta ngoài ta.

善 惡 本 報 施 莫 道 竟 無 前 世 事
名 利 勿 爭 競 須 知 總 有 下 場 時

Thiện ác bản báo thi, mạc đạo cảnh vô tiền thế sự;
Danh lợi vật tranh cạnh, tu tri tổng hữu hạ trường thời.

Thiện ác vốn có báo, chớ nói đều không có việc trước;
Danh lợi đừng cạnh tranh, nên biết vẫn đến lúc hạ màn.

弄 假 傳 眞 尤 非 揚 清 激 濁
移 宮 換 廡 都 是 教 愚 化 賢

Lộng giả truyền chân, vô phi dương thanh khích trọc;
Di cung hoán vũ, đô thị giáo ngu hóa hiền.

Diễu giả khen chân, đúng thực nêu lành phá ác;
Rời cung đổi gác, đều theo đổi ngu thành hiền.

米 盡 錢 無 難 作 樂
詩 興 禮 立 易 成 才

Mễ tận tiền vô nan tác nhạc;
Thi hưng lễ lập dị thành tài.

Gạo hết tiền không khôn tác nhạc;
Thi hưng lễ lập dễ thành tài.

(Công dư tiệp ký, Giai thoại)

海 陽 今 日 難 寒 士
京 北 他 時 即 憲 司

Hải Dương kim nhật nan hàn sĩ;
Kinh Bắc tha thời tức hiến ty.
Hôm nay là kẻ hàn sĩ Hải Dương;
Ngày sau là quan hiến ty Kinh Bắc.
(Công dư tiệp ký, Giai thoại)

大丈夫勉大丈夫志
兒女子非兒女子情
Đại trượng phu miễn đại trượng phu chí;
Nhi nữ tử phi nhi nữ tử tình.
Đại trượng phu gắng đại trượng phu chí;
Cô gái trẻ không ôm nhi nữ tình.
(Giai thoại Nguyễn Trãi, Thị Lộ; Công dư tiệp ký; Bổ di)

高潔誰爲天下士
安閑我是地中仙
Cao khiết thùy vi thiên hạ sĩ;
An nhàn ngã thị địa trung tiên.
Cao khiết, ai kẻ sĩ thiên hạ;
An nhàn, ta là tiên trong đời.
(Nguyễn Bỉnh Khiêm)

老犬洛毛猶向庭前吠月
小蝸短頸謾居井底觀天
Lão khuyển lạc mao, do hướng đình tiền phệ nguyệt;
Tiểu oa đoản cảnh, mạn cư tỉnh để quan thiên.
Chó già rụng lông, thấy trăng sáng ngoài sân vẫn sủa;
Ếch con ngắn cổ, ngồi nghênh ngang đáy giếng nhìn trời.
(Giai thoại Thám hoa Nguyễn Đăng Cảo)

學博才奢預入四門之選
父耕子耨期收百畝之功
Học bác tài xa, dự nhập tứ môn chi tuyển;
Phụ canh tử nậu, kỳ thu bách mẫu chi công.
Học rộng tài cao, đạt cả bốn kỳ thi cử;
Cha cầy con cuốc, thu về trăm mẫu công lao.
(Giai thoại Bảng nhãn Hà Tông Huân)

禮不聞往教佯開設教之場
士有辰爲貧聊作救貧之計

Lễ bất văn vãng giáo, dương khai thiết giáo chi trường;
Sĩ hữu thời vi bần, liêu tác cứu bần chi kế.
Kinh Lễ không chép việc đi dạy, giả mở trường dạy;
Kẻ sĩ có lúc nghèo, vẫn nghĩ được kế cứu nghèo.
(Giai thoại Bảng nhãn Hà Tông Huân)

雨無鉗鎖能留客
色不波濤易溺人
Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách;
Sắc bất ba đào dị nịch nhân.
Mưa không có khóa mà lưu khách;
Sắc chẳng sóng to dễ chìm người.
(Giai thoại Trạng nguyên Nguyễn Giản Thanh)

洛水神龜單應兆天數九地數九九九八十一數
數數混成三大道道合元始天尊一成有感
岐山鳴鳳兩呈祥雄聲六雌聲六六六三十六聲
聲聲響澈九重天天生嘉靖皇帝萬壽無疆
Lạc thủy thần quy đơn ứng triệu: thiên số cửu, địa số cửu, cửu cửu bát thập nhất số, số số hỗn thành tam đại đạo; đạo hợp nguyên thủy thiên tôn, nhất thành hữu cảm;
Kỳ sơn minh phượng lưỡng trình tường: hùng thanh lục, thư thanh lục, lục lục tam thập lục thanh, thanh thanh hưởng triệt cửu trùng thiên; thiên sinh Gia Tĩnh hoàng đế, vạn thọ vô cương.
Nơi sông Lạc rùa thần đưa điềm lạ: Số trời 9, số đất 9, 9 lần 9 là tám mốt, các số tạo thành ba đạo lớn (thiên đạo, địa đạo, nhân đạo); đạo hợp nguyên thủy thiên tôn, một chữ thành là nhất;
Chốn núi Kỳ phượng gáy báo điều lành: Trống 6 tiếng, mái 6 tiếng, 6 lần 6 là 36 tiếng, các tiếng vang thấu đến chín tầng trời; trời sinh hoàng đế Gia Tĩnh, thọ mãi không cùng.
(Giai thoại đi sứ)

丈夫志氣相期勿以小嫌价意
帝王施爲氣象必有大過於人
Trượng phu chí khí tương kỳ, vật dĩ tiểu hiềm giới ý;
Đế vương thi vi khí tượng, tất hữu đại quá ư nhân.
Trượng phu chí khí dài lâu, chớ lấy hiềm nhỏ để ý;
Vua chúa làm việc to lớn, tất có lỗi lớn với người.
(Giai thoại Trạng nguyên Phạm Duy Ai)

魑 魅 魍 魎 四 小 鬼
琴 瑟 琵 琶 八 大 王

Lỵ mỵ vọng lượng, tứ tiểu quỷ;
Cầm sắt tỳ bà, bát đại vương.

Lỵ, mỵ, vọng, lượng; bốn quỷ nhỏ;
Cầm, sắt, tỳ, bà; tám vương lớn.

(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

鴃 在 墻 頭 談 魯 論 知 之 爲 知 之 不 知 爲 不 知 是 知
蝸 居 井 底 讀 鄒 書 樂 與 少 樂 樂 樂 與 眾 樂 樂 孰 樂

Quých tại tường đầu đàm Lỗ luận, tri chi vi tri chi,
bất tri vi bất tri, thị tri;
Oa cư tỉnh đề độc Trâu thư, nhạc dữ thiểu lạc nhạc,
nhạc dữ chúng lạc nhạc, thục lạc.

Chim sẻ đầu tường bàn *Luận ngữ*: biết thì bảo là biết,
không biết bảo không biết, ấy là biết;
Con ếch ngồi đáy giếng đọc *Mạnh tử*: Nhạc cùng ít vui nhạc,
nhạc cùng nhiều vui nhạc, ai vui hơn.

(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

觸 我 騎 馬 東 夷 之 人 也 西 夷 之 人 也
遏 予 乘 驢 南 方 之 強 歟 北 方 之 強 歟

Xúc ngã kỵ mã, Đông di chi nhân dã, Tây di chi nhân dã?
Át dư thừa lư, Nam phương chi cường dư, Bắc phương chi cường dư?

Xô ngựa ta cưỡi, người di phía Đông hả, hay người di phía Tây vậy?
Ngáng lừa ta đi, người mạnh phương Nam ư, hay người mạnh phương Bắc?

(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

杞 已 木 杯 不 木 如 何 以 杞 爲 杯
僧 曾 人 佛 弗 人 云 胡 以 僧 事 佛

Kỷ dĩ mộc, bôi bất mộc, như hà dĩ kỷ vi bôi?
Tăng tằng nhân, phật phất nhân, vân hồ dĩ tăng sự phật?

Kỷ là dĩ và mộc, bôi là bất mộc, sao lấy gỗ kỷ làm bôi?
Tăng là tằng và nhân, phật là phất nhân, sao bắt thầy tăng thờ phật?

(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

安 去 女 以 豕 爲 家
囚 出 人 入 王 成 國

An khứ nữ dĩ thỉ vi gia;
Tù xuất nhân nhập vương thành quốc.

Chữ an bỏ chữ nữ, thay bằng chữ thỉ là chữ gia;
Chữ tù lấy chữ nhân, cho vào chữ vương thành chữ quốc.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

日 火 雲 煙 白 晝 燒 殘 玉 兔
月 弓 星 彈 黃 昏 射 落 金 烏

Nhật hỏa vân yên, bạch trú thiêu tàn ngọc thỏ;
Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô.
Mặt trời là lửa, mây là khói; ban ngày thiêu tan thỏ ngọc (mặt trăng);
Trăng là cung, sao là đạn; tối đến bắn rụng quạ vàng (mặt trời).
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

食 無 求 飽 居 無 求 安 君 子 志
招 兒 不 來 揮 兒 不 去 社 稷 臣

Thực vô cầu bão, cư vô cầu an, quân tử chí;
Chiêu nhi bất lai, huy nhi bất khứ, xã tắc thần.
Ăn không cầu no, ở không cầu toàn, chí khí quân tử;
Gọi chẳng chịu đến, đuổi chẳng chịu đi, thần khí xã tắc.

庭 前 有 蔗 皆 著 紫 衣
地 下 生 蓮 同 張 青 蓋

Đình tiền hữu giá, giai trước tử y;
Địa hạ sinh liên, đồng trương thanh cái.
(Giai thoại đối đáp của Vũ Công Đạo)
Trước sân có mía, đầu mặc áo tía;
Dưới đất sinh sen, cùng giương lọng xanh.

昨 朝 風 雨 家 家 頹 坏 舊 垣 墻
今 日 乾 坤 處 處 發 榮 新 草 木

Tạc triêu phong vũ, gia gia đồi hoại cựu viên tường;
Kim nhật càn khôn, xứ xứ phát vinh tân thảo mộc.
Sáng qua mưa gió, tường cũ nhà nhà đều đổ hết;
Hôm nay đất trời, cây non chốn chốn thảy tốt tươi.
(Giai thoại đối đáp của Lê Thúc Hiển)

縣 官 青 丐 見 無 禮 而 欲 攻
進 士 金 兜 爲 有 鬚 而 得 免

Huyện quan Thanh Miện, kiến vô lễ nhi dục công;
Tiến sĩ Kim Đâu, vi hữu tu nhi đắc miễn.

Huyện quan Thanh Miện, thấy vô lễ nên định đánh;
Tiến sĩ Kim Đâu, nhờ có râu mà được tha.
(Giai thoại đối đáp của Trương Phu Thuyết)

過 關 遲 關 關 閉 願 過 客 過 關
出 對 易 對 對 難 請 先 生 先 對

Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan;
Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối.
Tới cửa quan chậm, cửa quan đóng, mong quý khách qua cửa khác;
Ra câu đối dễ, đối lại khó, xin tiên sinh đối trước cho.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

歡 呼 歌 舞 人 同 樂
豐 阜 安 寧 福 未 綏

Hoan hô ca vũ, nhân đồng lạc;
Phong phụ an ninh, phúc vị tuy.
Hoan hô ca vũ, người vui vẻ;
Mùa được bình yên, phúc còn dài.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

鳳 閣 蕩 漾 風 永 集 箕 疇 五 福
龍 筵 薰 瑞 氣 重 賡 天 保 九 如

Phượng các đãng dạng phong vĩnh tập, cơ trù ngũ phúc;
Long diên huân thụy khí trùng canh, thiên bảo cửu như.
Gác phượng thênh thang lùa gió đến, vui mừng năm phúc;
Chiếu rồng thơm phức khí đổi thay, trời giáng chín lành.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

聖 武 布 昭 白 玉 階 前 趨 虎 拜
神 威 凜 烈 黃 金 殿 下 仰 龍 飛

Thánh vũ bố chiêu, bạch ngọc giai tiền, xu hổ bái;
Thần uy lẫm liệt, hoàng kim điện hạ, ngưỡng long phi.
Sức thánh ban nghiêm, ngọc trắng xây thềm, kìa hổ lạy;
Uy thần lẫm liệt, vàng mười dựng điện, nọ rồng bay.
(Giai thoại Mạc Đĩnh Chi)

頂 甲 一 門 天 下 有
福 神 三 葉 世 間 無

Đỉnh giáp nhất môn, thiên hạ hữu;
Phúc thần tam diệp, thế gian vô.

Một nhà nhiều người đỗ cao, thiên hạ vẫn có;
Ba đời được phong phúc thần, trong đời thường không.
(Ca ngợi Nguyễn Quý Đức, Từ Liêm, Hà Nội)

千 年 不 易 奇 名 勝
萬 大 長 存 特 地 靈
Thiên niên bất dịch, Kỳ danh thắng;
Vạn đại trường tồn, Đặc địa linh.
Ngàn năm không đổi, Kỳ (Kiệt) danh thắng;
Vạn đại vẫn còn, Đặc đất thiêng.
(Ca ngợi Chu Văn An, Từ Liêm, Hà Nội)

前 神 靈 應 護 國 名 傳 千 秋 在
後 佛 慈 悲 救 世 德 靈 萬 年 存
Tiền thần linh ứng, hộ quốc danh truyền thiên thu tại;
Hậu phật từ bi, cứu thế đức linh vạn niên tồn.
Trước thần linh ứng, giúp nước tên truyền nghìn thu đó;
Sau phật từ bi, cứu thế đức thiêng vạn năm còn.
(Ca ngợi Nguyễn Quý Đức, Từ Liêm, Hà Nội)

神 威 凜 凜 三 神 廟
聖 德 巍 巍 萬 古 祠
Thần uy lẫm lẫm Tam thần miếu;
Thánh đức nguy nguy Vạn cổ từ.
(Xích tử Nguyễn Minh Thân cung tiến)
Uy thần lẫm liệt Tam thần miếu;
Đức thánh uy nghi Vạn cổ từ.
(Dân thường Nguyễn Minh Thân cung tiến. Đền thờ Chu Văn An)

上 殿 顯 神 功 嚴 恭 顯 應
靈 祠 揚 聖 德 輔 相 才 威
Thượng điện hiển thần công, nghiêm cung hiển ứng;
Linh từ dương thánh đức, phụ tướng tài uy.
Trên điện tỏ công thần, trang nghiêm hiển ứng;
Đền thiêng nêu đức thánh, giúp tướng tài uy.
(Đền thờ Chu Văn An)

南 國 儒 尊 萬 世 眞 師 惟 有 一
地 球 德 重 億 年 正 氣 實 無 雙
Nam quốc nho tôn, vạn thế chân sư duy hữu nhất;
Địa cầu đức trọng, ức niên chính khí thực vô song.

Bậc nho Nam Việt, thầy học muôn đời chỉ có một;
Đức dậy toàn cầu, chính khí ngàn năm thực không hai.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

理 學 流 芳 傳 日 月
水 德 靈 長 潤 古 今

Lý học lưu phương, truyền nhật nguyệt;
Thủy đức linh trường nhuận cổ kim.
Đạo học tiếng thơm truyền năm tháng;
Đức nhân còn mãi với xưa nay.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

名 振 先 朝 功 扶 國
跡 留 後 世 保 安 民

Danh chấn tiên triều công phù quốc;
Tích lưu hậu thế bảo an dân.
Tên lừng triều trước công phò nước;
Tích để đời sau đức giúp dân.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

聖 德 高 深 名 垂 留 青 史
神 功 顯 赫 地 重 配 蒼 天

Thánh đức cao thâm, danh thùy lưu thanh sử;
Thần công hiển hách, địa trọng phối thương thiên.
Đức thánh cao sâu, tên còn cùng sử sách;
Công thần rộng lớn, đất phối với trời xanh.
(Đền thờ Chu Văn An, thôn Kiệt Đặc, xã Văn An, Chí Linh, Hải Dương)

昔 人 謂 所 傳 何 事 也
古 來 唯 不 忘 者 存 焉

Tích nhân vị sở truyền hà sự dã;
Cổ lai duy bất vong giả tồn yên.
Cổ nhân nói cái đáng truyền, là việc gì vậy;
Xưa nay người chẳng ai quên, ắt phải còn lâu.
(Tiến sĩ Khúc Giang Ngô Thế Vinh; Phượng Sơn từ chí lược)

氣 節 凜 乎 烈 日 秋 霜
道 學 儼 如 泰 山 北 斗

Khí tiết lẫm hồ liệt nhật thu sương;
Đạo học nghiễm như Thái Sơn Bắc Đẩu.

Khí tiết lẫm liệt như trời chói, sương thu;
Đạo học cao vời tựa Thái Sơn, Bắc Đẩu.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

熒宮書圃勳高在
蘇歷文源浸潤長
Huỳnh Cung thư phố huân cao tại;
Tô Lịch văn nguyên tẩm nhuận trường.
Thư viện Huỳnh Cung, khói hương còn mãi;
Nguồn văn Tô Lịch, thấm thía dài lâu.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

墨硯起祥雲一筆力迴天自順
朱庭流化雨天廚望浹地繁枯
Mặc nghiễn khởi tường vân, nhất bút lực hồi thiên tự thuận;
Chu đình lưu hóa vũ, thiên trù vọng thiếp địa phồn khô.
Nghiên mực nổi mây lành, ngọn bút ra công trời cũng thuận;
Sân son trôi mưa móc, đồng điền mong nước được tắm no.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

東阿宇宙成今跡
南國師儒似斗山
Đông A vũ trụ thành kim tích;
Nam quốc sư nho tự Đẩu Sơn.
Trời đất Đông A nay còn đó;
Nam quốc sư nho tựa Đẩu, Sơn.
(Đền thờ Chu Văn An, Hà Nội)

南天理學高山在
樵隱清風古壁餘
Nam thiên lý học cao sơn tại;
Tiều Ẩn thanh phong cổ bích dư.
Trời Nam lý học non cao giữ;
Tiều ẩn thanh phong vách cổ còn.
(Tri phủ Bình Giang Trương Đình Hội; Phượng Sơn từ chí lược)

林泉巨逸儒師造物原爲斯道繼
祠廟重光石誌秉彝自是此心同
Lâm tuyền cự dật nho sư, tạo vật nguyên vi tư đạo kế;
Từ miếu trùng quang thạch chí, bỉnh di tự thị thử tâm đồng.

Suối rừng nơi ẩn bậc thầy nho, tạo vật vẫn theo đường đó;
Đền miếu sửa sang bia đá, sự nghiệp còn mong được đồng tâm.
(Huấn đạo Thanh Hà Lê Quang Cảnh; Phượng Sơn từ chí lược)

一 疏 歸 休 仕 至 九 熟 之 間 忠 旨 道
四 書 說 約 格 致 誠 正 之 學 素 其 傳

Nhất sớ quy hưu, sĩ chí cửu thục chi gian trung chỉ đạo;
Tứ thư thuyết ước, cách trí thành chính chi học tố kỳ truyền.
Một sớ về hưu, giữa cái sĩ chí cửu thục trung đứng đầu;
Bốn sách bàn gọn, sở học cách trí thành chính thật đáng truyền.
(Giáo thụ Nam Sách Bùi Quốc Trung; Phượng Sơn từ chí lược)

陳 晚 此 何 時 欲 詠 大 非 賢 者 樂
鳳 山 存 隱 處 自 逍 長 仰 哲 人 風

Trần vãn thử hà thời, dục vịnh đại phi hiền giả lạc;
Phượng Sơn tồn ẩn xứ, tự dao trường ngưỡng triết nhân phong.
Cuối Trần ấy thời gì, học tập phải chăng cái vui của bậc hiền giả;
Núi Phượng còn nơi ẩn, tiêu dao ngưỡng mộ phong thái vị triết nhân)
(Giáo thụ Nam Sách Bùi Quốc Trung; Phượng Sơn từ chí lược)

對 鏡 畫 眉 一 點 翻 成 兩 點
臨 池 玩 月 隻 輪 轉 作 雙 輪

Đối kính họa my, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm;
Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.
Soi gương vẽ mày, một điểm (cũng là tên người) hóa thành hai điểm;
Tới hồ ngắm trăng, một vầng (luân, cũng là tên người) chuyển thành hai vầng
(Giai thoại Đoàn Thị Điểm)

兄 來 堂 上 尋 雙 月
妹 向 窗 前 捉 半 風

Huynh lai đường thượng tầm song nguyệt;
Muội hướng song tiền tróc bán phong.
Anh vào nhà tìm hai trăng (song nguyệt là chữ bằng, tức bạn);
Em ra cửa sổ bắt nửa gió (bán phong là chữ sắt, tức con rận).
(Giai thoại Đoàn Thị Điểm)

談 論 古 今 心 腹 友
追 隨 左 右 股 肱 臣

Đàm luận cổ kim, tâm phúc hữu;
Truy tùy tả hữu, cổ quăng thần.

Bàn luận xưa nay, bạn tâm phúc;
Theo liền phải trái, tôi chân tay.
(Tương truyền của bà Đoàn Thị Điểm làm)

文 如 超 适 無 前 漢
詩 到 從 綏 失 盛 唐

Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán;
Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường.
Văn như Siêu, Quát không Tiền Hán;
Thơ đến Tùng, Tuy mất Thịnh Đường
(Tương truyền vua Tự Đức làm)

酒 非 元 浪 難 長 醉
詩 不 青 蓮 敢 朗 吟

Tửu phi Nguyên Lãng nan trường túy;
Thi bất Thanh Liên cảm lãng ngâm.
Rượu không Nguyên Lãng (Lưu Linh) khó say mãi;
Thơ vắng Thanh Liên (Lý Bạch) ngâm chẳng vang.
(Nguyễn Văn Siêu)

白 蛇 當 道 季 拔 劍 而 斬 之
黃 龍 附 舟 羽 仰 天 而 嘆 曰

Bạch xà đương đạo, Quý bạt kiếm nhi trảm chi;
Hoàng Long phụ chu, Vũ ngưỡng thiên nhi thán viết.
Rắn trắng cản đường, Lưu Bang tuốt kiếm mà chém nó;
Rồng vàng phò thuyền, Hạng Vũ trông trời mà than rằng.
(Tương truyền vế ra là của ông Đoàn Doãn Luân, vế đối là của bà Đoàn Thị Điểm. Ông Luân, bà Điểm là anh em ruột)

朝 有 勳 名 半 屬 河 汾 舊 學
斗 南 風 教 齊 欽 岳 麓 餘 徽

Triều hữu huân danh, bán thuộc Hà Phần cựu học;
Đẩu nam phong giáo, tề khâm Nhạc Lộc dư huy.
Danh giá trong triều, nửa thuộc Hà Phần cựu học;
Nếp dạy trường nam, đều nhờ Nhạc Lộc dư huy.

嘉 定 生 前 身 貧 節 不 敗 處 士 千 秋 燦 節
竹 津 葬 後 骨 枯 名 不 朽 良 師 萬 載 留 名

Gia Định sinh tiền, thân bần tiết bất bại, xử sĩ thiên thu xán tiết;
Trúc Tân táng hậu, cốt khô danh bất hủ, lương sư vạn tải lưu danh.

Lúc sống Gia Định, thân nghèo tiết không hỏng, xử sĩ ngàn thu tiết sáng;
Chết táng Bến Tre, xương khô danh không nát, lương sư muôn thuở còn danh.

保 盛 有 緣 藏 忠 骨
和 興 無 分 厝 烈 尸

Bảo Thịnh hữu duyên tàng trung cốt;
Hòa Hưng vô phận thố liệt thi.
Bảo Thịnh có duyên giữ được cốt;
Hòa Hưng không phận táng thi hài.

道 自 古 今 無 曲 徑
天 多 蓬 華 產 高 人

Đạo tự cổ kim vô khúc kính;
Thiên đa bồng tất sản cao nhân.
Đạo học xưa nay không lối tắt;
Trời nhiều cùng khổ sinh người tài.
(Nguyễn Văn Siêu đề ở nhà học)

此 是 春 花 秋 實 事 業
并 非 東 途 西 抹 文 章

Thử thị xuân hoa thu thực sự nghiệp;
Tính phi đông đồ tây mạt văn chương.
Đúng thực sự nghiệp xuân hoa thu quả;
Đâu như văn vẻ trộm đông móc tây.

追 求 學 問 非 皮 相
尚 武 精 神 在 革 新

Truy cầu học vấn phi bì tướng;
Thượng võ tinh thần tại cách tân.
Theo đòi học vấn, mầu mè hỏng;
Chuộng võ tinh thần, ở cách tân.

秋 水 爲 神 寒 衣 作 骨
春 風 識 面 明 月 前 身

Thu thủy vi thần, hàn y tác cốt;
Xuân phong thức diện, minh nguyệt tiền thân.
Sông thu tinh thần, đông hàn xương cốt;
Gió xuân biết mặt, trăng thanh ấy thân.

生 前 教 訓 得 人 無 子 而 有 子
沒 後 聲 名 在 世 雖 亡 也 不 亡

Sinh tiễn giáo huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử;
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong dã bất vong.

Khi sống dạy dỗ nên người, không con mà vẫn có;
Mất rồi danh tiếng để đời, dẫu mất vẫn là còn.

(Câu đối ở miếu thờ Võ Trường Toản, Huế)

如 此 精 工 唯 有 虛 心 成 絕 技
几 經 編 作 方 知 勁 節 有 奇 才

Như thử tinh công, duy hữu hư tâm thành tuyệt kỹ;
Kỷ kinh biên tác, phương tri kình tiết hữu kỳ tài.

Ra sức đến thế, chỉ có khiêm nhường thành nghề giỏi;
Việc thử nhiều lần, dần hiểu cứng cỏi tất có tài.

莫 笑 雕 龍 君 子 之 器
可 知 刻 鵠 巧 匠 所 營

Mạc tiếu điêu long, quân tử chi khí;
Khả tri khắc hộc, xảo tượng sở doanh.

Chớ nhạo chạm rồng, ấy là tài quân tử;
Nên hay khắc hộc, đó chính khéo thợ tài.

勁 節 制 成 能 耐 久
虛 心 容 受 是 師 資

Kình tiết chế thành, năng nại cửu;
Hư tâm dung thụ, thị sư tư.

Tiết cứng làm nên, đồ ấy tốt;
Khiêm nhường nhận được, lời thầy nhiều.

竹 室 紙 窗 素 多 雅 趣
虛 心 直 節 确 是 奇 才

Trúc thất chỉ song, tố đa nhã thú;
Hư tâm trực tiết, xác thị kỳ tài.

Cửa giấy nhà tre, thường nhiều nhã thú;
Lòng khiêm tính cứng, ấy chính kỳ tài.

莫 將 不 器 論 君 子
能 解 虛 心 是 我 師

Mạc tương bất khí, luận quân tử;
Năng giải hư tâm, thị ngã sư.

Chớ đem bất tài, bàn quân tử;
Thể lượng khiêm nhường, ấy thầy ta.

厚薄短長量材使用
參差重疊積貨充盈

Hậu bạc đoản trường, lượng tài sử dụng;
Sâm si trùng điệp, tích hóa sung doanh.
Dầy mỏng ngắn dài, tùy gỗ sử dụng;
Đắn đo trùng lặp, trữ hàng thành nhiều.

建設所需有材中選
民生是賴適用爲佳

Kiến thiết sở nhu, hữu tài trung tuyển;
Dân sinh thị lại, thích dụng vi giai.
Xây dựng yêu cầu, vật tư lựa tuyển;
Dân sinh nhờ cậy, thích dụng là hay.

大器完成乃廟廊楨干
奇材貢獻作國家棟梁

Đại khí hoàn thành, nãi miếu lang trinh cán;
Kỳ tài cống hiến, tác quốc gia đống lương.
Vật thờ hoàn thành, ấy nền móng đền miếu;
Gỗ tốt hiến lên, đó rường cột nước nhà.

植樹造林有山皆綠化
選材用料無處不精心

Thực thụ tạo lâm, hữu sơn giai lục hóa;
Tuyển tài dụng liệu, vô xứ bất tinh tâm.
Cây cối tạo rừng, có núi đều lục hóa;
Tuyển nguyên dùng liệu, chẳng thể không lưu tâm.

曲尺能成方圓器
直線調出棟梁材

Khúc xích năng thành phương viên khí;
Trực tuyến điều xuất đống lương tài.
Thước cong làm nên đồ tròn dụng;
Dây thẳng tìm ra rường cột tài.

良藥良醫世治幸福
利人利己天錫家祥

Lương dược lương y, thế trị hạnh phúc;
Lợi nhân lợi kỷ, thiên tích gia tường.
Thầy giỏi thuốc hay, suốt đời hạnh phúc;
Lợi mình lợi người, trời cho cát tường.

益壽延年人稱回春手
健民富國醫有蓋世功
Ích thọ diên niên, nhân xưng hồi xuân thủ;
Kiện dân phú quốc, y hữu cái thế công.
Thêm thọ thêm già, người khen tay thuốc giỏi;
Dân khỏe nước giàu, thầy có công trùm đời.

精工爲世賞
美玉在人成
Tinh công vi thế thưởng;
Mỹ ngọc tại nhân thành.
Công khéo được đời thích;
Ngọc đẹp bởi người tài.

善事先利器
人巧奪天工
Thiện sự tiên lợi khí;
Nhân xảo đoạt thiên công.
Làm giỏi dụng cụ tốt;
Người khéo trời cũng thua.

選擇人才支天下
振興事業賴人民
Tuyển trạch nhân tài chi thiên hạ;
Chấn hưng sự nghiệp lại nhân dân.
Lựa chọn người tài giúp thiên hạ;
Dấy lên việc lớn dựa con người.

救死扶傷如春風拂面
除病祛災似慧靜顯神
Cứu tử phù thương, như xuân phong phất diện;
Trừ bệnh khư tai, tự Tuệ Tĩnh hiển thần.
Cứu chết phò thương, như gió xuân đến kịp;
Trừ bệnh xua tai, tựa Tuệ Tĩnh hiện về.

壽 世 壽 人 杏 林 春 滿
爲 醫 爲 藥 桔 井 泉 香

Thọ thế thọ nhân, hạnh lâm xuân mãn;
Vi y vi dược, cát tỉnh tuyền hương.

Người thọ đời vui, rừng mận xuân khắp;
Làm thuốc làm y, cát cánh hương đầy.

英 雄 兒 女 闖 萬 險
浩 蕩 東 風 鼓 千 帆

Anh hùng nhi nữ, sấm vạn hiểm;
Hạo đãng đông phong, cổ thiên phàm.

Trai gái anh hùng xông vạn hiểm;
Gió đông lồng lộng đẩy nghìn buồm.

禮 讓 三 先 爲 人 爲 己
平 安 一 世 利 子 利 孫

Lễ nhượng tam tiên, vị nhân vị kỷ;
Bình yên nhất thế, lợi tử lợi tôn.

Lễ nhượng ba lần, vì người vì ta;
Bình yên suốt đời, lợi con lợi cháu.

經 商 未 可 人 無 信
行 遠 何 妨 道 不 同

Kinh thương vị khả nhân vô tín;
Hành viễn hà phương đạo bất đồng.

Nghề buôn bất tín người ta kỵ;
Tiếp bước không đồng đạo chẳng sao.

道 德 五 千 言 闡 術 道 家 原 理 談 玄 爲 要
内 經 十 八 卷 奠 定 中 醫 基 礎 論 氣 領 先

Đạo đức ngũ thiên ngôn, xiển thuật Đạo gia nguyên lý,
đàm huyền vi yếu;
Nội kinh thập bát quyển, điện định Trung y cơ sở, luận khí lĩnh tiên.

Đạo đức kinh (Lão tử) năm nghìn chữ, giải thích nguyên lý Đạo gia,
bàn "huyền" làm chính;
Sách Nội kinh (Hoàng Đế Nội kinh) mười tám quyển,
xác lập cơ sở Trung y, luận "khí" là đầu.

妙 藥 掃 開 千 里 霧
神 針 點 散 一 天 雲

Diệu dược tảo khai thiên lý vụ;
Thần châm điểm tán nhất thiên vân.
Thuốc tốt, mở lối mù nghìn dặm;
Châm tài, xua hết mây đầy trời.

玉 嵌 金 鑲 補 縫 有 術
月 圓 花 好 殘 缺 無 虞

Ngọc khảm kim tương, bổ phùng hữu thuật;
Nguyệt viên hoa hảo, tàn khuyết vô ngu.
Khảm ngọc dát vàng, vá may có cách;
Trăng tròn hoa nở, tàn khuyết không lo.

壽 世 良 方 祛 邪 扶 正
回 春 妙 術 固 本 清 源

Thọ thế lương phương, khư tà phù chính;
Hồi xuân diệu thuật, cố bản thanh nguyên.
Người thọ nhờ thuốc, xua tà phò chính;
Trẻ lại có phương, gốc ở nguồn trong.

身 入 寶 山 名 高 北 斗
卦 占 麗 澤 美 重 南 金

Thân nhập bảo sơn, danh cao Bắc Đẩu;
Quái chiêm lệ trạch, mỹ trọng Nam Kim.
Thân vào núi báu, tên cao Bắc Đẩu;
Quẻ được đầm lệ, đẹp tựa Sao Kim.

寶 盒 從 中 多 藏 翡 翠
金 釵 隊 里 深 護 鴛 鴦

Bảo hạp tòng trung, đa tàng phỉ thúy;
Kim thoa đội lý, thâm hộ uyên ương.
Trao bao hộp quý, chất chứa ngọc ngà;
Trong nhiều thoa vàng, giúp kín lứa đôi.

若 金 在 熔 剛 柔 相 濟
治 絲 不 紊 條 理 分 明

Nhược kim tại dung, cương nhu tương tế;
Trị ti bất vẫn, điều lý phân minh.
Như vàng đang nung, cứng mềm tương trợ;
Gỡ tơ không rối, các mối phân minh.

心 如 爐 火 映 紅 千 家 萬 户
語 似 春 風 吹 暖 四 面 八 方

Tâm như lô hỏa, ánh hồng thiên gia vạn hộ;
Ngữ tự xuân phong, súy noãn tứ diện bát phương.

Tâm như lò lửa, chiếu hồng ngàn nhà vạn hộ;
Lời tựa gió xuân, thổi ấm bốn phía tám phương.

鋼 花 耀 雲 彩 給 山 河 織 錦
鐵 水 騰 火 龍 爲 祖 國 爭 春

Cương hoa diệu vân thái, cấp sơn hà chức cẩm;
Thiết thủy đằng hỏa long, vi tổ quốc tranh xuân.

Hoa gang tỏa mây đẹp, dệt gấm cho tổ quốc;
Nước thép bay rồng lửa, tạo xuân khắp non sông.

投 入 革 命 熔 爐 鑄 成 鋼 筋 鐵 骨
參 加 科 學 實 驗 煉 出 赤 膽 紅 心

Đầu nhập cách mạng dung lư, chú thành cương cân thiết cốt;
Tham gia khoa học thực nghiệm, luyện xuất xích đảm hồng tâm.

Đi vào lò lửa cách mạng, đúc thành gân gang xương thép;
Tham gia thực nghiệm khoa học, luyện nên gan đỏ tim hồng.

向 自 然 索 取 寶 貴 財 富
爲 人 類 開 拓 幸 福 源 泉

Hướng tự nhiên, sách thủ bảo quý tài phú;
Vị nhân loại, khai thác hạnh phúc nguyên tuyền.

Vào tự nhiên, tìm kiếm kho tàng quý báu;
Vì nhân loại, khai thác nguồn gốc giàu sang.

青 春 如 火 鑄 造 火 紅 世 界
花 年 似 錦 織 成 錦 繡 江 山

Thanh xuân như hỏa, chú tạo hỏa hồng thế giới;
Hoa niên tự cẩm, chức thành cẩm tú giang sơn.

Tuổi xuân như lửa, đúc được thế giới rực hồng;
Trung niên như gấm, dệt nên giang sơn gấm vóc.

要 將 鐵 杵 磨 成 日
好 把 金 針 度 人 時

Yếu tương thiết chử ma thành nhật;
Hảo bả kim châm độ nhân thì.

Sẽ đến ngày thành công mài sắt;
Chờ có khi nên được kim vàng.

志在功神爭冒險
心操熱血暖眾人
Chí tại công thần tranh mạo hiểm;
Tâm thao nhiệt huyết noãn chúng nhân.
Chí muốn công đầu tranh mạo hiểm;
Tim đầy nhiệt huyết ấm nhân dân.

生鐵純鋼憑鍛煉
千錘萬擊自堅貞
Sinh thiết thuần cương bằng đoàn luyện;
Thiên thùy vạn kích tự kiên trinh.
Sắt xịn gang thuần mặc rèn luyện;
Ngàn chùy vạn búa tự kiên trinh.

金瀑涌金蓮金光放彩
火龍吐火艷火樹飛花
Kim bộc dũng kim liên, kim quang phóng thái;
Hỏa long thổ hỏa diệm, hỏa thụ phi hoa.
Suối vàng tràn sen vàng, ánh vàng tỏa sắc;
Rồng lửa nhả rừng lửa, cây lửa bay hoa.

勁節思君子
虛心應世人
Kình tiết tư quân tử;
Hư tâm ứng thế nhân.
Tiết cứng như quân tử;
Lòng rộng sống với đời.

同君子居高情雲上
與名士坐生氣風從
Đồng quân tử cư, cao tình vân thượng;
Dữ danh sĩ tọa, sinh khí phong tòng.
Ở cùng quân tử, tình sinh cao thượng;
Ngồi với danh sĩ, khí cũng thêm tươi.

明月入懷團圓可抱
仁風在握披拂無私
Minh nguyệt nhập hoài, đoàn viên khả bão;
Nhân phong tại ác, phi phất vô tư.

Trăng sáng vào lòng, đoàn tụ vui vẻ;
Gió nhân trong tay, phe phẩy không hiềm.

秋 水 爲 神 寒 霜 作 骨
春 風 識 面 明 月 前 身

Thu thủy vi thần, hàn sương tác cốt;
Xuân phong thức diện, minh nguyệt tiền thân.

Nước thu là tinh thần, sương giá là cốt cách;
Gió xuân là bộ mặt, trăng sáng là tiểu sử.

細 玩 關 閩 濂 洛 理 學
熟 讀 韓 柳 歐 蘇 文 章

Tế ngoạn Quan Mân Liêm Lạc lý học;
Thục độc Hàn Liễu Âu Tô văn chương.

Lý học chơi ngon Quan, Mân, Liêm, Lạc;
Văn chương đọc thuộc Hàn, Liễu, Âu, Tô.

好 消 息 几 時 來 春 月 桃 花 秋 月 桂
實 工 夫 何 處 下 三 更 燈 火 五 更 雞

Hảo tiêu tức kỷ thời lai, xuân nguyệt đào hoa thu nguyệt quế;
Thực công phu hà xứ hạ, tam canh đăng hỏa ngũ canh kê.

Tin lành bao giờ mới đến, tháng xuân hoa đào tháng thu quế;
Công phu luôn luôn ra sức, canh ba còn học canh năm dậy.

求 學 心 一 朱 文 貞 終 日 靜 坐
覓 道 古 訓 阮 亨 甫 整 夜 讀 書

Cầu học nhất tâm, Chu Văn Trinh chung nhật tĩnh tọa;
Mịnh đạo cổ huấn, Nguyễn Hanh Phủ chỉnh dạ độc thư.

Học sự quyết tâm, Chu Văn An suốt ngày suy ngẫm;
Tìm điều huấn cổ, Nguyễn Bỉnh Khiêm cả đêm đọc sách.

獨 坐 每 將 書 作 伴
閉 門 長 與 竹 爲 鄰

Độc tọa mỗi tương thư tác bạn;
Bế môn trường dữ trúc vi lân.

Một mình lấy sách vui bầu bạn;
Khép cửa cùng trúc chỗ láng giềng.

林 間 掃 石 安 棋 局
松 下 看 雲 讀 道 書

Lâm gian tảo thạch an kỳ cục;
Tùng hạ khán vân độc đạo thư.

Trong rừng quét sỏi bầy cờ tướng;
Dưới thông xem mây đọc sách đạo.

半榻圖書松竹徑
一梨煙雨杏花村
Bán thạp đồ thư tùng trúc kính;
Nhất lê yên vũ hạnh hoa thôn.
Nửa giường đầy sách bên thông trúc;
Một gậy dầm mưa rượu hạnh hoa.

已向山林違世事
不妨詩酒作生涯
Dĩ hướng sơn lâm vi thế sự;
Bất phương thi tửu tác sinh nhai.
Đã đến núi rừng tránh thế sự;
Chỉ còn thơ rượu lấy làm vui.

悄磨歲月書千卷
嘯傲乾坤酒一壺
Tiêu ma tuế nguyệt thư thiên quyển;
Khiếu ngạo càn khôn tửu nhất hồ.
Quên đi năm tháng sách nghìn quyển;
Gọi dậy đất trời rượu một vò.

詩書伴我閑中地
風月宜人醉後天
Thi thư bạn ngã nhàn trung địa;
Phong nguyệt nghi nhân túy hậu thiên.
Khi nhàn nhã thơ văn là bạn;
Lúc say rồi trăng gió ấy tình.

須存渾厚爲人地
當致寬容作我基
Tu tồn hồn hậu vi nhân địa;
Đương trí khoan dung tác ngã cơ.
Để đất cho người bằng nhân hậu;
Xây nền mình lại phải khoan dung.

催耕聽鳥知時敘
占候無書識稔年

Thôi canh thính điểu tri thời tự;
Chiêm hậu vô thư thức nậm niên.
Làm ruộng nghe chim biết thời vụ;
Trông trời không sách tỏ được mùa.

溪邊翠竹新詩料
門外青山古畫屏
Khê biên thúy trúc tân thi liệu;
Môn ngoại thanh sơn cổ họa bình.
Bên khe trúc biếc là thi liệu;
Ngoài cửa non xanh ấy trướng hoa.

對君子之清風賞古人之明月
傲墳索之長圖步先哲之高衢
Đối quân tử chi thanh phong, thưởng cổ nhân chi minh nguyệt;
Ngạo phần sách chi trường phố,bộ tiên triết cho cao cù.
Sánh thanh cao của người quân tử, ngắm trăng sáng của người xưa;
Khinh tha ma dài đầy mồ mả, bước đường cao của hiền triết.

自古聖賢做工夫豈止數行書著力
從今宇宙皆吾事莫將第一等讓人
Tự cổ thánh hiền tố công phu, khởi chỉ sổ hàng thư trước lực;
Tòng kim vũ trụ giai ngô sự, mạc tương đệ nhất đẳng nhượng nhân.
Từ xưa thánh hiền ra sức, đâu chỉ ở mấy giòng sách;
Ngày nay ta làm mọi việc, chớ nhường hạng nhất cho người.

從來歲月易催人對黃卷青燈當惜寸陰尺璧
勿謂文章無得力到龍樓鳳閣方知一字千金
Tòng lai tuế nguyệt dị thôi nhân, đối hoàng quyển thanh đăng,
đương tích thốn âm xích bích;
Vật vị văn chương vô đắc lực, đáo long lâu phượng các,
phương tri nhất tự thiên kim.
Xưa nay năm tháng khiến người già, trước sách vở dưới đèn,
phải tiếc mỗi khắc là một thước ngọc;
Chớ nói văn chương vô tích sự, đến lầu rồng gác phượng,
mới biết một chữ đáng nghìn vàng.

性靜不嫌茅屋小
心清自覺菜根香
Tính tĩnh bất hiềm mao ốc tiểu;
Tâm thanh tự giác thái căn hương.

Tính tĩnh chẳng hiềm nhà tranh nhỏ;
Tâm thanh tự thích rễ rau thơm.

樂趣無窮柴門外青山綠水
幽怀有曠竹籬下白菊黃花

Lạc thú vô cùng, sài môn ngoại thanh sơn lục thủy;
U hoài hữu khoáng, trúc ly hạ bạch cúc hoàng hoa.

Vui thú vô cùng, ngoài liếp cửa có non xanh nước biếc;
Lòng buồn man mác, dưới rào tre ngắm cúc trắng hoa vàng.

鋤月種奇花風度顯何等瀟洒
焚香修古譜精神凝一項優游

Trợ nguyệt chủng kỳ hoa, phong độ hiển hà đẳng tiêu sái;
Phần hương tu cổ phả, tinh thần ngưng nhất hạng ưu du.

Cày trăng trồng hoa lạ, phong độ tỏ vô vàn thanh thản;
Đốt hương sửa phả cổ, tinh thần ngưng hạng nhất lo đời.

秋飲黃花酒
冬吟白雪詩

Thu ẩm hoàng hoa tửu;
Đông ngâm bạch tuyết thi.

Thu uống rượu hoàng hoa;
Đông ngâm thơ bạch tuyết.

空帷大慈悲此性不生不滅
捨了我法化上天無色無聲

Không duy đại từ bi, thử tính bất sinh bất diệt;
Xá liễu ngã pháp hóa, thượng thiên vô sắc vô thanh.

Để trống đại từ bi, tính này bất sinh bất diệt;
Bỏ không đây pháp hóa, trời cao vô sắc vô thanh.

(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

登祖堂其思惟乎世局轉風波越鳥南
枝常紀念
憶故郡甚遙遠矣江山起雲霧海鷗北
塞合同群

Đăng tổ đường, kỳ tư duy hồ thế cục chuyển phong ba,
việt điểu nam chi thường kỷ niệm;
Ức cố quận, thậm dao viễn hĩ giang sơn khởi vân vụ,
hải âu bắc tái hợp đồng quần.

Lên nhà tổ, ta suy tư về thế cục chuyển sóng gió,
chim việt cành nam bao kỷ niệm;
Nhớ quê xưa, thật xa quá bởi non sông dấy mây mù,
hải âu biển bắc phải hợp quần.
(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

永壽其傳名葉流芳天德江風香水引
嚴光弗替大家接武竹林古樹覺花開

Vĩnh Thọ kỳ truyền, danh diệp lưu phương, Thiên Đức giang phong, hương thủy dẫn,
Nghiêm Quang phất thế, đại gia tiếp vũ, Trúc Lâm cổ thụ, giác hoa khai.

Vĩnh Thọ được truyền, danh tiếng còn thơm, gió sông Thiên Đức, hương thủy dẫn;
Nghiêm Quang không đổi, đại gia tiếp bước, cây cổ Trúc Lâm, giác hoa khai.
(Chùa Vĩnh Nghiêm; Thành phố Hồ Chí Minh)

談笑非他帝典王謨周禮樂
品評何事唐詩晉帖漢文章

Đàm tiếu phi tha, Đế điển Vương mô Chu lễ nhạc;
Phẩm bình hà sự, Đường thi Tấn thiếp Hán văn chương.

Cười nói không ngoài, điển Đế mô Vương, Chu thì lễ nhạc;
Luận bàn chỉ thích, thơ Đường thiếp Tấn, Hán có văn xuôi.

爲學如掘井九仞無泉難造就
求知貴有恒一心致志可成功

Vi học như quật tỉnh, cửu nhận vô tuyền nan tạo tựu;
Cầu tri quý hữu hằng, nhất tâm trí chí khả thành công.

Việc học như đào giếng, chín nhận vẫn khô là khó đấy;
Tìm tòi quý kiến trì, một lòng quyết chí tất thành công.

博觀六經四書百家諸子
能讀三墳五典八索九丘

Bác quan Lục kinh, Tứ thư, Bách gia, Chư tử;
Năng độc Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu.

Xem rộng Lục kinh, Tứ thư, Bách gia, Chư tử;
Hay đọc Tam phần, Ngũ điển, Bát sách, Cửu khâu.

萬口流傳新教育
千秋根底大文章

Vạn khẩu lưu truyền tân giáo dục;
Thiên thu căn để đại văn chương.
Muôn người truyền dạy giáo dục mới;
Ngàn năm gốc rễ vẫn nền xưa.

知 古 今 名 勝
學 內 外 名 人
Tri cổ kim danh thắng;
Học nội ngoại danh nhân.
Rành xưa nay cảnh đẹp;
Học trong ngoài người hay.

求 知 識 學 海 探 寶 累 亦 喜
追 科 學 書 山 尋 珍 苦 也 甜
Cầu tri thức, học hải thám bảo, lụy diệc hỷ;
Truy khoa học, thư sơn tầm trân, khổ dã điềm.
Muốn hiểu biết, mò báu biển học, mệt cũng thỏa;
Theo khoa học, tìm trân núi sách, khổ vẫn cam.

鳳 非 凡 鳥
仙 乃 山 人
Phượng phi phàm điểu;
Tiên nãi sơn nhân.
Phượng không phải chim phàm;
Tiên lại là người núi.

勤 學 有 餘
怠 者 不 足
Cần học hữu dư;
Đãi giả bất túc
Chăm học được giàu;
Lười biếng thì nghèo.

音 樂 并 陳 和 其 心 以 養 其 志
妍 媸 齊 獻 取 其 是 而 戒 其 非
Âm nhạc tịnh trần, hòa kỳ tâm dĩ dưỡng kỳ chí;
Nghiên xuy tề hiến, thủ kỳ thị nhi giới kỳ phi.
Âm nhạc bầy cùng lúc, hòa tâm để dưỡng chí;
Đẹp xấu đều đưa ra, lấy cái đúng mà răn cái sai.
(Câu đối ở Duyệt thị đường trong thành Nội, Huế)

池 邊 水 滴 呼 軍 令
樹 上 風 吹 罵 賊 聲

Trì biên thủy trích hô quân lệnh;
Thụ thượng phong suy mạ tặc thanh.

Bên ao nước giọt hô quân lệnh;
Cây cối gió đưa chửi giặc *thanh*.

(Câu đối viếng Vương Thúc Mậu (Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An) của Dương Công San - 1895)

身 困 十 年 懷 素 節
命 隨 一 髮 表 丹 心

Thân khốn thập niên hoài tố tiết;
Mệnh tùy nhất phát biểu đan tâm.

Ôm tiết trắng mười năm chịu khổ;
Tỏ lòng son sợi tóc đeo tai.

(Lê Quýnh; Bắc hành tùng ký)

師 傅 功 名 奇 際 遇
公 候 孫 子 蔚 香 馨

Sư phó công danh kỳ tế ngộ;
Công hầu tôn tử uất hương hinh.

Tế ngộ lạ công danh Sư phó;
Hương thơm lừng con cháu Công hầu.

(Nhà thờ cụ Nghè Lý, Hà Nội)

開 五 鋪 新 基 天 運 喜 同 人 運 發
掌 一 家 舊 套 財 源 與 利 源 通

Khai ngũ phố tân cơ thiên vận hỷ đồng nhân vận phát;
Chưởng nhất gia cựu sáo tài nguyên dữ lợi nguyên thông.

Mở văn phòng tạo dựng nghiệp mới, vận người gặp thiên thời tiền phát;
Chắc tay giữ kỷ cương nền nếp, lòng người cùng tài lộc hanh thông.

(Lê Quốc Việt, báo Kinh tế nông thôn; số Xuân Ất Dậu, 2005, tr.1)

天 錫 通 明 弘 化 育
聖 扶 功 用 達 才 能

Thiên tích thông minh Hoằng Hóa dục;
Thánh phù công dụng Đạt Tài năng.

Trời phú thông minh giúp Hoằng Hóa phát triển;
Thánh phò thựclực khiến Đạt Tài làm nên.

(Vương Duy Trinh đề Văn chỉ làng Đạt Tài)

天 上 精 英 萬 仞 青 山 顯 聖
女 中 豪 杰 千 秋 白 象 傳 神

Thiên thượng tinh anh, vạn nhẫn thanh sơn hiển thánh;
Nữ trung hào kiệt, thiên thu bạch tượng truyền thần.

Tinh anh trên trời, vạn nhẫn non xanh hiển thánh;
Anh hùng nữ giới, nghìn thu voi trắng truyền thần.

(Lưu truyền ở Thanh Hóa)

夜 澤 相 扶 龍 爪 永 留 南 史 越
西 河 鎮 旅 頭 矛 直 破 北 梁 兵

Dạ Trạch tương phù long trảo vĩnh lưu Nam Việt sử;
Tây Hà trấn lữ đầu mâu trực phá Bắc Lương binh.

Dạ Trạch giúp phù, móng rồng còn lưu sử Nam Việt;
Tây Hà hạ trại, mâu kia phá hết giặc Bắc Lương

(Sự tích Triệu Quang Phục)

生 不 虛 生 生 作 魁 科 生 不 負
死 而 無 死 死 於 國 事 死 爲 生

Sinh bất hư sinh, sinh tác khôi khoa, sinh bất phụ;
Tử nhi vô tử, tử ư quốc sự, tử vi sinh.

Sống chẳng sống thừa, sống được đầu khoa, sống thật đáng;
Chết mà không chết, chết vì đất nước, chết là vinh.

(Câu đối của chí sĩ Lê Trí Trực làm trước khi bị giặc Pháp chém, Thanh Hóa)

狀 元 祖 榜 眼 孫 梁 族 名 騰 兩 國
都 督 前 尚 書 後 國 朝 位 列 三 公

Trạng nguyên tổ, Bảng nhãn tôn, Lương tộc danh đằng lưỡng quốc;
Đô đốc tiền, Thượng thư hậu, quốc triều vị liệt tam công.

Ông Trạng nguyên, cháu Bảng nhãn; họ Lương tiếng lừng hai nước
Trước Đô đốc, sau Thượng thư, nước nhà tước xếp Tam công.

(Nhà thờ họ Lương, Vụ Bản, Nam Định)

佐 國 堅 貞 眞 相 國
護 民 靈 顯 是 福 神

Tá quốc kiên trinh chân Tướng quốc;
Hộ dân linh hiển thị phúc thần.

Giúp nước kiên trinh chân Tướng quốc;
Hộ dân linh hiển đúng phúc thần.

(Câu đối đền Nguyễn Đăng, Thanh Hóa)

藍 山 袍 馬 遺 傳 跡
玉 嶺 衣 冠 帶 遠 鄉

Lam Sơn bào mã di truyền tích;
Ngọc Lĩnh y quan đới viễn hương.

Bào mã Lam Sơn còn truyền tích;
Mũ áo Ngọc Lĩnh dẫn quê xa.

(Nhà thờ họ Lê ở Hoằng Hải)

東 阿 已 古 山 河 異
南 殿 留 名 廟 宇 長

Đông A dĩ cổ sơn hà dị;
Nam điện lưu danh miếu vũ trường.

Đông A đã cổ non sông đổi;
Nam điện tên còn miếu mạo còn.

(Nghè Đoan Vĩ, Thanh Hóa)

四 十 四 載 宣 勞 事 經 六 部
七 十 七 年 享 壽 仕 歷 三 朝

Tứ thập tứ tải tuyên lao, sự kinh lục bộ;
Thất thập thất niên hưởng thọ, sĩ lịch tam triều.

Bốn mươi bốn năm ra sức, việc qua sáu bộ;
Bảy mươi bảy xuân hưởng thọ, quan trải ba triều.

(Miếu thờ Bùi Khắc Nhất ở Hoằng Lộc)

在 天 爲 瑞 雨
本 地 化 靈 芝

Tại thiên vi thụy vũ;
Bản địa hóa linh chi.

Trên trời là mưa ngọt;
Dưới đất hóa thuốc hay.

(Lăng Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

梅 郡 榮 封 揚 杖 烈
桃 源 遺 曲 表 丹 心

Mai quận vinh phong dương trượng liệt;
Đào nguyên di khúc biểu đan tâm.

Tước phong Mai quận công oanh liệt;
Còn khúc Đào nguyên tỏ lòng son.

(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

北 京 鐵 石 辭 封 表
南 國 其 常 俸 日 功

Bắc Kinh thiết thạch từ phong biểu;
Nam quốc kỳ thường phủng nhật công.

Kiên quyết chối từ Bắc Kinh biểu;
Ngày ngày vui nhận Nam Việt công.

(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

弘 道 講 唐 開 理 學
使 化 詩 集 在 人 間

Hoằng Đạo giảng đường khai lý học;
Sứ Hoa thi tập tại nhân gian.

Hoằng Đạo giảng đường mở lý học;
Sứ Hoa thi tập sống với đời.

(Nhà thờ Phùng Khắc Khoan, Thạch Thất)

春 霄 風 月 月 引 花 色 風 引 花 香 香 生 色 色 生
香 香 香 色 色 滿 春 霄 相 思 客 與 相 思 客
夏 日 琴 詩 琴 寓 我 情 詩 寓 我 性 性 援 情
情 援 性 性 性 情 情 經 夏 日 知 音 人 識 知 音 人

Xuân tiêu phong nguyệt, nguyệt dẫn hoa sắc, phong dẫn hoa hương;
hương sinh sắc, sắc sinh hương; hương hương sắc sắc, mãn xuân tiêu;
tương tư khách dữ tương tư khác;
Hạ nhật cầm thi, cầm ngụ ngã tình, thi ngụ ngã tính; tính viện tình
tình viện tính; tính tính tình tình, kinh hạ nhật;
tri âm nhân thức tri âm nhân.

Trăng gió đêm xuân, trăng kéo sắc hoa, gió dẫn hương hoa; hương
sinh sắc, sắc sinh hương; hương hương sắc sắc, đầy đêm xuân;
người mong nhớ vui với người mong nhớ;
Thơ đàn ngày hạ, đàn gửi tình ta, thơ gửi tính ta; tính giúp tình, tình
giúp tính; tính tính tình tình, qua ngày hạ;
người hiểu ta biết được người hiểu ta.

(Giai thoại Phùng Khắc Khoan đi sứ)

三 木 森 庭 坐 著 好 兮 女 子
重 山 出 路 走 來 使 者 吏 人

Tam mộc sâm đình, tọa trước hảo hề nữ tử;
Trùng sơn xuất lộ, tẩu lai sứ giả lại nhân.

Ba cây che sân, ngồi đó là cô gái tốt;
Hai núi mở đường, đến đây ấy sứ lại nhân[1].
(Giai thoại Trạng Bùng đi sứ về gặp Chúa Liễu ở biên giới)

山人憑一几莫非仙女臨凡
文子帶長巾必是學生侍帳

Sơn nhân bằng nhất kỷ, mạc phi tiên nữ lâm phàm;
Văn tử đới trường cân, tất thị học sinh thị trướng.
Người núi ngồi một ghế, phải chăng tiên nữ xuống phàm;
Chàng văn chít khăn dài, đích thị học sinh giữ trướng[2].

講信修睦謂大同萬國衣裳之會
體國京野爲民極四方視聽維新

Giảng tín tu mục vị đại, đồng vạn quốc y thường chi hội;
Thể quốc kinh dã vi dân, cực tứ phương thị thính duy tân.
Lấy hòa mục lâu dài làm lớn, cùng các nước vào hội thái hòa;
Coi kinh quê toàn quốc là dân, khắp bốn phương nghe thấy duy tân.
(Bảo tồn, Huế)

白藤護戰功良將威名驚北地
海東留靈跡英雄心事對南天

Bạch Đằng hộ chiến công, lương tướng uy danh kinh Bắc địa;
Hải Động lưu linh tích, anh hùng tâm sự đối Nam thiên.
Hộ chiến trận Bạch Đằng, tướng giỏi uy danh kinh đất Bắc;
Linh tích còn Đông Hải, anh hùng tâm sự gửi trời Nam.
(Đền thờ Trần Quốc Tảng; Cửa Ông)

自古成名文址道
今時學位鼎高瘡

Tự cổ thành danh văn chỉ đạo;
Kim thời học vị đỉnh cao sang.
Từ cổ thành danh nhờ đường văn chỉ;
Thời nay học vị là đỉnh cao sang.

香泉恆大有
玉液蓋家人

---

[1] Ba chữ mộc là chữ sâm, chữ nữ và chữ tử là chữ hảo; hai chữ sơn là chữ xuất, chữ nhân và chữ lại là chữ sứ.

[2] (Sơn nhân là chữ Tiên; dưới chữ Bằng có chữ Kỷ; chữ Nhất và chữ Kỷ là chữ Phàm. Vế đối: Chữ Văn và chữ Tử là chữ Học; dưới chữ Đới là chữ Cân; chữ Trường và chữ Cân là chữ Trướng. Đây là giai thoại Trạng Bùng và Chúa Liễu).

Hương tuyền hằng đại hữu;
Ngọc dịch cái gia nhân.
Mạch thơm tuôn bất tận;
Nước ngọc tưới muôn nhà.

借 問 何 人 不 飲 水
未 知 誰 個 是 思 源
Tá vấn hà nhân bất ẩm thủy;
Vị tri thùy cá thị tư nguyên.
Thử hỏi ai là người không uống nước;
Chưa biết cá nhân nào nhớ nguồn.

父 母 養 生 德 重 恩 深 祈 解 脫
君 師 治 教 功 高 力 大 願 超 昇
Phụ mẫu dưỡng sinh, đức trọng ân thâm kỳ giải thoát;
Quân sư trị giáo, công cao lực đại nguyện siêu thăng.
Cha mẹ dưỡng sinh, nghĩa nặng ơn sâu cầu giải thoát.
Vua nuôi, thày dạy công cao sức cả, muốn siêu thăng.

常 將 不 盡 還 天 地
別 有 無 窮 待 古 人
Thường tương bất tận hoàn thiên địa;
Biệt hữu vô cùng đãi cổ nhân.
Thường đem cái vô cùng trả trời đất;
Riêng có kho bất tận đãi cổ nhân.

愛 國 一 心 忠 志 勇
重 宗 積 德 孝 義 仁
Ái quốc nhất tâm trung chí dũng;
Trọng tông tích đức hiếu nghĩa nhân.
Ái quốc một lòng: Trung, chí dũng;
Trọng tông tích đức: Hiếu, nghĩa, nhân.

人 道 五 常 皆 五 性
民 風 相 保 可 相 規
Nhân đạo ngũ thường giai ngũ tính;
Dân phong tương bảo khả tương quy.
Đạo người ngũ thường là ngũ tính;
Tục dân bảo hộ giữ gìn nhau.

有 德 人 皆 敬
施 恩 世 必 尊

Hữu đức nhân giai kính;
Thi ân thế tất tôn.

Có đức dân đều kính;
Thi ân đời ắt sùng.

待 人 寬 三 分 是 福
處 世 讓 一 步 爲 高

Đãi nhân khoan tam phân thị phúc;
Xử thế nhượng nhất bộ vi cao.

Đãi người rộng ba phần là làm phúc;
Xử thế nhường một bước ấy thanh cao.

禮 有 獻 牲 大 爲 貴 小 爲 貴
祭 洗 則 受 福 家 之 肥 族 之 肥

Lễ hữu hiến sinh, đại vi quý tiểuvi quý;
Tế tắc thụ phúc, gia chi phì tộc chi phì.

Lễ có việc hiến sinh, lớn cũng quý, nhỏ cũng quý;
Tế thì được hưởng phúc, ích cho họ, ích cho nhà.

建 造 基 培 新 制 度
重 修 保 養 舊 規 模

Kiến tạo cơ bồi tân chế độ;
Trùng tu bảo dưỡng cựu quy mô.

Kiến tạo bồi đắp quy mô mới;
Trùng tu bảo dưỡng nền móng xưa.

佛 道 親 客 廉 正 客
禪 門 遠 避 暴 姦 人

Phật đạo thân khách liêm chính khách;
Thiền môn viễn tỵ bạo gian nhân.

Đạo Phật thân với khách toàn là khách liêm chính;
Cửa thiền xa lánh bọn người bạo ngược gian tham.

丹 青 莫 測 靈 臺 狀
正 直 元 因 造 化 功

Đan thanh mạc trắc linh đài trạng;
Chính trực nguyên nhân tạo hóa công.

Bút sơn khó tả linh đài thực;
Chính trực làm đầu tạo hóa công.

君可以心對人爲善
佛常以法處世爲平

Quân khả dĩ tâm đối nhân vi thiện;
Phật thường dĩ pháp xử thế vi bình.

Vua hay dùng tâm đức đối nhân làm thiện;
Phật thường lấy pháp xử thế công bằng.

濁遇清流能濯性
生於人世乃知心

Trọc ngộ thanh lưu năng trạc tính;
Sinh ư nhân thế nãi tri tâm.

Đục gặp dòng trong nên gột rửa tính cách;
Người ta sống ở đời phải hiểu lòng nhau.

佛本慈悲不怒而威不言而信
人能善念有求必應有禱必通

Phật bản từ bi, bất nộ nhi uy, bất ngôn nhi tín;
Nhân năng thiện niệm, hữu cầu tất ứng, hữu đảo tất thông.

Phật vốn từ bi, không giận mà oai, không nói mà tín;
Người hay nghĩ tốt, hễ cầu là ứng, hễ đảo là thông.

隱居求其德
行義達其道

Ẩn cư cầu kỳ đức;
Hành nghĩa đạt kỳ đạo.

Ẩn cư để tỏ đức;
Làm việc nghĩa để đạt đạo mình.

詩禮微風徵壽世
軒岐實業願傳家

Thi lễ vi phong trưng thọ thế;
Hiên Kỳ thực nghiệp nguyện truyền gia.

Phong thái sách đèn nối đời bền vững;
Nghiệp y cứu thế mong muốn truyền gia.

接物以謙和情孚老少
待人推平恕澤溥鄉鄰

Tiếp vật dĩ khiêm hòa tình phu lão thiếu;
Đãi nhân suy bình thứ trạch phổ hương lân.
Tiếp đãi mọi người bằng đức khiêm hòa, được lòng già trẻ;
Xử thế đối nhân công bằng và nhân hậu, ơn khắp xóm làng.

明已矣信已矣斷已矣
學知之勉知之困知之
Minh dĩ hỹ, tín dĩ hỹ, đoán dĩ hỹ;
Học tri chi, miễn tri chi, khốn tri chi.
Rõ rồi đấy, đáng tin đấy, khẳng định rõ ràng rồi đấy;
Học mới biết, gắng mới biết, khổ công mới biết mọi điều.

興邦濟世皆勤學
國盛民安智慧通
Hưng bang tế thế giai cần học;
Quốc thịnh dân an trí tuệ thông.
Hưng bang cứu đời đều nhờ chăm học;
Nước thịnh dân yên trí tuệ phải thông.

文字如珠玉
姓名似河沙
Văn tự như châu ngọc;
Tính danh tự hà sa.
Văn tự quý như châu ngọc;
Tên tuổi rẻ tựa cát sông.

敬心百世不易
尊仰萬古如斯
Kính tâm bách thế bất dịch;
Tôn ngưỡng vạn cổ như tư.
Lòng cung kính trăm đời không đổi;
Chí vươn theo vạn cổ chẳng thay.

美俗維新村鄉興振
煙香依舊福澤留芳
Mỹ tục duy tân thôn hương hưng chấn;
Yên hương y cựu phúc trạch lưu phương.
Tục hay đổi mới, thôn làng hưng thịnh phấn chấn;
Khói hương như cũ, phúc trạch lưu đọng thơm hương.

尊 祖 敬 宗 倫 理 第 一 義
美 哉 奐 輪 於 斯 聚 族 鄉

Tôn tổ kính tông luân lý đệ nhất nghĩa;
Mỹ tai hoán luân ư tư tụ tộc hương.

Tôn kính tổ tông là ý nghĩa lớn nhất của luân lý;
Đẹp đẽ rực rỡ thay: nơi đây làng họ sum họp nhau.

施 報 恩 情 人 我 共
往 來 禮 敎 古 今 同

Thi báo ân tình nhân ngã cộng;
Vãng lai lễ giáo cổ kim đồng.

Có ân tình thì báo đáp, ai ai cũng vậy;
Phải qua lại theo lễ giáo, xưa nay như nhau.

既 勤 垣 墉 惟 其 塗 姿
詒 謀 燕 德 澤 萬 斯 年

Ký cần viên dung duy kỳ đồ tư;
Di mưu yến đức trạch vạn tư niên.

Đã chăm xây dựng lại khéo tô vẽ;
Thu vén che chở để ơn muôn đời.

桃 筆 花 盤 開 智 腦
金 鐘 木 鐸 喚 迷 魂

Đào bút hoa bàn khai trí não;
Kim chung mộc đạc hoán mê hồn.

Bút thắm mâm hoa mở mang trí não;
Chuông vàng mõ gỗ đánh thức hồn mê.

學 得 最 珍 天 上 策
書 留 不 盡 後 人 才

Học đắc tối trân thiên thượng sách;
Thư lưu bất tận hậu nhân tài.

Học được thì sách ở trên trời là cái quý nhất;
Sách lưu lại thì nhân tài đời sau bất tận sinh ra.

雄 國 基 光 標 柱 石
直 方 以 視 正 中 觀

Hùng quốc cơ quang tiêu trụ thạch;
Trực phương dĩ thị chính trung quan.

Nền nước vững mạnh sáng rõ nêu cao nơi cột đá;
Thói thẳng ngay biểu hiện ở sự sắp xếp chính chung.

師門澤薄淵源在
德樹根深雨露濃

Sư môn trạch bạc uyên nguyên tại;
Đức thụ căn thâm vũ lộ nồng.
(Thành Thái niên xuân; Lỗ Trai Mai Đình xã môn sinh đồng bái)
Học vấn cửa nhà thầy uyên bác;
Cây đức rễ sâu mưa thấm nhiều.
(Mùa xuân năm Thành Thái; Các môn sinh xã Lỗ Trai và Mai Đình cùng dâng)

道涵一理
化妙萬緣

Đạo hàm nhất lý;
Hóa diệu vạn duyên.
Đạo gồm một lẽ;
Dạy có muôn phương.

月巢鴈作千年夢
雪屋人迷一色工

Nguyệt sào nhạn tác thiên niên mộng;
Tuyết ốc nhân mê nhất sắc công.
Tổ trăng nhạn làm ngàn năm mộng;
Nhà tuyết người thích một thợ hay.

蓮發池中永劫淤泥無染獨
花開水上長時清氣有餘香

Liên phát trì trung vĩnh kiếp ứ nê vô nhiễm độc;
Hoa khai thủy thượng trường thời thanh khí hữu dư hương.
Sen sống trong hồ suốt kiếp bùn nhơ không dính được;
Hoa nở trong nước lâu dài khí mát vẫn còn thơm.

CHÚC MỪNG
VIẾNG THĂM

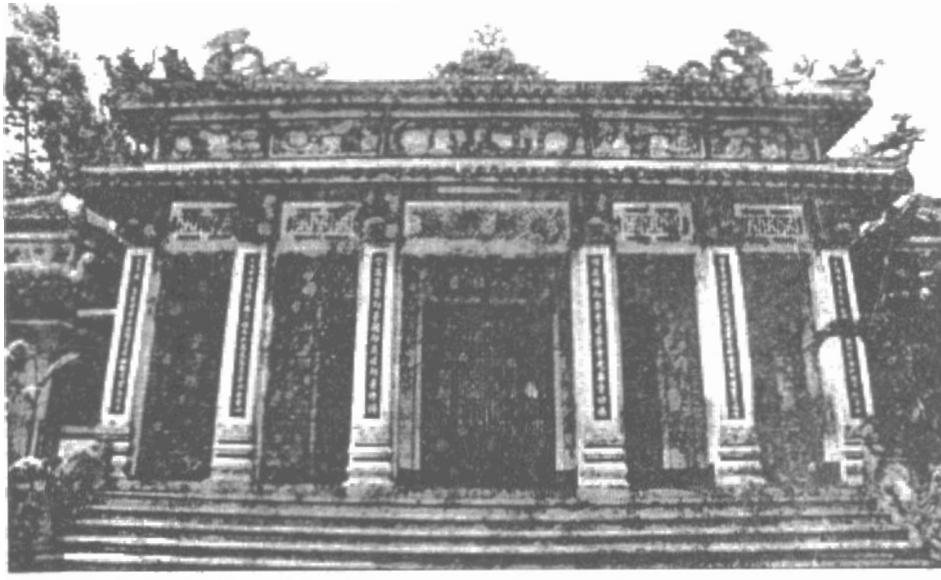

Câu đối ở chùa Từ Đàm
(TP. Huế)

保身保物保財產
利己利人利國家
Bảo thân bảo vật bảo tài sản.
Lợi kỷ lợi nhân lợi quốc gia.
Gữ thân giữ vật giữ tài sản.
Lợi mình lợi người lợi nước nhà.

大禍之時未受苦
防災而後更知甜
Đại hoạ chi thời vị thụ khổ.
Phòng tai nhi hậu cánh tri điềm.
Phải thời đại hoạ chưa từng khổ.
Sau lúc phòng tai mới thấy hay.

無由祈禱神難佑
有靠保安定勝天
Vô do kỳ đảo thần nan hựu.
Hữu kháo bảo an định thắng thiên.
Khấn cầu không cớ, thần khôn giúp.
Bảo an đã cậy người thắng trời.

千家保險千家樂
萬户平安萬户歡
Thiên gia bảo hiểm thiên gia lạc.
Vạn hộ bình an vạn hộ hoan.
Ngàn nhà bảo hiểm ngàn nhà sướng.
Vạn hộ bình yên vạn hộ vui.

勤儉千家多富有
防災萬户報平安
Cần kiệm thiên gia đa phú hữu.
Phòng tai vạn hộ báo bình an.
Cần kiệm nghìn nhà lắm giầu có.
Phòng tai muôn hộ báo bình an.

勤勞門第春來早
保險人家富自多
Cần lao môn đệ xuân lai tảo.
Bảo hiểm nhân gia phú tự đa.
Siêng năng con cháu, xuân về sớm.
Bảo hiểm nhà nhà, phúc sẽ nhiều.

平 安 無 事 多 宜 國
一 旦 有 災 可 保 安
Bình an vô sự đa nghi quốc.
Nhất đán hữu tai khả bảo an
Bình an vô sự, nước nên lo.
Tai hoạ sảy ra nhà sẽ ổn.

順 境 防 災 需 保 險
居 安 無 事 要 思 危
Thuận cảnh phòng tại nhu bảo hiểm.
Cư an vô sự yếu tư nguy.
Theo cảnh phòng tai, cần bảo hiểm.
Ở yên vô sự, nhớ khi nguy.

鳥 入 吉 林 多 富 瑞
人 臻 壽 域 賴 安 全
Điểu nhập cát lâm đa phúc thuỵ.
Nhân trăn thọ vực lại an toàn.
Chim thấy đất lành bay đến đậu.
Người giữ an toàn tuổi thọ cao.

不 可 臨 崖 才 勒 馬
莫 教 賊 走 始 關 門
Bất khả lâm nhai tài lặc mã.
Mạc giao tặc tẩu thuỷ quan môn.
Không thể sát vực mới dừng ngựa
Chớ nên giặc rút mới đóng thành.

奉 勸 日 前 休 惜 費
管 教 事 後 保 無 災
Phụng khuyến nhật tiền hưu tích phí.
Quản giáo sự hậu bảo vô tai.
Xin sớm khen ai đừng tiếc của.
Để sau việc sảy tránh tai ương.

寧 以 千 金 于 保 險
豈 可 一 日 不 防 災
Ninh dĩ thiên kim vu bảo hiểm.
Khởi khả nhất nhật bất phòng tai.
Thà lấy ngàn vàng gửi bảo hiểm.
Chớ nên một buổi chẳng phòng tai.

花少許前君莫惜
得多助處自無憂
Hoa thiểu hứa tiền quân mạc tích.
Đắc đa trợ xứ tự vô ưu.
Bỏ ít tiền mua trước, xin chớ tiếc.
Được nhiều nơi giúp, tự không lo.

自古無先知誰能免禍
而金有保險我可救災
Tự cổ vô tiên tri thuỳ năng miễn hoạ.
Nhi kim hữu bảo hiểm ngã khả cứu tai.
Tự coỏ chẳng tên tri, ai hay khỏi hoạ.
Ngày nay có bảo hiểm ta được cứu tai.

蟻穴潰堤土漸防微宜趁早
沉痾致命訪賢療疾莫延遲
Nghĩ huyệt hội đê đỗ tiệm phòng vi nghi sấn tảo.
Trầm kha chí mệnh phỏng hiền liệu tật mạc diên trì.
Tổ kiến vỡ đê, bịt kín lỗ rò, nên kịp sớm.
Ốm đau gần chết, tìm thầy chữa bệnh chớ lần khân.

謹慎行船莫到危時才補漏
運籌生計安能渴甚始掘井
Cẩn thận hành thuyền mạc đáo nguy thời tài bổ lậu.
Vận trù sinh kế an năng khát thậm thuỷ quật tỉnh.
Lái thuyền cẩn thận, chớ để lúc nguy, rò mới vá.
Mưu sinh tính toán, sao hay nước cạn giếng lo đào.

國泰民安太行春早頌長治
鶯歌燕舞皇水情濃慶泰平
Quốc thái dân an Thái Hàng xuân tảo tụng trường trị.
Oanh ca yến vũ Hoàng Thuỷ tình nùng khánh thái bình.
Quốc thái dân an, Thái Hàng xuân sớm ca đời trị.
Oanh ca yến múa, Hoàng Thuỷ tình sâu chúc thái bình.

國運興隆千家萬户頌安順
勁風駭蕩三山五岳唱康寧
Quốc vận hưng long, thiên gia vạn hộ tụng an thuận.
Kình phong hãi đãng tam sơn ngũ nhạc xướng khang ninh
Vận nước đang lên, ngàn nhà vạn hộ khen an thuận.
Sóng to gió lớn, ba non năm núi hát khang ninh.

安全第一八方舒心八處穩
康健當先一路順風一身輕
An toàn đệ nhất bát phương thư tâm bát xứ ổn.
Khang kiện đương tiên nhất lộ thuận phong nhất thân khinh.
An toàn trên hết, tám hướng an tâm, tám chỗ ổn.
Sức khoẻ hàng đầu, một đường xuôi gió một thân khinh.

取于民用于民心系萬民憂樂
功在國利在國事關一國長安
Thủ vu dân dụng vu dân tâm hệ vạn dân ưu lạc.
Công tại quốc lợi tại quốc sự quan nhất quốc trường an.
Lấy cho dân, dùng cho dân, quan hệ vạn dân sướng khổ.
Công ở nước, lợi ở nước, liên quan cả nước bình yên.

保而無患九州泰
化險爲夷百姓安
Bảo nhi vô hoạn cửu châu thái.
Hóa hiểm vi di bách tính an.
Gửi để không lo chin châu ổn.
Hóa khó thành dễ trăm họ yên.

玉屑凝成淡不厭
銀泥厚積淨無塵
Ngọc tiết ngưng thành đạm bất yếm.
Ngân nê hậu tích tịnh vô trần.
Ngọc vụn ngưng thành nhạt chẳng ngán.
Bạc bùn lắng đọng sạch không dơ.

瓦岳澄來銀有影
金刀割處玉無瑕
Ngoã nhạc trừng lai ngân hữu ảnh.
Kim đao cát xứ ngọc vô hà.
Bình gốm lắng trong ngời ánh bạc.
Dao vàng chỗ cắt ngọc không tì.

君子淡交禪參玉版
民間眞味品重香廚
Quân tử đạm giao thiền tham ngọc bản.
Dân gian chân vị phẩm trọng hương trù.

Quân tử thanh đạm, thiền chuộng bản ngọc
Dân gian hợp vị, phẩm quý hương thanh.

明 月 堪 持 贈
仁 風 待 奉 揚

Minh nguyệt kham trì tặng.
Nhân phong đãi phụng dương.
Trăng sáng đem ra tặng.
Gió nhân đợi được nêu.

妙 盾 人 風 剪
新 裁 對 月 圓

Diệu thuẫn nhân phong tiễn.
Tân tài đối nguyệt viên.
Khéo giúp khi vắng gió.
Mới may tựa trăng tròn.

清 風 生 掌 握
爽 氣 滿 胸 圓

Thanh phong sinh chưởng ác.
Sảng khí mãn hung viên.
Gió mát nắm uy quyền.
Sảng khoái đầy trong bụng.

影 動 半 輪 月
香 生 一 握 風

Ảnh động bán luân nguyệt.
Hương sinh nhất ác phong.
Phe phẩy nửa vành trăng.
Hương sinh một trận gió.

不 教 烈 日 當 頭 晒
自 有 仁 風 拂 面 來

Bất giao liệt nhật đương đầu sái.
Tự hữu nhân phong phất diện lai.
Chớ nên ngày nắng dãi phơi đầu.
Sẵn có gió xuân phe phẩy mặt.

舉 處 隨 時 消 酷 暑
動 來 常 伴 有 清 涼

Cử xứ tuỳ thời tiêu khốc thử.
Động lai thường bạn hữu thành lương.

Giương lên có thể trừ cơn nắng.
Cử động thường cho trận gió lành.

紫雲張日艷
繡羽帶風飄

Tử vân trương nhật diệm.
Tú vũ đái phong phiêu,.
Mây tía che ngày nắng.
Lông đẹp cuộn gió bay.

千顆碎珠寒帶雪
半身柔翠冷披煙

Thiên khoả toái châu hàn đới tuyết.
Bán thân nhu thuý lãnh phi yên.
Trời tuyết lạnh hàng ngàn ngọc vụn.
Hơi lạnh bay thấy ấm nửa người.

任是滂沱至大道
偏能坦蕩到光天

Nhậm thị bàng đà chí đại đạo.
Thiên năng thản đãng đáo quang thiên.
Gặp mưa tầm tã trên đường lớn.
Vẫn hay bình thản đợi trời quang.

往來宛似祥雲覆
出入何嫌細雨淋

Vãng lai uyển tự tường vân phú.
Xuất nhập hà hiềm tế vũ lâm.
Ung dung khép mở mây lành phủ.
Há ngại ra vào mưa bụi bay.

鐵骨根根撐苦雨
絹花朵朵蔽驕陽

Thiết cốt căn căn xanh khổ vũ.
Quyên hoa đoá đoá tế kiêu dương.
Cốt sắt từng nan đỡ khổ mưa.
Lụa hoa mỗi mảnh che trời nắng.

虛心原具沖風力
瘦骨由懷向日心

Hư tâm nguyên cụ xung phong lực.
Sấu cốt do hoài hướng nhật tâm

Bụng rỗng vẫn thừa hơi căng gió.
Xương mai còn nhớ hướng lên trời.

不 愁 夕 陽 去
還 有 夜 珠 來
Bất sầu tịch dương khứ.
Hoàn hữu dạ châu minh.
Chẳng lo nắng chiều tắt.
Sẵn có dạ minh châu,.

閃 影 同 天 笑
流 光 奪 月 輝
Thiểm ảnh đồng thiên tiếu.
Lưu quang đoạt nguyệt huy.
Lấp lánh cười với trời.
Vẻ sáng, mờ vầng nguyệt.

光 輝 九 天 能 奪 月
輝 煌 一 室 勝 懸 珠
Quang huy cửu thiên năng đoạt nguyệt.
Huy hoàng nhất thất thắng huyền châu.
Sáng láng chín tầng trăng cũng kém
Huy hoàng một cửa ngọc còn thua.

百 尺 高 懸 如 皎 月
一 燈 遠 照 若 明 星
Bách xích cao huyền như giảo nguyệt.
Nhất đăng viễn chiếu nhược minh tinh.
Trăm thước treo cao tựa ánh trăng.
Một ngọn chiếu xa như sao sáng.

丰 富 文 化 生 活
有 益 身 心 健 康
Phong phú văn hoá sinh hoạt.
Hữu ích thân tâm kiện khang.
Dồi dào sinh hoạt văn hoá.
Giúp cho khoẻ khoắn tinh thần.

書 畫 詩 歌 頌 大 治
吹 拉 彈 唱 慶 升 平
Thư hoạ thi ca tụng đại trị.
Suy lạp đàn xướng khánh thăng bình.

Thư hoạ thi ca mừng đại trị.
Sáo đàn hát xướng chúc thanh bình.

金 谷 園 中 羅 錦 繡
玉 樓 天 半 起 生 歌

Kim cốc viên trung la cẩm tú.
Ngọc lâu thiên bán khởi sinh ca.
Hang vàng khắp vườn bầy gấm vóc.
Lầu ngọc lưng trời rộn hát ca.

畫 印 詩 書 娛 遠 志
琴 棋 簫 笛 養 精 神

Họa ấn thi thư ngộ viễn chí.
Cầm kỳ tiêu địch dưỡng tinh thần.
Hội hoạ văn thơ vui chí hướng.
Đàn cờ tiêu sáo dưỡng tinh thần.

說 唱 彈 拉 度 周 末
書 删 影 視 偕 公 余

Thuyết xướng đàn lạp độ chu mạt.
Thư san ảnh thị giai công dư.
Nghe hát chơi đàn, tuần ngày cuối.
Xem phim đọc sách, lúc giờ dư.

今 人 能 爲 古 人 曲
聽 者 當 知 彈 者 情

Kim nhân năng vị cổ nhân khúc.
Thính giả đương tri đàn giả tình.
Người nay khúc soạn vì người xưa.
Khách nghe đàn thấu tình kẻ dạo.

天 然 圖 畫
一 曲 陽 春

Thiên nhiên đồ hoạ.
Nhất khúc dương xuân.
Bức vẽ thiên nhiên.
Dương xuân một khúc.

古 今 眞 樂 府
天 地 大 梨 園

Cổ kim chân lạc phủ.
Thiên địa đại lê viên.

Nhạc phủ đúng xưa nay.
Sân khấu lớn giữa trời.

傳 神 眞 寶 鏡
寫 意 大 文 章

Truyền thần chân bảo kính.
Tả ý đại văn chương.

Lột được đúng thần người.
Tả hết ý văn chương.

明 月 臨 歌 扇
新 花 艶 舞 衣

Minh nguyệt lâm ca phiến.
Tân hoa diệm vũ y.

Trăng sáng chiếu sàn diễn.
Hoa tươi đẹp vũ y.

清 歌 凝 白 雪
妙 舞 散 紅 霞

Thanh ca ngưng bạch tuyết
Diệu vũ tán hồng hà.

Ca tụng ngưng tuyết trắng.
Múa đẹp tản ráng hồng.

玉 樓 天 半 笙 歌 起
蓬 島 仙 班 笑 話 和

Ngọc lâu thiên bán sinh ca khởi.
Bồng đảo tiên ban tiếu thoại hoà.

Lầu ngọc lưng trời đàn sáo rộn.
Bồng đảo bày tiên cất tiếng ca.

借 虛 事 指 點 實 事
托 古 人 提 醒 今 人

Tích hư sự chỉ điểm thực sự.
Thác cổ nhân đề tỉnh kim nhân.

Đem chuyện bịa rạch ròi chuyện thực.
Mượn người xưa thức tỉnh người nay.

怒 罵 笑 啼 皆 學 問
悲 歡 歸 去 盡 人 情

Nộ mạ tiếu đề giai học vấn.
Bi hoan quy khứ tận nhân tình.

Mắng giận khóc cười, đều phải học.
Buồn vui đi lại thực tình người.

假 笑 啼 中 眞 面 目
新 歌 舞 里 舊 衣 冠

Giả tiếu đề trung chân diện mục.
Tân ca vũ lý cựu y quan.

Trong cười khóc giả, thực diện mạo.
Chốn ca múa mới, cũ xiêm y.

欲 知 世 上 觀 臺 上
不 識 今 人 看 古 人

Dục tri thế thượng quan đài thượng.
Bất thức kim nhân khán cổ nhân.

Việc đời muốn biết xem sân khấu.
Người nay không hiểu ngắm người xưa.

有 聲 畫 譜 描 人 物
無 字 文 章 寫 古 人

Hữu thanh hoạ phổ miêu nhân vật.
Vô tự văn chương tả cổ nhân.

Hoạ phổ có lời vẽ nhân vật.
Văn chương không chữ tả xưa nay.

能 令 公 喜 能 令 公 怒
歌 也 有 懷 哭 也 有 思

Năng linh công hỷ năng linh công nộ.
Ca dã hữu hoài khốc dã hữu tư.

Hay khiến ông mừng, hay khiến ông giận.
Hát vậy có tâm, khóc vậy có tình.

不 大 地 方 可 國 可 家 可 天 下
平 常 人 物 爲 將 爲 相 爲 名 神

Bất đại địa phương khả quốc khả gia khả thiên hạ.
Bình thường nhân vật vi tương vi tướng vi danh thần.

Mảnh sân không rộng, đấy nước, đấy nhà, đấy thiên hạ.
Nhân vật bình thường, là quan là tướng , là danh thần.

天 風 鳴 爽 籟
韻 語 滌 塵 襟

Thiên phong minh sảng lại.
Vận ngữ địch trần khâm.
Gió trời thổi ống sáo.
Vần điệu gột bụi trần.

與客笑言風月事
盡人評說古今情
Dữ khách tiếu ngôn phong nguyệt sự.
Tận nhân bình thuyết cổ kim tình.
Cùng khách nói cười chuyện trăng gió.
Với người bình luận tình xưa nay.

拍案驚奇牽魂魄
章回說岳辨忠姦
Phách án kinh kì khiên hồn phách.
Chương hồi thuyết nhạc biện trung gian.
Vỗ án ghê thay dẫn hồn phách.
Chương hồi thuyết lý biện ngay gian.

眞眞假假調情理
假假眞眞勸世人
Chân chân giả giả điều tình lý.
Giả giả chân chân khuyến thế nhân.
Chân chân giả giả cũng tình lý.
Giả giả chân chân khuyên thế gian.

啓只陽春欣白雪
更多下里樂巴人
Khởi chỉ dương xuân hân bạch tuyết.
Cánh đa hạ lý lạc ba nhân.
Đâu chỉ dương xuân ưa bạch tuyết (hai khúc nhạc cổ)
Còn nhiều hạ lý chuộng ba nhân (hai khúc hát cổ)

說古談今神情畢肖
鳴箏弄策風月無邊
Thuyết cổ đàm kim thần tình tất tiêu.
Minh tranh lộng sách phong nguyệt vô biên.
Nói xưa bàn nay thần trí tiêu tan.
Gảy đàn dỡn thẻ gió trăng vô hạn.

把古往今來重新說起
將悲歡離合再敘從頭

Bả cổ vãng kim lai, trùng tân thuyết khởi.
Tương bi hoan ly hợp, tái tự tòng đầu
Lượm chuyện cũ việc nay, đề ra thuyết mới.
Đem vui buồn tan hợp, kể lại từ đầu.

三 寸 舌 談 古 論 今 活 靈 活 現
一 尺 木 表 忠 伐 逆 越 說 越 奇
Tam thốn thiệt đàm cổ luận kim hoạt linh hoạt hiện.
Nhất xích mộc biểu trung phạt nghịch việt thuyết việt kỳ.
Ba tấc lưỡi bàn xưa, luận nay, thoắt ẩn thoắt hiện.
Một cây gậy tỏ trung, đánh giặc, càng nói càng kỳ.

從 容 施 藥
厚 朴 行 醫
Thung dung thi dược
Hậu phác hành y.
Thung dung[1] cắt thuốc.
Hậu phác[2] hành y.

岐 黃 事 業
菩 薩 心 腸
Kỳ hoàng sự nghiệp.
Bồ tát tâm trường.
Sự nghiệp kỳ, hoàng[3].
Tấm lòng bồ tát.

尋 氣 如 尋 病
逐 愁 便 逐 災
Tầm khí như tầm bệnh.
Trục sầu tiện trục tai.
Tìm khí như tìm bệnh.
Đuổi sầu sẽ đuổi tai.

但 愿 人 皆 健
何 妨 我 獨 貧
Đản nguyện nhân giai kiện.
Hà phương ngã độc bần.
Chỉ muốn mọi người khoẻ.
Sao hỏi riêng ta nghèo.

---

(1), (2) Tên hai vị thuốc
(3) Kỳ Bá và Hoàng đế là hai vị tổ của đông y dược Trung Quốc.

苦 心 求 妙 述
圣 手 去 沉 病
Khổ tâm cầu diệu thuật.
Thánh thủ khử trầm kha.
Khổ tâm cầu thuật giỏi.
Tay thánh dứt bệnh lâu

讀 史 常 懷 經 世 略
檢 方 更 著 活 人 書
Độc sử thường hoài kinh thế lược.
Kiểm phương cánh trước hoạt nhân thư.
Đọc sử những mong thông xử thế.
Tìm phương nhằm soạn sách cứu người.

我 以 公 余 詢 疾 苦
君 將 仁 述 去 瘡 痍
Ngã dĩ công dư tuần tật khổ.
Quân tương nhân thuật khử sang di.
Ta lấy lúc nhàn thăm bệnh tật.
Ông đem nhân thuật chữa thương đau.

妙 藥 銀 針 除 病 痛
丹 心 聖 手 保 安 康
Diệu dược ngân trâm trừ bệnh thống.
Đan tâm thánh thủ bảo an khang.
Thuốc hay, trâm bạc, trừ đau bệnh.
Lòng son, tay thánh, giữ an khang.

濟 世 風 清 醫 國 手
通 方 原 是 讀 書 人
Tế thế phong thành y quốc thủ.
Thông phương nguyện thị độc thư nhân.
Chữa bệnh nổi danh thầy cả nước.
Phương hay nhờ ở sách xem nhiều.

暢 通 渠 道
廣 辟 財 源
Sướng thông cừ đạo.
Quảng tịch tài nguyên.
Khơi thông mương máng.
Mở rộng tài nguyên.

爲 四 方 顧 客
立 三 尺 柜 臺
Vị tứ phương cố khách.
Lập tam xích cự đài.
Vì khách hàng bốn phương.
Dựng quầy cao ba thước.

城 招 天 下 客
香 引 洞 中 仙
Thành chiêu thiên hạ khách.
Hương dẫn động trung tiên.
Vui đón khách thiên hạ.
Hương đưa người động tiên.

多 想 生 財 道
廣 開 致 富 門
Đa tưởng sinh tài đạo.
Quảng khai trí phú môn.
Nghiền ngẫm đường sinh lợi.
Mở rộng cửa làm giàu.

喜 集 八 方 化
笑 迎 四 海 賓
Hỷ tập bát phương hoá.
Tiếu nghinh tứ hải tân.
Gom hành hoá tám phương.
Đón khách hàng bốn biển.

爲 人 民 服 務
開 企 業 財 源
Vị nhân dân phục vụ
Khai xí nghiệp tài nguyên.
Vị nhân dân phục vụ.
Mở tài nguyên xí nghiệp.

通 八 方 信 息
聚 四 海 資 財
Thông bát phương tín tức.
Tụ tứ hải tư tài.
Thông tin tức tám phương.
Lượm tiền của bốn biển.

物 美 昌 銷 路
價 廉 稱 客 心
Vật mỹ xương tiêu lộ.
Giá liêm xứng khách tâm.
Hàng đẹp dễ tiêu thụ.
Giá rẻ khách vừa lòng.

琳 良 滿 目 貨
買 賣 稱 心 門
Lâm lương mãn mục hoá.
Mãi mại xứng tâm môn.
Hàng rực rỡ ngợp mắt.
Giá mua bán vừa lòng.

通 商 重 信 義
和 眾 得 安 康
Thông thương trọng tín nghĩa.
Hoà chúng đắc an khang.
Buôn bán trọng tín nghĩa.
Hoà nhã được an khang.

昌 期 開 景 遠
泰 象 啓 陽 春
Xương kỳ khai cảnh viễn.
Thái tượng khải dương xuân.
Thời thịnh mở viễn cảnh.
Tượng thái chỉ đầu xuân.

吉 星 欣 在 店
祥 靄 喜 盈 門
Cát tinh hân tại điếm.
Tường ái hỷ doanh môn
Sao tốt vui ở điếm.
Mây lành mừng đầy nhà.

貨 物 任 挑 選
經 商 通 有 無
Hoá vật nhậm khiêu tuyển.
Kinh thương thông hữu vô.
Hàng hóa qua chọn lựa.
Kinh doanh biết có không.

貨 好 門 如 市
心 公 客 自 來
Hoá hảo môn như thị.
Tâm công khách tự lai.
Hàng tốt cửa như chợ.
Công tâm khách khỏi mời.

生 意 興 隆 通 四 海
財 源 茂 盛 達 三 江
Sinh ý hưng long thông tứ hải.
Tài nguyên mậu thịnh đạt tam giang.
Buôn bán hưng vượng thông bốn biển.
Tài nguyên phồn thịnh nối ba sông.

財 如 曉 日 騰 雲 起
利 自 春 潮 帶 雨 來
Tài như hiểu nhật đằng vân khởi.
Lợi tự xuân trào đới vũ lai.
Tiền như ngày đẹp cưỡi mây bay.
Lợi tựa triều xuân đem nước tới.

門 迎 曉 日 財 源 廣
户 納 春 風 吉 慶 多
Môn nghinh hiểu nhật tài nguyên quảng.
Hộ nạp xuân phong cát khánh đa.
Cửa chào ngày sớm tài nguyên lắm.
Nhà đón gió xuân cát khánh nhiều.

名 碑 譽 滿 三 江 水
好 貨 能 招 四 海 賓
Danh bi dự mãn tam giang thuỷ.
Hảo hoá năng chiêu tứ hải tân.
Danh bia tiếng ngập nước ba sông.
Hàng tốt hay thu khách bốn biển.

事 與 人 便 人 稱 便
貨 招 客 來 客 自 來
Sự dữ nhân tiện nhân xưng tiện.
Hoá chiêu khách lai khách tự lai.
Việc cho người tiện người khen tiện.
Hàng kéo khách về khách tự về.

東 無 西 有 通 無 有
我 需 你 求 供 需 求
Đông vô tây hữu thông vô hữu.
Ngã nhu nhĩ cầu cung nhu cầu.
Đông không tây có thông không có.
Tôi cung anh cầu cùng cung cầu.

文 明 經 商 生 意 好
禮 貌 待 客 光 顧 多
Văn minh kinh thương sinh ý hảo.
Lễ mạo đãi khách quang cố đa.
Kinh doanh văn minh buôn bán tốt.
Nhã nhặn với khách chiếu cố đông.

國 增 財 富 店 增 貨
柜 滿 春 風 客 滿 門
Quốc tăng tài phú điếm tăng hoá.
Cự mãn xuân phong khách mãn môn.
Nước tăng giàu có quán tăng hàng.
Quầy đầy gió xuân khách đầy cửa.

門 市 笑 迎 遠 近 客
柜 臺 喜 納 城 鄉 人
Môn thị tiếu nghinh viễn cận khách.
Cự đài hỷ nạp thành hương nhân.
Cổng chợ vui đón khách xa gần.
Sạp hàng mừng thấy người quê tỉnh.

三 尺 柜 臺 傳 暖 意
一 張 笑 臉 帶 春 風
Tam xích cự đài truyền noãn ý.
Nhất trương tiếu kiểm đới xuân phong.
Ba thước sạp hàng truyền ý tốt.
Một nụ cười tươi chứa gió xuân.

互 濟 有 無 需 貿 易
廣 交 朋 友 促 供 銷
Hỗ tế hữu vô nhu mậu dịch;
Quảng giao bằng hữu xúc cung tiêu.
Cùng chở có không cần mậu dịch.
Rộng chơi bầu bạn đẩy cung tiêu.

門 市 不 缺 應 時 貨
營 業 常 存 周 到 心

Môn thị bất khuyết ưng thời hoá.
Doanh nghiệp thường tồn chu đáo tâm.

Cửa chợ không thiếu hàng hợp thời.
Doanh nghiệp có thừa lòng chu đáo.

服 務 人 民 多 供 應
支 援 建 設 積 資 金

Phục vụ nhân dân đa cung ứng.
Chi viện kiến thiết tích tư kim.

Phục vụ nhân dân cung ứng lắm.
Góp công xây dựng vốn cần nhiều.

東 購 西 銷 調 多 補 少
南 裝 北 運 以 有 易 無

Đông cấu tây tiêu điều đa bổ thiểu.
Nam trang bắc vận dĩ hữu dịch vô.

Tây bán đông mua, thiếu thừa điều chỉnh.
Nam cần bắc chuyển, lấy có thay không.

一 點 公 心 平 似 水
十 分 生 意 穩 如 山

Nhất điểm công tâm bình tự thuỷ.
Thập phần sinh ý ổn như sơn.

Một điểm công tâm ổn như nước.
Mười phần buôn bán vững như non.

貨 物 齊 全 選 挑 不 厭
價 錢 公 道 老 少 無 欺

Hoá vật tề toàn tuyển khiêu bất yếm.
Giá tiền công đạo lão thiếu vô khi.

Hàng hoá tốt đều, chọn lựa không ngán.
Giá tiền giữ chung, già trẻ chẳng khinh.

交 流 會 上 花 如 錦
生 意 行 中 客 滿 門

Giao lưu hội thượng hoa như cẩm.
Sinh ý hàng trung khách mãn môn.

Trong hội giao lưu hoa tựa gấm.
Ở nơi buôn bán khách đầy nhà.

靈 活 經 營 財 源 茂 盛
薄 利 多 銷 生 意 興 隆

Linh hoạt kinh doanh tài nguyên mậu thịnh.
Bạc lợi đa tiêu sinh ý hưng long.

Kinh doanh linh hoạt, phồn thịnh tài nguyên.
Lãi ít bán nhiều, chấn hưng buôn bán.

經 商 信 義 堅 如 鐵
謀 利 毫 厘 薄 似 雲

Kinh thương tín nghĩa kiên như thiết.
Mưu lợi hào ly bạc tự vân.

Kinh doanh tín nghĩa cứng như thép.
Mưu lợi hào ly mỏng tựa mây.

禮 謙 宜 貿 無 論 東 南 西 北
應 時 便 民 當 分 春 夏 秋 冬

Lễ khiêm nghi mậu vô luận đông nam tây bắc.
Ứng thời tiện dân đương phân xuân hạ thu đông.

Lễ nghi đúng mực chẳng kể đông nam tây bắc.
Đúng thời tiện dân phải phân xuân hạ thu đông.

喜 待 東 西 南 北 客
樂 談 姐 妹 弟 兄 情

Hỷ đãi đông tây nam bắc khách.
Lạc đàm thư muội đệ huynh tình.

Mừng đón khách đông tây nam bắc.
Vui ôn tình anh em chị em.

以 天 下 爲 己 任 丹 心 似 火
把 顧 客 當 親 人 笑 臉 如 春

Dĩ thiên hạ vi kỷ nhiệm đan tâm tự hoả.
Bả cố khách đương thân nhân tiếu kiểm như xuân.

Lấy thiên hạ làm việc mình lòng son tựa lửa.
Coi khách hàng như người thân cười tươi như xuân.

五 洲 信 息 靈 通 風 馳 電 掣
四 海 財 源 發 達 雨 聚 雲 蒸

Ngũ châu tín tức linh thông phong trì điện xiết.
Tứ hải tài nguyên phát đạt vũ tụ vân chưng.

Tinh thông tin tức năm châu, gió lay chớp giật.
Thu thập tài nguyên bốn biển, mây tụ mưa vần.

進 店 來 人 人 滿 意
出 門 去 個 個 稱 心
Tiến điếm lai nhân nhân mãn ý.
Xuất môn khứ cá cá xứng tâm.
Vào nhà hàng, người người xứng ý.
Ra khỏi cửa, kẻ kẻ vui lòng.

眼 觀 六 路 分 析 市 場 變 化
耳 聽 八 方 弄 清 群 眾 需 求
Nhãn quan lục lộ phân tích thị trường biến hoá.
Nhĩ thính bát phương lộng thanh quần chúng nhu cầu.
Mắt nhìn sáu ngả, phân tích thị trường biến diễn.
Tai nghe tám hướng, nhận ra quần chúng nhu cầu.

百 問 不 煩 百 拿 不 厭
笑 容 常 展 笑 口 常 開
Bách vấn bất phiền bách nã bất yếm.
Tiếu dung thường triển tiếu khẩu thường khai.
Trăm hỏi chẳng phiền, trăm đòi chẳng ngán.
Nét mặt thường tươi, nụ cười thường nở.

語 似 春 風 吹 暖 四 方 八 面
心 如 爐 火 映 紅 萬 户 千 家
Ngữ tự xuân phong suy noãn tứ phương bát diện.
Tâm như lô hoả ánh hồng vạn hộ thiên gia.
Lời tựa gió xuân, thổi ấm bốn phương tám hướng.
Lòng như bếp lửa, soi hồng muôn hộ nghìn nhà.

春 滿 柜 臺 五 光 四 色
貨 盈 櫥 架 萬 紫 千 紅
Xuân mãn cự đài ngũ quang thập sắc.
Hoá doanh trù hạ vạn tử thiên hồng.
Sạp hàng đầy xuân năm màu mười sắc.
Hàng bầy chật giá muôn tía nghìn hồng.

細 語 笑 顏 待 客 最 需 重 禮 貌
耐 心 誠 意 經 商 貴 在 講 文 明
Tế ngữ tiếu nhan đãi khách tối nhu trọng lễ mạo;
Nại tâm thành ý kinh thương quý tại giảng văn minh.
Cười nói nhẹ nhàng, tiếp khách rất cần coi trọng lễ.
Ý tình nhẫn nại, kinh doanh quý ở có văn minh.

文明經商丹心似火三冬暖
禮貌待客笑臉如春一店香
Văn minh kinh thương đan tâm tự hoả tam đông noãn.
Lễ mạo đãi khách tiếu kiểm như xuân nhất điếm hương.
Kinh doanh văn minh, lòng son tựa lửa ấm ba đông.
Lễ phép đón mời, vẻ mặt như xuân thơm một cửa.

經營有述不在店堂大與小
貿易無欺全憑貨物美與眞
Kinh doanh hữu thuật bất tại điếm đường đại dữ tiểu.
Mậu dịch vô khi toàn bằng hoá vật mỹ dữ chân.
Kinh doanh có thuật, cửa hàng đâu ở nhỏ hay to.
Mậu dịch không lừa, hàng hoá phải là thật và đẹp.

貨有急時需有略自然無限
誠爲聚財本積少可以成多
Hoá hữu cấp thời nhu hữu lược tự nhiên vô hạn.
Thành vi tụ tài bản tích thiểu khả dĩ thành đa.
Hàng phải kịp thời trù tính trước tự nhiên vô hạn.
Của cần tích luỹ vốn từ nhỏ có thể thành lớn.

曉日騰雲財源拾似泉中水
春風送雨生意如同錦上花
Hiểu nhật đằng vân tài nguyên thập tự tuyền trung thuỷ.
Xuân phong tống vũ sinh ý như đồng cẩm thượng hoa.
Sáng sớm cưỡi mây, tài nguyên tựa suối nguồn nước chảy.
Gió xuân mưa tiễn, buôn bán như gấm dệt hoa thêu.

物美價廉顧客如雲爭購買
貨眞質好來賓似雨喜分銷
Vật mỹ giá liêm cố khách như vân tranh cấu mãi.
Hoá chân chất hảo lai tân tự vũ hỷ phân tiêu.
Của đẹp giá hời, tranh mua khách đến tựa mây dồn.
Hàng thật chất tốt, muốn sắm người đi như nước chảy.

線腦計頭小商品百挑不厭
布匹家電大路貨一色俱全
Tuyến não châm đầu tiểu thương phẩm bách khiêu bất yếm.
Bố sất gia điện đại lộ hoá nhất sắc câu toàn.
Chỉ buộc kim cài mặt hàng vặt, trăm chọn không ngán.
Vải vóc đồ điện, vật dụng to, một vẻ vẹn toàn.

四 壁 騰 輝 星 羅 棋 布
八 面 生 春 霞 蔚 雲 蒸
Tứ bích đằng huy tinh la kỳ bố.
Bát diện sinh xuân hà uất vân chưng.
Bốn vách rực rỡ, hàng bày la liệt.
Tám mặt tươi vui, ráng mây huy hoàng.

服 務 人 民 南 北 貨 任 君 挑 選
支 援 生 產 城 鄉 情 由 我 溝 通
Phục vụ nhân dân nam bắc hoá nhiệm quân khiêu tuyển.
Chi viện sinh sản thành hương tình do ngã câu thông.
Hàng nam bắc phục vụ nhân dân, xin ông lựa chọn.
Giúp phố làng chi viện sản xuất, việc tôi điều hành.

有 道 經 營 貨 略 五 湖 四 海
周 全 服 務 心 懷 萬 户 千 家
Hữu đạo kinh doanh hoá lược ngũ hồ tứ hải.
Chu toàn phục vụ tâm hoài vạn hộ thiên gia.
Kinh doanh có đạo, hàng đến tận năm hồ bốn biển.
Phục vụ chu toàn, lòng nghĩ về vạn hộ muôn nhà.

貨 好 譽 千 家 不 愧 誠 中 取 利
樓 高 盈 百 尺 長 從 微 處 便 民
Hoá hảo dự thiên gia bất quý thành trung thủ lợi.
Lâu cao doanh bách xích trường tòng vi xứ tiện dân.
Hàng tốt nghìn nhà khen, chẳng thẹn phố phường kiếm lợi.
Lầu cao trên trăm thước, vẫn đi ngõ hẹp dân nghèo.

百 貨 商 店 店 里 百 貨 如 意 店
一 顆 紅 心 心 中 一 顆 爲 民 心
Bách hoá thương điếm, điếm lý bách hoá, như ý điếm.
Nhất khoả hồng tâm, tâm trung nhất khoả, vị dân tâm.
Bách hoá thương hiệu, hiệu đủ bách hoá, đẹp lòng hiệu
Một tấm thịnh tình, tình dù một tấm, vì dân tình.

精 美 齊 全 銷 春 夏 秋 冬 之 貨
熱 情 周 到 迎 東 西 南 北 之 人
Tinh mỹ tề toàn tiêu xuân hạ thu đông chi hoá.
Nhiệt tình chu đáo nghinh đông tây nam bắc chi nhân.
Tinh xảo giống nhau, hàng bán thu đông xuân hạ.
Nhiệt tình chu đáo, đón người nam bắc đông tây.

雲 錦 天 仙 織
霓 裳 巧 婦 裁
Vân cẩm thiên tiên chức.
Nghê thường xảo phụ tài.
Mây gấm tiên trời dệt.
Xiêm áo vợ khéo may.

紫 白 紅 黃 皆 悅 目
麻 棉 毛 葛 總 人 時
Tử bạch hồng hoàng giai duyệt mục.
Ma miên mao cát tổng nhân thời.
Tía trắng hồng vàng đều đẹp mắt.
Gai đay tơ vải cũng theo thời.

雲 霞 分 五 色
錦 繡 聚 千 絲
Vân hà phân ngũ sắc.
Cẩm tú tụ thiên ty.
Ráng mây chia năm sắc.
Gấm dệt họp ngàn tơ.

風 吐 絲 綸 成 五 色
龍 蟠 錦 繡 燦 千 花
Phong thổ ty luân thành ngũ sắc.
Long bàn cẩm tú xán thiên hoa.
Gió nhả dây tơ thành ngũ sắc.
Rồng vờn gấm dệt rạng ngàn hoa.

機 逐 回 文 巧
花 依 錦 字 明
Cơ trục hồi văn xảo.
Hoa y cẩm tự minh.
Khéo may kiểu hồi văn.
Hoa tươi nhờ chữ gấm.

萬 國 山 川 藏 彩 線
四 時 花 鳥 貯 金 針
Vạn quốc sơn xuyên tàng thái tuyến.
Tứ thời hoa điểu trữ kim châm.
Chỉ màu chứa núi sông muôn nước.
Kim khâu gom hoa điểu bốn mùa.

冷 暖 隨 人 意
纏 綿 動 客 心
Lãnh noãn tuỳ nhân ý.
Triền miên động khách tâm.
Ấm lạnh tuỳ ý người.
Uyển chuyển động lòng khách.

美 富 文 章 雲 蒸 霞 蔚
經 綸 事 業 錦 簇 花 團
Mỹ phú văn chương vân chưng hà uý.
Kinh luân sự nghiệp cẩm thốc hoa đoàn.
Văn chương phong phú đẹp tựa ráng mây.
Sự nghiệp kinh luân tươi như hoa gấm.

欲 知 世 上 經 綸 美
試 看 機 頭 組 織 工
Dục tri thế thượng kinh luân mỹ.
Thí khán cơ đầu tổ chức công.
Muốn biết trên đời may mặc đẹp
Thử xem máy móc khéo gia công.

掌 握 千 絲 織 就 中 天 美 錦
胸 羅 萬 象 繡 成 上 宛 奇 葩
Chưởng ác thiên ty chức tưu trung thiên mỹ cẩm.
Hung la vạn tượng tú thành thượng uyển kỳ ba.
Nắm giữ ngàn tơ, dệt được giữa trời gấm đẹp.
Bụng giàn muôn vẻ, thêu nên thượng uyển kỳ hoa.

尺 量 神 韻
剪 得 風 流
Xích lượng thần vận.
Tiễn đắc phong lưu.
Thước đo khéo léo.
Lưỡi kéo phong lưu.

金 針 堪 度 世
玉 尺 待 量 才
Kim châm kham độ thế.
Ngọc xích đãi lượng tài.
Kim vàng để giúp đời.
Thước ngọc chờ người giỏi.

金 針 鳳 舞
玉 尺 龍 飛
Kim châm phượng vũ
Ngọc xích long phi.
Kim vàng phượng múa.
Thước ngọc rồng bay.

花 隨 玉 指 添 春 色
聲 引 秋 絲 逐 曉 風
Hoa tuỳ ngọc chỉ thiêm xuân sắc.
Thanh dẫn thu ty trục hiểu phong.
Hoa nhờ tay ngọc thêm xuân sắc.
Thanh dẫn tơ thu đuổi gió mai.

寒 衣 熨 出 春 風 暖
彩 線 添 成 瑞 氣 多
Hàn y uất xuất xuân phong noãn.
Thái tuyến thiêm thành thuỵ khí đa.
Áo rét là xong gió xuân ấm.
Chỉ đẹp khâu rồi lắm khí lành.

一 寸 布 一 寸 絲 物 盡 其 用
不 論 男 不 論 女 量 體 裁 衣
Nhất thốn bố nhất thốn ty vật tận kỳ dụng.
Bất luận nam bất luận nữ lượng thể tài y.
Một tấc vải một tấc tơ vật nào việc ấy.
Không kể nam không kể nữ may áo theo người.

金 剪 裁 成 丹 鳳 舞
銀 針 引 出 彩 鸞 飛
Kim tiễn tài thành đan phượng vũ.
Ngân châm dẫn xuất thái loan phi.
Như phượng múa kéo vàng khéo cắt.
Tựa loan bay kim bạc tài khâu.

萬 線 千 針 化 作 美 中 旋 律
一 刀 一 剪 裁 出 身 上 春 秋
Vạn tuyến thiên châm hoa tác mỹ trung toàn luật.
Nhất đao nhất tiễn tài xuất thân thượng xuân thu.
Muôn sợi ngàn kim, chế tác sản phẩm hoàn mỹ.
Một dao một kéo may thành y phục xuân thu.

銀 針 度 處 功 夫 密
鐵 剪 裁 來 體 制 新
Ngân châm độ xứ công phu mật.
Thiết tiễn tài lai thể chế tân.
Kim bạc đã dành nhiều công sức.
Kéo sắt đưa ra lắm cách tân.

剪 風 裁 龍 激 情 蕩 漾 三 江 水
飛 針 走 線 巧 藝 溫 馨 萬 户 心
Tiễn phong tài long khích tình đãng dạng tam giang thuỷ.
Phi châm tẩu tuyến xảo nghệ ôn hinh vạn hộ tâm.
Thêu cắt rồng mây, khơi tình gợi ý miền sông nước.
Chỉ kim bay lượn, khéo tay hay vẻ thoả lòng người.

男 添 庄 重 女 增 俏
夏 透 風 涼 冬 御 寒
Nam thiêm trang trọng nữ tăng tiếu.
Hạ thấu phong lương đông ngự hàn.
Nam thêm trang trọng nữ thời xinh.
Hạ cho thoáng mát đông không rét.

獨 運 匠 心 花 樣 般 般 人 滿 意
巧 施 妙 手 新 衣 件 件 客 稱 心
Độc vận tượng tâm, hoa dạng ban ban nhân mãn ý.
Xảo thi diệu thủ, tân y kiện kiện khách xứng tâm.
Mình thợ tìm tòi, vẻ hoa khiến bao người đẹp ý.
Khéo tay hết mực, áo mới làm cho khách vừa lòng.

針 腳 密 精 縫 巧 做
技 藝 高 折 舊 翻 新
Châm cước mật tinh phùng xảo tố.
Kỹ nghệ cao sách cựu phiên tân.
Tay kim giỏi khâu hay may đẹp.
Công nghệ cao cũ bỏ mới thay.

剪 制 千 匹 布
針 縫 萬 種 衣
Tiễn chế thiên sất bố.
Châm phùng vạn chủng y.
Cắt may ngàn tấm vải.
Kim khâu vạn áo quần.

輕 黃 淡 綠 齊 生 色
紗 紫 嫣 紅 總 入 時

Khinh hoàng đạm lục tề sinh sắc.
Sa tử yên hồng tổng nhập thời.
Vàng phai xanh nhạt đều khoe sắc.
Tía đẹp hồng tươi thảy hợp thời.

愿 將 天 上 雲 霞 色
化 作 人 間 錦 繡 裳

Nguyện tương thiên thượng vân hà sắc.
Hoá tác nhân gian cẩm tú thường.
Muốn đem màu sắc mây thiên giới.
Làm ra gấm vóc áo nhân giam.

成 衣 久 享 精 工 譽
西 服 遠 傳 巧 技 名

Thành y cửu hưởng tinh công dự.
Tây phục viễn truyền xảo kỹ danh.
Kiểu nội nức khen tay thợ khéo.
Hàng âu nổi tiếng kỹ thuật cao.

時 裝 任 我 精 心 制
美 服 請 君 合 意 挑

Thời trang nhậm ngã tinh tâm chế.
Mỹ phục thỉnh quân hợp ý khiêu.
Thời trang hãy để tôi tinh chế.
Kiểu đẹp xin nhường ông chọn thay.

人 受 凍 寒 非 我 愿
世 皆 溫 暖 是 吾 心

Nhân thụ đống hàn phi ngã nguyện.
Thế giai ôn noãn thị ngô tâm.
Người đời rét mướt đâu mình muốn.
Thế gian ấm áp hợp lòng ta.

雲 錦 托 出 一 輪 月
時 裝 擁 來 萬 朵 花

Vân cẩm thác xuất nhất luân nguyệt.
Thời trang ủng lai vạn đoá hoa.
Mây gấm một vành trăng lấp ló.
Thời trang muôn đoá hoa ganh đua.

剪 綠 裁 紅 妝 麗 色
挑 花 繡 蕊 美 儀 容
Tiễn lục tài hồng trang lệ sắc.
Khiêu hoa tú nhuỵ mỹ nghi dung.
Cắt lục may hồng tô vẻ đẹp.
Khâu hoa thêu nhuỵ điểm dung nhan.

肥 瘦 短 長 皆 有 度
細 精 表 里 是 其 能
Phì sấu đoản trường giai hữu độ.
Tế tinh biểu lý thị kỳ năng.
Gầy béo ngắn dài đều có mức.
Trong ngoài tinh tế ở tài năng.

來 料 加 工 隨 時 方 便
行 針 走 線 到 處 均 勻
Lai liệu gia công tuỳ thời phương tiện.
Hành châm tẩu tuyến đáo xứ quân câu.
Vật liệu gia công tuỳ thời cắt đặt.
Đường kim mũi chỉ mọi chỗ phải đều.

有 冠 眞 秀 氣
此 帽 最 宜 人
Hữu quan chân tú khí.
Thử mạo tối nghi nhân.
Có khăn khí tượng đẹp.
Đội mũ ra dáng người.

對 鏡 掠 鬢 宜 麗 盾
簪 花 抹 額 助 新 裝
Đối kính lược mấn nghi lệ thuẫn.
Trâm hoa mạt ngạch trợ tân trang.
Soi gương chải tóc mong làm đẹp.
Cài hoa vuốt trán tự tân trang.

脫 幘 無 心 惊 露 頂
請 纓 有 路 喜 彈 冠
Thoát trách vô tâm kinh lộ đỉnh.
Thỉnh anh hữu lộ hỷ đàn quan.
Bỏ khăn vô ý sợ hở đầu.
Xin dải có lời mừng được mũ.

步 月 凌 雲 去
登 堂 入 室 來
Bộ nguyệt lăng vân khứ.
Đăng đường nhập thất lai.
Trăng bước, dẫm mây - đi.
Lên nhà, vào cửa - đến.

看 去 澤 然 忘 白 雪
步 來 還 得 映 青 雲
Khán khứ trạch nhiên vong bạch tuyết.
Bộ lai hoàn đắc ánh thanh vân.
Bước ra thoải mái quên trời tuyết.
Dạo về là lúc rạng mây xanh.

橋 邊 墜 去 留 侯 取
天 畔 飛 來 葉 令 歸
Kiều biên truy khứ lưu hầu thủ.
Thiên bạn phi lai diệp lệnh quy.
Bên cầu rơi xuống đành đợi nhặt.
Trên trời bay lại lá khiến về.

前 程 遠 大 腳 根 須 站 穩
工 作 浩 繁 步 驟 要 分 清
Tiền trình viễn đại cước căn tu trạm ổn.
Công tác hạo phồn bộ sậu yếu phân thanh.
Dặm thẳng đường xa bàn chân cần giữ ổn.
Tần phiền công tác các bước phải phân minh.

底 硬 幫 柔 力 敵 千 鈞 何 懼 踩
山 高 路 遠 步 隨 萬 里 敢 辭 勞
Để ngạnh bang nhu lực địch thiên quân hà cụ thái.
Sơn cao lộ viễn bộ tuỳ vạn lý cảm từ lao.
Đế cứng chân mềm sức chịu ngàn cân không ngại giẫm.
Non cao đường thẳm bước chân muôn dặm dám từ nan.

尺 碼 自 家 尋 大 小 深 淺 須 合 意
式 樣 由 君 選 婦 孺 老 壯 各 隨 心
Xích mã tự gia tầm đại tiểu thâm thiển tu hợp ý.
Thức dạng do quân tuyển phụ nhụ lão tráng các tuỳ tâm.
Kích cỡ chọn tùy người, to nhỏ sâu nông cần hợp ý.
Kiểu dáng lựa do khách, trẻ già trai gái hãy tuỳ tâm.

雪 花 資 潤 澤
香 水 溢 芬 芬

Tuyết hoa tư nhuận trạch.
Hương thuỷ dật phân phân.
Bông tuyết vẻ tươi sáng.
Nước hoa hương ngát thơm.

濃 淡 隨 人 著
芬 芬 入 座 聲

Nùng đạm tuỳ nhân trước.
Phân phân nhập toạ hinh.
Nhạt nồng tuỳ người chọn.
Hương ngát vào nhà thơm.

蝶 粉 香 迷 白
燕 脂 色 潤 紅

Điệp phấn hương mê bạch.
Yến chi sắc nhuận hồng.
Phấn hương bướm mờ trắng.
Son sắc én tươi hồng.

晶 瓶 香 滴 黃 金 露
粉 靨 膏 途 白 玉 霜

Tinh bình hương trích hoàng kim lộ.
Phấn điệp cao đồ bạch ngọc sương.
Bình pha lê chứa rượu hoàng kim.
Cao phấn bướm đồ sương bạch ngọc.

蝶 繞 蜂 圍 渾 欲 醉
花 香 粉 氣 不 分 明

Điệp nhiễu phong vi hồn dục tuý.
Hoa hương phấn khí bất phân minh.
Bướm lượn ong vây rày nghiêng ngả.
Hương hoa hơi phấn khó phân minh.

香 送 春 風 令 我 醉
粉 添 花 氣 襲 人 來

Hương tống xuân phong linh ngã tuý.
Phấn thiêm hoa khí tập nhân lai.
Hương xuân quyện gió khiến mình say.
Vẻ hoa giồi phấn cho người chuộng.

百 美 圖 中 最 宜 熏 染
眾 香 國 里 別 具 姿 容

Bách mỹ đồ trung tối nghi huân nhiễm.
Chúng hương quốc lý biệt cụ tư dung.
Vẻ đẹp như tranh vẫn cần xức hương.
Nước hoa nội hoá đủ để trang điểm.

蝶 粉 迷 香 翩 翩 入 夢
燕 脂 潤 色 躍 躍 欲 仙

Điệp phấn mê hương phiên phiên nhập mộng.
Yên chi nhuận sắc dược dược dục tiên.
Phấn bướm mê hương mơ màng cõi mộng.
Son yến nhuận sắc háo hức thành tiên.

粉 琢 紅 妝 丰 肌 生 色
香 飄 綠 野 麗 盾 增 芬

Phấn trác hồng trang phong cơ sinh sắc.
Hương phiên lục dã lệ thuẫn tăng phân.
Phấn điểm son tô làn da tươi mát.
Hương bay đồng nội vẻ đẹp càng tăng.

膚 滑 脂 凝 水 流 香 膩
光 分 月 白 色 映 妝 紅

Phu hoạt chi ngưng thuỷ lưu hương nhị.
Quang phân nguyệt bạch sắc ánh trang hồng.
Da thịt mịn màng thơm hương nước đọng.
Trăng sáng vằng vạc rực rỡ ánh hồng.

隨 時 而 動
不 叩 自 鳴

Tuỳ thời nhi động.
Bất khấu tự minh.
Theo giờ mà chuyển.
Chẳng gõ cũng kêu.

二 十 四 時 憑 我 報
萬 千 百 事 任 君 行

Nhị thập tứ thời bằng ngã báo.
Vạn thiên bách sự nhậm quân hành.
Hai mươi bốn giờ theo tớ báo.
Trăm ngàn vạn việc hãy tuỳ ông.

萬 千 星 斗 心 胸 里
十 二 時 辰 手 腕 間

Vạn thiên hung đẩu tâm hung lý.
Thập nhị thời thần thủ uyển gian.

Ngàn vạn sao trong lòng bắc đẩu.
Mười hai giờ kim chỉ thời gian.

能 于 細 處 求 精 确
慣 与 時 間 較 短 長

Năng vu tế xứ cầu tinh xác.
Quán dữ thời gian giảo đoản trường.

Cầu chính xác ở nơi tinh tế.
So ngắn dài đối với thời gian.

千 秋 偉 業 千 秋 福
一 寸 光 陰 一 寸 金

Thiên thu vĩ nghiệp thiên thu phúc.
Nhất thốn quang âm nhất thốn kim.

Ngàn năm nghiệp lớn ngàn năm phúc.
Một tấc thời gian một tấc vàng.

儲 蓄 有 利 利 國 利 己 利 社 會
存 款 方 便 便 你 便 他 便 人 民

Trữ súc hữu lợi lợi quốc lợi kỷ lợi xã hội.
Tồn khoản phương tiện tiện nhĩ tiện tha tiện nhân dân.

Để dành có lợi, lợi nước, lợi mình , lợi xã hội.
Gửi tiền có ích, ích mình, ích người, ích nhân dân.

鼓 勵 儲 蓄 活 期 定 期 各 自 便
歡 迎 户 主 存 款 取 款 常 往 來

Cổ lệ trữ súc hoạt kỳ định kỳ các tự tiện.
Hoan nghinh hộ chủ tồn khoản thủ khoản thường vãng lai.

Khuyến khích gửi tiền, dài hạn, ngắn hạn, xin tuy tiện.
Hoan nghênh chủ hộ, khoản dư, khoản rút, vẫn ra vào.

錢 是 勞 動 所 得 切 莫 揮 霍 浪 費
儉 乃 持 家 之 本 還 要 細 水 長 流

Tiền thị lao động sở đắc thiết mạc huy hoắc lãng phí.
Kiệm nãi trì gia chi bản hoàn yêu tế thuỷ trường lưu.

Tiền do lao động mà ra, chớ có tiêu xài lãng phí.
Kiệm để giữ nhà là gốc, nên hay dòng nhỏ chảy lâu.

年 年 月 月 動 動 儉 儉 積 積 撒 撒 家 家 富 富 裕 裕
去 去 來 來 取 取 存 存 角 角 元 元 户 户 歡 歡 欣 欣

Niên niên nguyệt nguyệt cần cần kiệm kiệm tích tích tán tán
gia gia phú phú dụ dụ.
Khứ khứ lai lai thủ thủ tồn tồn giác giác nguyên nguyên
hộ hộ hoan hoan hân hân.

Năm năm tháng tháng, cần cần, kiệm kiệm, tích tích, tán tán,
nhà nhà, giàu giàu, có có.
Đi đi, lại lại, rút rút, tồn tồn, hào hào, đồng đồng,
hộ hộ, vui vui, vẻ vẻ.

就 我 生 春 色
爲 君 飾 美 容

Tựu ngã sinh xuân sắc.
Vị quân sức mỹ dung.

Đến tôi tươi xuân sắc.
Vì ngài đẹp mặt mày.

手 中 試 巧 技
頭 上 呈 技 能

Thủ trung thí xảo kỹ.
Đầu thượng trình kỹ năng.

Trong tay phô kỹ xảo.
Trên đầu diễn tài năng.

但 教 身 入 座
免 使 發 沖 冠

Đãn giao thân nhập toạ.
Miễn xử phát xung quan.

Đã bảo ngồi vào ghế.
Xin đừng để bực mình.

館 内 皆 春 色
人 來 盡 美 容

Quán nội giai xuân sắc.
Nhân lai tận mỹ dung.

Trong quán đều sắc xuân
Người đến rạng mặt mày.

逢 人 皆 体 面
遇 我 盡 升 冠

Phùng nhân giai thể diện.
Ngộ ngã tận thăng quan.
Đón người đều tươi mặt.
Gặp tớ cất mũ ngay.

進去烏頭學子
出來白面書生
Tiến khứ ô đầu học tử.
Xuất lai bạch diện thư sinh.
Bước vào đầu đen học việc.
Đi ra mặt trắng thư sinh.

到來盡是彈冠客
此去應無搔首人
Đáo lai tận thị đàn quan khách.
Thử khứ ưng vô tao thủ nhân.
Lúc vào đều thấy khách phủi mũ.
Khi ra không có kẻ gãi đầu.

不教白髮催人老
便使春風滿面生
Bất giao bạch phát thôi nhân lão.
Tiện sử xuân phong mãn diện sinh.
Chớ gieo tóc trắng lên đầu lão.
Hãy thổi hơi xuân để mặt tươi.

雲鬢理就通身俏
花發妝成滿面春
Vân mấn lý tựu thông thân tiếu.
Hoa phát trang thành mãn diện xuân.
Tóc mai gọn ghẽ trông càng đẹp.
Sang sửa làm cho vẻ mặt xuân.

手中巧藝翻雲浪
頭上精工綻霧花
Thủ trung xảo nghệ phiên vân lãng.
Đầu thượng tinh công điện vụ hoa.
Rõ khéo bàn tay gây sóng lượn.
Tuyệt vời mái tóc nở mây hoa.

士行端宜新耳目
人情元貴美須眉

Sỹ hành đoan nghi tân nhĩ mục.
Nhân tình nguyên quý mỹ tu my.
Khách chuộng đoan trang mới tai mắt.
Nhân tình vốn thích đẹp mày râu.

創人間頭等事業
理世上不平東西

Sáng nhân gian đầu đẳng sự nghiệp.
Lý thế thượng bất bình đông tây.
Dựng sự nghiệp đè đầu nhân thế.
Sửa đông tây những chỗ bất bình.

壓花卷浪隨人意
齊額披眉任客挑

Áp hoa quyển lãng tuỳ nhân ý
Tề ngạch phi mỹ nhiệm khách khiêu.
Tươi hoa lượn sóng, tuỳ người muốn.
Bằng trán cong my, ý khách chiều.

善心不欲世人老
巧手能教顏面新

Thiện tâm bất dục thế nhân lão.
Xảo thủ năng giáo nhan diện tân.
Tốt bụng chẳng mong ai đấy lão.
Khéo tay hay khiến mặt người tươi.

燙發推頭除舊貌
吹風修面換新容

Thang phát suy đầu trừ cựu mạo.
Suy phong tu diện hoán tân dung.
Uốn tóc gội đầu thay vẻ cũ.
Sấy khô cạo mặt mới dung nhan.

磨礪以須工夫純熟
及鋒而試手段精良

Ma lệ dĩ tu công phu thuần thục.
Cập phong nhi thí thủ đoạn tinh lương.
Mài giũa đã xong công phu thành thạo.
Sắc nhọn đem dùng tay nghề tinh thông.

細理烏絲容光增几許
巧梳青鬢春色麗無邊

Tế lý ô ty dung quang tằng kỷ hứa.
Xảo sơ thanh mấn xuân sắc lệ vô biên.
Kẽ tóc chân tơ dung nhan tăng vẻ đẹp.
Tóc mai chải khéo xuân sắc thắm vô cùng.

椅隨人轉容新兼貌美
鏡對目張笑逐并顏開

Ỷ tuỳ nhân chuyển dung tân kiêm mạo mỹ.
Kính đối mục trương tiếu trục tịnh nhan khai.
Ghế liệu xoay người dáng mới vẻ thêm đẹp.
Gương treo trước mặt cười tươi mặt sáng ngời.

幽香襲人人不由以進店
春風吹我我又年輕出門

U hương tập nhân nhân bất do dĩ tiến điếm.
Xuân phong suy ngã ngã hựu niên khinh xuất môn.
Hương thầm quyến rũ, mọi người thoải mái vào hiệu.
Gió xuân mát rượi, mình ta trẻ lại bước ra.

順理成章堆雲卷霧皆如意
得心應手截短流長悉合時

Thuận lý thành chương đôi vân quyển vụ giai như ý.
Đắc tâm ứng thủ tiệt đoản lưu trường tất hợp thời.
Thuận nhẽ mới hay, sương cuộn mây dồn đều xứng ý.
Vừa lòng thêm hứng, để dài cắt ngắn vẫn theo thời.

艾早三年蓄
功堪百病除

Ngải tảo tam niên súc.
Công kham bách bệnh trừ.
Ngải ba năm lo trữ.
Trị trăm bệnh đều hay.

所言皆藥石
立意盡慈悲

Sở ngôn giai dược thạch.
Lập ý tận từ bi.
Lời nói đều phương thuốc.
Lập ý thảy từ bi.

人期勿藥有喜
我自立心不欺

Nhân kỳ vật dược hữu hỷ.
Ngã tự lập tâm bất khi.
Mừng thấy cả đời không thuốc.
Chớ nhờn thấy được yên thân.

但 愿 世 間 人 益 健
不 愁 架 上 藥 生 塵

Đãn nguyện thế gian nhân ích kiện.
Bất sầu giá thượng dược sinh trần.
Những muốn thế gian người mạnh sức.
Lo chi trên giá thuốc bụi trùm.

世 間 本 乏 長 生 術
海 外 何 求 不 老 丹

Thế gian bản phạp trường sinh thuật.
Hải ngoại hà cầu bất lão đan.
Thế gian vốn thiếu thuật trường sinh.
Ngoài biển cần gì đan bất lão.

雖 無 劉 阮 逢 仙 術
只 效 岐 黃 濟 世 心

Tuy vô Lưu, Nguyễn phùng tiên thuật.
Chỉ hiệu Kỳ, Hoàng tế thế tâm.
Không theo Lưu, Nguyễn gặp người tiên.
Bắt chước Kỳ, Hoàng lo cứu thế.

深 明 佐 使 君 臣 禮
遠 萃 東 西 南 北 材

Thâm minh tá sử quân thần lễ.
Viễn tuỵ đông tây nam bắc tài.
Hiểu sâu phép ứng dụng vua tôi.
Nổi tiếng tài đông tây nam bắc.

欲 向 市 中 求 妙 藥
須 知 海 內 有 奇 方

Dục hướng thị trung cầu diệu dược.
Tu tri hải nội hữu kỳ phương.
Hướng tới bên ngoài cầu thuốc tốt.
Nên hay trong nước có phương hay.

花 放 杏 林 滋 氣 雪
藥 生 蘭 室 補 肢 身

Hoa phóng hạnh lâm từ khí huyết.
Dược sinh lan thất bổ chi thân.
Rừng hạnh nở hoa tươi khí huyết.
Vườn lan trồng thuốc bổ chi thân.

普濟有仁心願諸君平康無事
太和養氣福應知我醫藥有方
Phổ tế hữu nhân tâm nguyện chư quân bình khang vô sự.
Thái hoà dưỡng khí phúc ưng tri ngã y dược hữu phương.
Chữa chạy có lòng nhân, những muốn mọi người bình an vô sự.
Hoà nhã chăm nuôi khí phúc nên hay ta nay y dược có phương.

到此且歇足
客至便爲家
Đáo thử thả yết túc.
Khách chí tiện vi gia.
Đến đây hãy nghỉ chân.
Khách coi như nhà mình.

莫言身是寄
能使客如歸
Mạc ngôn thân thị ký.
Năng sử khách như quy.
Đừng nói mình ở gửi.
Hay khiến khách như về.

相逢本萍水
小住勝親朋
Tương phùng bản bình thuỷ.
Tiểu trú thắng thân bằng.
Gặp nhau như bèo nước.
Cùng trọ hơn bạn thân.

東西南北客
兄弟姐妹情
Đông tây nam bắc khách.
Huynh đệ thư muội tình.
Khách đông tây nam bắc.
Tình anh em chị em.

進門都是客
到店即爲家

Tiến môn đô thị khách.
Đáo điếm tức vi gia.
Vào cửa đều là khách.
Đến quán tức là nhà.

共 對 一 登 影
相 逢 萬 里 人
Cộng đối nhất đăng ảnh.
Tương phùng vạn lý nhân.
Đèn một ngọn chung nhau.
Người muôn dặm gặp gỡ.

八 方 客 愿 住
四 貴 店 如 春
Bát phương khách nguyện trú.
Tứ quý điếm như xuân.
Tám phương khách muốn trọ.
Bốn mùa quán như xuân.

接 待 八 方 旅 客
歡 迎 四 海 親 人
Tiếp đãi bát phương lữ khách.
Hoan nghinh tứ hải thân nhân.
Tiếp đón lữ khách tám phương.
Hoan nghênh người thân bốn biển.

鄉 夢 不 隨 春 夜 永
客 思 千 向 雨 聲 多
Hương mộng bất tuỳ xuân dạ vĩnh.
Khách tư thiên hướng vũ thanh đa.
Đêm xuân đâu mãi cùng mộng đẹp.
Mưa nhiều khiến khách lắm suy tư.

煙 外 暮 鍾 催 倦 鳥
林 間 殘 照 促 歸 人
Yên ngoại mộ chung thôi quyện điểu.
Lâm gian tàn chiếu xúc quy nhân.
Chuông chùa, khói toả, xua chim mỏi.
Bóng xế, rừng sâu, giục khách về.

萍 水 相 逢 如 老 友
停 車 暫 住 似 歸 家
Bình thuỷ tương phùng như lão hữu.
Đình xa tạm trú tự quy gia.
Bèo nước gặp nhau, như bạn cũ.
Dừng xe trọ tạm, tựa về nhà.

銀 星 未 出 先 投 宿
曉 日 方 明 赶 路 程
Ngân tinh vị xuất tiên đầu túc.
Hiểu nhật phương minh hãn lộ trình.
Sao hôm sắp mọc, nên tìm trọ.
Sớm mai rạng sáng, hãy lên đường.

棧 曲 有 雲 皆 獻 瑞
房 幽 無 地 不 生 香
Sạn khúc hữu vân giai hiến thuỵ.
Phòng u vô địa bất sinh hương.
Quanh nhà mây phủ đều tươi vẻ.
Phòng vắng nơi nào cũng có hương.

迎 來 春 夏 秋 冬 客
溫 暖 東 西 南 北 人
Nghinh lai xuân hạ thu đông khách.
Ôn noãn đông tây nam bắc nhân.
Hoan nghênh khách thu đông xuân hạ.
Ấm áp người nam bắc tây đông.

日 將 夕 矣 君 宜 住
雞 既 鳴 之 我 不 留
Nhật tương tịch hỹ quân nghi trú.
Kê ký minh chi ngã bất lưu.
Trời đã xế chiều xin giữ khách.
Gà đang gáy sáng dám lưu người.

幽 齋 特 下 高 人 榻
古 道 頻 來 長 者 車
U trai đặc hạ cao nhân tháp.
Cổ đạo tần lai trưởng giả xa.
Phòng vắng giường riêng dành khách quý.
Lối xưa xe ngựa rộn người sang.

鴻 鴈 遠 去 皆 人 大 地 春 暖
旅 客 常 來 只 爲 小 店 情 深

Hồng nhạn viễn khứ giai nhân đại địa xuân noãn.
Lữ khách thường lai chỉ vị tiểu điếm tình thâm.

Hồng nhạn bay xa, cũng bởi nơi kia xuân ấm.
Lữ khách tìm đến, là do quán nhỏ tình sâu.

春 夏 秋 冬 一 歲 川 流 不 息
東 西 南 北 四 方 賓 至 如 歸

Xuân hạ thu đông nhất tuế xuyên lưu bất tức.
Đông tây nam bắc tứ phương tân chí như quy.

Một năm xuân hạ thu đông, thời gian chẳng nghỉ.
Bốn phương đông tây nam bắc, khách đến như về.

隨 來 隨 吃 如 流 水
有 飯 有 湯 供 客 人

Tuỳ lai tuỳ ngật như lưu thuỷ.
Hữu phạn hữu thang cung khách nhân.

Tuỳ lại, tuỳ chén, như nước chảy.
Có cơm, có canh cho khách ăn.

飯 熱 菜 香 春 滿 店
窗 明 几 淨 客 如 雲

Phạn nhiệt thái hương xuân mãn điếm.
Song minh kỷ tĩnh khách như vân.

Cơm nóng rau thơm xuân chật quán.
Nhà quang ghế sạch khách như mây.

甘 旨 爲 惊 雲 外 客
流 霞 香 染 月 中 泉

Cam chỉ vị kinh vân ngoại khách.
Lưu hà hương nhiễm nguyệt trung tuyền.

Vị ngon ngọt khách ngoài kinh ngạc.
Rượu thơm lừng trăng nước đượm hương.

喜 迎 故 客 品 佳 饌
長 送 春 風 開 笑 顏

Hỷ nghinh cố khách phẩm giai soạn.
Trường tống xuân phong khai tiếu nhan.

Chào mừng quý khách món ngon tuyệt.
Tiễn đưa gió mát vẻ cười tươi.

無 人 不 道 佳 看 美
有 客 常 來 滿 座 春

Vô nhân bất đạo giai khan mỹ.
Hữu khách thường lai mãn toạ xuân.

Chẳng ai không nói hay khen đẹp.
Có khách thường thăm mọi chốn xuân.

五 味 烹 調 香 萬 里
三 鮮 蒸 炙 樂 千 家

Ngũ vị phanh điều hương vạn lý.
Tam tiên chưng chá lạc thiên gia.

Năm vị nấu xào hương vạn dặm.
Ba tươi chưng rán thích ngàn nhà.

有 名 店 店 有 名 名 揚 四 海
迎 客 樓 樓 迎 客 客 滿 一 堂

Hữu danh điếm điếm hữu danh danh dương tứ hải.
Nghinh khách lâu lâu nghinh khách khách mãn nhất đường.

Nổi tiếng quán, quán nổi tiếng, tiếng vang bốn biển.
Đón khách lầu, lầu đón khách, khách đầy một nhà.

烹 調 膻 食 物 美 價 廉 味 道 好
精 做 菜 看 花 樣 齊 全 營 養 高

Phanh điều chiên thực vật mỹ giá liêm vị đạo hảo.
Tinh tố thái khan hoa dạng tề toàn doanh dưỡng cao.

Nấu bữa ăn, món ăn ngon, giá rẻ, ăn ngon miệng.
Làm rau tươi, xem vẻ đẹp, chu toàn, dinh dưỡng cao.

今 餇 古 烹 拈 來 五 味 調 奇 味
中 肴 西 饌 匯 集 一 家 創 名 家

Kim nhẫm cổ phanh niêm lai ngũ vị điều kỳ vị.
Trung hào tây soạn hối tập nhất gia sáng danh gia.

Nấu xưa, nấu nay, vẫn từ năm vị thành kỳ vị.
Cơm Âu, cơm Á, chung đúc một nhà nổi danh gia.

緬 可 充 飢 請 坐 下 品 嘗 兩 碗
酒 能 解 泛 快 進 來 喝 上 几 杯

Miến khả sung cơ thỉnh toạ hạ phẩm thưởng lưỡng uyển.
Tửu năng giải phiếm khoái tiến lai hát thượng kỷ bôi.

Mỳ giúp đỡ đói, xin mời ngồi, xới tạm vài lưng.
Rượu hay gợi chuyện, hãy rót nhanh, uống chơi mấy chén.

座 上 客 常 滿
杯 中 酒 不 空
Toạ thượng khách thường mãn.
Bôi trung tửu bất không.
Khách thường đến ngồi đầy.
Rượu trong chén chẳng vơi.

店 好 天 家 頌
曇 開 十 里 香
Điếm hảo thiên gia tụng.
Đàm khai thập lý hương.
Quán tốt nghìn nhà khen.
Vò mở mười dặm ngát.

舉 杯 邀 月 飲
拍 手 踏 春 風
Cử bôi yêu nguyệt ẩm.
Phách thủ đạp xuân phong.
Nâng chén mời trăng uống.
Vỗ tay đón gió xuân.

一 樓 風 月 當 酣 飲
萬 里 雲 天 醒 醉 眸
Nhất lâu phong nguyệt đương cam ẩm.
Vạn lý vân thiên tỉnh tuý mâu.
Một lầu trăng gió mềm môi uống.
Muôn dặm trời mây tỉnh mắt say.

勸 君 更 盡 一 杯 酒
与 你 同 銷 萬 古 愁
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu.
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.
Mời ông uống cạn một ly rượu.
Cùng bạn quên đi muôn thuở sầu.

劉 伶 借 問 誰 家 好
李 白 還 言 此 處 佳
Lưu Linh tá vấn thuỳ gia hảo.
Lý Bạch hoàn ngôn thử xứ giai,
Lưu Linh ướm hỏi rượu đâu tốt.
Lý Bạch liền khoe chỗ này ngon.

水 如 碧 玉 山 如 黛
酒 滿 金 樽 月 滿 樓
Thuỷ như bích ngọc sơn như đại.
Tửu mãn kim tôn nguyệt mãn lâu.
Nước như ngọc bích, núi như vẽ.
Rượu đầy chén vàng, trăng đầy lầu.

一 榻 暗 香 熏 醉 夢
千 峰 秀 色 送 余 杯
Nhất tháp ám hương huân tuý mộng.
Thiên phong tú sắc tống dư bôi.
Rượu ngon một hũ, hương say mộng.
Cảnh đẹp ngàn non, cạn chén mời.

山 徑 摘 花 春 釀 酒
竹 窗 留 月 夜 煎 茶
Sơn kính trích hoa xuân nhưỡng tửu.
Trúc song lưu nguyệt dạ tiên trà.
Lên núi hoa xuân hái ủ rượu.
Ngoài song trăng chiếu tiệc trà khuya.

座 上 月 明 對 美 酒
籬 邊 人 醉 詠 黃 花
Toạ thượng nguyệt minh đối mỹ tửu.
Ly biên nhân tuý vịnh hoàng hoa.
Rượu ngon trước mặt, trăng ngời sáng.
Thơ cúc bên rào, ai say ngâm.

沽 酒 客 來 風 亦 醉
賣 花 人 去 路 還 香
Cô tửu khách lai phong diệc tuý.
Mại hoa nhân khứ lộ hoàn hương.
Rượu mua khách đến làm say gió.
Hoa bán, người đi đường thoảng hương.

香 分 花 上 路
水 汲 石 中 泉
Hương phân hoa thượng lộ.
Thuỷ hấp thạch trung tuyền.
Hoa sương đọng toả hương.
Đá suối nguồn ngấm nước.

煮 沸 三 江 水
同 飲 五 岳 茶
Chử phí tam giang thuỷ.
Đồng ẩm ngũ nhạc trà.
Đun sôi nước tam giang.
Cùng uống trà ngũ nhạc.

佳 肴 無 肉 可
清 談 離 我 難
Giai hào vô nhục khả.
Thanh đàm ly ngã nan.
Thức ngon thiếu thịt - được.
Bàn suông vắng tớ – không.

金 雞 未 唱 水 先 沸
旭 日 東 升 茶 溢 香
Kim kê vị xướng thuỷ tiên phí.
Húc nhật đông thăng trà dật hương.
Gà chưa kịp gáy, hãy đun nước.
Sáng mới hừng đông, ngát hương trà.

茶 亦 醉 人 何 必 酒
書 能 香 我 不 須 花
Trà diệc tuý nhân hà tất tửu.
Thư năng hương ngã bất tu hoa.
Trà cũng say người, đâu cứ rượu.
Sách thơm lây tớ, chẳng cần hoa.

身 健 都 緣 餐 肉 少
請 清 只 爲 飲 茶 多
Thân kiện đô duyên san nhục thiểu.
Thi thanh chỉ vị ẩm trà đa.
Người khỏe cùng nhờ ăn ít thịt.
Thơ hay chỉ tại uống nhiều trà

熏 心 只 覺 濃 于 酒
人 口 方 知 氣 勝 蘭
Huân tâm chỉ giác nùng vu tửu.
Nhập khẩu phương tri khí thắng lan.
Trong bụng chỉ ngất ngây về rượu.
Uống vào hay ngào ngạt hơn lan.

爲 愛 清 香 頻 入 座
欣 同 知 己 細 談 心
Vị ái thanh hương tần nhập toạ.
Hân đồng tri kỷ tế đàm tâm.
Vì chuộng hương thanh hay đến chỗ.
Thích cùng tri kỷ chuyện riêng tư.

幽 借 山 巔 雲 霧 盾
香 憑 崖 畔 蕙 蘭 魂
U tá sơn điên vân vụ thuẫn.
Hương bằng nhai bạn huệ lan hồn.
Mây khói đầu non u tịch lắm.
Huệ lan khe nước đượm hương nhiều.

翠 葉 煙 騰 冰 碗 碧
綠 茅 光 照 玉 甌 青
Thuý diệp yên đằng băng uyển bích.
Lục mao quang chiếu ngọc âu thanh.
Lá biếc, khói lan, băng bát biếc.
Nhà tranh ánh chiếu, ngọc âu xanh.

松 濤 烹 雪 醒 詩 夢
竹 院 浮 香 起 雅 思
Tùng đào phanh tuyết tỉnh thi mộng.
Trúc viện phù hương khởi nhã tư.
Tùng reo, tuyết chảy, tỉnh hồn thơ.
Trúc viện, hương bay, nâng tứ nhã.

刻 刻 催 人 思 警 省
聲 聲 勸 你 惜 光 陰
Khắc khắc thôi nhân tư cảnh tỉnh.
Thanh thanh khuyến nhĩ tích quang âm.
Tích tắc giục người nên sớm tỉnh.
Loong coong khuyên bạn tiếc thời gian.

非 從 朝 暮 觀 時 刻
要 識 光 陰 似 箭 梭
Phi tòng triêu mộ quan thời khắc.
Yêu thức quang âm tự tiễn thoa.
Đâu chỉ sớm hôm xem giờ giấc.
Nên biết thời gian tựa thoi đưa.

歸 三 百 六 旬 于 掌 握
羅 二 十 八 宿 在 心 胸

Quy tam bách lục tuần vu chưởng ác.
La nhị thập bát tú đại tâm hung.
Ba trăm sáu mươi ngày lo quản lý.
Hai mươi tám vì sao giữ trong tâm.

喜 事 業 興 隆 于 民 得 利
看 秒 分 准 确 爲 國 惜 時

Hỷ sự nghiệp hưng long vu dân đắc lợi.
Khán miểu phân chuẩn xác vị quốc tích thời.
Mừng sự nghiệp vẻ vang cho dân được lợi.
Xem phút giây chuẩn xác vì nước tiếc giờ.

鍾 點 長 敲 當 厚 愛 那 年 年 月 月
表 針 不 懈 應 珍 惜 這 秒 秒 分 分

Chung điểm trường xao đương hậu ái na niên niên nguyệt nguyệt.
Biểu châm bất giải ứng trân tích giá miểu miểu phân phân.
Chuông điểm giờ lâu, nên ưu ái năm năm tháng tháng ấy.
Kim quay không mỏi, phải xót sa phút phút giây giây này.

懸 將 小 日 月
照 徹 大 乾 坤

Huyền tương tiểu nhật nguyệt.
Chiếu triệt để càn khôn.
Đeo như nhật nguyệt nhỏ.
Soi hết vũ trụ lớn.

胸 中 存 灼 見
眼 底 辨 秋 毫

Hung trung tồn chước kiến.
Nhãn để biện thu hào.
Trong lòng nhiều mưu chước.
Đáy mắt rõ tóc tơ.

如 用 之 皆 能 明 也
苟 合 矣 不 亦 樂 乎

Như dụng chi giai đăng minh dã.
Cẩu hợp hỹ bất diệc lạc hồ.
Nếu đeo vào, đều thấy sáng rõ.
May hợp số, chẳng cũng vui sao.

遠求海内珍藏本
快讀人間未見書
Viễn cầu hải nội trân tàng bản.
Khoái độc nhân gian vị kiến thư.
Xa cần bản trong nước lưu giữ.
Ưa đọc sách nhân gian chưa xem.

藏古今學術瑰寶
聚中外文化精華
Tàng cổ kim học thuật khôi bảo.
Tụ trung ngoại văn hoá tinh hoa.
Chứa học thuật quý giá kim cổ.
Tụ tinh hoa văn hóa trong ngoài.

奇探二酉搜羅富
賦就三都聲價高
Kỳ thám nhị dậu sưu la phú.
Phú tựu tam đô thanh giá cao.
Đến thăm nhị dậu[1] tìm nơi có.
Phú tới tam đô[2] giá mới cao.

古人都向書中見
男子當爲天下奇
Cổ nhân đô hướng thư trung kiến.
Nam tử đương vi thiên hạ kỳ.
Cổ nhân đều tìm kiến thức trong sách.
Nam tử nên làm việc lạ thiên hạ.

翰墨圖書皆成風采
往來談笑盡是鴻儒
Hàn mặc đồ thư giai thành phong thái.
Vãng lai đàm tiếu tận thị hồng nho.
Văn chương ghi chép, thảy đều tươi vẻ.
Qua lại cười chê, những bậc túc nho.

錦繡成文原非我有
琳瑯滿目惟待人求

---

[1] *Nhị dậu*: Hai ngọn núi biểu tượng văn hoá.
[2] *Tam đô*: Ba kinh đô biểu tượng văn hoá.

Cẩm tú thành văn nguyên phi ngã hữu.
Lâm lang mãn mục duy đãi nhân cầu.
Gấm vóc lời văn, ta vốn không có.
Lung linh ngợp mắt, người cần vẫn chờ.

大 塊 文 章 百 城 富 有
名 山 事 業 千 古 長 留

Đại khối văn chương, bách thành phú hữu.
Danh sơn sự nghiệp, thiên cổ trường lưu.
Khối lớn văn chương, trăm thành xứng giá.
Non danh sự nghiệp, ngàn thuở còn lưu.

聚 典 藉 精 華 嘉 俾 後 進
匯 中 西 學 術 樂 授 新 人

Tụ điển tịch tinh hoa gia truyền hậu tiến.
Hối trung tây học thuật, lạc thụ tân nhân.
Thu sách vở tinh hoa, để lại đời sau.
Hợp Á, Âu học thuật, vui trao kẻ mới.

信 貸 無 私 爲 建 設
資 金 周 轉 利 民 生

Tín đại vô tư vị kiến thiết.
Tư kim chu chuyển lợi dân sinh.
Tín dụng vô tư vì kiến thiết.
Tiền vàng chu chuyển, lợi dân sinh.

儲 蓄 爲 盈 能 聚 寶
勤 勞 如 樹 可 搖 錢

Trữ súc vi doanh năng tụ bảo.
Cần lao như thụ khả dao tiền.
Tích góp hàng ngày hay tụ quý.
Siêng năng hôm sớm có thêm tiền.

集 少 成 多 節 約 爲 本
化 零 爲 整 儲 蓄 當 先

Tập thiểu thành đa tiết ước vi bản.
Hoá linh vi chỉnh trữ súc đương tiên.
Góp ít thành nhiều, tiết kiệm là gốc.
Hoá không thành có, tích luỹ làm đầu.

儲 蓄 愛 國 國 富 民 富
勤 儉 持 家 家 康 人 康

Trữ súc ái quốc, quốc phú dân phú.
Cần kiệm trì gia, gia khang dân khang.
Gửi tiền yêu nước, nước giàu dân giàu.
Cần kiệm giữ nhà, nhà mạnh người mạnh.

海 上 鯤 鵬 三 萬 里
人 間 甲 子 幾 千 秋

Hải thượng côn bằng tam vạn lý.
Nhân gian giáp tý kỷ thiên thu.
Trên biển côn bằng[1] ba vạn dặm.
Nhân gian tuổi tác mấy nghìn thu.

雲 迷 古 洞 還 丹 室
日 俸 南 山 入 壽 杯

Vân mê cổ động hoàn đan thất.
Nhật bổng Nam sơn nhập thọ bôi.
Vân mê[2]cổ động về đan thất[3];
Nhật bổng sơn Nam[4] nhập chén mừng.

大 椿 翠 浥 千 秋 露
叢 桂 香 飄 萬 里 風

Đại xuân thuý ấp thiên thu lộ;
Tùng quế hương phiêu vạn lý phong.
Cây xuân thắm mượt thiên thu lộ;
Lùm quế hương bay vạn lý phong.

桃 花 已 發 三 千 浪
玉 樹 長 含 萬 里 風

Đào hoa dĩ phát tam thiên lãng;
Ngọc thụ trường hàm vạn lý phong.
Đào hoa đã nở tam thiên lãng[5].
Cây ngọc trường hàm vạn lý phong.

知 命 知 非 成 化 境
言 慈 言 孝 樂 天 倫

---

(1) *Côn, bằng:* Hai loại cá, chìm to lớn.
(2) *Vân mê:* Mây bay không định hướng.
(3) *Đan thất:* Nơi luyện thuốc tiên.
(4) *Nhật bổng Nam sơn:* Bưng mặt trời ở núi Nam Sơn.
(5) *Lãng:* Sóng.

Tri mệnh tri phi thành hoá cảnh;
Ngôn từ ngôn hiếu lạc thiên luân.
Biết mệnh biết phi thành thuận cảnh;
Nói từ nói hiếu hợp lẽ trời.

學到知非宏門壽域
年齊大衍共晉霞觴

Học đáo tri phi hoằng môn thọ vực;
Niên tề đại diễn cộng tấn hà thương.
Học đến biết không là đến lĩnh vực lớn;
Tuổi bằng trời đất là vào cùng cực lạc.

頌祝遐齡椿作紀
筵開壽宴海爲樽

Tụng chúc hà linh xuân tác kỷ;
Diên khai thọ yến hải vi tôn.
Chúc tụng tuổi cao xuân vừa tròn kỷ;
Chiếu mừng yến thọ bể tựa chén mời.

耆壽極星占上壽
仲春花甲衍長春

Kỳ thọ cực tinh chiêm thượng thọ;
Trọng xuân hoa giáp diễn trường xuân.
Sáu mươi thọ, nhìn sao xem thượng thọ;
Tháng trọng xuân, tuổi tác hướng trường xuân.

杯傾北海辰初度
頌獻南山甲再週

Bôi khuynh Bắc hải thần sơ độ;
Tụng hiến Nam sơn giáp tái chu.
Bắc hải chén nghiêng thời sơ độ
Nam sơn chúc tụng lại chu kỳ.

敬獻滿觴瞻北斗
還從花甲祝南山

Kính hiến mãn thương chiêm Bắc đẩu;
Hoàn tòng hoa giáp chúc Nam sơn.
Kính hiến chén mừng nhìn Bắc đẩu;
Mong hoàn hoa giáp chúc Nam sơn.

祝遐齡三千歲月
游化日六十春秋

Chúc hà linh tam thiên tuế nguyệt;
Du hoá nhật lục thập xuân thu.
Chúc tuổi thọ ba nghìn năm tháng;
Đã trôi đi sáu chục xuân thu.

花甲逢春酒映青襟春共醉
太山祝壽歌傳白雪壽頻添

Hoa giáp phùng xuân tửu ánh thanh khâm xuân cộng tuý;
Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết thọ tần thiêm.
Hoa giáp[1] mừng xuân rượu ánh thanh khâm[2] xuân say chén;
Thái sơn chúc thọ ca truyền bạch tuyết[3] thọ mấy lần.

從心已紹尼山脈
杖國還徵渭水車

Tòng tâm dĩ thiệu Ni Sơn mạch;
Trượng quốc hoàn trưng Vị Thuỷ xa.
Tâm tuỳ đã nối Ni Sơn mạch;
Quốc lão nhàn về Vị Thuỷ xa.

三千朱履隨南極
七十霞觴進北堂

Tam thiên chu lý tuỳ Nam cực;
Thất thập hà thương tiến Bắc đường.
Ba nghìn giày đỏ theo Nam cực;
Bảy chục chén hà đến Bắc đường.

事業從心共推元老
曾孫繞膝咸祝地山

Sự nghiệp tòng tâm cộng thôi nguyên lão;
Tằng tôn nhiễu tất hàm chúc địa tiên.
Sự nghiệp tuỳ lòng đẩy đà nguyên lão;
Tằng tôn quanh gối hàm chúc cảnh tiên.

八千歲爲春自今伊始
七十杖於國從古稱稀

Bát thiên tuế vi xuân tự kim y thuỷ;
Thất thập trượng ư quốc tòng cổ xưng hy.

---

(1) *Hoa giáp:* Tuổi tròn 60.
(2) *Thanh khâm:* Ngày xưa học sinh trường công của Trung Quốc mặc áo sắc xanh.
(3) *Bạch tuyết:* Tên một khúc ca do Đường Cao Tông (Trung Quốc) chế ra.

Tám nghìn năm làm xuân, từ đây khởi thuỷ;
Bẩy chục tuổi với nước, tự cổ hiếm hoi.

海屋籌添古來稀者今來盛
華筵慶衍福有五兮祝有三

Hải ốc trù thiêm cổ lai hy giả, kim lai thịnh;
Hoa diên khánh diễn phúc hữu ngũ hề, chúc hữu tam

Tuổi thọ thêm cao[1] xưa kia hiếm mà nay lại thịnh;
Chiếu mừng càng đẹp, phúc có năm[2] xin chúc được ba.

碩德流徽咸仰南山占上壽
嘉賓有寵適從杖國著芳名

Thạc đức lưu huy hàm ngưỡng Nam sơn chiếm thượng thọ;
Gia tân hữu sủng thích tòng trượng quốc trứ phương danh.

Đức lớn phát huy, hàm ngưỡng non Nam chúc thượng thọ;
Khách mừng yêu mến, bước theo quốc trượng nổi danh thơm.

德重如山高仰泰山永壽
名尊在國長留杖國行仙

Đức trọng như sơn cao ngưỡng Thái sơn vĩnh thọ;
Danh tôn tại quốc trường lưu trượng quốc hành tiên.

Đức nặng như sơn, ngưỡng vọng thái sơn trường thọ;
Danh tôn tại quốc, dài lâu trượng quốc thành tiên.

四大宴春臺小作陽春添紀算
七旬欽國策初從杖國誦岡陵

Tứ đại yến xuân đài tiểu tác dương xuân thiêm kỷ toán;
Thất tuần khâm quốc sách sơ tòng trượng quốc tụng cương lăng.

Tứ đại mừng yến xuân đài, việc nhỏ ngày xuân thêm kỷ toán[3];
Thất tuần khâm quốc sách, bước theo trượng quốc tụng cương lăng[4].

杖朝步履儀容古
釣渭絲綸日月長

Trượng triều bộ lý nghi dung cổ;
Điếu Vị ti luân nhật nguyệt trường.

Đi dép vào triều nghi dung cổ;
Buông câu sông Vị nhật nguyệt trường.

---

[1] *Tuổi thọ thêm cao (hải ốc trù thiêm):* Thành ngữ chúc thọ nhau thời xưa.
[2] *Phúc có năm (ngũ phúc):* Năm thứ hạnh phúc: Phú quí, thọ, khang, ninh.
[3] *Kỷ toán:* Ghi đếm. Ý nói được thêm tuổi tác.
[4] *Cương lăng:* Gò đất cứng rắn. Ý nói tuổi tác cứng cỏi.

桃 花 結 子 三 千 歲
椿 樹 數 榮 八 十 春

Đào hoa kết tử tam thiên tuế;
Xuân thụ phu vinh bát thập xuân.

Hoa đào kết quả tam thiên tuế;
Cây cối phô tươi bát thập xuân.

八 仙 會 裏 增 南 極
九 老 圖 中 祝 北 辰

Bát tiên hội lý tăng Nam cực;
Cửu lão đồ trung chúc Bắc thần.

Tám tiên trong hoạ tăng Nam cực;
Chín cụ giữa tranh chúc Bắc thần.

五 福 正 儀 開 壽 域
百 齡 誰 不 進 霞 觴

Ngũ phúc chính nghi khai thọ vực;
Bách linh thuỳ bất tiến hà thương.

Ngũ phúc chính ngay khai cõi thọ;
Bách linh[1] ai chẳng đến chén mừng.

齒 德 兼 優 八 秩 添 籌 盈 海 屋
萁 裘 濟 美 一 堂 獻 綵 舞 斑 衣

Xỉ đức kiêm ưu bát trật thiêm trù doanh hải ốc;
Cơ cừu tế mỹ nhất đường hiến thái vũ ban y.

Thọ đức đều hay tám trật thêm trù đầy hải ốc[2];
Cơ cừu[3] càng đẹp một nhà hiến lụa múa ban y[4].

南 極 桑 弧 懸 九 一
東 方 桃 實 獻 三 千

Nam cực tang hồ huyền cửu nhất;
Đông phương đào thực hiến tam thiên.

Nam cực cung tên treo cửu[5] nhất.
Đông phương đào quả hiến tam thiên.

---

(1) *Bách linh*: Trăm tuổi.
(2) *Hải ốc*: Xem chú thích "Hải ốc thiêm trù" ở trên.
(3) *Cơ cầu*: Con cháu nối được nghiệp cha ông.
(4) *Ban y*: Áo sắc lốm đốm như áo trẻ con. Lão Lai mặc làm cho cha mẹ vui.
(5) *Cửu nhất*: 91 tuổi.

菊酒香浮延九衰
松筠秀色歷三秋
Cúc tửu hương phù diên cửu cổn;
Tùng quân tú sắc lịch tam thu.
Rượu cúc xông hương tràn cửu cổn;
Tùng quân sắc đẹp trải ba thu.

天子珍從兼好德
尚書口授更邀榮
Thiên tử trân tòng kiêm hiếu đức;
Thượng thư khẩu thụ cánh yêu vinh.
Thiên tử quí theo gồm đức tốt;
Thượng thư vâng nhận lại yêu vinh.

談笑眼中無故舊
往來膝下有曾玄
Đàm tiếu nhãn trung vô cố cựu;
Vãng lai tất hạ hữu tằng huyền.
Đàm tiếu trong mi không cố cựu;
Vãng lai dưới gối có tằng huyền.

桃熟三千樽開北海
春光九十詩頌南山
Đào thục tam thiên tôn khai Bắc hải;
Xuân quang cửu thập thi tụng Nam sơn.
Đào chín ba nghìn chén mừng bể Bắc.
Xuân quang chín chục thơ tụng non Nam.

邱壑足煙霞九十年來謂逸老
廟堂多雨露八千歲後又生春
Khưu hác túc yên hà cửu thập niên lai vị dật lão;
Miếu đường đa vũ lộ bát thiên tuế hậu hựu sinh xuân.
Gò rãnh đủ yên hà, chín chục niên nay xưng nhàn lão.
Miếu đường nhiều vũ lộ, tám nghìn tuổi sau lại sinh xuân.

九十嘉賓海屋籌添延鶴算
三春令旦瑤池瑞藹獻蟠桃
Cửu thập gia tân hải ốc trù thiêm diên hạc toán;
Tam xuân lệnh đán dao trì thuỵ ái hiến bàn đào.

Chín chục, khách mừng, hải ốc trù thiêm[1] dài tuổi hạc;
Ba xuân, ngày đẹp, dao trì thuỵ ái[2] hiến đào tiên.

壽躋期頤青海外
光增甲第紫微前

Thọ tê kỳ di thanh hải ngoại;
Quang tăng giáp đệ tử huy tiền.

Tuổi thọ vượt niên kỳ xanh rờn biển cả;
Hiển vinh tăng giáp đệ rạng rỡ gia môn.

瑤池桃熟三千歲
海屋籌添一百春

Dao trì đào thục tam thiên tuế;
Hải ốc trù thiêm nhất bách xuân.

Dao trì đào chín, ba nghìn tuổi;
Hải ốc thêm trù, một trăm xuân.

春樹敷榮一百春秋歌上壽
蟠桃獻瑞三千珠履慶高年

Xuân thụ phu vinh nhất bách xuân thu ca thượng thọ;
Bàn đào hiến thuỵ tam thiên châu lý khánh cao niên.

Cây cối khoe tươi, nhất bách xuân thu ca thượng thọ;
Đào tiên dâng hiến, ba nghìn dày ngọc chúc cao niên.

五經兼通有此材宜有此遇
九重嘉悅詢其父又及其翁

Ngũ kinh kiêm thông, hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;
Cửu trùng gia duyệt, tuân kỳ phụ hựu cập kỳ ông.

Thông suốt năm kinh, có tài ấy thì đạt danh ấy;
Đẹp ý nhà vua, đã tin cha thì ắt tin ông.

神農本草香千里
岐伯醫風播五洲

Thần nông bản thảo hương thiên lý.
Kỳ Bá y phong bá ngũ châu.

Bản thảo Thần Nông hương vạn dặm.
Y phong Kỳ Bá nổi năm châu.

---

[1] *Hải ốc trù thiêm*: Xem chú thích ở trên.
[2] *Dao trì*: Ao ngọc, nơi bà Tây Vương mẫu ở. Thuỵ ái: Đẹp đẽ hoà nhã.

壽世良方祛邪扶正
回春妙述固本清源

Thọ thế lương phương khư tà phù chính.
Hồi xuân diệu thuật cố bản thanh nguyên.
Tuổi thọ, phương hay, đuổi tà, phù chính.
Hồi xuân, thuật giỏi, vững gốc, trong nguồn.

握五寸刀柄開腸割腹除痼疾
用十分熱忱披肝瀝膽作良醫

Ác ngũ thốn đao bính khai trường cát phúc trừ cổ tật.
Dụng thập phần nhiệt thầm phi can lịch đảm tác lương y.
Cầm chuôi dao năm tấc, mổ bụng, cắt ruột trừ bệnh ác.
Với nhiệt tình mười phần, mổ gan, rửa ruột xứng lương y.

少飲几杯甘露酒何愁幸福不在
多投若干保險金豈畏災情橫飛

Thiểu ẩm kỷ bôi cam lộ tửu hà sầu hạnh phúc bất tại.
Đa đầu nhược can bảo hiểm kim khởi uy tai tình hoành phi.
Rượu ngon uống ít vài chén, lo chi hạnh phúc không còn.
Tiền bảo hiểm góp ít nhiều, há sợ tai ương chắn lối.

何須蛋里尋營養
只此盤中有文章

Hà tu đạm lý tầm doanh dưỡng.
Chỉ thử bàn trung hữu văn chương.
Dinh dưỡng phải đâu chỉ là trứng.
Văn chương vẫn có ở trên bàn.

味超玉液瓊漿外
巧在然萁煮豆中

Vị siêu ngọc dịch quỳnh tương ngoại.
Xảo tại nhiên cơ chử đậu trung.
Vị ngọt hơn quỳnh tương ngọc dịch.
Khéo trong khi nấu đậu nhóm lò.

家財雖萬貫一旦遭災貧如洗
保險僅數元十分安全穩如山

Gia tài tuy vạn quan nhất đán tao tai bần như tẩy.
Bảo hiểm cẩn số nguyên thập phần an toàn ổn như sơn.
Gia tài dẫu vạn quan, một sớm gặp tai, sạch như nước.
Bảo hiểm góp vài đồng, mười phần an toàn, vững tựa non.

年 年 防 月 月 防 一 日 不 防 一 日 悔
人 人 保 歲 歲 保 四 時 常 保 四 時 安

Niên niên phòng nguyệt nguyệt phòng nhất nhật bất phòng nhất nhật hối.
Nhân nhân bảo tuế tuế bảo tứ thời thường bảo tứ thời an.

Năm năm phòng, tháng tháng phòng, một ngày quên phòng, một ngày hối.
Người người bảo, năm năm bảo, bốn mùa thường bảo, bốn mùa yên.

吃 粗 菜 淡 飯 安 步 當 車 無 災 即 福
享 山 珍 海 味 養 尊 處 優 有 禍 難 防

Ngật thô trà đạm phạn an bộ đương xa vô tai tức phúc;
Hưởng sơn trân hải vị dưỡng tôn xứ ưu hữu hoạ nan phòng.

Chỉ trà thô cơm đạm, hết bộ đến xe, không tai là phúc.
Ưa sơn hào hải vị, ăn ngon ở đẹp, có hoạ khó ngừa.

館 内 人 來 自 南 北 東 西 各 抒 己 見 交 留 信 息
座 上 客 無 分 農 工 商 學 自 得 其 樂 閑 暇 清 心

Quán nội nhân lai tự nam bắc đông tây các trữ kỷ kiến giao lưu tin tức.
Toạ thượng khách vô phân nông công thương học tự đắc kỳ lạc nhàn hạ thanh tâm.

Trong quán, người đến từ nam bắc đông tây, đem điều thấy giao lưu tin tức.
Ngồi đây, khách không phân nông công thương học, tự làm vui nhàn hạ thanh tâm.

保 險 逢 凶 能 化 吉
公 司 解 難 又 排 憂

Bảo hiểm phùng hung năng hoá cát.
Công ty giải nạn hựu bài ưu.

Bảo hiểm gặp hung hay hoá cát.
Công ty giải hạn lại bày hay.

春 風 喜 引 吉 祥 鳥
細 雨 潤 紅 幸 福 花

Xuân phong hỷ dẫn cát tường điểu.
Tế vũ nhuận hồng hạnh phúc hoa.

Gió mát dẫn đường chim báo hỷ.
Mưa nhỏ thêm hồng hoa gặp may.

瓦 壺 水 沸 邀 清 客
茗 碗 香 騰 遣 睡 魔

Ngõa hồ thuỷ phí yêu thanh khách.
Minh uyển hương đằng khiển thuỵ ma.
Bình gốm nước sôi mời khách nhã.
Trà quý hương bay hết ngủ trưa.

寰宇慶升平集四海英賢談心場所
天涯若比鄰共一堂茶水聚首因緣

Hoàn vũ khánh thăng bình tập tứ hải anh hiền đàm tâm trường sở.
Thiên nhai nhược tỷ lân cộng nhất đường trà thuỷ tụ thủ nhân duyên.
Mừng thế giới thái bình, họp bốn biển anh tài, nỗi lòng bày tỏ.
Với người xa như biết, chung một chỗ uống trà, âu cũng nhân duyên.

處處通途何去何從居兩間分清邪正
頭頭是道誰賓誰主吃一碗各自東西

Xứ xứ thông đồ hà khứ hà tòng cư lưỡng gian phân thanh tà chính.
Đầu đầu thị đạo thuỷ tân thuỳ chủ ngật nhất uyển các tự đông tây.
Khắp chốn đường thông, đi đâu về đâu, giữa hai ngả nên phân hay dở.
Rõ ràng đâu đấy, ai khách ai chủ, một miếng ăn phải rõ đúng sai.

清潔舒適浴洗方便請君未晚先頭宿
服務周到報時准确無須雞鳴早看天

Thanh khiết thư thích dục tẩy phương tiện thỉnh quân vị vãn tiên đầu túc.
Phục vụ chu đáo báo thời chuẩn xác vô tu kê minh tảo khán thiên.
Sạch sẽ thoải mái, tắm rửa thuận tiện, xin mời khách đến khi chưa tối.
Phục vụ chu đáo, báo giờ chuẩn xác, không cần gà gáy sớm hôm sau.

領略家鄉風味
溫馨故里人情

Lãnh lược gia hương phong vị.
Ôn hinh cố lý nhân tình.
Nắm được phong vị quê hương.
Hâm nóng tình người chốn cũ.

水陸兼呈皆上味
賓朋盡興共加餐

Thuỷ lục kiêm trình giai thượng vị.
Tân bằng tận hứng cộng gia san.
Sơn hào hải vị, món ăn tuyệt.
Bạn bè cao hứng, bữa cơm ngon.

綜 新 舊 舒 刊 莫 謂 古 文 無 今 文 有
統 中 西 學 術 請 看 近 者 買 遠 者 郵

Tổng tân cựu thư san, mạc vị cổ văn vô, kim văn hữu.
Thống trung tây học thuật, thỉnh khan cận giả mãi viễn giả bưu.

Tổng duyệt sách mới cũ, chớ bảo cổ văn không, kim văn có.
Thống học thuật Trung, Tây, xin hãy nhớ gần thì mua, xa thì gửi.

廣 通 財 路
巧 管 資 金

Quảng thông tài lộ.
Xảo quản tư kim.

Rộng thông tiền của,
Khéo quản vốn còn.

社 會 交 流 憑 匝 制
財 源 命 脈 系 金 融

Xã hội giao lưu bằng táp chế.
Tài nguyên mạnh mạch hệ kim dung.

Xã hội giao lưu nhờ phép tắc.
Tài nguyên huyết mạch cậy cây vàng.

求 知 識 學 海 探 寶 累 亦 矣
追 科 學 書 山 尋 珍 苦 也 甜

Cầu tri thức học hải thám bảo luỵ diệc hỷ.
Truy khoa học thư sơn tầm trân khổ dã điềm.

Cầu biển học tri thức, kiếm ngọc, mệt cũng vui.
Thăm núi sách khoa học, tìm châu, đắng mà ngọt.

文 海 放 舟 健 儿 要 敢 頂 風 上
書 山 探 寶 志 士 哪 能 空 手 回

Văn hải phóng chu kiện nhi yêu cảm đỉnh phong thượng.
Thư sơn thám bảo chí sỹ na năng không thủ hồi.

Biển văn vượt thuyền, người mạnh dám cưỡi lên đầu gió.
Núi sách tìm ngọc, chí sỹ đâu trở về tay không.

不 戲 不 怠 古 今 傳 家 皆 由 學 時 起
宜 勤 宜 勉 中 外 碩 士 都 從 苦 中 來

Bất hý bất đãi cổ kim truyền gia giai do học thời khởi.
Nghi cần nghi miễn trung ngoại thạc sỹ đô tòng khổ trung lai.

Chẳng cợt, chẳng lười, xưa nay truyền đời đều do học mà nên.
Nên chăm, nên gắng, trong ngoài rộng học cũng phải khổ mới được.

2 眼明分眞善美君不論中人西人任你挑選
實光細驗假高低鏡當分遠視近視隨你需求
Tuệ nhãn minh phân chân thiện mỹ quân bất luận trung nhân tây nhân nhậm nhĩ khiêu tuyển.
Bảo quang tế nghiệm giả cao đê kính đương phân viễn thị cận thị tuỳ nhĩ nhu cầu.
Mắt tuệ soi qua, đúng tốt đẹp, khách chẳng kể người âu kẻ á, chọn lựa xin mời.
Điện quang nghiệm rõ,mượn cao thấp kính chia ra viễn thị cận thị, yêu cầu tuỳ ý.

湊六經芳潤
儲二酉精華
Thấu lục kinh phương nhuận.
Trữ nhị Dậu tinh hoa.
Thấm hương nhuận Lục kinh.
Trữ nhị Dậu tinh hoa (Hai ngọn núi có tên Dậu Sơn)

藏古今學術
聚天地精華
Tàng cổ kim học thuật.
Tụ thiên địa tinh hoa.
Chứa học thuật xưa nay.
Tụ tinh hoa trời đất.

察及秋毫如燭照
看來老眼不昏花
Sát cập thu hào như chúc chiếu.
Khán lai lão nhãn bất hôn hoa.
Xét rõ tơ hào như có đuốc.
Xem ra mắt lão chẳng hề hoa.

邀來日月懸隆准
攬得河山入玉眸
Yêu lai nhật nguyệt huyền long chuẩn.
Giảo đắc hà sơn nhập ngọc mâu.
Sống mũi nếu treo vầng nhật nguyệt.
Con ngươi thu được cả sơn hà.

電腦驗光測眼間就可知君底細
精工配鏡顧盼後便應信我名聲

Điện não nghiệm quang trắc nhãn gian tựu khả tri quân để tế;
Tinh công phối kính cố phán hậu tiện ứng tín ngã danh thanh.
Nghiệm điện não quang đo khoảng cách, đủ biết mắt ông còn tốt.
Khéo gia công kính ngắm người đeo càng tin danh tiếng hiệu ta.

燕 剪 飛 來 敢 夸 手 藝
鴛 針 度 處 別 出 心 裁

Yến tiễn phi lai cảm khoa thủ nghệ.
Uyên châm độ xứ biệt xuất tâm tài.
Lưỡi kéo én bay dám khoe tay khéo.
Đường kim uyên lượn dốc hết lòng may.

人 要 衣 裝 經 紅 妝 素 裹 便 丰 神 奕 奕
体 需 服 飾 能 寬 適 窄 宜 即 風 度 翩 翩

Nhân yếu y trang kinh hồng trang tố lý tiên phong thần dịch dịch.
Thể nhu phục sức năng khoan thích trách nghi tức phong độ phiên phiên.
Ngoài hồng trong trắng, vẻ tươi hơn hớn, nhờ đến y trang.
Thích chật ưa thoáng, có dáng đàng hoàng,cậy hàng phục sức.

嘉 名 稱 博 士
大 禮 重 高 冠

Gia danh xứng bác sĩ.
Đại lễ trọng cao quan.
Tài giỏi xứng bác sĩ.
Lễ lớn trọng mũ cao.

交 以 道 接 以 禮 笑 盈 盈 迎 四 海 來 賓 門 庭 若 市
近 者 悅 遠 者 來 喜 滋 滋 待 八 方 顧 客 商 店 如 家

Giao dĩ đạo tiếp dĩ lễ tiếu doanh doanh nghinh tứ hải lai tân môn đình nhược thị.
Cận giả duyệt viễn giả lai hỉ tư tư đãi bát phương cố khách thương điếm như gia.
Giao lấy đạo tiếp lấy lễ tủm tỉm cười đón khách bốn phương trước nhà như chợ.
Gần người vui xa người lại vẻ vui tươi tiếp người tám hướng cửa hiệu như nhà.

薄 利 多 消 顧 客 盈 門 生 意 活
竭 成 服 務 春 風 滿 面 熱 情 高

Bạc lợi đa tiêu cố khách doanh môn sinh ý hoạt.
Kiệt thành phục vụ xuân phong mãn diện nhiệt tình cao.

Lãi ít bán nhiều, khách đến chật nhà, buôn bán thoáng.
Hết lòng phục vụ, gió xuân mát mặt, nhiệt tình cao.

錦 繡 兩 廂 藏 百 貨
春 風 一 店 暖 千 家

Cẩm tú lưỡng sương tàng bách hoá.
Xuân phong nhất điếm noãn thiên gia.

Hai chái đẹp, hàng bày trăm thứ.
Một trời xuân, gió ấm ngàn nhà.

萬 民 便 利
百 貨 流 通

Vạn dân tiên lợi.
Bách hoá lưu thông.

Tiện lợi muôn nhà.
Lưu thông bách hoa.

公 平 有 德
和 氣 致 祥

Công bình hữu đức.
Hoà khí trí tường.

Có đức công bằng.
Rành mạch hoà nhã.

財 源 若 海
顧 客 盈 門

Tài nguyên nhược hải.
Cố khách doanh môn.

Tài nguyên như biển.
Khách hàng đầy nhà.

禮 貌 待 客
文 明 經 商

Lễ mạo đãi khách.
Văn minh kinh thương.

Với khách lễ phép.
Kinh doanh văn minh.

大 名 鼎 鼎 上 等 功 夫 海 角 天 涯 享 盛 譽
美 貌 堂 堂 發 端 技 巧 廳 間 室 外 拂 春 風

Đại danh đỉnh đỉnh thượng đẳng công phu hải giác thiên nhai hưởng thịnh dự.
Mỹ mạo đường đường phát đoan kỹ xảo sảnh gian thất ngoại phất xuân phong.
Tiếng tăm lừng lẫy, tuyệt đỉnh công phu, góc biển chân trời người xưng tụng.
Dung mạo đàng hoàng, tay nghề cực khéo, trong nhà ngoài sảnh gió xuân đưa.

操毫末技藝不敎斯人憔悴古今中外离不得
習頂上功夫能使其面嶄新南女老幼盡開顏
Thao hào mạt kỹ nghệ bất giao tư nhân tiều tuỵ cổ kim trung ngoại ly bất đắc.
Tập đỉnh thượng công phu năng sử kỳ diện tiệm tân nam nữ lão ấu tận khai nhan
Nắm kỹ thuật tinh vi, chẳng để cho người tiều tuy, trong, ngoài, kim, cổ chẳng khi rời.
Tập công phu tuyệt đỉnh, hay làm gương mặt tinh tươm, trai, gái, trẻ, già đều rạng vẻ.

擇里仁爲美
安居德有鄰
Trạch lý nhân vi mỹ.
An cư đức hữu lân.
Chọn chỗ nhân làm tốt.
Sống bên đức mới yên.

遷宅吉祥日
安居大有年
Thiên trạch cát tường nhật.
An cư đại hữu niên.
Ngày tốt lành dọn nhà.
Năm được mùa yên chốn.

棟起祥雲連北斗
堂開瑞氣煥春光
Đống khởi tường vân liên bắc đẩu.
Đường khai thụy khí hoán xuân quang.
Dựng cột mây lành vờn bắc đẩu.
Trình nhà khí tốt rực xuân quang.

仁 風 春 日 煦
德 澤 福 星 明

Nhân phong xuân nhật húc.
Đức trạch phúc tinh minh.
Tục nhân ấm trời xuân.
Ơn đức sáng sao phúc.

居 之 安 山 明 水 秀
人 之 和 地 久 天 長

Cư chi an sơn minh thuỷ tú.
Nhân chi hoà địa cửu thiên trường.
Ở lấy yên, nước non tươi đẹp.
Người được hoà, trời đất dài lâu.

鶯 遷 金 谷 曉
花 報 玉 堂 春

Oanh thiên kim cốc hiểu.
Hoa báo ngọc đường xuân.
Oanh hang vàng rời sớm.
Hoa viện ngọc tin xuân.

金 梁 燦 燦 光 輝 日
玉 柱 巍 巍 力 擎 天

Kim lương xán xán quang huy nhật.
Ngọc trụ nguy nguy lực kình thiên.
Xà vàng xán lạn chói vẳng nhật.
Trụ ngọc nguy nga sức chống trời.

家 種 吉 祥 草
宅 開 幸 福 門

Gia chủng cát tường thảo.
Trạch khai hạnh phúc môn.
Vườn trồng giống cỏ lành.
Nhà mở cửa hạnh phúc.

鳴 花 炮 聲 聲 道 喜
起 大 梁 步 步 登 高

Minh hoa pháo thanh thanh đạo hỷ.
Khởi đại lương bộ bộ đăng cao.
Đốt pháo hoa vang vang khắp chốn.
Dựng cây xà bước bước lên cao.

朝 臨 新 氣 象
拱 照 大 文 章

Triều lâm tân khí tượng.
Củng chiếu đại văn chương.

Chiêu tập khí tượng mới.
Soi rọi khắp văn chương.

花 開 富 貴 人 開 眼
日 上 中 天 屋 上 梁

Hoa khai phú quý nhân khai nhãn.
Nhật thượng trung thiên ốc thượng lương.

Hoa nở giầu sang người nở tài.
Trời lên bóng đứng nhà lên nóc.

玉 堂 映 曙 色
珠 樹 發 秋 香

Ngọc đường ánh thự sắc.
Châu thụ phát thu hương.

Nhà ngọc ngời sắc sớm.
Cây châu ngát hương thu.

紅 日 洒 輝 臨 吉 宅
春 風 送 暖 入 花 堂

Hồng nhật sái huy lâm cát trạch.
Xuân phong tống noãn nhập hoa đường.

Trời hồng rải sáng trên đất tốt.
Gió xuân đưa ấm đến nhà hoa.

重 陽 及 宅 第
金 菊 鑲 花 堂

Trùng dương cập trạch đệ.
Kim cúc nhưỡng hoa đường.

Trùng dương xây chỗ mới.
Cúc vàng gắn nhà hoa.

新 廈 落 成 增 秀 氣
花 門 安 樂 進 財 源

Tân hạ lạc thành tăng tú khí.
Hoa môn an lạc tiến tài nguyên.

Nhà mới xây xong tăng vẻ đẹp.
Cửa hoa vui nở góp thêm giàu.

江 山 聚 秀 歸 新 宇
日 月 交 輝 映 錦 堂

Giang sơn tụ tú quy tân vũ.
Nhật nguyệt giao huy ánh cẩm đường.
Giang sơn góp đẹp cho nơi mới.
Nhật nguyệt đan xen rạng vẻ nhà.

向 陽 庭 院 風 光 好
勤 儉 人 家 幸 福 多

Hướng dương đình viện phong quang hảo.
Cần kiệm nhân gia hạnh phúc đa.
Hướng dương nhà cửa phong quang lắm.
Cần kiệm mọi người hạnh phúc hơn.

春 風 化 雨 艷 桃 李
瑞 藹 盈 屋 旺 子 孫

Xuân phong hoá vũ diệm đào lý.
Thụy ái doanh ốc vượng tử tôn.
Gió xuân mưa bụi tươi đào mận.
Nhà tụ mây lành vượng cháu con.

一 片 彩 霞 迎 旭 日
滿 門 春 訊 慶 新 居

Nhất phiến thái hà nghinh húc nhật.
Mãn môn xuân tấn khánh tân cư.
Một áng mây mai chào rạng sáng.
Đầy cửa tin xuân chúc mới nhà.

新 屋 造 就 千 般 喜
滿 室 和 睦 百 事 香

Tân ốc tạo tựu thiên ban hỷ.
Mãn thất hoà mục bách sự hương.
Chỗ mới xây xong vui mọi nỗi.
Đầy nhà hoà thuận tốt trăm điều.

三 陽 日 照 平 安 宅
五 福 星 臨 吉 慶 門

Tam dương nhật chiếu bình an trạch.
Ngũ phúc tinh lâm cát khánh môn.
Tam dương trời chiếu nhà yên ổn.
Ngũ phúc sao soi cửa tốt lành.

宏 圖 大 展 興 隆 宅
泰 運 長 臨 富 裕 家
Hoằng đồ đại triển hưng long trạch.
Thái vận trường lâm phú dụ gia.
Kế hoạch mở ra nhà cửa lớn.
Vận may đến mãi đất giàu to.

門 迎 春 夏 秋 冬 福
户 納 東 西 南 北 祥
Môn nghinh xuân hạ thu đông phúc.
Hộ nạp đông tây nam bắc tường.
Cửa đón phúc, thu đông xuân hạ.
Nhà thâu lành, nam bắc đông tây.

鶯 過 重 門 留 好 語
花 開 勝 地 吐 其 香
Oanh quá trùng môn lưu hảo ngữ.
Hoa khai thắng địa thổ kỳ hương.
Oanh qua cửa lớp còn lưu tiếng.
Hoa nở đất lành vẫn ngát hương.

祥 雲 環 繞 新 門 第
紅 日 光 臨 喜 人 家
Tường vân hoàn nhiễu tân môn đệ.
Hồng nhật quang lâm hỷ nhân gia.
Cổng mới dựng, mây lành quấn quýt.
Nhà vui mừng, trời đỏ dõi soi.

花 春 入 室 春 風 藹
瑞 氣 盈 門 淑 景 新
Hoa xuân nhập thất xuân phong ái.
Thuỵ khí doanh môn thục cảnh tân.
Hương hoa theo gió xuân vào cửa.
Hơi lành ưa cảnh mới đầy nhà.

擇 居 仁 里 和 爲 貴
善 与 人 同 德 有 鄰
Trạch cư nhân lý hoà vi quý.
Thiện dữ nhân đồng đức hữu lân.
Chọn ở chỗ nhân hoà mới quý.
Hoà hợp cùng người đức dễ thân.

家 居 光 天 化 日 下
人 在 細 雨 和 風 中
Gia cư quang thiên hoá nhật hạ.
Nhân tại tế vũ hoà phong trung.
Nhà xây chỗ trời mây quang đãng.
Người ở nơi mưa gió thuận hoà.

庭 前 月 色 清 如 許
户 外 嵐 光 翠 欲 流
Đình tiền nguyệt sắc thanh như hứa.
Hộ ngoại lam quang thuý dục lưu.
Trước sân ánh trăng trong hò hẹn.
Ngoài ngõ non mây biếc muốn trôi.

日 照 新 居 添 錦 繡
花 栽 院 圃 吐 芬 芳
Nhật chiếu tân cư thiêm cẩm tú.
Hoa tài viện phố thổ phân phương.
Nắng soi nhà mới thêm vui mắt.
Hoa nở vườn bao vẫn toả hương.

華 堂 喜 對 山 河 秀
福 宅 欣 迎 日 月 輝
Hoa đường hỷ đối sơn hà tú.
Phúc trạch hân nghinh nhật nguyệt huy.
Nhà hoa mừng ngắm non sông đẹp.
Đất phúc hoan nghênh nhật nguyệt ngời.

家 居 綠 水 青 山 畔
人 在 春 風 和 氣 中
Gia cư lục thuỷ thanh sơn bạn.
Nhân tại xuân phong hoà khí trung.
Nhà kề bên nước biếc non xanh.
Người ở giữa gió xuân khí mát.

地 久 天 長 門 有 喜
年 豐 人 壽 福 無 邊
Địa cửu thiên trường môn hữu hỷ.
Niên phong nhân thọ phúc vô biên.
Cửa có tin vui trời đất vững.
Năm may người thọ phúc vô biên.

地 無 寒 舍 春 常 在
居 有 芳 鄰 德 不 孤
Địa vô hàn xá xuân thường tại.
Cư hữu phương lân đức bất cô.
Đất không nhà khó xuân lui tới.
Ở cạnh người hay đức dập dìu.

旭 日 東 升 臨 大 廈
青 山 含 翠 映 華 堂
Húc nhật đông thăng lâm đại hạ.
Thanh sơn hàm thuý ánh hoa đường.
Trời sáng ánh dương vào cửa lớn.
Non xanh ngậm biếc rạng nhà hoa.

春 風 楊 柳 鳴 金 屋
晴 雪 梅 花 照 玉 堂
Xuân phong dương liễu minh kim ốc.
Tình tuyết mai hoa chiếu ngọc đường.
Gió xuân cọt liễu reo trên nóc.
Tuyết trắng đùa mai chiếu trước nhà.

玉 樹 奇 花 香 作 錦
水 光 山 色 翠 連 雲
Ngọc thụ kỳ hoa hương tác cẩm.
Thủy quang sơn sắc thuý liên vân.
Cây hoa vẻ ngọc tươi như gấm.
Non nước màu xanh biếc tựa mây.

高 堂 映 日 開 丹 桂
新 室 藏 春 醉 碧 桃
Cao đường ánh nhật khai đan quế.
Tân thất tàng xuân tuý bích đào.
Trời đẹp nhà cao đan quế nở.
Xuân đầy chỗ mới bích đào say.

堂 凝 瑞 氣 雲 追 月
棟 染 谷 香 秋 勝 春
Đường ngưng thuỵ khí vân truy nguyệt.
Đống nhiễm cốc hương thu thắng xuân.
Nhà đọng hơi lành mây giỡn nguyệt.
Cột vương hương núi thu hơn xuân.

新 院 新 防 新 氣 象
好 山 好 水 好 風 光

Tân viện tân phòng tân khí tượng.
Hảo sơn hảo thuỷ hảo phong quang.
Mới viện mới phòng mới cảnh tượng.
Đẹp sông đẹp núi đẹp phong quang.

歲 寒 三 有 添 新 色
和 氣 滿 堂 聚 德 光

Tuế hàn tam hữu thiêm tân sắc.
Hoà khí mãn đường tụ đức quang.
Bộ ba (tùng, trúc, mai) quen lạnh đông càng đẹp.
Một nhà hoà thuận đức thêm tươi.

玉 宇 前 青 山 似 畫
花 堂 後 碧 樹 成 林

Ngọc vũ tiền thanh sơn tự hoạ.
Hoa đường hậu bích thụ thành lâm.
Ngắm trước cửa núi xanh như vẽ.
Nhìn sau nhà cây biếc thành rừng.

淑 氣 和 風 光 棟 宇
銀 花 玉 樹 染 門 庭

Thục khí hoà phong quang đống vũ.
Ngân hoa ngọc thụ nhiễm môn đình.
Khí lành, gió mát quang nhà cửa.
Cây ngọc, hoa ngân rợp trước sân.

美 酒 盈 樽 嘉 客 醉
清 風 繞 宅 瑞 雲 生

Mỹ tửu doanh tôn gia khách tuý.
Thanh phong nhiễu trạch thuỵ vân sinh.
Rượu ngon đầy chén say lòng khách.
Gió mát quang nhà đẹp bóng mây.

山 環 水 抱 風 光 美
柳 暗 花 明 景 色 新

Sơn hoàn thuỷ bão phong quang mỹ.
Liễu ám hoa minh cảnh sắc tân.
Nước non vây bọc phong quang lắm.
Hoa liễu khoe màu cảnh sắc tươi.

瑞 雪 迎 春 居 大 廈
東 風 送 暖 進 樓 臺

Thuỵ tuyết nghinh xuân cư đại hạ.
Đông phong tống noãn tiến lâu đài.

Tuyết mới đón xuân về dưới mái.
Gió đông đưa ấm đến lầu cao.

朴 素 大 方 新 宅 第
勤 勞 節 儉 好 人 家

Phác tố đại phương tân trạch đệ.
Cần lao tiết kiệm hảo nhân gia.

Mộc mạc dễ ưa nhà cửa mới.
Siêng năng tiết kiệm đẹp con người.

水 如 碧 玉 山 如 黛
鳳 有 高 梧 鶴 有 松

Thủy như bích ngọc sơn như đại.
Phượng hữu cao ngô hạc hữu tùng.

Nước như ngọc bích, non như kẻ (vẽ).
Phượng có cành ngô, hạc có tùng.

華 堂 建 就 六 親 力
玉 宇 落 成 百 匠 功

Hoa đường kiến tựu lục thân lực.
Ngọc vũ lạc thành bách tượng công.

Nhà đẹp sáu thân[1] đều góp sức.
Mái ngọc trăm tay thợ góp công.

合 天 時 祥 雲 連 畫 棟
得 地 利 峻 嶺 對 新 庭

Hợp thiên thời tường vân liên hoạ đống.
Đắc địa lợi tuấn lãnh đối tân đình.

Hợp thiên thời mây lành như bức hoạ.
Được địa lợi núi đẹp đứng trước nhà.

東 令 如 春 江 山 吐 秀
生 財 有 道 棟 宇 增 輝

Đông lệnh như xuân giang sơn thổ tú.
Sinh tài hữu đạo đống vũ tăng huy.

---

(1) *Sáu thân:* gồm cha, mẹ, anh, em, vợ, con.

Đông đẹp như xuân, núi sông lắm vẻ.
Làm giàu có cách, nhà cửa thêm quang.

喬 遷 喜 天 地 人 共 喜
新 居 榮 福 祿 壽 全 榮

Kiều thiên hỷ thiên địa nhân cộng hỷ.
Tân cư vinh phúc lộc thọ toàn vinh.
Thăng tiến mừng, trời cùng mừng.
Nhà mới vui, phúc lộc đất người thọ đều vui.

竹 風 留 客 飲
松 月 伴 賓 茶

Trúc phong lưu khách ẩm.
Tùng nguyệt bạn tân trà.
Gió trúc lưu bạn rượu.
Trăng tùng đón khách trà.

鳥 鳴 千 户 竹
書 枕 一 床 風

Điểu minh thiên hộ trúc.
Thư chẩm nhất sàng phong.
Chim ca, trúc ngàn khóm.
Sách gối, gió một giường.

爲 愛 鳥 聲 多 種 樹
欲 留 花 氣 不 垂 帘

Vị ái điểu thanh đa chủng thụ.
Dục lưu hoa khí bất thuỳ liêm.
Bởi yêu chim hót cây trồng lắm.
Vì luyến hương hoa chẳng rủ rèm.

架 上 詩 書 無 暇 日
階 前 草 木 總 長 春

Giá thượng thi thư vô hạ nhật.
Giai tiền thảo mộc tổng trường xuân.
Sách hay đầy giá không khi rỗi.
Thềm trước nhiều cây có sẵn xuân.

梅 召 春 光 蘭 遣 夏
菊 呈 秋 色 竹 凌 冬

Mai triệu xuân quang lan khiển hạ .
Cúc trình thu sắc trúc lăng đông.
Mai gọi xuân về, lan khiến hạ.
Cúc tin thu tới, trúc nhờn đông.

自喜軒窗無俗韻
亦知草木有眞香
Tự hỷ hiên song vô tục vận.
Diệc tri thảo mộc hữu chân hương.
Mừng thấy hiên song không tiếng tục.
Vẫn hay cây cỏ có hương thầm.

庭前瑞發花成錦
門外春來鳥唱歌
Đình tiền thụy phát hoa thành cẩm.
Môn ngoại xuân lai điểu xướng ca.
Sân trước khí lành hoa gấm dệt.
Cổng ngoài xuân đến tiếng chim ca.

房中雅奏同心曲
室內應無交滴聲
Phòng trung nhã tấu đồng tâm khúc.
Thất nội ứng vô giao trích thanh.
Trong phòng nên sẵn nhạc đồng tâm.
Chỗ ở chớ lắm lời châm chọc.

好山入座清如洗
嘉樹當窗翠欲流
Hảo sơn nhập toạ thanh như tẩy.
Gia thụ đương song thuý dụclưu.
Núi đẹp ngồi thiền lòng rửa sạch.
Cây xanh bên cửa biếc như trôi.

傾壺待客花開後
出竹吟詩月上時
Khuynh hồ đãi khách hoa khai hậu.
Xuất trúc ngâm thi nguyệt thượng thời.
Nghiêng bầu đãi khách sau hoa nở.
Cạnh trúc ngâm thơ lúc mọc trăng.

野樹穿花月在澗
清風拂座竹環門

Dã thụ xuyên hoa nguyệt tại giản.
Thanh phong phất toạ trúc hoàn môn.
Trăng khe thấp thoáng hoa sườn núi.
Trúc ngõ la đà gió mát lay.

得好友來如對月
有佳書讀勝看花
Đắc hảo hữu lai như đối nguyệt.
Hữu giai thư độc thắng khan hoa.
Bạn tốt đến nhà như trước nguyệt.
Sách hay đang đọc biếng thăm hoa.

數竿修竹三間屋
一席清風萬壑雲
Sổ can tu trúc tam gian ốc.
Nhất tịch thanh phong vạn hác vân.
Ba gian nhà, dăm hàng trúc biếc.
Vạn đám mây một chiếu gió thanh.

明月清風開浪韻
高山流水有知音
Minh nguyệt thanh phong khai lãng vận.
Cao sơn lưu thủy hữu tri âm.
Gió mát trăng thanh vần điệu đẹp.
Non cao nước chảy bạn bè thân.

居心中正明如鏡
接物寬和藹似春
Cư tâm trung chính minh như kính.
Tiếp vật khoan hoà ái tự xuân.
Sáng tựa gương trong lòng thẳng thắn.
Tươi như xuân đẹp vẻ khoan hoà.

愛客襟懷春滿座
照人肝膽月盈庭
Ái khách khâm hoài xuân mãn toạ.
Chiếu nhân can đảm nguyệt doanh đình.
Quý khách thấy lòng xuân mọi chỗ.
Soi người gan mật nguyệt đầy sân.

獨坐每將書作伴
閉門常与竹爲鄰

Độc toạ mỗi tương thư tác bạn.
Bế môn thường dữ trúc vi lân.
Mình ngồi sách vở quen làm bạn.
Đóng cửa xóm giềng trúc vẫn thân.

一庭花發來知己
半卷書開見古人
Nhất đình hoa phát lai tri kỷ.
Bán quyển thư khai kiến cổ nhân
Một sân hoa nở chờ tri kỷ.
Nửa quyển dành xem thấy cổ nhân.

窗前草色侵吟席
帘外花香入瑞軒
Song tiền thảo sắc xâm ngâm tịch.
Liêm ngoại họa hương nhập thuỵ hiên.
Sắc cỏ bên song vào chiếu đọc.
Hương hoa rèm trước ngát hương nằm.

詩情畫意皆良友
鳥語花香最可人
Thi tình hoạ ý giai lương hữu.
Điểu ngữ hoa hương tôi khả nhân.
Tình thơ ý hoạ đây người tốt.
Chim hót hoa hương đấy kẻ hay.

樹影横窗知月上
花香入夢覺春來
Thụ ảnh hoành song tri nguyệt thượng.
Hoa hương nhập mộng giác xuân lai.
Bóng cây xuyên cửa biết trăng lên.
Hương hoa vào mộng hay xuân đến.

愛容常開新釀酒
呼童時展舊藏書
Ái dung thường khai tân nhưỡng tửu.
Hô đồng thời triển cựu tàng thư.
Ủ được nồi men tươi tỉnh mặt.
Phơi dăm pho sách lại hò con.

月浸一帘花影瘦
風搖半榻竹蔭涼

Nguyệt tẩm nhất liêm hoa ảnh sấu.
Phong dao bán tháp trúc âm lương.
Ánh trăng rèm ngập khiến hoa gầy.
Giường ngủ gió lay nên trúc mát.

門對好山惟種竹
園通活水可澆蔬

Môn đối hảo sơn duy chủng trúc.
Viên thông hoạt thuỷ khả kiêu sơ.
Cửa trước núi cao nên cắm trước.
Vườn thông dòng chảy nhớ trồng rau.

深院塵稀書韻雅
明窗風靜墨花香

Thâm viện trần hy thư vận nhã.
Minh song phong tĩnh mặc hoa hương.
Nhà vắng bụi trần vần điệu nhã.
Gió yên song sáng mực hương đưa.

家有藏書墨庄香遠
門無俗客竹徑風清

Gia hữu tàng thư mặc trang hương viễn.
Môn vô tục khách trúc kính phong thanh.
Nhà có chứa sách hương mực bay xa.
Cổng không khách tục lối trúc gió mát.

午枕聽儿吟好句
晚窗留客弄殘棋

Ngọ chẩm thính nhi ngâm hảo cú.
Vãn song lưu khách lộng tàn kỳ.
Trưa nằm nghe trẻ, ngâm câu đẹp.
Song muộn người lưu, đở cuộc cờ.

好花四時明月千古
遠峰一角奇書半床

Hảo hoa tứ thời minh nguyệt thiên cổ.
Viễn phong nhất giác kỳ thư bán sàng.
Bốn mùa hoa đẹp, trăng sáng muôn đời.
Gió xa chợt tỉnh, sách lạ nửa giường.

高 敞 軒 窗 迎 海 月
預 栽 花 木 待 春 風
Cao thưởng hiên song nghinh hải nguyệt.
Dự tài hoa mộc đãi xuân phong.
Hiên song thoáng mát chờ trăng biển.
Hoa cỏ vun trồng đợi gió xuân.

良 友 遠 來 弄 書 新 得
好 花 半 放 美 酒 爲 醺
Lưỡng hữu viễn lai dị thư tân đắc.
Hảo hoa bán phóng mỹ tửu vi huân.
Sách lạ mới hay, mừng bạn đến thăm.
Rượu ngon hơi say, đợi xem hoa nở.

室 外 獨 留 滋 卉 地
年 來 幸 得 養 花 天
Thất ngoại độc lưu tư huỷ địa.
Niên lai hạnh đắc dưỡng hoa thiên.
Mảnh đất trước nhà trồng cây đẹp.
Sang năm may được tưới hoa tươi.

竹 影 橫 窗 花 香 入 室
春 光 交 夢 秋 月 沁 心
Trúc ảnh hoành song hoa hương nhập thất.
Xuân quang giao mộng thu nguyệt tấm tâm.
Bóng trúc qua song, hương hoa vào cửa.
Ánh xuân đưa mộng, thu nguyệt ngấm lòng.

舊 書 細 讀 猶 多 味
佳 客 能 來 不 費 招
Cựu thư tế độc do đa vị.
Giai khách năng lai bất phí chiêu.
Sách xưa đọc kỹ còn nhiều vị.
Khách quý năng thăm chớ ngại mời.

白 鳥 多 情 留 人 小 住
青 山 無 語 与 我 神 交
Bạch điểu đa tình lưu nhân tiểu trú.
Thanh sơn vô ngữ dữ ngã thần giao.
Cò trắng có tình được người thoáng ngắm.
Núi xanh không tiếng cũng hiểu ngầm ta.

花 徑 不 曾 緣 客 掃
蓬 門 今 始 爲 君 開

Hoa kính bất tằng duyên khách tảo.
Bồng môn kim thuỷ vị quân khai.

Lối hoa chưa kén duyên người quét.
Non bồng nay đã mở ngài coi.

桂 花 開 時 香 雲 成 海
明 月 高 處 廣 寒 有 居

Quế hoa khai thời hương vân thành hải.
Minh nguyệt cao xứ quảng hàn hữu cư.

Một biển hương mây, mùa hoa quế nở.
Đầu non cung quảng, bóng trăng treo cao.

秋 菊 開 三 徑
琴 書 萃 一 堂

Thu cúc khai tam kính.
Cầm thư tuỵ nhất đường.

Cúc thu trồng ba luống.
Đàn sách gắng một nhà.

花 心 起 墨 彙
春 色 散 毫 端

Hoa tâm khởi mặc vựng.
Xuân sắc tán hào đoan.

Nở hoa lúc mài mực.
Sắc xuân trên nét vương.

意 飄 雲 物 外
詩 入 畫 圖 中

Ý phiêu vân vật ngoại.
Thi nhập hoạ đồ trung.

Ý bay ngoài sự vật.
Thơ vào trong hoạ đồ.

聲 言 宣 至 理
古 意 發 高 文

Thanh ngôn tuyên chí lý.
Cổ ý phát cao văn.

Bàn suông nói cạn lẽ.
Ý cổ nẩy văn hay.

筆 酣 詩 意 厚
墨 舞 友 情 深
Bút cam thi ý hậu.
Mặc vũ hữu tình thâm.
Bút say thơ ý hậu.
Mực múa bạn tình thân.

墨 醉 花 香 動
文 成 劍 氣 豪
Mặc tuý hoa hương động.
Văn thành kiếm khí hào.
Mực say hương hoa động.
Văn xong khí kiếm hào.

推 窗 觀 日 月
揮 筆 起 雲 煙
Suy song quan nhật nguyệt.
Huy bút khởi vân yên.
Mở song xem nhật nguyệt.
Múa bút tả khói mây.

水 石 窮 幽 賞
文 章 識 大 家
Thuỷ thạch cùng u thưởng.
Văn chương thức đại gia.
Khe suối cùng thưởng ngoạn.
Văn chương biết tài hoa.

春 風 寄 瀟 洒
大 雅 含 崋 容
Xuân phong ký tiêu sái.
Đại nhã hàm hoa dung.
Gió xuân vốn phóng khoáng.
Đức lớn sẵn khoan dung.

欲 知 天 地 事
須 讀 古 今 書
Dục tri thiên địa sự.
Tu độc cổ kim thư.
Muốn biết chuyện trời đất.
Nên đọc sách xưa nay.

退筆如山未足惜
讀書萬卷始通神
Thoái bút như sơn vị túc tích.
Độc thư vạn quyển thuỷ thông thần.
Bút cao như núi còn không tiếc.
Sách đọc muôn pho mới thấy thông.

杯沾華露留佳客
案接雲山檢异書
Bôi triêm hoa lộ lưu giai khách.
Án tiếp vân sơn kiểm dị thư.
Chén thấm sương hoa lưu khách quý.
Án liền mây núi kiểm sách hay.

遙看北斗挂南岳
常撞大呂應黃鍾
Dao khoan bắc đẩu quải nam nhạc.
Thường chàng đại lữ ứng hoàng chung.
Xa trông Bắc đẩu trên Nam nhạc.
Thường ca Đại lữ tấu Hoàng chung.

片紙能見天下意
一毫可畫古今情
Phiến chỉ năng kiến thiên hạ lý.
Nhất hào khả hoạ cổ kim tình.
Mảnh tờ hay thấy ý thiên hạ.
Một nét vẽ nên tình cổ kim.

名畫要如詩句讀
古琴兼作水聲聽
Danh hoạ yêu như thi cú độc.
Cổ cầm kiêm tác thuỷ thanh thinh.
Bức vẽ đẹp như bài thơ hay.
Tiếng đàn xưa như dòng suối chảy.

書到精絶方弄險
詩窮蹇滯更吟豪
Thư đáo tinh tuyệt phương lộng hiểm.
Thi cùng kiển trệ cánh ngâm hào.
Sách đến tột vời thường hiểu khó.
Thơ càng ngưng đọng mới ngâm hay.

雨 惊 詩 夢 來 蕉 葉
風 載 書 聲 出 藕 花
Vũ kinh thi mộng lai tiêu diệp.
Phong đới thư thanh xuất ngẫu hoa.
Thánh thót tàu tiêu tỉnh mộng thơ.
Phơ phất sen đưa lời đọc sách.

風 月 有 情 常 似 舊
丹 青 妙 處 不 堪 傳
Phong nguyệt hữu tình thường tự cựu.
Đan thanh diệu xứ bất kham truyền.
Trăng gió có tình nên vốn biết.
Sắc màu chốn đẹp khó hay ghi.

山 川 佳 色 澄 懸 鏡
松 竹 清 陰 靜 讀 書
Sơn xuyên giai sắc trừng huyền kính.
Tùng trúc thanh âm tĩnh độc thư.
Trăng treo vẻ đẹp ngời sông núi.
Sách đọc thầm nghe vẳng trúc thông.

衣 襟 半 染 煙 霞 氣
詩 卷 長 留 天 地 間
Y khâm bán nhiễm yên hà khí.
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.
Vạt áo nửa phần sương khói nhuộm.
Quyển thơ đành gửi đất trời lưu.

花 木 清 香 庭 院 翠
琴 書 雅 趣 館 堂 幽
Hoa mộc thanh hương đình viện thuý.
Cầm thư nhã thú quán đường u.
Hoa lá thơm hương, sân viện biếc.
Sách đàn thú nhã, quán thanh u.

文 姿 筆 態 雲 山 里
畫 意 詩 情 煙 樹 中
Văn tư bút thái vân sơn lý.
Hoạ ý thi tình yên thụ trung.

Thần thái bút văn mây với núi.
Ý tình thi họa khói cùng cây.

春庭草色和煙暖
午夜書聲帶月寒

Xuân đình thảo sắc hoà yên noãn.
Ngọ dạ thư thanh đới nguyệt hàn.
Sắc cỏ sân xuân làn khói ấm.
Đêm về đọc sách lạnh trăng khuya.

名花照眼春光滿
奇句天開妙論高

Danh hoa chiếu nhãn xuân quang mãn.
Kỳ cú thiên khai diệu luận cao.
Hoa thơm mắt ngó xuân đầy sáng.
Thơ lạ trời xui ý mới cao.

吟成不覺野花語
睡起忽聞山鳥鳴

Ngâm thành bất giác dã hoa ngữ.
Thụy khởi hốt văn sơn điểu minh.
Ngâm lên mới biết hoa đồng nói.
Tỉnh dậy vừa hay chim núi kêu.

文成蕉葉書猶綠
吟到梅花字亦香

Văn thành tiêu diệp thư do lục.
Ngâm đáo mai hoa tự diệc hương.
Văn ghi trên lá xanh còn đượm.
Thơ nói về mai, chữ cũng thơm.

春雲曉室琴書潤
嘉樹當軒几席清

Xuân vân nhiễu thất cầm thư nhuận.
Gia thụ đương hiên kỷ tịch thanh.
Nhà phủ mây xuân đàn sách nhuận.
Hiên trùm cây tốt chốn ngôi thanh.

閑裁蕉葉題唐句
細嚼梅花讀漢書

Nhàn tài tiêu diệp đề Đường cú.
Tế tước mai hoa độc Hán thư.
Nhàn thu lá rụng, chép thơ Đường.
Nghiền ngẫm hoa mai, đọc sách Hán.

雲淡雨香詩世界
水流花放畫根源
Vân đạm vũ hương thi thế giới.
Thuỷ lưu hoa phóng hoạ căn nguyên.
Mưa hương, mây nhạc, thơ thế giới.
Nước chảy, hoa trôi, hoạ cội nguồn.

萬卷詩書如好友
一樽談笑伴高人
Vạn quyển thi thư như hảo hữu.
Nhất tôn đàm tiếu bạn cao nhân.
Vạn quyển thi thư như bạn tốt.
Một trướng đàm tiếu bạn người cao.

花間酌酒邀明月
石上題詩掃綠苔
Hoa gian chước tửu yêu minh nguyệt.
Thạch thượng đề thi tảo lục đài.
Chuốc rượu bên hoa mời trăng sáng.
Đề thơ đầu núi quét rêu xanh.

文名遠播如長夢
書法精求得永和
Văn danh viễn bá như trường mộng.
Thư pháp tinh cầu đắc vĩnh hòa.
Văn tài nổi tiếng hay dài mộng.
Thư pháp cầu tinh hãy vững tay.

石壁挂藤通篆意
桐陰滴露挹琴聲
Thạch bích quải đằng thông triện ý.
Đồng âm trích lộ ấp cầm thanh.
Vách đá dây leo truyền ý chữ.
Bóng đồng[1] sương giọt dẫn đàn thanh.

---

[1] Cây ngô đồng.

琴 窗 古 韻 長 生 趣
藝 苑 溫 馨 足 慰 情
Cầm song cổ vận trường sinh thú.
Nghệ uyển ôn hinh túc uỷ tình.
Thú trường sinh điệu cổ song đàn.
Tình an ủi vườn thơm nghệ thuật.

千 館 文 毫 爭 色 彩
萬 家 詩 墨 競 風 流
Thiên quán văn hào tranh sắc thái.
Vạn gia thi mặc cạnh phong lưu.
Ngàn quán văn chương đua sắc thái.
Vạn nhà thơ mực đấu phong lưu.

眞 抒 情 意 多 文 采
苦 練 筆 功 達 自 然
Chân trữ tình ý đa văn thái.
Khổ luyện bút công đạt tự nhiên.
Diễn đạt ý tình nhiều văn vẻ.
Luyện rèn nét bút đạt tự nhiên.

盛 世 書 風 多 浩 氣
晚 年 池 墨 大 精 神
Thịnh thế thư phong đa hạo khí.
Vãn niên trì mặc đại tinh thần.
Tuổi trẻ văn phong giàu hạo khí.
Khi già nét bút mạnh tinh thần.

重 帘 不 卷 留 香 久
古 硯 微 凹 聚 墨 多
Trọng liêm bất quyển lưu hương cửu.
Cổ nghiễn vị ao tụ mặc đa.
Rèm nặng giữ hương nên chẳng cuốn.
Nghiên xưa đọng mực bởi lòng sâu.

喜 我 詞 章 無 俗 韻
愛 人 畫 品 友 清 操
Hỷ ngã từ chương vô tục vận.
Ái nhân hoạ phẩm hữu thanh thao.
Mừng tớ văn chương không vẻ tục.
Yêu người hoạ phẩm có màu thanh.

竹露松風蕉葉雨
茶煙琴韻讀書聲
Trúc lộ tùng phong tiêu diệp vũ.
Trà yên cầm vận độc thư thanh.
Sương trúc gió tùng mưa tàu chuối.
Khói trà tiếng nhạc giọng bình văn.

詩書千載經綸事
松竹四時瀟洒心
Thi thư thiên tải kinh luân sự.
Tùng trúc tứ thời tiêu sái tâm.
Thi thư ngàn thuở việc kinh luân.
Tùng trúc bốn mùa lòng thư thái.

對韻求工藏國醉
聯詩術志顯民風
Đối vận cầu công tàng quốc tuý.
Liên thi thuật chí hiển dân phong.
Vần đối khéo tìm mang quốc tuý.
Thi liên thuật chí hiển dân phong.

清新雋永詩書氣
朴素天眞寒墨情
Thanh tân tuyển vĩnh thi thư khí.
Phác tố thiên chân hàn mặc tình.
Thanh tân ý vị khí thi thư.
Chất phác tính trời tình bút mực.

閑處攜書花下讀
興來得句竹間吟
Nhàn xứ huề thư hoa hạ độc.
Hứng lai đắc cú trúc gian ngâm.
Đọc sách dưới hoa ngồi lúc rỗi.
Ngâm thơ bên trúc hứng khi về.

閑拈古帖臨池寫
靜捧奇書就月觀
Nhàn niêm cổ thiếp lâm tri tả.
Tĩnh bổng kỳ thư tựu nguyệt quan.
Nhàn mang thiếp cũ bên ao viết.
Tĩnh đem sách lạ dưới trăng xem.

運 筆 不 靈 看 燕 舞
行 文 無 字 賞 花 開
Vận bút bất linh khan yến vũ.
Hành văn vô tự thưởng hoa khai.
Ngó thấy ngòi khô, ngắm yến bay.
Trông chừng văn bí, xem hoa nở.

人 居 百 尺 松 蘿 上
詩 在 千 層 花 雨 中
Nhân cư bách xích tùng la thượng.
Thi tại thiên tầng hoa vũ trung.
Người nằm trên ngọn tùng trăm thước.
Thơ ở dưới mưa hoa ngàn tầng.

墨 池 煙 藹 花 間 露
茗 鼎 香 浮 竹 外 雲
Mặc trì yên ái hoa gian lộ.
Minh đỉnh hương phù trúc ngoại vân.
Ao mực khói trùm sương đọng hoa.
Chén trà hương toả mây mờ trúc.

鳥 向 枝 頭 催 筆 韻
梅 從 花 外 度 書 聲
Điểu hướng chi đầu thôi bút vận.
Mai tòng hoa ngoại độ thư thanh.
Chim hướng đầu cành giục vần bút.
Mai đến cùng hoa đưa tiếng thơ.

小 苑 詩 風 籠 翠 墨
怡 亭 筆 興 拜 青 藤
Tiểu uyển thi phong lung thuý mặc.
Di đình bút hứng bái thanh đằng.
Vườn nhỏ gió thơ trùm mực biếc.
Đình chơi hứng bút vái dây xanh.

雅 言 不 在 詩 文 外
琴 德 原 超 絲 竹 間
Nhã ngôn bất tại thi văn ngoại.
Cầm đức nguyên siêu ty trúc gian.
Thơ văn vẫn sẵn lời tao nhã.
Tơ trúc nằm trong đức ngón đàn.

丹 青 落 紙 化 春 色
彩 墨 從 心 題 妙 詩

Đan thanh lạc chỉ hoá xuân sắc.
Thái mặc tòng tâm đề diệu thi.
Sắc màu trên giấy cảnh đầy xuân.
Nét mực theo lòng thơ đến tuyệt.

細 雨 暗 滋 書 策 草
春 風 首 報 墨 家 香

Tế vũ ám tư thư sách thảo.
Xuân phong thủ báo mặc gia hương.
Mưa nhỏ thấm dần trang giấy viết.
Gió xuân báo trước mực nhà thơm.

客 去 茶 甘 流 舌 本
睡 余 書 味 在 胸 中

Khách khứ trà cam lưu thiệt bản.
Thụy dư thư vị tại hung trung.
Khách về cuống lưỡi dư trà ngọt.
Muộn dậy trong lòng có vị thơ.

華 堂 入 雲 江 山 添 一 景
大 廈 落 成 農 户 樂 三 春

Hoa đường nhập vân giang sơn thiêm nhất cảnh.
Đại hạ lạc thành nông hộ lạc tam xuân.
Nhà đẹp mây trùm non nước góp thêm một cảnh.
Mái to mới lợp, nhà nông vui đến ba xuân.

吉 日 遷 居 萬 事 如 意
良 辰 安 宅 百 年 遂 心

Cát nhật thiên cư vạn sự như ý.
Lương thời an trạch bách niên toại tâm.
Ngày tốt dọn nhà muôn việc đẹp ý.
Giờ lành yên chỗ trăm năm vừa lòng.

笑 語 聲 聲 共 慶 喬 遷 喜
腊 梅 朵 朵 同 妝 進 取 樓

Tiếu ngữ thanh thanh cộng khánh kiều thiên hỷ.
Lạp mai đoá đoá đồng trang tiến thủ lâu.
Oang oang cười nói, chúc mừng tin tốt vinh thăng.
Đoá đóa mai vàng, tô đẹp lầu cao tiến thủ.

一 輪 明 月
四 壁 清 風
Nhất luân minh nguyệt.
Tứ bích thanh phong.
Một vành trăng trong.
Bốn bề gió mát.

詩 寫 梅 畢 月
茶 煎 谷 雨 香
Thi tả mai hoa nguyệt.
Trà tiên cốc vũ hương.
Thơ hoa mai dưới nguyệt.
Trà nước suối thơm hương.

閑 搜 妙 句 書 紅 葉
忽 得 新 詩 寄 白 雲
Nhàn sưu diệu cú thư hồng diệp.
Hốt đắc tân thi ký bạch vân.
Lá hồng rỗi lượm ghi câu đẹp.
Mây trắng tin dùm mới có thơ.

來 看 絕 妙 畫
共 賞 無 聲 詩
Lai khán tuyệt diệu họa.
Cộng thưởng vô thanh thi.
Đến xem họa tuyệt đẹp.
Cùng thưởng thơ vô thanh.

書 山 覓 玉
學 海 泛 舟
Thư sơn mịch bảo.
Học hải phiếm chu.
Núi sách tìm ngọc.
Biển học dạo thuyền.

讀 書 眞 腹 樂
賞 畫 悅 心 神
Độc thư chân phúc lạc.
Thưởng hoạ duyệt tâm thần.
Đọc sách thực vui bụng.
Ngắm hoạ sướng tâm thần.

書 畫 益 壽
金 石 延 年
Thư hoạ ích thọ.
Kim thạch diên niên.
Thư hoạ tăng thọ.
Vàng đá thêm năm.

雅 琴 飛 白 雪
高 論 橫 青 雲
Nhã cầm phi bạch tuyết.
Cao luận hoành thanh vân.
Đàn nhã bay tuyết trắng.
Lời hay chắn mây xanh.

書 存 金 石 氣
室 有 蕙 蘭 香
Thư tồn kim thạch khí.
Thất hữu huệ lan hương.
Sách bền khí vàng đá.
Nhà có hương huệ lan.

學 語 春 鶯 轉
書 窗 秋 鴈 斜
Học ngữ xuân oanh chuyển.
Thư song thu nhạn tà.
Oanh xuân chuyển giọng học.
Nhạn thu sà thư song.

几 淨 雲 生 硯
窗 明 月 映 書
Kỷ tĩnh vân sinh nghiễn.
Song minh nguyệt ánh thư.
Ghế tĩnh mây trong nghiên.
Song sáng trăng soi sách.

詩 情 畫 意
琴 韻 書 聲
Thi tình hoạ ý.
Cầm vận thư thanh.
Tình thơ ý hoạ.
Đàn vận sách tiếng.

圖 書 聚 所 好
竹 柏 得 其 眞
Đồ thư tụ sở hảo.
Trúc bách đắc kỳ chân.
Đồ thư tụ chỗ tốt.
Trúc bách được là ngay.

松 風 煮 茗
竹 雨 談 詩
Tùng phong chử minh.
Trúc vũ đàm thi.
Gió tùng trà pha.
Mưa trúc thơ luận.

琴 書 多 古 意
水 石 澹 幽 居
Cầm thư đa cổ ý.
Thuỷ thạch đạm u cư.
Sách đàn nhiều ý cổ.
Suối đá dợn hang u.

書 林 漫 步
學 海 遨 游
Thư lâm mạn bộ.
Học hải ngao du.
Rừng sách đi dạo.
Biển học ngao du.

爽 目 詩 書 畫
悅 神 梅 竹 蘭
Sảng mục thi thư hoạ.
Duyệt thần mai trúc lan.
Sáng mắt thi thư hoạ.
An thần mai trúc lan.

書 畫 怡 且 樂
金 石 壽 而 康
Thư hoạ di thả lạc.
Kim thạch thọ nhĩ khang.
Thư hoạ nhã mà vui.
Vàng đá thọ lại khoẻ.

博 通 上 下
雅 集 古 今

Bác thông thượng hạ.
Nhã tập cổ kim.

Rộng thông trên dưới.
Khéo học xưa nay.

高 窗 妙 挹 千 川 月
小 屋 長 看 四 季 春

Cao song diệu ấp thiên xuyên nguyệt.
Tiểu ốc trường khan tứ quý xuân.

Ngàn ánh trăng ôm cửa sổ cao.
Bốn mùa xuân ngắm ngôi nhà nhỏ.

博 覽 群 書 見 多 識 廣
兼 采 百 家 目 明 耳 聰

Bác lãm quần thư kiến đa thức quảng.
Kiêm thái bách gia mục minh nhĩ thông.

Mọi sách đọc qua, kiến thức sâu rộng.
Trăm nhà kiêm đủ, tai mắt thông minh.

筆 永 健
藝 常 青

Bút vĩnh kiện.
Nghệ thường thanh.

Bút luôn mạnh.
Vẻ thường tươi.

筆 甜 墨 暢
心 曠 神 怡

Bút cam mặc sướng.
Tâm khoáng thần di.

Bút mực say sưa.
Tâm hồn phóng khoáng.

喜 有 和 風 駐
欣 無 俗 客 來

Hỷ hữu hoà phong trú.
Hân vô tục khách lai.

Mừng có gió mát tới.
Vui không khách tục thăm.

風 雲 三 尺 劍
花 鳥 一 床 書

Phong vân tam xích kiếm.
Hoa điểu nhất sàng thư.
Gió mây kiếm ba thước.
Chim hoa sách một giường.

伴 我 書 千 卷
可 人 花 一 帘

Bạn ngã thư thiên quyển.
Khả nhân hoa nhất liêm.
Bạn ta sách ngàn cuốn.
Người tốt hoa một rèm.

室 雅 何 須 大
花 香 不 在 多

Thất nhã hà tu đại.
Hoa hương bất tại đa.
Nhà nhã cần gì lớn.
Hoa thơm chẳng ở nhiều.

墨 研 清 露 月
琴 響 碧 天 秋

Mặc nghiên thanh lộ nguyệt.
Cầm hưởng bích thiên thu.
Mực mài sương nguyệt trong.
Tiếng đàn trời thu biếc.

逢 人 覽 妙 句
留 客 聽 清 泉

Phùng nhân lãm diệu cú.
Lưu khách thính thanh tuyền.
Gặp người xem câu tuyệt.
Giữ khách tiếng suối trong.

桂 香 清 院 落
梅 影 小 窗 紗

Quế hương thanh viện lạc.
Mai ảnh tiểu song sa.
Hương quế lọt nhà thanh.
Ảnh mai qua rèm nhỏ.

風 清 楊 柳 夢
月 淡 海 棠 陰
Phong thanh dương liễu mộng.
Nguyệt đạm hải đường âm.
Gió mát mộng dương liễu.
Trăng nhạt đậm hải đường.

香 開 梅 映 月
爽 挹 竹 明 秋
Hương khai mai ánh nguyệt.
Sảng ấp trúc minh thu.
Hương thanh, mai ánh nguyệt.
Khí nhã trúc vời thu.

窗 開 千 里 月
硯 洗 一 溪 雲
Song khai thiên lý nguyệt.
Nghiễn tẩy nhất khê vân.
Song đầy trăng vạn dặm.
Nghiên rửa mây một khe.

貴 客 常 盈 座
樽 中 酒 不 空
Quý khách thường doanh toạ.
Tôn trung tửu bất không.
Khách quý thường đông đảo.
Chén rượu chẳng hề vơi.

客 來 花 欲 笑
人 与 月 同 清
Khách lai hoa giục tiếu.
Nhân dữ nguyệt đồng thanh.
Chúm chiếm hoa chào khách.
Thủ thỉ người với trăng.

竹 深 留 客 處
荷 淨 納 良 時
Trúc thâm lưu khách xứ.
Hà tịnh nạp lương thời.
Trúc dày nơi khách lưu.
Sen sạch hứng gió mát.

花 明 生 喜 氣
客 雅 起 香 風
Hoa minh sinh hỷ khí.
Khách nhã khởi hương phong.
Hoa tươi sinh khí đẹp.
Khách nhã toả mùi hương.

梅 香 入 夢
竹 影 横 窗
Mai hương nhập mộng.
Trúc ảnh hoành song.
Hương mai vào mộng.
Ảnh trúc ngang song.

椅 欄 吟 夜 月
卷 帘 挹 春 風
Ỷ lan ngâm dạ nguyệt.
Quyển liêm ấp xuân phong.
Tựa lan ngâm trăng tối.
Cuộn rèm đón gió xuân.

春 怡 眼 底
月 在 堂 前
Xuân di nhãn để.
Nguyệt tại đường tiền.
Xuân trong đáy mắt.
Trăng ở trước nhà.

月 影 窗 前 靜
琴 聲 雨 後 清
Nguyệt ảnh song tiền tĩnh.
Cầm thanh vũ hậu thanh.
Trước song ánh trăng lặytng.
Sau mưa tiếng đàn trong.

四 時 佳 景
滿 座 高 明
Tứ thời giai cảnh.
Mãn toạ cao minh.
Bốn mùa cảnh đẹp.
Lắm khách cao minh.

斗 室 乾 坤 大
寸 心 天 地 寬
Đẩu thất càn khôn đại.
Thốn tâm thiên địa khoan.
Nhà nhỏ vũ trụ to.
Tấc lòng trời đất rộng.

相 見 亦 無 事
不 來 忽 億 君
Tương kiến diệc vô sự.
Bất lai hốt ức quân.
Gặp mặt biết vô sự.
Xa nhau thấy nhớ người.

溪 聲 來 枕 上
山 翠 落 樽 前
Khê thanh lai chẩm thượng.
Sơn thuý lạc tôn tiền.
Bên gối vẳng tiếng suối.
Đáy cốc hiện non xanh.

瑞 藹 佳 地
福 蘊 新 居
Thuỵ ái giai địa.
Phúc uẩn tân cư.
Đất tốt mây lành.
Nhà mới chứa phúc.

祥 雲 籠 吉 地
嘉 樹 拂 新 軒
Tường vân lung cát địa.
Gia thụ phất tân hiên.
Mây lành phủ đất lành.
Cây đẹp che hiên đẹp.

門 庭 多 福
日 月 重 光
Môn đình đa phúc.
Nhật nguyệt trùng quang.
Cửa nhà lắm phúc.
Nhật nguyệt lại quang.

祥 光 浮 紫 閣
喜 氣 繞 朱 軒
Tường quang phù tử các.
Hỷ khí nhiễu chu hiên.
Mây lành vờn gác tía.
Khí tốt phủ hiên son.

日 麗 新 居 暖
風 和 甲 第 安
Nhật lệ tân cư noãn.
Phong hoà giáp đệ an.
Đẹp trời ấm chỗ mới.
Lặng gió yên cửa nhà.

上 梁 喜 鵲 叫
豎 柱 彩 霞 飛
Thượng lương hỷ thước khiếu.
Thụ trụ thái hà phi.
Khách kêu chúc cất xà.
Ráng bay mừng dựng cột.

明 月 一 輪 滿
德 門 四 處 和
Minh nguyệt nhất luân mãn.
Đức môn tứ xứ hoà.
Trăng sáng một vành đầy.
Cửa đức bốn xứ thuận.

祥 光 臨 福 地
喜 氣 滿 新 居
Tường quang lâm phúc địa.
Hỷ khí mãn tân cư.
Mây lành đến đất phúc.
Khí tốt đầy nhà mới.

豎 千 年 柱
架 萬 代 梁
Thụ thiên niên trụ.
Giá vạn đại lương.
Dựng cột ngàn năm.
Gác xà muôn thuở.

吉 星 高 照
福 地 呈 祥
Cát tinh cao chiếu.
Phúc địa trình tường.
Sao tốt chiếu cao.
Đất phúc điềm lành.

山 環 水 繞
人 傑 地 靈
Sơn hoàn thuỷ nhiễu.
Nhân kiệt địa linh.
Núi quanh nước cuộn.
Người kiệt đất linh.

奠 定 千 秋 業
撐 起 萬 載 梁
Điện định thiên thu nghiệp.
Xanh khởi vạn tải lương.
Định sự nghiệp ngàn thu.
Dựng cây xà muôn thuở.

婺 星 西 隕 恩 無 既
泰 水 東 流 淚 与 同
Vụ tinh tây vẫn ân vô ký.
Thái thuỷ đông lưu lệ dữ đồng.
Vụ tinh tây rụng ơn còn để.
Dòng thái đông về lệ chảy chung.

滿 苑 禾 苗 傷 化 雨
一 門 桃 李 哭 春 風
Mãn uyển hoà miêu thương hoá vũ.
Nhất môn đào lý khốc xuân phong.
Đầy đồng lúa mạ thương mưa xuống.
Một cổng mận đào khóc gió xuân.

欲 見 嚴 容 何 處 覓
唯 思 良 訓 弗 能 文
Dục kiến nghiêm dung hà xứ mịch.
Duy tư lương huấn phất năng văn.
Vẻ nghiêm muốn thấy tìm đâu gặp.
Lời dậy hằng mong chẳng được nghe.

眉間爽氣無緣見
座右聲言不再聞
Mi gian sảng khí vô duyên kiến.
Toạ hữu thanh ngôn bất tái văn.
Cận kề hào khí không duyên gặp.
Ngồi cạnh lời hay chẳng lại nghe.

宮娥此日先題詠
丹桂他年任取攜
Cung nga thử nhật tiên đề vịnh.
Đan quế tha niên nhiệm thủ huề.
Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.
Đan quế năm sau sẽ vịn tay.

莫把寒宮攀桂手
漫題彩筆畫娥眉
Mạc bả hàn cung phan quế thủ.
Mạn đề thái bút hoạ nga my.
Đâu chỉ cung hàn tay vịn quế.
Tạm đem bút tốt vẽ mày ngài.

好把蟾宮攀桂手
輕拈兔穎畫娥眉
Hảo bả thiềm cung phan quế thủ.
Khinh niêm thỏ dĩnh họa nga my.
Đã khéo cung thiềm tay vịn quế.
Còn đem bút thỏ vẽ mày ngài.

彩麗燭花開好夜
香飄桂苑發來秋
Thái lệ chúc hoa khai hảo dạ.
Hương phiêu quế uyển phát lai thu.
Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng.
Hương bay vườn quế báo thu sang.

構邊紅葉漂秋水
月里素娥映彩霞
Cấu biên hồng diệp tiêu thu thuỷ.
Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.
Lá đỏ trôi theo nước thu trong.
Hằng nga rạng dưới trăng mây đẹp.

桐 枝 漸 長 翔 丹 鳳
桂 蕊 新 開 集 紫 鸞

Đồng chi tiệm trưởng tường đan phượng.
Quế nhuỵ tân khai tập tử loan.

Cành ngô mới lớn phượng bay lượn.
Nhuỵ quế xoè ra loan xúm quanh.

丹 桂 香 含 飄 秀 閣
碧 雲 光 吐 映 粧 紅

Đan quế hương hàm phiêu tú các.
Bích vân quang thổ ánh trang hồng.

Quế đỏ hương bay vào gác đẹp.
Mây xanh sáng tỏ ánh hồng trang.

秋 深 喜 作 蟾 宮 客
夜 靜 欣 逢 月 裡 人

Thu thâm hỷ tác thiềm cung khách.
Dạ tĩnh hân phùng nguyệt lý nhân.

Thu muộn mừng làm khách cung thiềm.
Đêm vắng vui gặp người dưới nguyệt.

玉 種 藍 田 歡 偕 鳳 侶
香 飄 丹 桂 夢 葉 蟲 斯

Ngọc chủng lam điền hoan giai phượng lữ.
Hương phiêu đan quế mộng diệp chung tư.

Ngọc rắc lam điền vui bầy với phượng.
Hương bay đan quế mộng lá chung tư.

搖 琴 一 曲 雙 聲 奏
月 殿 三 秋 五 桂 香

Dao cầm nhất khúc song thanh tấu.
Nguyệt điện tam thu ngũ quế hương.

Dạo đàn một khúc đôi làn giọng.
Trăng điện ba thu, năm quế hương.

桂 子 秋 香 欣 行 奠 鴈
杏 林 春 暖 定 夢 惟 熊

Quế tử thu hương hân hành điện nhạn.
Hạnh lâm xuân noãn định mộng duy hùng.

Cây quế hương thu vui làm lễ nhạn.
Rừng hạnh ấm xuân chỉ muốn mộng hùng.

眉間爽氣無緣見
座右聲言不再聞
Mi gian sảng khí vô duyên kiến.
Toạ hữu thanh ngôn bất tái văn.
Cận kề hào khí không duyên gặp.
Ngồi cạnh lời hay chẳng lại nghe.

宮娥此日先題詠
丹桂他年任取攜
Cung nga thử nhật tiên đề vịnh.
Đan quế tha niên nhiệm thủ huề.
Cung nga ngày ấy đã đề vịnh.
Đan quế năm sau sẽ vịn tay.

莫把寒宮攀桂手
漫題彩筆畫娥眉
Mạc bả hàn cung phan quế thủ.
Mạn đề thái bút hoạ nga my.
Đâu chỉ cung hàn tay vịn quế.
Tạm đem bút tốt vẽ mày ngài.

好把蟾宮攀桂手
輕拈兔穎畫娥眉
Hảo bả thiềm cung phan quế thủ.
Khinh niêm thỏ dĩnh họa nga my.
Đã khéo cung thiềm tay vịn quế.
Còn đem bút thỏ vẽ mày ngài.

彩麗燭花開好夜
香飄桂苑發來秋
Thái lệ chúc hoa khai hảo dạ.
Hương phiêu quế uyển phát lai thu.
Rực rỡ đuốc hoa đêm toả sáng.
Hương bay vườn quế báo thu sang.

構邊紅葉漂秋水
月里素娥映彩霞
Cấu biên hồng diệp tiêu thu thuỷ.
Nguyệt lý tố nga ánh thái hà.
Lá đỏ trôi theo nước thu trong.
Hằng nga rạng dưới trăng mây đẹp.

紫鸞幷集三秋桂
丹鳳雙棲入月桐
Tử loan tịnh tập tam thu quế.
Đan phượng song thê bát nguyệt đồng.
Loan tía vây quanh, quế ba năm.
Phượng đỏ đậu đôi, đồng tháng tám.

嫦娥月裡到人間丹桂香風飄秀幙
秦女樓中來鳳侶紫蕭雅調引文鸞
Thường nga nguyệt lý đáo nhân gian đan quế hương phong phiêu tú mạc.
Tần nữ lâu trung lai phượng lữ tử tiêu nhã điệu dẫn văn loan.
Hằng nga cung quảng xuống nhân gian, hương lan quế gió lay rèm đẹp.
Tần nữ trên lầu tìm bạn phượng, giọng tử tiêu dẫn dắt loan xinh.

此日茱萸爭燦爛
他年蘭桂茁芬芳
Thử nhật thù du tranh xán lạn.
Tha niên lan quế truật phân phương.
Ngày ấy thù du tranh xán lạn.
Năm sau lan quế mạnh đưa hương.

金綴蘺花簪借色
玉飄叢桂佩留香
Kim xuyết ly hoa trâm tá sắc.
Ngọc phiêu tùng quế bội lưu hương.
Cúc dậu hoa vàng tôn vẻ đẹp.
Quế tùng gió ngọc toả hương thơm.

金菊瑞呈金屋女
玉蘭香透玉樓人
Kim cúc thuỵ trình kim ốc nữ.
Ngọc lan hương thấu ngọc lâu nhân.
Cúc vàng mừng trình gác nhà vàng.
Lan ngọc hương thơm người lầu ngọc.

巹酒流馨浮菊酒
燭花煥彩共蘭花
Cẩn tửu lưu hinh phù cúc tửu.
Chúc hoa hoán thái cộng lan hoa.
Rượu cẩn lưu hương thơm rượu cúc.
Hoa đuốc sáng ngời cạnh hoa lan.

露 浥 玉 蘭 凝 繡 閣
風 飄 金 菊 映 新 粧
Lộ ấp ngọc lan ngưng tú các.
Phong phiêu kim cúc ánh tân trang.
Sương đọng ngọc lan, ngưng gác đẹp.
Gió lay kim cúc, rạng tân trang.

午 夜 芳 蘭 輝 彩 夢
三 秋 叢 菊 映 新 粧
Ngọ dạ phương lan huy thái mộng.
Tam thu tùng cúc ánh tân trang.
Nửa đêm lan thơm toả mộng đẹp.
Ba thu tùng cúc rạng màu xanh.

此 日 黃 花 方 吐 艷
來 年 丹 桂 正 飄 香
Thử nhật hoàng hoa phương thổ diệm.
Lai niên đan quế chính phiêu hương.
Ngày ấy cúc vàng đang đẹp vẻ.
Năm sau quế đỏ mới đưa hương.

鴛 幃 正 飲 黃 花 酒
鳳 閣 初 描 綠 柳 眉
Uyên vi chính ẩm hoàng hoa tửu.
Phượng các sơ miêu lục liễu my.
Màn uyên đang uống rượu hoàng hoa.
Gác phượng mới tô mày lá liễu.

登 高 賦 就 于 歸 句
對 鏡 裁 成 博 議 篇
Đăng cao phú tựu vu quy cú.
Đối kính tài thành bác nghị thiên.
Lên cao nên có vu quy cú.
Soi kính soạn thành bác nghị thiên.

新 婚 菊 酒 三 秋 燕
好 夜 燭 花 滿 室 香
Tân hôn cúc tửu tam thu yến.
Hảo dạ chúc hoa mãn thất hương.
Ba thu yến tân hôn rượu cúc.
Một nhà hương đêm đẹp đuốc hoa.

好合句中聯好友
登高節後占登科
Hảo hợp cú trung liên hảo hữu.
Đăng cao tiết hậu chiếm đăng khoa.
Trong câu hảo hợp còn hảo hữu.
Sau tiết đăng cao chiếm đăng khoa.

秋季金花舒燦爛
韻餘錦瑟葉諧和
Thu quý kim hoa thư xán lạn.
Vận dư cẩm sắt diệp hài hoà.
Thu muộn hoa vàng tươi xán lạn.
Vận thừa tiếng sắt đẹp hài hoà.

雞鳴驚起三秋夜
熊夢祥開九月天
Kê minh cảnh khởi tam thu dạ.
Hùng mộng tường khai cửu nguyệt thiên.
Suốt ba thu tiếng gà giục dậy.
Ngày tháng chín mộng hùng điềm lành.

玉種藍田熊入夢
詩題紅葉筆生花
Ngọc chủng lam điền hùng nhập mộng.
Thi đề hồng diệp bút sinh hoa.
Ngọc rải lam điền hùng vào mộng.
Thơ đề lá thắm bút sinh hoa.

畫眉好借題糕筆
合巹欣傾賞菊杯
Họa mi hảo tá đề cao bút.
Hợp cẩn hân khuynh thưởng cúc bôi.
Nâng tay bút giúp tô mày đẹp.
Thưởng chén rượu mừng hợp cẩn vui.

此日菊花斟巹酒
今霄燭影映粧臺
Thử nhật cúc hoa châm cẩn tửu.
Kim tiêu chúc ảnh ánh trang đài.
Ngày ấy rượu cẩn thơm mùi cúc.
Đêm nay trang đài rạng đuốc hoa.

步 月 月 娥 香 繡 閣
生 花 花 燭 映 粧 臺

Bộ nguyệt nguyệt nga hương tú các.
Sinh hoa hoa chúc ánh trang đài.
Dưới nguyệt, nguyệt nga thơm gác đẹp.
Nở hoa, hoa đuốc rạng trang đài.

蘭 室 書 香 成 好 友
菊 花 酒 味 慶 齊 眉

Lan thất thư hương thành hảo hữu.
Cúc hoa tửu vị khánh tề my.
Nhà lan hương sách nên bạn tốt.
Rượu cúc mùi thơm chúc lứa đôi.

點 額 新 梅 香 繡 閣
回 陽 麗 日 暖 粧 臺

Điểm ngạch tân mai hương tú các.
Hồi dương lệ nhật noãn trang đài.
Chớm nở vườn mai thơm gác đẹp.
Hồi dương ngày tốt ấm trang đài.

梅 花 賦 就 爲 元 唱
柳 絮 吟 成 作 畫 章

Mai hoa phú tựu vi nguyên xướng.
Liễu nhự ngâm thành tác họa chương.
Hoa mai đáng tôn là lĩnh xướng.
Bông liễu ngâm lên có thể hoà.

繡 閣 夜 蘭 熊 入 夢
嶺 梅 春 早 鳳 和 鳴

Tú các dạ lan hùng nhập mộng.
Lĩnh mai xuân tảo phượng hoà minh.
Gác đẹp lan đêm hùng gửi mộng.
Mai non xuân sớm phượng hoà kêu.

小 春 雪 映 藍 田 璧
高 燭 花 迎 太 乙 藥

Tiểu xuân tuyết ánh lam điền bích.
Cao chúc hoa nghinh thái ất lê.
Xuân tiểu tuyết rạng ngọc lam điền.
Giơ đuốc hoa đón lê thái ất.

蕭 吹 鳳 閣 三 星 夜
花 笑 鸞 箋 十 月 春
Tiêu suy phượng các tam tinh dạ.
Hoa tiếu loan tiên thập nguyệt xuân.
Ba sao sáng tiếng tiêu gác phượng.
Mười tháng qua hoa giễu văn loan.

繡 幙 已 傳 梅 信 早
粧 臺 由 帶 菊 花 香
Tú mạc dĩ truyền mai tín tảo.
Trang đài do đới cúc hoa hương.
Rèm đẹp đã truyền tìn mai sớm.
Trang đài còn giữ hương cúc vàng.

繡 閣 燈 光 輝 彩 筆
陽 春 月 色 映 新 粧
Tú các đăng quang huy thái bút.
Dương xuân nguyệt sắc ánh tân trang.
Gác tía đèn treo ngời ánh bút.
Dương xuân nguyệt sắc rạng tân trang.

燭 花 獻 瑞 春 非 小
蘭 砌 生 香 福 自 歸
Chúc hoa hiến thuỵ xuân phi tiểu.
Lan thế sinh hương phúc tự quy.
Điềm lành hoa đuốc xuân không nhỏ.
Hương toả thềm lan phúc tự về.

高 燭 祥 花 輝 繡 閣
小 春 瑞 雪 映 藍 田
Cao chúc tường hoa huy tú các.
Tiểu xuân thụy tuyết ánh lam điền.
Hoa đẹp đuốc cao ngời tú cao.
Tuyết lành xuân chút rạng lam điền.

今 日 嶺 梅 金 鳳 友
他 年 繡 閣 玉 麟 祥
Kim nhật lĩnh mai kim phượng hữu.
Tha niên tú các ngọc lân tường.
Mai núi phượng vàng nay kết bạn.
Lầu xinh lân ngọc sẽ đưa lành.

繡閣少陽梅點額
粧臺良月葉題詩
Tú các thiếu dương mai điểm ngạch.
Trang đài lương nguyệt diệp đề thi.
Gác đẹp tháng mười mai chớm nở.
Trang đài trăng đẹp lá đề thơ.

幸逢陽月親鴻案
預卜丹山振鳳毛
Hạnh phùng dương nguyệt thân hồng án.
Dự bốc đan sơn chấn phượng mao.
Gần án hồng may gặp dương nguyệt.
Xoè cánh phượng dự đoán đan sơn.

愛日舒情園橘裝成錦繡
和風布煖嶺梅噴出芬芳
Ái nhật thư tình viên quất trang thành cẩm tú.
Hoà phong bố úc lĩnh mai phún xuất phân phương.
Ngày xưa thong thả, vườn quất sửa sang đẹp đẽ.
Gió nay ấm áp, mai non hương toả thơm lừng.

灰飛葭管聲諧鳳
雪擁藍田兆夢熊
Khôi phi hà quản tranh hài phượng.
Tuyết ủng lam điền triệu mộng hùng.
Tro bay sáo đỏ thanh hoà phượng.
Tuyết ngập lam điền mộng thấy hùng.

百歲良緣諧子月
一篇佳句占陽春
Bách tuế lương duyên hài tý nguyệt.
Nhất thiên giai cú chiếm dương xuân.
Trăm tuổi duyên lành hoà tháng tý.
Một thiên câu đẹp cả mùa xuân.

官梅初放新粧麗
瑞雪凝成繡閣輝
Quan mai sơ phóng tân trang lệ.
Thụy tuyết ngưng thành tú các huy.
Mai quan mới nở vẻ tươi xinh.
Tuyết lành ngưng đọng gác rực rỡ.

玉 管 聲 中 吹 桂 客
一 陽 月 裏 降 嫦 娥
Ngọc quản thanh trung suy quế khách
Nhất dương nguyệt lý giáng thường nga.
Sáo ngọc véo von chào khách quế.
Dương sinh trăng tỏ hiện hằng nga.

吹 蕭 臺 上 梅 賡 調
合 巹 樽 前 雪 映 杯
Suy tiêu đài thượng mai canh điệu.
Hợp cẩn tôn tiền tuyết ánh bôi.
Tiêu thổi trên đài mai đổi vẻ.
Giao duyên bày tiệc tuyết ngời ly.

玉 梅 嬌 映 青 鸞 舞
白 雪 光 浮 紫 燕 飛
Ngọc mai kiều ánh thanh loan vũ.
Bạch tuyết quang phù tử yến phi.
Ngọc mai rạng chiếu thanh loan múa.
Bạch tuyết ngời soi tử yến bay.

雪 映 鏡 幃 人 是 玉
詩 敲 金 屋 字 生 珠
Tuyết ánh kính vi nhân thị ngọc.
Thi xao kim ốc tự sinh châu.
Tuyết ánh gương soi ngời vẻ ngọc.
Thơ chép nhà vàng chữ tựa châu.

六 出 飛 聯 雙 璧 合
五 紋 添 繡 一 陽 生
Lục xuất phi liên song bích hợp.
Ngũ văn thiêm tú nhất dương sinh.
Sáu cạnh kết liên, đôi ngọc hợp.
Năm màu rực rỡ, dương sinh.

初 復 得 緣 吟 白 雪
新 粧 振 彩 映 藍 田
Sơ phục đắc duyên ngâm bạch tuyết.
Tân trang chấn thái ánh lam điền.
Sơ phục gặp duyên ngâm bạch tuyết.
Tân trang đẹp vẻ rạng lam điền.

大 雪 映 奎 輝 雪 案
早 梅 比 質 整 梅 粧
Đại tuyết ánh liêm huy tuyết án.
Tảo mai tỷ chất chỉnh mai trang.
Tuyết lớn ánh rèm soi án tuyết.
Mai sớm xem ra đẹp lũng mai.

詠 雪 簾 前 比 玉 人
吹 蕭 台 上 客 凌 雲
Vịnh tuyết liêm tiền tỷ ngọc nhân.
Suy tiêu đài thượng khách lăng vân.
Trước rèm vịnh tuyết sánh người ngọc.
Trên đài thổi sáo khách vườn mây.

官 梅 初 放 青 鸞 舞
瑞 雲 飄 來 紫 燕 排
Quan mai sơ phóng thanh loan vũ.
Thuỵ vân phiêu lai tử yến bài.
Mai quan mới nở, thanh loan múa.
Mây lành bay lại, tử yến bầy.

雪 案 三 欣 紅 得 案
燭 花 環 映 筆 生 花
Tuyết án tam hân hồng đắc án.
Chúc hoa hoàn ánh bút sinh hoa.
Tuyết án hân hoan hồng đậu án.
Đuốc hoa chiếu sáng bút sinh hoa.

新 詠 雪 飛 逢 復 月
古 稱 竹 立 慶 他 年
Tân vịnh tuyết phi phùng phục nguyệt.
Cổ xưng trúc lập khánh tha niên.
Mới vịnh tuyết bay đà tháng một.
Xưa khen trúc đứng chúc năm sau.

初 復 友 雞 窗 苑 諧 鳳 偶
新 粧 聯 雪 案 爲 助 雲 程
Sơ phục hữu kê song, uyển hài phượng ngẫu.
Tân trang liên tuyết án, vi trợ vân trình.
Sơ phục bạn song gà, thuận theo cùng phượng.
Tân trang liền án tuyết, nâng bước đường mây.

律轉一陽嶺上梅花舒玉白
杯傳二姓洞中桃片甸朱紅

Luật chuyển nhất dương lĩnh thượng mai hoa thư ngọc bạch.
Bôi truyền nhị tính động trung đào phiến điện chu hồng.

Năm tới nhất dương, đồi núi mai hoa phô ngọc bạch.
Chén mời hai họ, hoa đào trong động rực khoe hồng.

巹酒熏顏逢臘月
梅花點額兆春魁

Cẩn tửu huân nhan phùng lạp nguyệt.
Mai hoa điểm ngạch triệu xuân khôi.

Rượu cẩn má hồng mừng tháng chạp.
Hoa mai chấm điểm báo đầu xuân.

評花賦就梅粧額
詠絮詩成雪滿階

Bình hoa phú tựu mai trang ngạch.
Vịnh nhự thi thành tuyết mãn giai.

Bình hoa phú gợi thung mai nở.
Vịnh nhị thơ thành tuyết đầy thềm.

雪滿鴛幃裁博議
梅開鳳閣誦周南

Tuyết mãn uyên vi tài bác nghị.
Mai khai phượng các tụng chu nam.

Tuyết phủ màn uyên thêm Bác nghị.
Mai phô gác phượng tụng Chu nam.

良緣喜遇和鳴日
佳偶欣諧大呂時

Lương duyên hỷ ngộ hoà minh nhật.
Giai ngẫu hân hài đại lã thời.

Ngày sáng sủa mừng được hòa duyên.
Thời đại lã vui nên giai ngẫu.

園中梅蕊偷春色
砌下蘭芽吐異香

Viên trung mai nhuỵ thâu xuân sắc.
Thế hạ lan nha thổ dị hương.

Trong vườn mai nhuỵ phô xuân sắc.
Dưới hiên lan nhú đã thơm hương.

及 第 花 簪 司 馬 帽
探 春 梅 點 壽 陽 粧

Cập đệ hoa trâm tư mã mạo.
Thám xuân mai điểm thọ dương trang.

Trâm hoa cập đệ mũ tư mã.
Mai điểm thăm xuân trang thọ dương.

冬 日 雞 窗 欣 結 伴
春 霄 熊 夢 待 占 祥

Đông nhật kê song hân kết bạn.
Xuân tiêu hùng mộng đãi chiêm tường.

Ngày đông song gà mừng kết bạn.
Đêm xuân mộng hùng đợi điềm lành.

粧 櫬 碧 梅 逢 臘 月
瑞 符 藍 玉 映 春 暉

Trang sấn bích mai phùng lạp nguyệt.
Thuỵ phù lam ngọc ánh xuân huy.

Mai biếc điểm trang khoe tháng chạp.
Ngọc Lan tươi vẻ rạng ngời xuân.

四 字 既 成 成 燕 好
三 陽 將 肇 肇 熊 占

Tứ tự ký thành thành yến hảo.
Tam dương tương triệu triệu hùng chiêm.

Bốn quý qua rồi nên yến thích.
Tam dương sắp tới báo hùng vui.

逢 臘 梅 粧 春 獨 早
種 階 玉 樹 瑞 春 多

Phùng lạp mai trang xuân độc tảo.
Chủng giai ngọc thụ thuỵ xuân đa.

Tháng chạp thung mai xuân đến sớm.
Thềm gieo cây ngọc lắm xuân lành.

臘 盡 雞 窗 添 一 友
春 來 熊 夢 入 三 更

Lạp tận kê song thiêm nhất hữu.
Xuân lai hùng mộng nhập tam canh.

Năm hết song gà thêm một bạn.
Xuân về hùng mộng suốt ba canh.

歲晚花容梅點額
秋來馥氣桂當階
Tuế vãn hoa dung mai điểm ngạch.
Thu lai phức khí quế đương giai.
Năm hết vẻ hoa, mai chớm nở.
Thu về hương toả, quế đương thì.

雪映玉人來好友
梅呈金屋點春魁
Tuyết ánh ngọc nhân lai hảo hữu.
Mai trình kim ốc điểm xuân khôi.
Tuyết soi người ngọc bạn tốt lại.
Mai nở nhà vàng điểm bảng xuân.

畫眉不是風流淺
吟絮無非雪意濃
Hoạ my bất thị phong lưu thiển.
Ngâm nhự vô phi tuyết ý nùng.
Vẽ mày chẳng phải cạn phong lưu.
Ngâm nhị đâu vì nồng ý tuyết.

結緣五百年孔雀屏中魁首選
臘逢十二月桃源洞裏占先春
Kết duyên ngũ bách niên khổng tước bình trung khôi thủ tuyển.
Lạp phùng thập nhị nguyệt đào nguyên động lý chiếm tiên xuân.
Duyên kết năm trăm năm, khổng tước trong màn, chọn số một.
Lễ vào tháng mười hai, đào nguyên động ấy, chiếm xuân đầu.

桐木逢春雙引鳳
桂宮待月早生花
Đồng mộc phùng xuân song dẫn phượng.
Quế cung đắc nguyệt tảo sinh hoa.
Ngô đồng gặp xuân dẫn đôi phượng.
Cung quế trăng soi sớm nở hoa.

花璪樓排雙巹酒
紫荊樹宿兩鴛鴦
Hoa tảo lâu bài song cẩn tửu.
Tử kinh thụ túc lưỡng uyên ương.
Lầu hoa tảo bày hai tiệc rượu.
Cây tử kinh trú đôi uyên ương.

宴爾新婚如兄如弟
之子于歸宜家宜室
Yến nhĩ tân hôn như huynh như đệ.
Chi tử vu quy nghi gia nghi thất.
Tiệc chàng tân hôn, ra anh, ra em.
Này nàng vu quy, nên nhà, nên cửa.

庭階兩兩邀鸞舞
繡幙雙雙擬燕投
Đình giai lưỡng lưỡng yêu loan vũ.
Tú mạc song song nghĩ yến đầu.
Bậc thềm cặp cặp mời loan múa.
Rèm đẹp từng đôi đón yến về.

美奐輪祥開奕葉
佳兒婦慶衍齊眉
Mỹ hoán luân tường khai dịch diệp.
Giai nhi phụ khánh diễn tề my.
Vẻ đẹp điềm lành, đời thay mới;
Vợ của con giỏi, nâng ngang mày.

悲歌動地
哀樂惊天
Bi ca động địa.
Ai nhạc kinh thiên.
Ca buồn rậy đất.
Nhạc thương động trời.

素心懸夜月
高義薄秋雲
Tố tâm huyền dạ nguyệt.
Cao nghĩa phổ thu vân.
Lòng trong treo vầng nguyệt.
Cao nghĩa khắp mây thu.

一生行好事
千古紀芳名
Nhất sinh hành hảo sự.
Thiên cổ kỷ phương danh.
Một đời làm việc tốt.
Ngàn năm sử tiếng thơm.

壽 終 德 望 在
身 去 笑 容 存
Thọ chung đức vọng tại.
Thân khứ tiếu dung tồn.
Thọ hết đức ở lại.
Người đi vẻ tươi còn.

一 生 樹 美 德
半 世 有 嘉 風
Nhất sinh thụ mỹ đức.
Bán thế hữu gia phong.
Một đời trồng đức tốt.
Nửa cõi có gia phong.

痛 心 傷 永 逝
揮 淚 憶 深 情
Thống tâm thương vĩnh thệ.
Huy lệ ức thâm tình.
Đau lòng thương kẻ khuất.
Gạt lệ nhớ tình thâm.

丹 心 昭 日 月
剛 正 泣 河 山
Đan tâm chiêu nhật nguyệt.
Cương chính khấp hà sơn.
Lòng son rạng nhật nguyệt.
Cương trực khóc sơn hà.

哭 靈 心 欲 碎
彈 淚 眼 將 枯
Khốc linh tâm dục toái.
Đàn lệ nhãn tương khô.
Khóc linh lòng muốn vỡ.
Giòng lệ mắt hầu khô.

直 道 至 今 由 在
清 名 終 古 長 留
Trực đạo chí kim do tại.
Thanh danh chung cổ trường lưu.
Đường thẳng đến nay còn đó.
Thanh danh mãi sẽ còn lưu.

一 世 辛 勤 勞 動
終 生 淳 朴 爲 人
Nhất thế tân cần lao động.
Chung sinh thuần phác vi nhân.
Một đời chuyên cần lao động.
Cuộc sống chân thật làm người

事 業 已 歸 前 輩 彔
典 型 留 作 後 人 模
Sự nghiệp dĩ qui tiên bối lục.
Điển hình lưu tác hậu nhân mô.
Sự nghiệp đã ghi trong sử sách.
Điển hình lưu để kẻ sau noi.

悲 音 難 挽 流 雲 住
哭 調 相 隨 野 鶴 飛
Bi âm nan vãn lưu vân trú.
Khốc điệu tương tuỳ dã hạc phi.
Âm buồn khó giữ mây trôi lại.
Điệu thảm đành theo cánh hạc bay.

山 哀 水 哭 悲 長 睡
骨 動 心 摧 作 永 离
Sơn ai thuỷ khốc bi trường thụy.
Cốt động tâm tồi tác vĩnh ly.
Giấc ngủ dài, non thương nước khóc.
Buồn biệt ly, xương nhức, lòng đau.

桃 花 流 水 杳 然 去
明 月 清 風 何 處 游
Đào hoa lưu thuỷ diểu nhiên khứ.
Minh nguyệt thanh phong hà xứ du.
Hoa đào nước cuốn trôi đi mãi.
Gió mát trăng trong, biết dạo đâu.

一 世 精 神 歸 石 表
滿 堂 血 淚 入 雲 天
Nhất thế tinh thần quy thạch biểu.
Mãn đường huyết lệ nhập vân thiên.
Cuộc sống tinh thần vào bia đá.
Đầy nhà lệ máu gửi trời mây.

已 剩 丰 功 垂 史 策
由 存 大 節 譽 人 民

Dĩ thặng phong công thuỳ sử sách.
Do tồn đại tiết dự nhân dân.
Đã thừa công trạng ghi trong sử.
Hãy còn khí tiết gửi nhân dân.

終 生 儉 朴 留 模 範
一 世 勤 勞 傳 好 風

Chung sinh kiệm phác lưu mô phạm.
Nhất thế cần lao truyền hảo phong.
Làm khuôn phép một đời chất phúc.
Lưu tác phong cuộc sống cần lao.

空 梁 月 冷 人 千 古
花 苑 魂 歸 鶴 一 聲

Không lương nguyệt lãnh nhân thiên cổ.
Hoa uyển hồn quy hạc nhất thanh.
Xà không, trăng lạnh, người thiên cổ.
Vườn đẹp, hồn đâu, hạc tiếng kêu.

雲 深 竹 徑 樽 猶 在
雪 壓 芝 田 夢 不 回

Vân thâm trúc kính tôn do tại.
Tuyết áp chi điền mộng bất hồi.
Mây che lối trúc, chén còn đó.
Tuyết tán, vườn chi, mộng chẳng về.

想 見 音 容 空 有 淚
欲 聞 教 訓 杳 無 聲

Tưởng kiến âm dung không hữu lệ.
Dục văn giáo huấn diểu vô thanh.
Tưởng thấy âm dung mà ứa lệ.
Muốn nghe lời dạy, tiếng đâu còn.

魂 歸 天 上 風 雲 慘
名 在 人 間 草 木 香

Hồn quy thiên thượng phong vân thảm.
Danh tại nhân gian thảo mộc hương.
Hồn về thượng giới gió mây thảm.
Tên ở nhân gian cây cỏ thơm.

良 操 美 德 千 秋 在
亮 節 高 風 萬 古 存

Lương thao mỹ đức thiên thu tại.
Lượng tiết cao phong vạn cổ tồn.
Khéo thay đức tốt ngàn năm ở.
Tiết sạch vẻ cao muôn thuở còn.

慈 惠 常 留 眾 口 頌
典 型 堪 作 後 人 師

Từ huệ thường lưu chúng khẩu tụng.
Điển hình kham tác hậu nhân sư.
Từ huệ vẫn còn lưu cửa miệng.
Điển hình đủ để dạy người sau.

三 徑 寒 松 含 露 泣
半 窗 殘 竹 帶 風 號

Tam kính hàn tùng hàm lộ khấp.
Bán song tàn trúc đới phong hào.
Ba hàng tùng rét ngậm sương khóc.
Nửa song trúc cỗi gió đương gào.

愼 終 不 忘 先 人 志
追 遠 常 懷 一 片 心

Thận chung bất vong tiên nhân chí.
Truy viễn thường hoài nhất phiến tâm.
Chí người trước chớ quên khi khuất.
Một tấm lòng tưởng nhớ nghĩ xa.

不 成 門 户 愧 爲 子
難 報 春 暉 欲 斷 腸

Bất thành môn hộ quý vi tử.
Nan báo xuân huy dục đoạn trường.
Chẳng nên người tốt, làm con thẹn.
Khó báo ba xuân, muốn đoạn trường.

音 容 苑 在 靈 車 駕
子 女 堂 前 血 淚 拋

Âm dung uyển tại linh xa giá.
Tử nữ đường tiền huyết lệ phao.
Âm dung lẫn quất trên linh giá.
Con cháu trước nhà lệ máu tuôn.

壯 懷 猶 在 風 雲 上
詩 卷 長 留 天 地 間

Tráng hoài do tại phong vân thượng.
Thi quyển trường lưu thiên địa gian.

Lúc mạnh chí còn trên mây gió.
Quyển thơ để lại chốn trần gian.

情 深 風 木 終 天 慟
例 點 寒 梅 觸 景 思

Tình thâm phong mộc chung thiên đỗng.
Lệ điểm hàn mai xúc cảnh tư.

Trọn đời xót, tình sâu cha mẹ.
Cảnh gợi sầu, lệ nhỏ lạnh mai

人 間 未 遂 青 雲 志
天 上 先 成 白 玉 樓

Nhân gian vị toại thanh vân chí.
Thiên thượng tiên thành bạch ngọc lâu.

Trần gian chưa thoả chí thanh vân.
Thượng giới trước xây lầu Bạch ngọc.

千 里 吊 君 惟 有 例
十 年 知 己 不 因 文

Thiên lý điếu quân duy hữu lệ.
Thập niên tri kỷ bất nhân văn.

Ngàn dặm viếng ông duy có lệ.
Mười năm làm bạn chẳng nhờ văn.

盛 德 合 應 傳 後 世
遺 形 從 此 望 前 賢

Thịnh đức hợp ưng truyền hậu thế.
Di hình tòng thử vọng tiền hiền.

Thịnh đức vẫn còn truyền hậu thế.
Hình còn từ đấy ngóng người xưa.

白 骨 未 歸 三 尺 土
忠 魂 已 上 九 重 天

Bạch cốt vị quy tam xích thổ.
Trung hồn dĩ thượng cửu trùng thiên.

Xương trắng chưa về ba thước đất.
Hồn trung đã ở chín tầng trời.

美德堪稱吾輩典范
遺訓長昭後世子孫

Mỹ đức kham xưng ngô bối điển phạm.
Di huấn trường chiêu hậu thế tử tôn.

Đức tốt xứng bậc tiền bối mô phạm.
Di huấn rạng soi con cháu đời sau.

勤勞美德愿儿孫永繼
簡朴家風望後代長傳

Cần lao mỹ đức nguyện nhi tôn vĩnh kế.
Giảm phác gia phong vọng hậu đại trường truyền.

Đức tốt siêng năng, mong con cháu tiếp nối.
Gia phong giản dị, muốn đời sau mãi truyền.

生前忠節似松凌霜雪
身後高風如水照青天

Sinh tiền trung tiết tự tùng lăng sương tuyết.
Thân hậu cao phong như thuỷ chiếu thanh thiên.

Khi còn, khí tiết tựa tùng khinh sương tuyết.
Lúc mất, vẻ cao như nước chiếu trời xanh.

頻年善訓常聆何以報也
一旦訃音忽志能不悲乎

Tần niên thiện huấn thường linh, hà dĩ báo dã.
Nhất đán phó âm hốt chí, năng bất bi hồ.

Hàng năm lời dạy thường nghe, khôn hay báo đáp.
Một sớm tin buồn bỗng nhận, khó nén đau thương.

煙雨淒迷萬里紅花洒血例
音容寂寞千條流水放悲聲

Yên vũ thê mê, vạn lý hồng hoa sái huyết lệ.
Âm dung tịch mịch, thiên điều lưu thuỷ phóng bi thanh.

Mưa gió buồn thay, muôn dặm hoa hồng tràn lệ máu.
Tăm hơi vắng lặng, ngàn dòng nước chảy cất lời thương.

敦厚可風實爲前輩表率
和謙共仰堪作後人典型

Đôn hậu khả phong, thực vi tiền bối biểu xuất.
Hoà khiêm cộng ngưỡng, kham tác hậu nhân điển hình.

Đôn hậu nêu gương, thực đáng tôn vinh trong kẻ trước.
Hoà khiêm đủ vẻ, mà hay mẫu mực với người sau.

音 容 苑 在 勤 奮 一 生 傳 佳 話
神 魂 离 去 芳 名 百 世 著 清 風

Âm dung uyển tại, cần phấn nhất sinh truyền giai thoại.
Thần hồn ly khứ, phương danh bách thế trứ thanh phong.
Dung mạo như còn, sức gắng một đời nên truyện thú.
Thần hồn đi mất, danh thơm trăm thuở gió lan truyền.

天 若 有 情 應 壽 百 年 于 俊 傑
人 誰 不 死 獨 將 千 古 讓 英 雄

Thiên nhược hữu tình, ưng thọ bách niên vu tuấn kiệt.
Nhân thuỳ bất tử, độc tương thiên cổ nhượng anh hùng.
Trời nếu có tình, hẳn để trăm năm dành tuấn kiệt.
Người ai không chết, riêng nêu muôn thuở tiếng anh hùng.

大 雅 雲 亡 綠 水 青 山 敘 遺 志
老 成 凋 謝 落 花 啼 鳥 總 傷 情

Đại nhã vân vong, lục thuỷ thanh sơn tự di chí.
Lão thành điêu tạ, lạc hoa đề điểu tổng thương tình.
Hiền giả đi đâu, nước biếc non xanh còn để chí.
Lão thành đến cõi, chim kêu hoa rụng thấy thương tình.

規 律 難 違 自 古 誰 能 千 年 壽
高 風 永 繼 而 今 人 仰 一 世 功

Quy luật nan vi, tự cổ thuỳ năng thiên niên thọ.
Cao phong vĩnh kế, nhi kim nhân ngưỡng nhất thế công.
Quy luật tránh đâu, tự cổ ai đây ngàn tuổi thọ.
Vẻ cao còn mãi, mà nay người trọng một đời công.

明 月 不 長 圓 過 了 中 秋 終 是 缺
高 風 最 可 仰 如 何 一 別 難 再 逢

Minh nguyệt bất trường viên, quá liễu trung thu chung thị khuyết.
Cao phong tối khả ngưỡng, như hà nhất biệt nan tái phùng.
Trăng sáng chẳng tròn lâu, qua tết trung thu rồi cũng khuyết.
Vẻ cao nên ngưỡng mộ, đã khi xa cách khỏi mong tìm.

天 不 留 耆 舊
人 皆 惜 老 成

Thiên bất lưu kỳ cựu
Nhân giai tích lão thành.
Trời chẳng lưu kẻ cũ.
Người đều tiếc ông già.

流 水 夕 陽 千 古 恨
暮 雲 春 樹 一 天 愁

Lưu thuỷ tịch dương thiên cổ hận.
Mộ vân xuân thụ nhất thiên sầu.
Nước chảy nắng chiều muôn thuở hận.
Mây hôm cây trẻ một trời sầu.

天 不 遺 一 老
人 已 足 千 秋

Thiên bất di nhất lão.
Nhân dĩ túc thiên thu.
Trời không lưu một cụ.
Người đã đủ ngàn thu.

平 生 風 義 兼 師 友
來 世 因 緣 結 弟 兄

Bình sinh phong nghĩa kiêm sư hữu.
Lai thế nhân duyên kết đệ huynh.
Bình sinh tình nghĩa kiêm thầy bạn.
Đời sau duyên nợ kết anh em.

何 知 一 夢 飛 蝴 蝶
竟 使 千 秋 泣 杜 鵑

Hà tri nhất mộng phi hồ - điệp.
Cánh sử thiên thu khấp đỗ quyên.
Hoá bướm lượn lờ trong giấc mộng.
Khiến quyên gào khóc đã ngàn năm.

四 壁 蕭 然 悲 夜 月
三 更 冷 落 憫 春 暉

Tứ bích tiêu nhiên, bi dạ nguyệt.
Tam canh lãnh lạc, mẫn xuân huy.
Bốn vách quạnh hiu, vầng trăng thảm.
Ba canh lạnh lẽo, ánh xuân buồn.

老 淚 無 多 哭 知 己
蒼 天 何 遽 喪 斯 人

Lão lệ vô đa khốc tri kỷ.
Thương thiên hà cứ táng tư nhân.
Lệ già đâu nhiều khóc tri kỷ.
Trời xanh sao nỡ chôn người này.

鶴駕難回終隔雲山家萬里
猿腸易斷那堪風雨月三更
Hạc giá nan hồi, chung cách vân sơn gia vạn lý.
Viên trường dị đoạn, na kham phong vũ nguyệt tam canh.
Xe hạc khôn về, cách biệt non mây, nhà vạn dặm.
Ruột hầu dễ đứt, chịu sao mưa gió, nguyệt ba canh.

跨鶴孤山三十載梅花一夢
騎鯨采石五百年明月重圓
Khoá hạc cô sơn, tam thập tải mai hoa nhất mộng.
Kỵ kình thái thạch, ngũ bách niên minh nguyệt trùng viên.
Ba chục xuân gót hạc núi cô, hoa mai giấc mộng.
Năm trăm năm cưỡi kình lượm đá, trăng sáng lại tròn.

時事傷心風號鶴唳人何處
哀情慘目月落烏啼霜滿天
Thời sự thương tâm phong hào hạc lệ nhân hà xứ.
Ai tình thảm mục, nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên.
Câu chuyện đau lòng, hạc khóc gió gào đâu thấy kẻ.
Cảnh tình buồn mắt, quạ kêu trăng lặn cảnh mờ sương.

慈顏已逝
風木与悲
Từ nhan dĩ thệ.
Phong mộc dữ bi.
Dáng hiền khuất nẻo.
Nghĩ mẹ buồn thương.

雨泣黃花應有恨
風淒翠竹更堪悲
Vũ khấp hoàng hoa ưng hữu hận.
Phong thê thuý trúc cánh kham bi.
Mưa khóc cúc vàng nên có hận.
Gió lay trúc biếc lại càng thương.

女星沉寶婺
仙駕返瑤池
Nữ tinh trầm bảo vụ.
Tiên giá phản Dao trì.
Bảo vụ mờ sao nữ.
Dao trì đón khách tiên.

魂 返 九 天 悲 夜 月
芳 流 百 代 憶 春 風
Hồn phản cửu thiên bi dạ nguyệt.
Phương lưu bách đại ức xuân phong.
Hồn lại chín tầng trăng tối thảm.
Danh lưu trăm thuở gió xuân buồn.

名 梢 彤 史 范
望 斷 白 雲 香
Danh tiêu đồng sử phạm.
Vọng đoạn bạch vân hương.
Danh nêu trang đồng sử.
Vọng dứt hương bạch vân.

梅 吐 玉 容 含 孝 意
柳 拖 金 色 動 哀 情
Mai thổ ngọc dung hàm hiếu ý.
Liễu đà kim sắc động ai tình.
Vẻ ngọc mai phô hàm ý hiếu.
Sắc vàng liễu rủ động tình thương.

西 池 駕 已 歸 王 母
南 國 輝 空 仰 婺 星
Tây trì giá dĩ quy vương mẫu.
Nam quốc huy không ngưỡng vụ tinh.
Xe tây trì đã theo Vương mẫu.
Ánh trời nam hướng tới Vụ tinh.

掃 榻 飛 煙 惊 化 鶴
卷 帘 留 月 覓 歸 魂
Tảo tháp phi yên kinh hoá hạc.
Quyển liêm lưu nguyệt mịch quy hồn.
Quét giường tung bụi, kinh thành hạc.
Rèm vén lưu trăng muốn gọi hồn.

寶 婺 光 沉 天 上 宿
蓮 花 香 現 佛 前 身
Bảo vụ quang trầm thiên thượng tú.
Liên hoa hương hiện phật tiền thân.
Chòm Bảo vụ mờ sao thượng giới.
Hương hoa sen hiện phật tiền thân.

身似芳蘭從此逝
心如皓月几時回
Thân tự phương lan tòng thử thệ.
Tâm như hạo nguyệt kỷ thời hồi.
Thân tựa lan thơm không trở lại.
Tâm như trăng sáng đến khi nào.

懿德難忘流痛例
慈恩未報繞愁腸
Ý đức nan vong lưu thống lệ.
Từ ân vị báo nhiễu sầu trường.
Đức tốt khó quên tuôn lệ xót.
Ơn từ chưa báo rối sầu cơn.

細語柔言情苑在
淒風苦雨恨偏腸
Tế ngữ nhu ngôn tình uyển tại.
Thê phong khổ vũ hận thiên đường.
Nói nhẹ lời mềm tình ở lại.
Gió buồn mưa khổ hận chưa thôi.

英靈昭日月
肝膽映山河
Anh linh chiêu nhật nguyệt.
Can đảm ánh sơn hà.
Anh linh sáng nhật nguyệt.
Can đảm rạng sơn hà.

江河大地存忠骨
哀例悲歌悼傑靈
Giang hà đại địa tồn trung cốt.
Ai lệ bi ca điệu kiệt linh.
Sông ngòi lai láng xương ai giữ.
Dòng lệ buồn đau tuấn kiệt thương.

正氣留千古
丹心照萬年
Chính khí lưu thiên cổ.
Đan tâm chiếu vạn niên.
Chính khí lưu muôn thuở.
Lòng son chiếu vạn năm.

未 酬 壯 志 身 先 死
留 取 丹 心 照 汗 青

Vị thù tráng chí thân tiên tử.
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.

Chưa xong chí lớn thân đến nợ.
Gửi lại lòng son rạng sử xanh.

鐵 肩 擔 道 義
熱 血 荐 軒 轅

Thiết kiên đảm đạo nghĩa.
Nhiệt huyết tiến Hiên Viên.

Vai sắt gánh đạo nghĩa.
Máu nóng dâng Hiên Viên.

英 靈 已 作 蓬 萊 客
德 范 猶 薰 故 里 人

Anh linh dĩ tác bồng lai khách.
Đức phạm do huân cố lý nhân.

Hồn thiêng đã xứng khách non tiên.
Khuôn đức thơm lây người chốn cũ.

憂 國 身 先 殉
游 仙 夢 不 回

Ưu quốc thân tiên tuẫn.
Du tiên mộng bất hồi.

Vì nước sớm quên thân.
Cõi tiên mộng chẳng về.

青 山 綠 水 長 留 生 前 浩 氣
翠 柏 蒼 松 堪 慰 逝 後 英 靈

Thanh sơn lục thuỷ trường lưu sinh tiền hạo khí.
Thuý bách thương tùng kham uý thệ hậu anh linh.

Nước chảy non xanh còn mãi, khi sống đầy hào khí.
Tùng xanh bách biếc tươi rờn, lúc mất để anh linh.

雄 風 赫 赫 千 秋 頌
偉 績 昭 昭 萬 代 傳

Hùng phong hách hách thiên thu tụng.
Vĩ tích chiêu chiêu vạn đại truyền.

Hùng khí lẫy lừng, ngàn năm ca tụng.
Công lao hiển hách, muôn thuở lưu truyền.

忠骨雖滅浩氣存千秋萬代
遺言永銘贊歌傳六合八荒

Trung cốt tuy diệt hạo khí tồn thiên thu vạn đại.
Di ngôn vĩnh minh tán ca truyền lục hợp bát hoang.

Nắm xương dù nát, khí phách toả ngàn thu muôn thuở.
Lời dặn còn ghi, tiếng ca vang tám hướng sáu phương.

深恩未報慚爲子
隱感難消忝作人

Thâm ân vị báo tàm vi tử.
Ẩn cảm nan tiêu thiểm tác nhân.

Ơn sâu chưa báo thẹn làm con.
Mặc cảm khó tan đâu xứng kẻ.

倚門人去三更月
泣杖儿悲五夜寒

Ỷ môn nhân khứ tam canh nguyệt.
Khấp trượng nhi bi ngũ dạ hàn.

Vắng người nương cửa trăng khuya quạnh.
Thương con chống gậy rét đêm nhiều.

多感佳賓來祭奠
深悲嚴父去難留

Đa cảm giai tân lai tế điện.
Thâm bi nghiêm phụ khứ nan lưu.

Khách thân đến viếng, nhiều thương cảm.
Cha không ở lại, nặng buồn đau.

思親腊盡情無盡
望父春歸人未歸

Tư thân lạp tận tình vô tận.
Vọng phụ xuân quy nhân vị quy.

Nhớ người tháng tận tình không tận.
Mong cho xuân về người chửa về.

心因父逝心流血
月見吾悲月失輝

Tâm nhân phụ thệ tâm lưu huyết.
Nguyệt kiến ngô bi nguyệt thất huy.

Lòng thấy cha đi, lòng ứa máu.
Trăng coi ta khóc, ánh trăng mờ.

只見三秋多苦雨
誰知九月別嚴親
Chỉ kiến tam thu đa khổ vũ.
Thuỳ tri cửu nguyệt biệt nghiêm thân.
Ba năm chỉ thấy mưa tầm tã.
Chín tháng ai hay bố bặt tin.

無露庭前重見母
有時夢里一呼儿
Vô lộ đình tiền trùng kiến mẫu.
Hữu thời mộng lý nhất hô nhi.
Gặp lại mẹ, trước nhà không lối.
Tiếng hô con, trong mộng có lần.

春近人歡花發早
歲更我哭母長辭
Xuân cận nhân hoan hoa phát tảo.
Tuế canh ngã khốc mẫu trường từ.
Xuân đến người vui hoa nở sớm.
Năm thay ta khóc mẹ lời sâu.

世上痛無救母藥
靈前哭煞斷腸人
Thế thượng thống vô cứu mẫu dược.
Linh tiền khốc sát đoạn trường nhân.
Thuốc mẹ khôn tìm trên cõi thế.
Lòng con muốn đứt trước linh sàng.

怎忍心撇下儿女匆匆离去
如有覺夢中母親每每歸來
Chẩm nhẫn tâm phách hạ nhi nữ thông thông li khứ.
Như hữu giác mông trung mẫu thân mỗi mỗi quy lai.
Nỡ bỏ cháu con ở lại, mà vội vã ra đi.
Mong gặp mẹ hiền trong mộng, xin người hãy hiện về.

終天唯有思親例
寸草痛無益母靈
Chung thiên duy hữu tư thân lệ.
Thốn thảo thống vô ích mẫu linh.
Trọn đời dành lệ khóc người thân.
Tấc cỏ đau lòng khôn giúp mẹ.

音 容 莫 睹 傷 心 難 禁 千 行 例
親 恩 未 報 哀 痛 不 覺 九 回 腸

Âm dung mạc đổ thương tâm nan cấm thiên hàng lệ.
Thân ân vị báo ai thống bất giác cửu hồi trường.

Gương mặt khó tìm, thương nhớ khôn ngăn dòng lệ nhỏ.
Ơn người chưa báo, khóc than luống những ruột tơ vò.

婺 星 頓 失 天 光 黯
美 德 猶 存 家 景 長

Vụ tinh đốn thất thiên quang ám.
Mỹ đức do tồn gia cảnh trường.

Vụ tinh bỗng rụng, trời u ám.
Đức tốt còn đây, nhà vững bền.

涼 月 寫 淒 清 環 砌 秋 聲 聽 倍 慘
慈 雲 歸 縹 緲 空 庭 落 月 恨 何 如

Lương nguyệt tả thê thanh hoàn thế thu thanh thính bội thảm.
Từ vân quy phiếu miểu không đình lạc nguyệt hận hà như.

Lạnh lẽo ánh trăng trong, khắp chốn tiếng thu càng thảm thiết.
Xa thẳm áng mây từ, sân lặng trăng tà hận xiết bao.

半 子 無 倚 何 所 賴
東 床 有 例 几 時 干

Bán tử vô y hà sở lại.
Đông sàng hữu lệ kỷ thời can.

Nửa con (con rể) không cậy đâu mà dựa.
Giường đông có khóc biết khi khô.

峰 頂 大 人 嗟 已 矣
膝 前 半 子 痛 何 如

Phong đính đại nhân ta dĩ hĩ.
Tất tiền bán tử thống hà như.

Người lớn đỉnh non (bố vợ), thôi đã khuất.
Nửa con (chàng rể) trước gối, xót làm sao.

泰 岳 無 雲 滋 玉 潤
東 床 有 例 滴 冰 清

Thái nhạc vô vân tư ngọc nhuận.
Đông sàng hữu lệ trích băng thanh.

Thái nhạc (bố vợ) không mây cho ngọc nhuận.
Giường đông (con rể) giọt lệ tựa băng trong.

大 雅 雲 亡 梁 木 斷
老 成 凋 謝 泰 山 頹
Đại nhã vân vong lương mộc đoạn.
Lão thành điêu tạ Thái sơn đồi.
Kẻ lớn ra đi xà gỗ gãy.
Người già héo rụng thái sơn suy.

去 年 病 入 黃 泉 路
今 夜 惊 頹 泰 岳 峰
Khứ niên bệnh nhập hoàng tuyền lộ.
Kim dạ kinh đồi thái nhạc phong.
Bệnh cũ suối vàng đưa dẫn lối.
Đêm nay thái nhạc sụp mà kinh.

德 范 堪 欽 惟 冀 泰 山 常 蔭 蔽
鶴 齡 方 祝 孰 期 冰 鑒 頓 捐 塵
Đức phạm kham khâm duy ký Thái sơn thường ấm tế.
Hạc linh phương chúc thục kỳ băng giám đốn quyên trần.
đức vọng tôn sùng, những tưởng Thái sơn là chỗ dựa.
Tuổi hạc cầu chúc, nào hay gương ngọc lánh trần ai.

自 入 婿 鄉 蒙 厚 愛
何 堪 甥 貫 杳 慈 雲
Tự nhập tế hương mông hậu ái.
Hà kham sanh quán diểu từ vân.
Làng rể ngày thăm đưa đón hậu.
Quê dì nay đã vắng mây từ.

憶 半 子 昔 日 承 龍 東 床 有 幸
痛 岳 母 今 朝 駕 鶴 北 堂 無 依
Ức bán tử tích nhật thừa long đông sàng hữu hạnh.
Thống nhạc mẫu kim triêu giá hạc bắc đường vô y.
May được giường đông, ngày trước cưỡi rồng lòng vẫn nhớ.
Đâu còn nhà bắc, nay đưa xe hạc nặng tình thương.

淒 涼 甥 貫 慈 雲 黯
縹 緲 仙 鄉 夜 月 寒
Thê lương sanh quán từ vân ám.
Phiếu miểu tiên hương dạ nguyệt hàn.
Mây từ u ám trùm quê ngoại.
Trăng khuya lạnh lẽo chiếu làng tiên.

蓮蕊生香有子心中無限苦
萱花遽謝出入意外不勝悲

Liên nhuỵ sinh hương hữu tử tâm trung vô hạn khổ.
Huyên hoa cự tạ xuất nhập ý ngoại bất thăng bi.

Sen nhuỵ toả hương, con thấy trong lòng vô hạn khổ.
Hoa huyên đài héo, người đi ngoài ý xiết bao buồn.

全校同教傷益友
滿庭桃李哭涼師

Toàn hiệu đồng giao thương ích hữu.
Mãn đình đào lý khốc lương sư.

Cùng dạy cả trường thương bạn tốt.
Đầy sân đào mận khóc thầy hay.

筑室未能如子貢
心哀聊以學檀弓

Trúc thất vị năng như Tử Cống.
Tâm ai liêu dĩ học Đàn cung.

Lều mộ chưa hay bằng Tử Cống.
Lòng thương riêng đã học Đàn cung.

培養李桃曾盡瘁
光輝竹帛永流芳

Bồi dưỡng lý đào tằng tận tuỵ.
Quang huy trúc bạch vĩnh lưu phương.

Vun đắp mận đào bao tận tuỵ.
Điểm tô trúc bạch mãi còn thơm.

桃李悼良師從今不復聞教誨
教工傷益友憶昔徒嗟失音容

Đào lý điệu lương sư tòng kim bất phục văn giáo hối.
Giáo công thương ích hữu ức tích đồ ta thất âm dung.

Đào mận tiếc thầy hay, nay chẳng được nghe lời dạy bảo.
Thày cô thương bạn tốt, nhớ chăng đường vắng bóng người xưa.

淑女成佳婦
奇男已丈夫

Thục nữ thành giai phụ.
Kỳ nam dĩ trượng phu.

Gái đảm thành vợ hiền.
Trai tài nên người lớn.

百 年 琴 瑟 好
千 載 鳳 麟 祥
Bách niên cầm sắt hảo.
Thiên tải phượng lân tường.
Trăm năm vui cầm sắt.
Ngàn thuở đẹp phượng lân.

新 粧 梅 點 額
吉 夢 燕 投 懷
Tân trang mai điểm ngạch.
Cát mộng yến đầu hoài.
Áo mới mai chớm nở.
Mộng lành yến vào lòng.

吹 蕭 堪 引 鳳
攀 桂 喜 乘 龍
Suy tiêu kham dẫn phượng.
Phan quế hỷ thừa long.
Thổi tiêu hay dẫn phượng.
Vin quế mừng cưỡi rồng.

本 爲 攀 桂 客
暫 作 探 花 郎
Bản vi phan quế khách.
Tiệm tác thám hoa lang.
Vốn là khách vin quế.
Tạm làm chàng thám hoa.

芝 蘭 千 載 茂
琴 瑟 百 年 和
Chi lan thiên tải mậu.
Cầm sắt bách niên hoà.
Chi lan ngàn thuở tốt.
Cầm sắt trăm năm hoà.

健 筆 春 山 試
雄 文 繡 閣 裁
Kiện bút xuân sơn thí.
Hùng văn tú các tài.
Bút cứng vẽ non xuân.
Văn hùng tả gác đẹp.

花燭生光彩
瓊筵燕喜冠
Hoa chúc sinh quang thái.
Quỳnh diên yến hỷ quan.
Đuốc hoa sinh vẻ sáng.
Tiệc quỳnh uống rượu vui.

户映三星繡幙錦屏春色滿
門迎百輛花堂銀燭夜光浮
Hộ ánh tam tinh tú mạc cẩm bình xuân sắc mãn.
Môn nghinh bách lượng hoa đường ngân chúc dạ quang phù.
Nhà ba sao chiếu, rèm thêu màn gấm đầy xuân sắc.
Cửa trăm xe đón, nhà hoa đuốc bạc sáng trời đêm.

南國賦桃夭允矣宜家宜室
大人占吉夢成哉維熊維羆
Nam quốc phú Đào yêu doãn hỹ, nghi gia nghi thất.
Đại nhân chiêm cát mộng thành tai, duy hùng duy bi.
Trời nam se duyên đẹp, được đấy, nên nhà nên cửa.
Kẻ cả đoán mộng lành, thành vậy, kết hùng kết bi.

男女正婚姻時開五倫之第一
陰陽和天地位欲萬物已無窮
Nam nữ chính hôn nhân thời, khai ngũ luân chi đệ nhất.
Âm dương hoà thiên địa vị, dục vạn vật dĩ vô cùng.
Nam nữ định hôn nhân, lúc mở ngũ luân coi bậc nhất.
Âm dương hoà trời đất, sinh nuôi vạn vật đến vô cùng.

金結同心百歲鳳鸞良匹偶
彩繩繫足千秋琴瑟永和諧
Kim kết đồng tâm bách tuế phượng loan lương sất ngẫu.
Thái thằng hệ túc thiên thu cầm sắt vĩnh hoà hài.
Giải vàng đồng tâm, trăm tuổi phượng loan lành đôi lứa.
Dây đỏ buộc chân, ngàn năm cầm sắt vẫn giao hoà.

友以瑟友以琴梅花香度桃花暖
麟之趾麟之定仙人信付玉人來
Hữu dĩ sắt hữu dĩ cầm mai hoa hương độ đào hoa noãn.
Lân chi chỉ lân chi định tiên nhân tín phó ngọc nhân lai.
Bạn đàn sắt, bạn đàn cầm, hoa mai hương đặm, hoa đào ấm.
Lân để dấu, lân để ý, người tiên tin gửi, người ngọc về.

蟾影浮光皓月交明花燭
龍纏應律祥雲直通星橋
Thiềm ảnh phù quang hạo nguyệt dao minh hoa chúc.
Long triền ứng luật tường vân trực bức tinh kiều.
Bóng thiềm sáng tỏ, ánh trăng xen lẫn đuốc sáng.
Rồng lên ứng luật, mây lành trùm lấy cầu ngân.

畫眉終愛蓮花品
伴讀重修博議書
Hoạ mi chung ái liên hoa phẩm.
Bạn độc trùng tu Bác nghị thư.
Vẽ mày thấy chuộng phẩm hoa sen.
Bạn đọc hai lần Bác nghị thư.

不惜鸞膠千里續
自應鳳偶百年諧
Bất tích loan giao thiên lý tục.
Tự ưng phượng ngẫu bách niên hài.
Chẳng tiếc keo loan ngàn dặm nối.
Bỗng thành đôi phượng trăm năm duyên.

鳳凰于飛亦集爰止
琴瑟在御其新孔嘉
Phượng hoàng vu phi diệc tập viên chỉ.
Cầm sắt tại ngự kỳ tân khổng gia.
Phượng hoàng đang bay cũng tìm đến đậu.
Cầm sắt cùng hoà điệu mới càng vui.

彩筆新添描夜月
桃源舊路駕輕車
Thái bút tân thiêm miêu dạ nguyệt.
Đào nguyên cựu lộ giá khinh xa.
Bút hay thêm mới tả trăng sáng.
Nguồn đào đường cũ, cưỡi xe êm.

家鄉阻隔雲千里
玉女團圓月一輪
Gia hương trở cách vân thiên lý.
Ngọc nữ đoàn viên vầy nguyệt nhất luân.
Quê nhà cách trở mây ngàn dặm.
Ngọc nữ xum vầy nguyệt một vành.

千里人緣絲繫足
百年風月客爲家
Thiên lý nhân duyên ty hệ túc.
Bách niên phong nguyệt khách vi gia.
Ngàn dặm nhân duyên chân buộc chỉ.
Trăm năm trăng gió khách là nhà.

湖海襟期眞浩蕩
鳳凰羽翼相鮮新
Hồ hải khâm kỳ chân hạo đãng.
Phượng hoàng vũ dực tương tiên tân.
Hồ hải ước mong trời rộng lớn.
Phượng hoàng lông cánh vẻ thêm xinh.

鵲橋直上龍門客
鳳閣初騰翰苑人
Thước kiều trực thượng long môn khách.
Phượng các sơ đằng hàn uyển nhân.
Khách long môn đến thẳng cầu ô.
Người rộng học vừa lên gác phượng.

關雎賦就回文錦
麟趾賡成戒旦雞
Quan thư phú tựu hồi văn cẩm.
Lân chỉ canh thành giới đán kê.
Phú Quan thư tựa gấm hồi văn.
Dấu Lân chỉ thành răn gà gáy.

梅綻粧臺花解語
文隨繡閣筆生香
Mai điện trang đài hoa giải ngữ.
Văn tuỳ tú các bút sinh hương.
Mai điểm trang đài, hoa giải ngữ.
Văn theo gác đẹp, bút sinh hương.

詩禮庭前由舊訓
瑟琴堂上聽新聲
Thi lễ đình tiền do cựu huấn.
Cầm sắt đường thượng thính tân thanh.
Trước sân thi lễ lời xưa dạy.
Trong nhà cầm sắt mới thanh âm.

舍 章 玉 質 吟 嬌 雪
博 議 風 裁 學 畫 眉
Xá chương ngọc chất ngâm kiều tuyết.
Bác nghị phong tài học hoạ my.
Ngâm tuyết đẹp nhà phô vẻ ngọc.
Học vẽ mày bàn chuyện phong lưu.

凌 雲 奇 氣 知 才 子
映 雪 新 粧 識 玉 人
Lăng vân kỳ khí tri tài tử.
Ánh tuyết tân trang thức ngọc nhân.
Vượt mây khí lạ biết tay tài.
Tuyết ánh tân trang hay người ngọc.

漫 將 江 筆 爲 張 筆
好 向 雞 鳴 聽 鹿 鳴
Mạn tương Giang bút vi Trương bút.
Hảo hướng Kê minh thính Lộc minh.
Đùa đem Giang bút làm Trương bút.
Khéo hướng Kê minh nghe Lộc minh.

碧 紗 待 月 人 如 玉
紅 袖 添 香 夜 讀 書
Bích sa đãi nguyệt nhân như ngọc.
Hồng tụ thiêm hương dạ độc thư.
Lụa biếc dưới trăng người tựa ngọc.
Áo hồng giồi hương sách đọc đêm.

藜 火 雞 聲 雨 不 夜
筆 花 燭 影 共 聯 輝
Lê hoả kê thanh vũ bất dạ.
Bút hoa chúc ảnh cộng liên huy.
Lửa lê gà gáy đêm đâu quản.
Bút hoa ánh đuốc sáng ngời chung.

筆 花 暫 向 燈 花 燦
御 酒 還 從 瓷 酒 香
Bút hoa tiệm hướng đăng hoa xán.
Ngự tửu hoàn tòng cẩn tửu hương.
Hoa bút dần hướng hoa đèn rạng.
Rượu ngự đành theo rượu cẩn thơm.

跨 鳳 原 爲 攀 桂 客
探 花 暫 作 畫 眉 人
Khoá phượng nguyên vi phan quế khách.
Thám hoa tiệm tác họa my nhân.
Cưỡi phượng vốn là khách vin quế.
Thám hoa tạm làm người vẽ mày.

待 畫 柳 眉 描 筆 意
須 燃 花 燭 映 文 光
Đãi hoạ liễu my miêu bút ý.
Tu nhiên hoa chúc ánh văn quang.
Đợi tô mày liễu qua ý bút.
Cần giương hoa đuốc sáng lời văn.

博 議 新 書 文 吐 錦
畫 眉 彩 筆 玉 生 香
Bác nghị tân thư văn thổ cẩm.
Hoạ mi thái bút ngọc sinh hương.
Bác nghị sách hay văn tựa gấm.
Vẽ mày nét đẹp ngọc sinh hương.

玉 人 早 向 書 中 得
金 榜 還 從 筆 下 來
Ngọc nhân tảo hướng thư trung đắc.
Kim bảng hoàn tòng bút hạ lai.
Người ngọc tìm trong sách mà được.
Bảng vàng nhờ có bút nên công.

先 向 洞 房 裁 博 議
好 從 清 夜 問 常 娥
Tiên hướng động phòng tài Bác nghị.
Hảo tòng thanh dạ vấn Thường nga.
Trước hướng động phòng khoe Bác nghị.
Khéo lần đêm vắng hỏi Hằng nga.

彩 筆 輕 描 寒 夜 月
新 粧 光 照 錦 紋 花
Thái bút khinh miêu hàn dạ nguyệt.
Tân trang quang chiếu cẩm văn hoa.
Bút hay nhàn tả đêm trăng lạnh.
Tân trang sáng tỏ ánh hoa văn.

秋 水 近 流 琴 韻 好
江 風 遠 送 筆 生 香
Thu thuỷ cận lưu cầm vận hảo.
Giang phong viễn tống bút sinh hương.
Giòng thu chảy cạnh tiếng đàn hay.
Gió cuốn xa đưa hương bút toả.

既 聯 詩 句 傳 嬌 語
還 向 文 章 聽 好 音
Ký liên thi cú truyền kiều ngữ.
Hoàn hướng văn chương thính hảo âm.
Thơ viết liền câu ngôn ngữ đẹp.
Văn chương đều hướng âm thanh hay.

已 擬 鳳 池 輝 翰 苑
先 登 月 窟 伴 嫦 娥
Dĩ nghĩ phượng trì huy hàn uyển.
Tiên đăng nguyệt quật bạn Thường nga.
Đã bày ao phượng bên vườn lạnh.
Còn bạn thềm trăng với Tố Nga.

摧 粧 句 配 河 洲 錦
伴 讀 燈 挑 博 議 書
Thôi trang cú phối Hà châu cẩm.
Bạn độc đăng khiêu Bác nghị thư.
Vẻ đẹp lời hòa gấm Hà châu.
Bạn đọc đèn khêu xem sách Bác nghị.

粧 摧 香 閣 珠 璣 燦
筆 寫 春 山 錦 繡 新
Trang thôi hương các châu cơ xán.
Bút tả xuân sơn cẩm tú tân.
Áo thơm hương gác châu ngọc rạng.
Bút tả non xuân gấm vóc tươi.

墨 酒 天 橋 紅 作 句
粧 摧 月 殿 錦 成 詩
Mặc tửu thiên kiều hồng tác cú.
Trang thôi nguyệt điện cẩm thành thi.
Rượu mực cầu ngân say viết chữ.
Áo hồng điện nguyệt gấm thành thơ.

紅樓蓮步摧雲步
春夜燭花映筆花
Hồng lâu liên bộ thôi vân bộ.
Xuân dạ chúc hoa ánh bút hoa.
Lầu hồng bước sen giục bước mây.
Đêm xuân hoa đuốc sáng hoa bút.

得句不勞窗外客
攀花且問月中人
Đắc cú bất lao song ngoại khách.
Phan hoa thả vấn nguyệt trung nhân.
Câu hay chẳng phiền khách ngoài cửa.
Vin hoa ướm hỏi người trong trăng.

雪麗河洲吟雪句
雲連濟水映雲程
Tuyết lệ Hà châu ngâm tuyết cú.
Vân liên Tế thuỷ ánh vân trình.
Tuyết đẹp Hà châu ngâm thơ tuyết,
Mây liền Tế thủy tỏ đường mây.

諧偶百年期桂實
于歸正月詠桃夭
Hài ngẫu bách niên kỳ quế thực.
Vu quy chính nguyệt vịnh Đào yêu.
Đôi lứa trăm năm kì bẻ quế;
Vu quy chính nguyệt vịnh Đào yêu.

繡幕香濃人似玉
春宵夢暖筆生花
Tú mạc hương nùng nhân tự ngọc.
Xuân tiêu mộng noãn bút sinh hoa.
Rèm thêu hương đậm người như ngọc.
Đêm xuân mộng ấm bút sinh hoa.

雪案夜深聯好友
梅粧日暖議新書
Tuyết án dạ thâm liên hảo hữu.
Mai trang nhật noãn nghị tân thư.
Án tuyết đêm khuya vui bạn tốt.
Thung mai ngày ấm luận sách hay.

雎 合 西 河 逢 泰 運
梅 開 南 嶺 煥 新 粧
Thư hợp Tây hà phùng thái vận.
Mai khai Nam lĩnh hoán tân trang.
Bến Tây xum họp gặp thái vận.
Non Nam mai nở rạng tân trang.

擁 髻 銀 燈 含 宿 臘
窺 簾 碧 月 照 春 容
Ủng kế ngân đăng hàm tú nhị.
Khuy liêm bích nguyệt chiếu xuân dung.
Đèn soi tóc búi vẻ tế nhị.
Trăng chiếu song nhòm rạng vẻ xuân.

時 值 泰 交 欣 合 巹
人 從 寅 統 喜 牽 絲
Thời trị thái giao hân hợp cẩn.
Nhân tòng dần thống hỷ khiên ty.
Giờ lúc giao hoà vui hợp cẩn.
Người theo truyền thống mừng dắt dây.

歲 月 水 和 賦 宜 家 室
乾 坤 相 配 夢 葉 熊 羆
Tuế nguyệt thuỷ hoà phú nghi gia thất.
Càn khôn tương phối mộng diệp hùng bi.
Năm tháng thuận hoà dựng nên gia thất.
Đất trời phối hợp mộng thấy hùng bi.

銀 燭 光 浮 元 夜 月
玉 蕭 吹 徹 洞 房 春
Ngân chúc quang phù nguyên dạ nguyệt.
Ngọc tiêu suy triệt động phòng xuân.
Đuốc rực sáng, mờ trăng đầu tháng.
Tiêu ngọc vui, thêm xuân động phòng.

時 值 泰 交 祥 開 瓜 瓞
月 逢 歲 首 夢 入 芝 蘭
Thời trị thái giao tường khai qua điệt.
Nguyệt phùng tuế thủ mộng nhập chi lan.
Đúng lúc giao hoà tỏ tường lòng dạ.
Trăng chiếu đầu năm mộng chốn hương hoa.

花 朝 日 暖 青 鸞 舞
柳 絮 風 和 紫 燕 飛

Hoa triêu nhật noãn thanh loan vũ.
Liễu nhự phong hòa tử yến phi.

Sớm hoa ngày ấm loan xanh múa.
Liễu bông gió thuận én tía bay.

度 花 朝 適 逢 花 燭
憑 月 老 試 步 月 宮

Độ hoa triêu thích phùng hoa chúc.
Bằng nguyệt lão thí bộ nguyệt cung.

Độ hoa sớm đúng giờ hoa đuốc.
Nguyệt lão se sánh bước cung trăng.

花 月 新 粧 宜 學 柳
雲 窗 好 友 早 栽 蘭

Hoa nguyệt tân trang nghi học liễu.
Vân song hảo hữu tảo tài lan.

Trăng hoa vẻ mới nên tìm liễu.
Song mây bạn tốt sớm trồng lan.

蕭 吹 夜 色 三 更 韻
粧 點 春 容 二 月 花

Tiêu suy dạ sắc tam canh vận.
Trang điểm xuân dung nhị nguyệt hoa.

Tiếng tiêu thủ thỉ canh ba vận.
Vẻ xuân tô điểm tháng hai hoa.

汗 濕 紅 粧 花 帶 露
雲 堆 綠 鬢 柳 拖 煙

Hãn thấp hồng trang hoa đới lộ.
Vân đôi lục mấn liễu đà yên.

Hoa nặng sương đêm áo đẫm nước.
Liễu tuôn khói sớm tóc vờn mây.

花 朝 春 色 光 花 燭
柳 絮 奇 姿 畫 柳 眉

Hoa triêu xuân sắc quang hoa chúc.
Liễu nhự kỳ tư hoạ liễu my.

Hoa sớm sắc xuân rạng đuốc hoa.
Liễu trông vẻ lạ tô mày liễu.

已見衣將柳汁染
行看鏡以菱花懸
Dĩ kiến y tương liễu trấp nhiễm.
Hành khan kính dĩ lăng hoa huyền.
Đã thấy áo hoa cùng liễu ướt.
Còn xem trong kính có lăng hoa.

階下花開花映燭
堂中燕至燕投懷
Giai hạ hoa khai hoa ánh chúc.
Đường trung yến chí yến đầu hoài.
Dưới thềm hoa nở hoa ngời đuốc.
Trong nhà yến đến yến đang mong.

芙蓉新艷凌花燭
玉鏡初明照藍田
Phù dung tân diễm lăng hoa chúc.
Ngọc-kính sơ minh chiếu lam điền.
Phù dung mới nở khinh hoa chúc.
Kính ngọc vừa soi chiếu lam điền.

應花朝如新作合
居繡閣好友言歡
Ứng hoa triêu như tân tác hợp.
Cư tú các hảo hữu ngôn hoan.
Với hoa sớm như vừa tác hợp.
Ở gác đẹp bạn bè đều vui.

月應花朝燭花獻彩
時逢燕至玉燕終祥
Nguyệt ứng hoa triêu chúc hoa hiến thái.
Thời phùng yến chí ngọc yến chung tường.
Trăng soi hoa sớm, rực rỡ đuốc hoa.
Gặp lúc yến về, điềm lành yến ngọc.

陽春瑞藹飛鸚鵡
太呂律和引鳳凰
Dương xuân thuỵ ái phi anh vũ.
Thái lữ luật hoà dẫn phượng hoàng.
Mây trùm Dương xuân anh vũ bay.
Luật theo Thái lữ phượng hoàng lại.

綠 柳 移 陰 春 帳 暖
夭 桃 吐 艷 巹 杯 紅
Lục liễu di âm xuân trướng noãn.
Yêu đào thổ diễm cẩn bôi hồng.
Liễu xanh rợp bóng trướng xuân ấm.
Đào tơ tươi đẹp rượu cẩn hồng.

鳳 曲 迎 風 吟 柳 綠
桃 花 趁 雨 醉 春 紅
Phượng khúc nghinh phong ngâm liễu lục.
Đào hoa sấn vũ tuý xuân hồng.
Ngâm liễu biếc khúc phượng đón gió.
Say xuân hồng hoa đào gặp mưa.

百 世 緣 和 諧 鳳 侶
三 春 日 永 賦 雞 鳴
Bách thế duyên hoà hài phượng lữ.
Tam xuân nhật vĩnh phú kê minh.
Trăm năm duyên hài hoà phượng hót.
Ba xuân ngày vẫn làm phú gà gáy.

柳 色 映 眉 粧 鏡 曉
桃 花 照 面 洞 房 春
Liễu sắc ánh mi trang kính hiểu.
Đào hoa chiếu diện động phòng xuân.
Sắc liễu tươi mày soi kính đẹp.
Đào hoa rạng mặt động phòng xuân.

紅 雨 花 村 鴛 並 倚
翠 煙 柳 驛 鳳 和 鳴
Hồng vũ hoa thôn uyên tịnh ỷ.
Thuý yên liễu dịch phượng hoà minh.
Mưa nhợt xóm hoa uyên phải ẩn.
Khói xanh trạm liễu phượng đều kêu.

日 暖 鴛 鴦 依 錦 水
風 和 海 燕 繞 珠 簾
Nhật noãn uyên ương y cẩm thuỷ.
Phong hoà hải yến nhiễu châu liêm.
Ngày ấm uyên ương xuôi nước biếc.
Gió hoà hải yến lượn rèm châu.

樂 奏 黃 鍾 諧 鳳 侶
詩 題 紅 葉 詠 桃 花

Nhạc tấu hoàng chung hài phượng lữ.
Thi đề hồng diệp vịnh đào hoa.

Nhạc tấu hoàng chung vui phượng bạn.
Thơ đề lá đỏ vịnh đào hoa.

鶯 語 和 偕 春 風 帳 暖
桃 花 絢 爛 巹 酒 杯 浮

Oanh ngữ hoà giai xuân phong trướng noãn.
Đào hoa huyến lạn cẩn tửu bôi phù.

Trướng ấm gió xuân tiếng oanh thỏ thẻ.
Rượu cẩn đầy chén hoa đào xinh tươi.

碧 沼 芰 荷 開 並 帝
繡 幃 鸞 鳳 結 同 心

Bích chiểu kỳ hà khai tịnh đế.
Tú vi loan phượng kết đồng tâm.

Ao biếc súng sen chung rễ nở.
Màn thêu loan phượng kết đồng tâm.

蓮 花 影 入 水 晶 鏡
竹 葉 香 浮 鸚 鵡 杯

Liên hoa ảnh nhập thuỷ tinh kính.
Trúc diệp hương phù anh vũ bôi.

Gương thuỷ tinh thấy ảnh hoa sen.
Chén anh vũ toả hương lá trúc.

池 上 綠 荷 揮 彩 筆
天 邊 朗 月 偃 新 眉

Trì thượng lục hà huy thái bút.
Thiên biên lãng nguyệt yển tân my.

Sen biếc trên ao thêm hứng bút.
Bên trời trăng sáng đọng hàng mi.

琴 瑟 哺 和 剛 四 月
熊 羆 入 夢 喜 三 更

Cầm sắt bổ hoà cương tứ nguyệt.
Hùng bi nhập mộng hỷ tam canh.

Mới tháng tư cầm sắt hài hoà.
Mừng ba canh hùng bi vào mộng.

探 花 幸 際 時 初 夏
夢 燕 欣 逢 麥 至 秋
Thám hoa hạnh tế thời sơ hạ.
Mộng yến hân phùng mạch chí thu.
Thăm hoa may gặp thời sơ hạ.
Mộng yến vừa hay mạch đến thu.

筆 挾 薰 風 眉 彩 畫
蘭 培 錦 砌 夢 投 香
Bút hiệp huân phong my thái hoạ.
Lan bồi cẩm thế mộng đầu hương.
Bút nhờ gió ấm tô mày đẹp.
Lan tốt bên thềm mộng toả hương.

梅 雨 雲 週 聯 好 友
榴 花 依 始 映 新 粧
Mai vũ vân chu liên hảo hữu.
Lựu hoa y thuỷ ánh tân trang.
Bên bạn tốt mưa mai mây cuốn.
Đẹp tân trang hoa lựu giống xưa.

書 帶 草 從 窗 外 綠
芙 蓉 花 向 座 中 紅
Thư đới thảo tòng song ngoại lục.
Phù dung hoa hướng toạ trung hồng.
Sách mang cỏ đến ngoài song biếc.
Phù dung hoa hướng khách khoe hồng.

春 色 映 瑤 臺 一 曲 紫 蕭 飛 彩 鳳
蕙 風 清 寶 瑟 數 行 錦 字 篆 青 虬
Xuân ánh dao đài nhất khúc tử tiêu phi thái phượng.
Huệ phong thanh bảo sắt sổ hàng cẩm tự triện thanh cù.
Xuân sắc chiếu dao đài, một khúc tiêu hay bay phượng đẹp.
Gió thơm trong tiếng sắt, vài hàng chữ gấm nét rồng xanh.

燭 花 喜 並 榴 花 艷
葡 酒 欣 連 蓬 酒 斟
Chúc hoa hỷ tịnh lựu hoa diệm.
Bồ tửu hân liên cẩn tửu châm.
Hoa đuốc kề bên hoa lựu đẹp.
Rượu nho cùng với rượu cẩn mời.

葡 酒 流 馨 連 卺 酒
燭 花 絢 彩 映 榴 花
Bồ tửu lưu hinh liên cẩn tửu.
Chúc hoa huyền thái ánh lựu hoa.
Rượu nho cùng rượu cẩn thơm ngát.
Hoa đuốc bên hoa lựu rực màu.

菡 萏 枝 連 諧 繡 幙
鴛 鴦 翼 比 媚 瀼 臺
Hạm đạm chi liên hài tú mạc.
Uyên ương dực tỷ mỵ tương đài.
Hoa sen chung rễ hợp rèm thêu.
Uyên ương chắp cánh nổi đài đẹp.

卺 酒 香 浮 葡 酒 綠
榴 花 艷 映 燭 花 紅
Cẩn tửu hương phù bồ tửu lục.
Lựu hoa diễm ánh chúc hoa hồng.
Rượu nho thơm giúp hương rượu cẩn.
Hoa lựu đẹp nhờ đuốc hoa hồng.

杯 斟 暑 日 飛 鸚 鵡
曲 奏 薰 風 引 鳳 凰
Bôi châm thử nhật phi anh vũ.
Khúc tấu huân phong dẫn phượng hoàng.
Rượu mời ngày ấm, chén anh vũ.
Khúc tấu nồm nam, điệu phượng hoàng.

樂 奏 函 鍾 諧 鳳 侶
詩 歌 南 國 葉 螽 斯
Nhạc tấu hàm chung hài Phượng lữ.
Thi ca nam quốc diệp Chung tư.
Nhạc tấu hàm chung hòa phượng lữ.
Thơ ca nam quốc vận Chung tư.

酷 暑 銷 金 金 屋 見
荷 花 吐 玉 玉 人 來
Khốc thử tiêu kim kim ốc hiện.
Hà hoa thổ ngọc ngọc nhân lai.
Nắng gắt tiêu vàng, nhà vàng hiện.
Hoa sen nhả ngọc, người ngọc về.

燭映繡幃揮彩筆
杯交暑日畫新眉
Chúc ánh tú vi huy thái bút.
Bôi giao thử nhật hoạ tân my.
Ánh đuốc rèm thêu rạng vẻ bút.
Chén trao ngày nóng vẽ tươi mày.

燭映繡幃金鳳麗
杯交暑日玉蘭新
Chúc ánh tú vi kim phượng lệ.
Bôi giao thử nhật ngọc lan tân.
Ánh đuốc rèm thêu, kim phượng đẹp.
Chén trao ngày nóng, ngọc lan tươi.

鵲橋初駕雙星渡
熊夢新徵百子祥
Thước kiều sơ giá song tinh độ.
Hùng mộng tân trưng bách tử tường.
Cầu ô vừa bắc, hai sao vượt.
Mộng hùng mới hiện, lắm con hay.

鵲橋月皎人如玉
牛渚星輝酒似蘭
Thước kiều nguyệt giảo nhân như ngọc.
Ngưu chử tinh huy tửu tự lan.
Cầu thước ngời trăng người tựa ngọc.
Bến trâu sao sáng rượu như lan.

紅葉新生春帳暖
銀河初渡夜香深
Hồng diệp tân sinh xuân trướng noãn.
Ngân hà sơ độ dạ hương thâm.
Lá thắm mới sinh, trướng xuân ấm.
Ngân hà vừa vượt, hương đêm nồng.

鵲橋巧渡雙星會
鳳卜和諧百世昌
Thước kiều xảo độ song tinh hội.
Phượng bốc hoà hài bách thế xương.
Cầu ô khéo vượt hai sao hội.
Bói phượng hài hòa trăm thuở yên.

前 夕 鵲 橋 占 好 兆
今 霄 月 殿 會 仙 娥
Tiền tịch thước kiều chiêm hảo triệu.
Kim tiêu nguyệt điện hội tiên nga.
Đêm trước cầu ô đoán điềm tốt.
Tối nay điện nguyệt hội tiên nga.

玉 宇 澄 清 輝 玉 鏡
金 風 瞻 蕩 佛 金 粧
Ngọc vũ trừng thanh huy ngọc kính.
Kim phong chiêm đãng phất kim trang.
Hiên ngọc lắng trong ngời kính ngọc.
Gió vàng thấp thoáng bóng xiêm vàng.

金 屋 人 間 詩 聯 二 美
銀 河 天 上 夜 渡 雙 星
Kim ốc nhân gian thi liên nhị mỹ.
Ngân hà thiên thượng dạ độ song tinh.
Nhà vàng nhân gian thơ hay đối đẹp.
Ngân hà thượng giới đêm vượt hai sao.

緣 符 月 老 當 瓜 月
喜 對 花 容 映 繡 花
Duyên phù nguyệt lão đương qua nguyệt.
Hỷ đối hoa dung ánh tú hoa.
Duyên nhờ nguyệt lão, dưa đang vụ.
Mừng thấy dung nhan, ánh sắc hoa.

天 錫 佳 期 玉 宇 喜 看 金 雀 舞
人 諧 盛 事 畫 堂 欣 聽 彩 鸞 鳴
Thiên tích giai kỳ ngọc vũ hỷ khan kim tước vũ.
Nhân hài thịnh sự hoạ đường hân thính thái loan minh.
Trời định giai kỳ, hiên ngọc mừng xem sẻ vàng múa.
Người vui việc tốt, nhà hoa vui nghe loan hót hay.

秋 深 喜 爲 攀 桂 客
夜 靜 新 作 畫 眉 人
Thu thâm hỷ vi phan quế khách.
Dạ tĩnh hân tác họa my nhân.
Thu muộn mừng làm khách vin quế.
Đêm vắng vui là kẻ vẽ mày.

丹 桂 香 飄 金 屋 瑞
紅 粧 彩 映 玉 堂 鮮

Đan quế hương phiêu kim ốc thuỵ.
Hồng trang thái ánh ngọc đường tiên.

Đan quế hương bay kim ốc đẹp.
Hồng trang óng ánh, ngọc đường tươi.

盛 世 長 青 樹
百 年 不 老 松

Thịnh thế trường thanh thụ.
Bách niên bất lão tùng.

Đời thịnh cây xanh mãi.
Trăm năm tùng chẳng già.

壽 同 山 巒 老
福 共 海 天 長

Thọ đồng sơn loan lão.
Phúc cộng hải thiên trường.

Thọ lâu cùng núi bọc.
Phúc dài với biển trời.

如 梅 花 挺 秀
似 松 樹 長 青

Như mai hoa đĩnh tú.
Tự tùng thụ trường thanh.

Như hoa mai đẹp trội.
Giống cây tùng xanh lâu.

八 旬 酬 盛 世
一 世 煥 清 輝

Bát tuần thù thịnh thế.
Nhất thế hoán thanh huy.

Tám chục vui đời thịnh.
Một đời rực sáng trong.

乃 武 乃 文 乃 壽
如 梅 如 竹 如 松

Nãi vũ nãi văn nãi thọ.
Như mai như trúc như tùng.

Là vũ, là văn, là thọ.
Như mai, như trúc, như tùng.

福 如 東 海 長 流 水
壽 比 南 山 不 老 松

Phúc như đông hải trường lưu thuỷ.
Thọ tỷ nam sơn bất lão tùng.

Phúc tựa biển đông, dòng chảy mãi.
Thọ ví non nam, tùng không già.

周 天 行 健 人 常 健
秋 日 登 高 壽 更 高

Chu thiên hành kiện nhân thường kiện.
Thu nhật đăng cao thọ cánh cao.

Vòng trời đi khoẻ, người thường khoẻ.
Ngày thu lên cao, thọ càng cao.

足 食 丰 衣 晚 景 好
勤 耕 苦 犢 老 來 紅

Túc thực phong y vãn cảnh hảo.
Cần canh khổ độc lão lai hồng.

Đủ ăn, đủ mặc già xuân chán.
Chăm cày, chăm nuôi lão còn tươi.

年 高 喜 看 花 千 樹
人 壽 笑 斟 酒 一 杯

Niên cao hỷ khán hoa thiên thụ.
Nhân thọ tiếu châm tửu nhất bôi.

Tuổi cao mừng ngắm hoa ngàn khóm.
Người thọ cười vui rượu một chung.

光 明 心 地 恒 增 壽
爽 朗 精 神 自 健 康

Quang minh tâm địa hằng tăng thọ.

Sảng lãng tinh thần tự kiện khang.
Tâm địa quang minh tăng tuổi thọ.
Tinh thần sáng láng thấy an khang.

老 當 益 壯 雄 心 未 已
晚 節 堅 貞 斗 志 彌 堅

Lão đương ích tráng hùng tâm vị dĩ.
Vãn tiết kiên trinh đẩu chí di kiên.

Già còn mạnh sức, hùng tâm chưa hết.
Tiết mạnh kiên trinh, chí mạnh càng bền.

柏翠松蒼含歌五福
椿榮萱茂同祝百齡

Bách thuý tùng thương hàm ca ngũ phúc.
Xuân vinh huyên mậu đồng chúc bách linh.
Bách biếc, tùng xanh ngợi ca năm phúc.
Xuân tươi, huyên rậm, cùng chúc trăm tròn.

青松增壽年年壽
丹桂飄香户户香

Thanh tùng tăng thọ niên niên thọ.
Đan quế phiêu hương hộ hộ hương.
Tùng xanh tăng thọ, năm thêm thọ.
Quế đỏ hương bay, khắp chốn hương.

歲序更新添壽考
江山竟秀顯英才

Tuế tự canh tân thiêm thọ khảo.
Giang sơn cạnh tú hiển anh tài.
Năm dần đổi mới, tăng tuổi thọ.
Núi sông đua đẹp, rõ anh tài.

報國不愁生白髮
讀書哪肯負蒼生

Báo quốc bất sầu sinh bạch phát.
Độc thư na khẳng phụ thương sinh.
Báo nước chẳng buồn khi tóc bạc.
Học chăm đừng phụ lúc đầu xanh.

白髮朱顏宜登上壽
丰衣足食樂享高齡

Bạch phát chu nhan nghi đăng thượng thọ.
Phong y túc thực lạc hưởng cao linh.
Tóc bạc da mồi, cần lên thượng thọ.
Đủ ăn đủ mặc, vui hưởng tuổi cao.

棠棣齊開千載好
椿萱并茂萬年長

Đường lệ tề khai thiên tải hảo.
Xuân huyên tịnh mậu vạn niên trường.
Đường, lệ nở hoa ngàn thuở đẹp.
Xuân, huyên tươi tốt, vạn năm dài.

勤 儉 起 家 由 內 助
康 強 到 老 有 余 閑
Cần kiệm khởi gia do nội trở.
Khang cường đáo lão hữu dư nhàn.
Cần kiệm dựng nhà nhờ nội trợ.
Khang cường vào lão được an nhàn.

鳳 凰 枝 上 花 如 錦
松 菊 堂 中 人 幷 年
Phượng hoàng chi thượng hoa như cẩm.
Tùng cúc đường trung nhân tịnh niên.
Trên cành hoa gấm phượng hoàng đậu.
Trong nhà người thọ cúc tùng xanh.

年 享 高 齡 椿 萱 幷 茂
時 逢 盛 世 蘭 桂 齊 芳
Niên hưởng cao linh xuân huyên tịnh mậu.
Thời phùng thịnh thế lan quế tề phương.
Trời cho tuổi thọ, xuân huyên đều tốt.
Gặp thời thịnh trị, lan quế cùng thơm.

蟠 桃 捧 日 三 千 歲
古 柏 參 天 四 十 圍
Bàn đào bổng nhật tam thiên tuế.
Cổ bách tham thiên tứ thập vi.
Bàn đào ngày hội, ba ngàn năm.
Bách cổ ngất trời, bốn chục ôm.

寶 婺 星 輝 歌 四 秩
蟠 桃 獻 瑞 祝 千 秋
Bảo vụ tinh huy ca tứ trật.
Bàn đào hiến thuỵ chúc thiên thu.
Chòm bảo vụ hát mừng bốn chục.
Hội bàn đào hiến quả ngàn năm.

五 十 花 筵 開 北 海
三 千 朱 履 慶 南 山
Ngũ thập hoa diên khai Bắc hải.
Tam thiên chu lý khánh Nam Sơn.
Năm chục tuổi tiệc mừng thông Bắc hải.
Ba ngàn năm giày đỏ chúc Nam Sơn.

海 屋 籌 添 春 半 百
瓊 池 桃 熟 歲 三 千
Hải ốc trù thiêm xuân bán bách.
Quỳnh trì đào thục tuế tam thiên.
Nửa thế kỷ xuân thêm nhà biển.
Ba ngàn năm đào chín ao Quỳnh.

娶 宿 騰 輝 百 齡 半 度
天 星 煥 彩 五 福 駢 臻
Vụ tú đằng huy bách linh bán độ.
Thiên tinh hoán thái ngũ phúc biền trăn
Chòm Vụ sáng ngời, trăm tròn có nửa.
Trời sao rạng vẻ, năm phúc bày hàng.

甲 子 重 新 新 甲 子
春 秋 几 度 度 春 秋
Giáp tý trùng tân tân giáp tý.
Xuân thu kỷ độ độ xuân thu.
Giáp tý vừa qua, qua giáp tý.
Xuân thu mấy độ, độ xuân thu.

一 家 歡 樂 慶 長 壽
六 秩 安 康 醉 太 平
Nhất gia hoan lạc khánh trường thọ.
Lục trật an khang tuỷ thái bình.
Một nhà vui vẻ chúc trường thọ.
Sáu chục an khang say thái bình.

群 鳥 長 歌 歌 耳 順
眾 芳 同 喜 喜 壽 增
Quần điểu trường ca, ca nhĩ thuận.
Chúng phương đồng hỉ, hỉ thọ tăng.
Chim bầy đồng ca, ca tai thuận (70 tuổi).
Mọi hoa đều chúc, chúc thọ tăng.

花 甲 初 周 茂 如 松 柏
長 庚 朗 曜 慶 溢 桂 蘭
Hoa giáp sơ chu mậu như tùng bách.
Trường canh lãng diệu khánh dật quế lan.
Hoa giáp vòng đầu, tốt như tùng bách.
Lâu dài rực rỡ, tươi đẹp quế lan.

前 壽 五 旬 又 迎 花 甲
待 延 十 歲 再 祝 古 稀

Tiền thọ ngũ tuần hựu nghinh hoa giáp.
Đãi diên thập tuế tái chúc cổ hi.

Đã thọ năm tuần lại thêm hoa giáp.
Đợi tròn chục nữa, sẻ chúc cổ hi.

三 千 歲 月 春 常 在
七 十 年 神 古 所 稀

Tam thiên tuế nguyệt xuân thường tại.
Thất thập phong thần cổ sở hi.

Ba ngàn năm tháng xuân thường trú.
Bảy chục còn tươi cổ vốn hi.

休 辭 客 路 三 千 遠
須 念 人 生 七 十 稀

Hưu từ khách lộ tam thiên viễn.
Tu niệm nhân sinh thất thập hi.

Đừng ngại đường khách ba ngàn xa.
Nên biết trên đời bảy chục hiếm.

此 日 萱 庭 登 七 秩
他 年 閬 苑 祝 耆 頤

Thử nhật huyên đình đăng thất trật.
Tha niên lãng uyển chúc kỳ di.

Ngày ấy nhà huyên nên bảy chục.
Năm khác vườn tiên chúc lên trăm.

月 滿 桂 花 延 七 里
庭 留 萱 草 茂 千 秋

Nguyệt mãn quế hoa diên thất lý.
Đình lưu huyên thảo mậu thiên thu.

Hoa quế trăng rằm hương bảy dặm.
Cỏ huyên sân trước tốt ngàn năm.

金 桂 生 輝 老 益 健
萱 堂 長 壽 慶 稀 年

Kim quế sinh huy lão ích kiện.
Huyên đường trường thọ khánh hy niên.

Quế vàng rực rỡ già thêm mạnh.
Nhà huyên trường thọ, chúc bảy mươi.

年 過 七 旬 稱 健 婦
籌 添 三 十 享 耆 頤

Niên quá thất tuần xưng kiện phụ.
Trù thiêm tam thập hưởng kỳ di.
Tuổi ngoại bảy tuần khen cụ khỏe.
Còn thêm ba chục hưởng lên trăm.

渭 水 一 竿 閑 試 釣
武 凌 千 樹 笑 行 舟

Vị thuỷ nhất can nhàn thí điếu.
Vũ lăng thiên thụ tiếu hành chu.
Bên giòng sông Vị thả câu chơi.
Rừng rậm Vũ lăng cười thuyền dạo.

八 旬 且 獻 瑤 池 瑞
几 代 同 瞻 寶 婺 輝

Bát tuần thả hiến Dao trì thuỵ.
Kỷ đại đồng chiêm Bảo vụ huy.
Chốn Dao trì tám mươi hiến thuỵ.
Chòm Bảo vụ mấy thuở cùng xem.

八 秩 康 強 春 不 老
四 時 健 旺 福 無 窮

Bát trật khang cường xuân bất lão.
Tứ thời kiện vượng phúc vô cùng.
Tám chục chưa già xuân vẫn mạnh.
Bốn mùa khỏe sức phúc vô cùng.

九 秩 曾 留 千 載 壽
十 年 再 進 百 齡 觴

Cửu trật tằng lưu thiên tải thọ.
Thập niên tái tiến bách linh thương.
Chín chục hãy còn ngàn tuổi thọ.
Mười năm lại chúc chén trăm năm.

九 十 春 光 堂 前 活 佛
三 千 甲 子 山 上 靈 春

Cửu thập xuân quang đường tiền hoạt Phật.
Tam thiên giáp tý sơn thượng linh xuân.
Chín chục mùa xuân, trong nhà Phật sống.
Ba ngàn giáp tý, trên núi xuân thiêng..

天 邊 將 滿 一 輪 月
世 上 還 鍾 百 歲 人

Thiên biên tương mãn nhất luân nguyệt.
Thế thượng hoàn chung bách tuế nhân.

Chân trời rực rỡ một vành nguyệt.
Dưới đất chuông mừng người chẵn trăm.

古 稀 已 是 尋 常 事
上 壽 尤 多 百 歲 人

Cổ hy dĩ thị tầm thường sự.
Thượng thọ vưu đa bách tuế nhân.

Đã nhàm câu nói: xưa nay hiếm.
Trăm tuổi ngày nay đã lắm người.

家 中 早 釀 千 年 酒
盛 世 長 歌 百 □□ 人

Gia trung tảo nhưỡng thiên niên tửu.
Thịnh thế trường ca bách tuế nhân.

Trong nhà sớm ủ rượu ngàn năm.
Đời thịnh luôn khen người trăm tuổi.

月 藹 桂 花 延 七 秩
庭 留 萱 草 茂 千 秋

Nguyệt ế quế hoa diên thất trật.
Đình lưu huyên thảo mậu thiên thu.

Hoa quế trăng soi mừng bảy chục.
Cỏ huyên sân mọc rậm ngàn thu.

萱 榮 北 地 年 稀 少
婺 煥 南 天 日 正 長

Huyên vinh bắc địa niên hy thiểu.
Vụ hoán nam thiên nhật chính trường.

Cỏ huyên đất bắc năm chừng ngắn.
Sao vụ trời nam ngày vẫn dài.

碧 漢 婺 星 輝 七 秩
青 陽 萱 草 茂 千 秋

Bích hán vụ tinh huy thất trật.
Thanh dương huyên thảo mậu thiên thu.

Sao vụ sông ngân sáng bảy chục.
Cỏ huyên trời rạng rậm ngàn thu.

酒 釀 屠 蘇 觴 七 秩
桃 開 度 朔 祝 三 千
Tửu nhưỡng đồ tô thương thất trật.
Đào khai độ sóc chúc tam thiên.
Rượu ngọt bày ra mừng bảy chục.
Hoa đào chớm nở chúc ba ngàn.

誥 賁 五 花 堂 聯 四 代
觴 稱 九 月 福 衍 三 多
Cáo bí ngũ hoa đường liên tứ đại.
Thương xưng cửu nguyệt phúc diễn tam đa.
Rực rỡ năm màu nhà liền tứ đại.
Rượu mừng tháng chín phúc đủ tam đa.

菊 酒 慶 稀 齡 三 子 喜 賡 三 祝
萱 花 施 錦 悅 九 秋 頻 誦 九 如
Cúc tửu khánh hy linh tam tử hỷ canh tam chúc.
Huyên hoa thi cẩm thuế cửu thu tần tụng cửu như.
Tuổi hiếm xưa nay rượu cúc ba con mừng ba chén.
Khăn thêu rực rỡ hoa huyên chín tháng chúc chín như.

壽 慶 八 旬 光 錦 悅
時 逢 五 月 醉 磻 桃
Thọ khánh bát tuần quang cẩm thuế.
Thời phùng ngũ nguyệt tuý bàn đào.
Thọ chúc tám mươi khăn rực rỡ.
Năm qua năm tháng rượu bàn đào.

四 代 斑 衣 榮 耋 壽
八 旬 寶 婺 慶 遐 齡
Tứ đại ban y vinh điệt thọ.
Bát tuần bảo vụ khánh hà linh.
Bốn đời áo đỏ mừng thêm thọ.
Tám chục vụ tinh chúc tuổi cao.

婺 星 獻 輝 增 秋 色
萱 草 敷 榮 慶 耋 年
Vụ tinh hiến huy tăng thu sắc.
Huyên thảo phu vinh khánh điệt niên.
Sao vụ sáng ngời đẹp vẻ thu.
Cỏ huyên thắm sắc mừng cao tuổi.

萱草耋齡添秀色
梨園慶壽播輝音
Huyên thảo điệt linh thiêm tú sắc.
Lê viên khách thọ bá huy âm.
Cỏ huyên năm tháng thêm tươi đẹp.
Vườn lê chúc thọ rộn âm thanh.

秋夜婺星輝曲正
耋年萱草慶遐齡
Thu dạ vụ tinh huy khúc chính.
Điệt niên huyên thảo khánh hà linh.
Sao Vụ đêm thu ngời vẻ sáng.
Cỏ huyên năm tháng chúc lâu dài.

八旬且獻瑤池瑞
四代同瞻寶婺輝
Bát tuần thả hiến Dao trì thuỵ.
Tứ đại đồng chiêm Bảo vụ huy.
Dao trì hiến điềm lành tám chục.
Bảo vụ cùng soi tỏ bốn đời.

萱草數榮壽延八秩
婺星煥彩慶衍千秋
Huyên thảo phu vinh thọ diên bát trật.
Vụ tinh hoán thái khánh diễn thiên thu.
Cỏ huyên tươi tốt, tiệc thọ tám mươi.
Sao Vụ sáng ngời chúc mừng ngàn tuổi.

八秩華筵欣舞彩
千年寶婺喜生輝
Bát trật hoa diên hân vũ thái.
Thiên niên Bảo vụ hỷ sinh huy.
Tám chục tiệc hoa mừng múa đẹp.
Ngàn năm Bảo vụ rạng niềm vui.

紫鸞對舞菱花鏡
海燕雙飛玳瑁樑
Tử loan đối vũ lăng hoa kính
Hải yến song phi đại mạo lương.
Kính lăng hoa tử loan múa cặp
Xà đồi mồi hải yến đậu đôi.

洞 房 鏡 裡 誇 雙 美
孔 雀 屏 中 詠 二 南

Động phòng kính lý khoa song mỹ
Khổng tước bình trung vịnh nhị nam.

Động phòng gương sáng khoe song mỹ
Khổng tước trong rèm vịnh nhị nam.

仙 容 藍 田 欣 種 玉
月 娥 金 屋 警 鳴 雞

Tiên dung lam điền hân chủng ngọc
Nguyệt nga kim ốc cảnh minh kê.

Chốn lam điền tiên dung gieo ngọc
Nơi nhà vàng nguyệt nga nhắc gà.

繡 閣 鴛 鴦 山 海 固
洞 房 琴 瑟 地 天 長

Tú các uyên ương sơn hải cố
Động phòng cầm sắt địa thiên trường.

Bền non biển uyên ương gác đẹp
Vững đất trời cầm sắt động phòng.

周 召 國 風 曾 訓 子
謝 王 佳 偶 自 宜 家

Chu Thiệu Quốc phong tằng huấn tử
Tạ Vương giai ngẫu tự nghi gia.

Chu, Thiệu từ Quốc phong dạy dỗ
Vương, Tạ đôi giai ngẫu thành gia.

曲 禮 三 千 隆 漢 鴈
國 風 十 五 首 關 雎

Khúc lễ tam thiên long Mạc nhạn
Quốc phong thập ngũ thủ Quan thư.

Ba ngàn Khúc lễ hơn Mạc nhạn
Mười lăm Quốc phong đầu Quan thư.

雪 映 秋 臺 蘭 葉 夢
梅 輝 繡 閣 帽 簪 花

Tuyết ánh thu đài lan diệp mộng
Mai huy tú các mạo trâm hoa.

Mây rực đài cao mộng lan diệp
Mai bừng gác đẹp vẻ trâm hoa.

人 間 錦 繡 繞 金 屋
天 上 笙 歌 送 玉 麟

Nhân gian cẩm tú nhiễu kim ốc
Thiên thượng sinh ca tống ngọc lân.
Gấm vóc nhân gian quây nhà vàng
Sinh ca thượng giới tiễn lân ngọc.

韻 流 湘 水 三 千 峽
夢 繞 巫 山 十 二 峰

Vận lưu Tương thủy tam thiên hiệp
Mộng nhiễu Vu sơn thập nhị phong.
Ba ngàn khe dòng Tương luôn chảy
Mười hai ngọn Vu sơn mộng quanh.

青 燈 夜 雨 滋 文 藻
藍 田 春 色 上 羅 衣

Thanh đăng dạ vũ tư văn tảo
Lam điền xuân sắc thượng la y.
Mưa tối đèn xanh tươi cảnh vật
Xuân sắc lam điền đẹp áo hoa.

一 曲 陽 春 歌 繡 閣
滿 簾 明 月 照 紅 粧

Nhất khúc dương xuân ca tú các
Mãn liêm minh nguyệt chiếu hồng trang.
Một khúc dương xuân ca gác đẹp
Đầy rèm trăng sáng chiếu hồng trang.

彩 筆 喜 題 紅 葉 句
華 堂 欣 訟 采 蘋 詩

Thái bút hỉ đề hồng diệp cú
Hoa đường hân tụng thái tần thi.
Bút giỏi đề thơ trên lá thắm
Nhà hoa ngâm vịnh khúc thái tần.

春 山 淡 試 淩 雲 筆
紅 袖 新 翻 博 議 書

Xuân sơn đạm thí lăng vân bút
Hồng tụ tân phiên Bác nghị thư.
Non xuân tạm trổ bút tài cao
Tay hồng mở xem sách Bác nghị.

繡 閣 雲 凝 金 鳳 舞
錦 池 春 暖 玉 龍 飛
Tú các vân ngưng kim phượng vũ
Cẩm trì xuân noãn ngọc long phi.
Mây ngưng gác đẹp phượng vàng múa
Xuân ấm hồ xinh rồng ngọc bay.

百 尺 絲 羅 欣 有 托
千 年 琴 瑟 永 和 鳴
Bách xích ty la hân hữu thác
Thiên niên cầm sắt vĩnh hòa minh.
Trăm thước lụa tơ vui uỷ thác
Ngàn năm cầm sắt vẫn giao hòa.

鸞 鳳 和 鳴 昌 百 世
麒 麟 瑞 葉 慶 千 齡
Loan phượng hòa minh xương bách thế
Kỳ lân thụy diệp khánh thiên linh.
Loan phượng hót chung mừng trăm thuở
Kỳ lân điềm tốt chúc ngàn năm.

詩 禮 庭 前 歌 窈 窕
鴛 鴦 筆 下 展 經 綸
Thi lễ đình tiền ca yểu điệu
Uyên ương bút hạ triển kinh luân.
Sân thi lễ lời ca yểu điệu
Bút uyên ương gợi mở kinh luân.

華 堂 翠 幙 春 風 至
繡 閣 金 屏 曙 色 開
Hoa đường thúy mạc xuân phong chí
Tú các kim bình thự sắc khai.
Gió xuân đến nhà vàng rèm biếc
Rạng sáng soi gác tía màn vàng.

錦 堂 喜 見 雙 星 聚
繡 閣 欣 覘 百 子 圖
Cẩm đường hỉ kiến song tinh tụ
Tú các hân siêm bách tử đồ.
Nhà đẹp mừng hai sao tụ hội
Gác hoa vui trăm trẻ tranh treo.

一 色 杏 花 春 十 里
兩 行 燭 影 燿 三 更
Nhất sắc hạnh hoa hương thập lý
Lưỡng hàng chúc ảnh diệu tam canh.
Một sắc hạnh hoa hương chục dặm
Hai hàng đuốc thắp sáng ba canh.

燭 花 彩 映 芙 蓉 閣
巹 酒 香 浮 琥 珀 杯
Chúc hoa thái ánh phù dung các
Cẩn tửu hương phù hổ phách bôi.
Đuốc hoa rực rỡ gác phù dung
Rượu cẩn nổi hương ly hổ phách.

月 下 彩 娥 來 跨 鳳
雲 間 仙 客 近 乘 龍
Nguyệt hạ thái nga lai khóa phượng
Vân gian tiên khách cận thừa long.
Người đẹp dưới trăng vui với phượng
Tiên khách đường mây thoả cưỡi rồng.

彩 燭 雙 輝 歡 合 巹
清 歌 一 曲 詠 宜 家
Thái chúc song huy hoan hợp cẩn
Thanh ca nhất khúc vịnh nghi gia.
Vui hợp cẩn hai lần đuốc sáng
Vịnh nghi gia một khúc ca thanh.

縷 結 同 心 山 海 固
樹 成 連 理 地 天 長
Lũ kết đồng tâm sơn hải cố
Thụ thành liên lý địa thiên trường.
Kết mối đồng tâm non biển chặt
Cây thành liền rễ đất trời lâu.

瓊 樓 月 皎 人 如 玉
繡 閣 花 香 酒 似 蘭
Quỳnh lâu nguyệt giảo nhân như ngọc
Tú các hoa hương tửu tự lan.
Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc
Gác đẹp hương hoa rượu ngát hương.

庭 鵲 聲 中 呈 白 璧
紅 雲 深 處 遇 藍 橋
Đình thước thanh trung trình bạch bích
Hồng vân thâm xứ ngộ lam kiều.
Tiếng thước trong sân trình ngọc trắng
Mây hồng xứ vắng gặp cầu lam.

月 映 珠 簾 欣 毫 合
夢 成 繡 閣 兆 麟 祥
Nguyệt ánh châu liêm hân cẩn hợp
Mộng thành tú các triệu lân tường.
Trăng sáng rèm châu vui hợp cẩn
Mộng nơi gác đẹp triệu lân lành.

春 風 綠 柳 飛 鸚 鵡
夜 雨 青 燈 引 鳳 凰
Xuân phong lục liễu phi anh vũ
Dạ vũ thanh đăng dẫn phượng hoàng.
Gió xuân liễu biếc đón anh vũ
Mưa tối đèn xanh dắt phượng hoàng.

賦 宜 家 室 春 風 早
夢 葉 熊 羆 世 澤 長
Phú nghi gia thất xuân phong tảo
Mộng diệp hùng bi thế trạch trường.
Phú nên gia thất gió xuân sớm
Mộng hợp hùng bi phúc trạch dài.

胭 肢 香 滿 芙 蓉 帳
花 燭 光 呈 錦 繡 幃
Yên chi hương mãn phù dung trướng
Hoa chúc quang trình cẩm tú vi.
Hương yên chi tỏa trướng phù dung
Rạng đuốc hoa soi nơi màn gấm.

春 風 柳 絮 雙 飛 燕
夜 雨 青 燈 萬 卷 書
Xuân phong liễu nhự song phi yến
Dạ vũ thanh đăng vạn quyển thư.
Gió xuân bông liễu bay đôi yến
Mưa tối đèn xanh vạn quyển hay.

紅 葉 流 溝 來 好 句
黃 花 滿 徑 襯 新 粧
Hồng diệp lưu câu lai hảo cú
Hoàng hoa mãn kính sấn tân trang.
Lá đỏ theo dòng gửi câu đẹp
Hoa vàng đầy lối vướng tân trang.

月 照 碧 洞 雙 鳳 彩
風 流 楊 柳 偶 鶯 鳴
Nguyệt chiếu bích động song phượng thái
Phong lưu dương liễu ngẫu oanh minh.
Động biếc trăng soi ngời cặp phượng
Liễu xanh gió thổi hót đôi oanh.

天 飛 鳳 卜 春 屏 暖
乃 夢 熊 占 晝 錦 長
Thiên phi phượng bốc xuân bình noãn
Nãi mộng hùng chiêm trú cẩm trường.
Màn xuân ấm ngàn lần bói phượng
Đêm huyền sâu trong mộng đoán hùng.

錦 瑟 聲 中 鶯 對 語
玉 梅 花 際 鳳 雙 飛
Cẩm sắt thanh trung loan đối ngữ
Ngọc mai hoa tế phượng song phi.
Đàn sắt tiếng trong loan đổi giọng
Hoa mai vẻ ngọc phượng đôi bay.

華 堂 彩 結 觀 鸞 舞
繡 閣 絲 連 看 鳳 飛
Hoa đường thái kết quan loan vũ
Tú các ty liên khán phượng phi.
Nhà hoa lụa tết xem loan múa
Gác đẹp tơ đan ngắm phượng bay.

杯 交 玉 液 飛 鸚 鵡
樂 奏 瓊 簫 引 鳳 凰
Bôi giao ngọc dịch phi anh vũ
Nhạc tấu quỳnh tiêu dẫn phượng hoàng.
Chén mời nước ngọc bay anh vũ
Nhạc tấu tiêu quỳnh dẫn phượng hoàng.

珊瑚窗裡乾坤大
玳瑁筵前日月長
San hô song lý càn khôn đại
Đại mạo diên tiền nhật nguyệt trường.
Trước cửa san hô trời đất lớn
Trên yến đồi mồi tháng ngày dài.

繡閣燈明鴛鴦並立
粧臺燭麗翡翠同棲
Tú các đăng minh uyên ương tịnh lập
Trang đài chúc lệ phỉ thúy đồng thê.
Đèn soi gác đẹp uyên ương bên nhau
Đuốc chiếu trang đài phỉ thúy cùng đậu.

易曰乾坤定矣
詩云鍾鼓樂之
Dịch viết: càn khôn định hĩ
Thi vân: chung cổ lạc chi.
Dịch nói: càn khôn định vậy
Thi rằng: chiêng trống vui thay.

不惑但從今日始
知天猶得十年來
Bất hoặc đản tòng kim nhật thủy
Tri thiên do đắc thập niên lai.
Kể từ nay xem như bất hoặc (bốn mươi tuổi)
Mười năm nữa hẳn sẽ tri thiên (năm mươi tuổi).

正氣高凌銅柱北
精英長引喝江南
Chính khí cao lăng đồng trụ Bắc
Tinh anh trường dẫn Hát Giang Nam.
Chính khí cao vời đồng trụ Bắc
Tinh anh còn mãi Hát Giang Nam.

飄香推桂子喜圜橋得路萬里九霄應比翼
舉案羨蘭孫快繡閣崔粧一堂三代慶齊眉
Phiêu hương suy quế tử hỉ viên kiều đắc lộ vạn lí cửu tiêu
ưng tỵ dực
Cử án tiễn lan tôn khoái tú các thôi trang nhất đường tam đại
khánh tề my.

Hương bay giục con quế, mừng đường quan nhẹ bước,muôn dặm
chín tầng cùng sát cánh.
Tiệc đặt mừng cháu lan, sướng gác cao áo đẹp,
ba đời một cửa chúc ngang mày.

萱草含芳千歲艷
菊花香動五株新

Huyên thảo hàm phương thiên tuế diệm
Cúc hoa hương động ngũ chu tân.
Cỏ huyên thơm ngát ngàn năm tươi
Hoa cúc hương bay năm gốc mới.

恭儉溫良宜家受福
仁愛篤厚荻壽保年

Cung kiệm ôn lương nghi gia thụ phúc
Nhân ái đốc hậu địch thọ bảo niên.
Cung kiệm ôn hoà nên nhà được phúc
Nhân ái trung hậu tuổi thọ bình yên.

九旬慶衍千秋喜見萱花沾玉露
四代稱觴七月欣觀寶樹藹金風

Cửu tuần khánh diễn thiên thu hỉ kiến huyên hoa chiêm ngọc lộ.
Tứ đại xưng thương thất nguyệt hân quan bảo thụ ái kim phong.
Chín mươi chúc thọ ngàn năm mừng thấy hoa huyên đầm sương ngọc
Bốn đời thành đạt, tháng bảy vui xem cây quý ngợp gió thu.

桃熟瑤池三千歲月
籌添海屋一百春秋

Đào thục Dao Trì tam thiên tuế nguyệt
Trù thiêm hải ốc nhất bách xuân thu.
Ba ngàn năm tháng, đào chín dao trì
Trăm năm tuổi tác, dựng thêm nhà biển.

樂奏雲璈歌百歲
德輝彤史祝千秋

Nhạc tấu vân ngao ca bách tuế
Đức huy đồng sử chúc thiên thu.
Nhạc tấu vân ngao, mừng trăm tuổi
Đức ghi đồng sử, chúc ngàn năm.

細柳營中親淑女
夭桃華裏指軍符

Tế liễu doanh trung thân thục nữ
Yêu đào hoa lý chỉ quân phù.
Chốn doanh liễu gần kề thục nữ
Vẻ đào tơ nay chỉ quân phù.

玉質金粧承將略
輕裘緩帶教佳人

Ngọc chất kim trang thừa tướng lược
Khinh cừu hoãn đới giáo giai nhân.
Vàng ngọc y trang, theo tướng lược
Áo cừu đai nhẹ, dặn giai nhân.

多少人痛悼斯人難再得
千百世最傷此世不重來

Đa thiểu nhân thống điệu tư nhân nan tái đắc
Thiên bách thế tối thương thử thế bất trùng lai.
Bao nhiêu người thương tiếc - người này khó lại có
Trăm ngàn thuở xót xa - đời ấy chẳng hai lần.

少者亡老者存數誠難測
天之涯地之角情不可終

Thiếu giả vong, lão giả tồn số thành nan trắc
Thiên chi nhai, địa chi giác tình bất khả chung.
Trẻ chết, già còn, sống chết số trời khôn biết
Chân trời, góc biển, mất còn tình nghĩa khó quên.

同心最相親憶白發青燈昨夜尚陪連夜話
名山期共往嘆天目雁蕩此身无复並肩游

Đồng tâm tối tương thân ức bạch phát thanh đăng tạc
dạ thượng bồi liên dạ thoại
Danh sơn kỳ cộng vãng thán thiên mục nhạn đãng thử
thân vô phục tịnh kiên du.
Một bụng thân nhau, nhớ khi tóc bạc đèn xanh,
năm trước vẫn còn đêm chuyện vãn.
Non cao ước hẹn, đáng tiếc lưng trời cánh nhạn,
thân này đâu được sánh vai chơi.

此老竟蕭條幸有高文垂宇宙
平生怀大志廣栽桃李在人間

Thử lão cánh tiêu điều hạnh hữu cao văn thùy vũ trụ
Bình sinh hoài đại chí quảng tài đào lý tại nhân gian.

Già cả thấy quạnh hiu, may có sách hay trùm vũ trụ
Một đời ôm chí lớn, rộng gieo đạo lý ở nhân gian.

夢 筆 賢 嗣 添 一 友
培 蘭 瑞 應 慰 雙 親

Mộng bút hiền tự thiêm nhất hữu
Bồi lan thụy ứng úy song thân.

Mộng bút con theo thêm một bạn
Vun lan điềm tốt thỏa hai thân.

塞 夜 燭 花 開 好 夜
少 年 巹 酒 慶 延 年

Tái dạ chúc hoa khai hảo dạ
Thiếu niên cẩn tửu khánh diên niên.

Đêm tối đuốc hoa thành đêm sáng
Tuổi trẻ vui duyên chúc tuổi già.

快 睹 加 冠 尊 醮 命
旋 騰 繩 武 振 家 聲

Khoái đổ gia quan tôn tiếu mạnh
Toàn chiêu thăng vũ chấn gia thanh.

Mừng nên người lớn được ban rượu
Noi theo tiên tổ rạng danh nhà.

端 月 良 男 諧 鳳 友
來 春 天 始 躍 龍 孫

Đoan nguyệt lương nam hài phượng hữu
Lai xuân thiên thủy dược long tôn.

Tiết đoan ngọ con trai dựng vợ
Xuân sang năm sẽ có cháu trai.

吉 葉 三 秋 由 命 醮
祥 占 四 代 疊 分 甘

Cát diệp tam thu do mạnh tiếu
Tường chiêm tứ đại điệp phân cam.

Mừng đã ba đời còn rượu chúc
Vui xem tứ đại họ càng đông.

風 送 芹 香 翻 藝 苑
月 移 桂 影 藹 琴 房

Phong tống cần hương phiên nghệ uyển
Nguyệt di quế ảnh ái cầm phòng
Gió thổi hương cần đến vườn đẹp
Trăng rời bóng quế rợp cung đàn.

天 河 汲 水 勻 宮 粉
月 窟 簪 花 染 御 香
Thiên hà cấp thủy câu cung phấn
Nguyệt quật trâm hoa nhiễm ngự hương.
Thiên hà dẫn nước cho cung phấn
Hang nguyệt hoa trâm đượm ngự hương.

墨 浪 擬 從 桃 浪 煖
筆 花 早 向 燭 花 開
Mặc lãng nghĩ tòng đào lãng noãn
Bút hoa tảo hướng chúc hoa khai.
Sóng mực chừng theo ấm sóng đào
Bút hoa sớm hướng vui hoa đuốc.

芹 香 初 秀 桃 源 洞
桂 影 長 隨 月 窟 人
Cần hương sơ tú đào nguyên động
Quế ảnh trường tùy nguyệt quật nhân.
Hương cần mới tỏ động đào nguyên
Bóng quế dõi theo người dưới nguyệt

方 向 廣 宮 拾 藻 彩
隨 從 月 窟 探 天 香
Phương hướng quảng cung thập tảo thái
Tùy tòng nguyệt quật thám thiên hương.
Hướng tới quảng cung lượm rau quý
Dõi theo hang nguyệt kiếm hương trời.

竹 影 仍 偕 身 影 在
墨 花 盡 帶 麗 花 飛
Trúc ảnh nhưng giai thân ảnh tại
Mặc hoa tận đới lệ hoa phi.
Ảnh trúc vẫn là thân ảnh đấy
Mực hoa đem hết lệ hoa bay.

好 夢 渺 難 尋 白 雪 陽 春 絕 調 竟 成 廣 陵 散
知 音 能 有 几 高 山 流 水 傷 心 永 斷 伯 牙 琴

Hảo mộng miểu nan tầm bạch tuyết dương xuân tuyệt điệu cánh thành Quảng lăng tán.
Tri âm năng hữu kỷ cao sơn lưu thủy thương tâm vĩnh đoạn Bá Nha cầm.
Mộng đẹp khó tìm, nhờ Bạch Tuyết dương xuân mà khúc hát
Quảng lăng được soạn.
Tri âm mấy kẻ, tưởng cao sơn lưu thủy nên cây đàn Bá Nha đập tan.

教育深恩終身感戴
浩然正氣萬古長存
Giáo dục thâm ân chung thân cảm đái
Hạo nhiên chính khí vạn cổ trường tồn.
Dạy dỗ ơn sâu, trọn đời tưởng nhớ
Hạo nhiên chính khí, muôn thuở vẫn còn.

瑞藹堂中來燕賀
祈臨膝下慶鸞鳴
Thụy ái đường trung lai yến hạ
Tường lâm tất hạ khánh loan minh.
Nhà phủ mây lành yến đến mừng
Bên gối niềm vui loan lại chúc.

美奐美輪賀來燕雀
宜家宜室夢占熊羆
Mỹ hoán mỹ luân hạ lai yến tước
Nghi gia nghi thất mộng chiếm hùng bi.
Đẹp vẻ, đẹp thay, yến tước lại mừng
Nên nhà, nên cửa, hùng bi gặp mộng.

金屋輝煌饒五彩
玉簫嘹嘵激三霄
Kim ốc huy hoàng nhiêu ngũ thái
Ngọc tiêu liệu lượng triệt tam tiêu.
Rực rỡ nhà vàng đầy năm vẻ
Nỉ non tiêu ngọc suốt ba đêm.

鳳閣鸞幃並耀輝題葉題名共羨休聲疊疊
鹿鳴麟趾同賡詠宜家宜國爭誇喜事重重
Phượng các loan vi tịnh diệu huy đề diệp đề danh
cộng tiễn hưu thanh điệp điệp.
Lộc minh Lân chỉ đồng canh vịnh nghi gia nghi quốc
tranh khoa hỉ sự trùng trùng.

Gác phượng màn loan đều rực rỡ, nêu tên nêu tuổi cùng cất tiếng vui rộn rã
Lộc minh, Lân chỉ cùng ca hát, nên nhà nên cửa, tranh khoe việc hỷ râm ran.

家學有淵源看桂子望重橋門知藝苑目關世德
花鈿多錦繡喜蘭孫粧崔梅韻信香奩亦載文章

Gia học hữu uyên nguyên khán quế tử vọng trọng kiều môn tri nghệ uyển mục quan thế đức
Hoa điện đa cẩm tú hỷ lan tôn trang thôi mai vận tín hương liêm diệc tải văn chương.

Nếp nhà học có nguồn, thấy con quế cửa cao vọng trọng, biết vườn đẹp trồng cây đức tốt
Hoa cài như gấm thêu, mừng cháu lan vẻ đẹp sắc mai, tin điểm trang cũng có văn chương.

聚樂事於一堂題名合登璧水藍橋雙煥彩
流芳徵於天載經國宜家青雲紅葉並增輝

Tụ lạc sự ư nhất đường đề danh hợp cẩn bích thủy lam kiều song hoán thái
Lưu phương trưng ư thiên tải kinh quốc nghi gia thanh vân hồng diệp tịnh tăng huy.

Họp chuyện cũ ở một nhà, vinh quy nạp thái, nước biếc cầu lam hai vẻ đẹp
Lưu tiếng thơm cho muôn thuở, giúp nước nên nhà, mây xanh lá thắm thảy huy hoàng.

年週花甲榮瑤島
庭長芝蘭映玉堂

Niên chu hoa giáp vinh dao đảo
Đình trưởng chi lan ánh ngọc đường.

Tuổi tròn hoa giáp thơm danh tiếng
Sân mọc chi lan rạng cửa nhà.

堂粲長庚徵上壽
名登仕籍試鴻才

Đường xán trường canh trưng thượng thọ
Danh đăng sĩ tịch thí hồng tài.

Nhà rạng tuổi cao lên thượng thọ
Tên nêu bảng sĩ thử tài năng.

堂 北 萱 花 榮 晝 錦
階 前 桂 子 噴 天 香

Đường bắc huyên hoa vinh trú cẩm
Giai tiền quế tử phún thiên hương.

Nhà bắc hoa huyên tươi vẻ gấm
Trước thềm cây quế tỏa hương trời.

嶺 上 梅 花 報 喜 信
庭 前 椿 樹 户 芳 齡

Lĩnh thượng mai hoa báo hỉ tín
Đình tiền xuân thụ hộ phương linh.

Hoa mai đầu núi báo tin vui
Cây xuân sân trước nâng cao tuổi.

愿 慈 母 千 年 不 老
祝 松 柏 萬 載 長 青

Nguyện từ mẫu thiên niên bất lão
Chúc tùng bách vạn tải trường thanh.

Mong mẹ hiền ngàn năm vẫn trẻ
Chúc tùng bách muôn thuở còn xanh.

今 日 正 逢 萱 草 壽
前 身 合 是 杏 花 仙

Kim nhật chính phùng huyên thảo thọ
Tiền thân hợp thị hạnh hoa tiên.

Hôm nay đúng gặp ngày sinh mẹ
Kiếp trước hẳn là hạnh hoa tiên.

白 頭 偕 老
同 心 永 結

Bạch đầu giai lão
Đồng tâm vĩnh kết

Đầu bạc cùng già
Đồng tâm kết mãi.

鴛 鴦 比 翼
夫 婦 同 心

Uyên ương tị dực
Phu phụ đồng tâm.

Uyên ương liền cánh
Chồng vợ đồng lòng.

同 心 生 產 好
合 意 感 情 深
Đồng tâm sinh sản hảo
Hợp ý cảm tình thâm.
Đồng tâm làm ăn tốt
Hợp ý cảm tình sâu.

才 高 鸚 鵡 賦
春 入 鳳 凰 樓
Tài cao Anh vũ phú
Xuân nhập Phượng hoàng lâu
Tài cao phú Anh vũ
Xuân vào lầu Phượng hoàng.

藍 田 曾 种 玉
紅 葉 自 題 詩
Lam điền tằng chủng ngọc
Hồng diệp tự đề thi.
Lam điền từng trồng ngọc
Lá thắm tự đề thơ.

攝 成 雙 壁 影
締 結 百 年 歡
Nhiếp thành song bích ảnh
Đế kết bách niên hoan.
Chụp thành bức ảnh đôi
Thắt giây mừng trăm tuổi.

鳳 凰 鳴 瑞 世
琴 瑟 譜 新 聲
Phượng hoàng minh thụy thế
Cầm sắt phổ tân thanh.
Phượng hoàng kêu đời thịnh
Cầm sắt phổ tân thanh.

喜 見 紅 梅 放
樂 迎 淑 女 來
Hỉ kiến hồng mai phóng
Lạc nghinh thục nữ lai.
Mừng thấy mai hồng nở
Vui đón thục nữ về.

四 季 花 常 好
百 年 月 永 圓

Tứ quí hoa thường hảo
Bách niên nguyệt vĩnh viên.
Bốn mùa hoa đều nở
Trăm năm trăng vẫn tròn.

良 日 良 時 良 偶
佳 男 佳 女 佳 緣

Lương nhật lương thời lương ngẫu
Giai nam giai nữ giai duyên.
Ngày tốt, giờ tốt, tốt đôi
Trai đẹp, gái đẹp, đẹp duyên.

檻 外 紅 梅 競 放
檐 前 紫 燕 雙 飛

Hạm ngoại hồng mai cạnh phóng
Thiềm tiền tử yến song phi.
Ngoài hiên mai hồng đua nở
Trước thềm tử yến sánh bay.

佳 偶 百 年 好 合
知 音 千 里 相 逢

Giai ngẫu bach niên hảo hợp
Tri âm thiên lí tương phùng.
Đôi đẹp trăm năm hòa hợp
Tri âm ngàn dặm, gặp nhau.

一 門 喜 慶 三 春 暖
兩 姓 欣 成 百 世 緣

Nhất môn hỉ khánh tam xuân noãn
Lưỡng tính hân thành bách thế duyên.
Một cửa đón mừng ba xuân ấm
Hai họ vui chúc trăm năm duyên.

一 朝 喜 結 千 年 侶
百 歲 不 移 半 寸 心

Nhất thiên hỉ kết thiên niên lữ
Bách tuế bất di bán thốn tâm.
Một sớm mừng kết bạn ngàn năm
Trăm tuổi không thay lòng nửa tấc.

二 姓 聯 婚 成 大 禮
百 年 偕 老 樂 長 春

Nhị tính liên hôn thành đại lễ
Bách niên giai lão lạc trường xuân.

Hai họ thông gia thành lễ lớn
Trăm năm lên lão kéo dài xuân.

萬 里 云 天 爭 比 翼
百 年 事 業 結 同 心

Vạn lý vân thiên tranh tỵ dực
Bách niên sự nghiệp kết đồng tâm.

Vạn dặm mây trời tranh sát cánh
Trăm năm sự nghiệp kết đồng tâm.

云 漢 橋 成 牛 女 渡
春 台 簫 引 鳳 凰 飛

Vân hán kiều thành Ngưu, Nữ độ
Xuân đài tiêu dẫn Phượng, Hoàng phi.

Xây cầu Vân hán mừng Ngưu, Nữ
Tiếng sáo đài Xuân dẫn Phượng, Hoàng.

書 聲 喜 有 琴 聲 伴
翰 墨 新 添 黛 墨 香

Thư thanh hỉ hữu cầm thanh bạn
Hàn mặc tân thiêm đại mặc hương.

Tiếng sách có tiếng đàn làm bạn
Mực bút thêm hương mực vẽ mày.

瓊 樓 月 皓 人 如 玉
秀 閣 花 香 酒 似 蘭

Quỳnh lâu nguyệt hạo nhân như ngọc
Tú các hoa hương tửu tự lan.

Lầu quỳnh trăng sáng người như ngọc
Gác đẹp hoa hương rượu tựa lan

碧 海 云 生 龍 對 舞
丹 山 日 出 鳳 雙 飛

Bích hải vân sinh long đối vũ
Đan sơn nhật xuất Phượng song phi.

Biển biếc mây trùm Rồng múa cặp
Núi non trời ló Phượng bay đôi.

女慧男才原是對
你恩我愛總相聊
Nữ tuệ nam tài nguyên thị đối
Nhĩ ân ngã ái tổng tương liên.
Gái giỏi trai tài nom thật đối
Em ân anh ái có tương liên.

詩題紅葉同心句
酒飲黃花合巹杯
Thi đề hồng diệp đồng tâm cú
Tửu ẩm hoàng hoa hợp cẩn bôi.
Đề thơ lá thắm giải đồng tâm
Uống rượu cúc vàng ly hợp cẩn.

互敬互幫創大業
相親相愛樹新風
Hỗ kính, hỗ bang sáng đại nghiệp
Tương thân tương ái thụ tân phong.
Cùng kính, cùng giúp, xây nghiệp lớn
Tương thân, tương ái dựng tân phong.

堂前奏笛迎賓客
户外吹笙引鳳凰
Đường tiền tấu địch nghinh tân khách
Hộ ngoại xuy sinh dẫn Phượng Hoàng
Trước nhà tấu sáo đón tân khách
Ngoài ngõ hòa tiêu dẫn Phượng Hoàng.

鳳求凰百年樂事
男嫁女一代新風
Phượng cầu Hoàng bách niên lạc sự
Nam giá nữ nhất đại tân phong.
Trăm năm vui việc Phượng cầu Hoàng
Một đời đổi mới nam cưới nữ.

紅葉題詩傳厚意
赤繩系足結良緣
Hồng diệp đề thi truyền hậu ý
Xích thằng hệ túc kết lương duyên.
Lá thắm đề thơ truyền ý kín
Chỉ hồng chân buộc kết duyên lành.

花 燭 交 心 互 勉 志
英 才 攜 手 共 圖 強
Hoa chúc giao tâm hỗ miễn chí
Anh tài huề thủ cộng đồ cường.
Đuốc hoa lòng kết nên rèn chí
Tài giỏi tay trao quyết đến giầu.

破 舊 俗 婚 事 簡 辦
樹 新 風 致 富 爭 先
Phá cựu tục hôn sự giản biện
Thụ tân phong trí phú tranh tiên.
Bỏ tục xưa, cưới xin đơn giản
Nêu gương mới, lầm giầu là đầu.

柳 暗 花 明 春 正 半
珠 聯 碧 合 影 成 雙
Liễu ám hoa minh xuân chính bán
Châu liên bích hợp ảnh thành song.
Liễu rậm hoa tươi, xuân mới nửa
Châu liền thành chuỗi, ảnh thành đôi.

宜 國 宜 家 新 婦 女
能 文 能 武 好 男 儿
Nghi quốc nghi gia tân phụ nữ
Năng văn năng vũ hảo nam nhi
Thuận nước, thuận nhà, phụ nữ mới
Hay văn, hay vũ, nam nhi tài.

婚 締 自 由 移 舊 俗
禮 行 平 等 樹 新 風
Hôn đế tự do, di cựu tục
Lễ hành bình đẳng thụ tân phong.
Hôn nhân tự do, bỏ tục xưa
Giao tiếp bình đẳng, nêu gương mới.

勤 勞 手 足 患 慢 少
恩 愛 夫 妻 歡 樂 多
Cần lao thủ túc hoạn ưu thiểu
Ân ái phu thê hoan lạc đa
Lao động chân tay, lo lắng ít
Ái ân chồng vợ, sướng vui nhiều.

百 年 恩 愛 雙 心 結
千 里 姻 緣 一 線 牽

Bách niên ân ái song tâm kết
Thiên lý nhân duyên nhất tuyến khiên.

Trăm năm ân ái, hai lòng buộc
Ngàn dặm nhân duyên, một sợi ràng.

愛 貌 愛 才 尤 愛 志
知 人 知 面 更 知 心

Ái mạo ái tài vưu ái chí
Tri nhân tri diện cánh tri tâm.

Yêu vẻ, yêu tài, càng yêu chí
Biết người, biết mặt, lại biết lòng.

作 婦 須 知 勤 儉 好
治 家 應 教 子 孫 賢

Tác phụ tu tri cần kiệm hảo
Trị gia ưng giáo tử tôn hiền.

Làm vợ nên hay cần kiệm giỏi
Trị nhà phải dạy cháu con hiền.

詩 詠 河 洲 鳩 喜 集
經 傳 桂 里 鳳 和 鳴

Thi vịnh hà châu cưu hỉ tập
Kinh truyền quế lý phượng hoà minh.

Thơ vịnh bãi sông cưu đến họp
Kinh truyền rừng quế phượng cùng kêu.

相 親 相 愛 青 春 永
同 德 同 心 幸 福 長

Tương thân tương ái thanh xuân vĩnh
Đồng đức đồng tâm hạnh phúc trường

Tương thân, tương ái, thanh xuân mãi
Đồng đức, đồng tâm, hạnh phúc dài.

容 貌 心 齡 雙 俊 秀
才 華 事 業 兩 風 流

Dung mạo tâm linh song tuấn tú
Tài hoa sự nghiệp lưỡng phong lưu

Dung mạo, tâm hồn, đôi tuấn tú
Tài hoa, sự nghiệp, cặp phong lưu.

互 敬 互 愛 互 相 學 習
同 德 同 心 同 建 家 庭
Hỗ kính hỗ ái hỗ tương học tập
Đồng đức đồng tâm đồng kiến gia đình.
Lẫn kính, lẫn yêu, lẫn giúp học tập
Cùng đức, cùng lòng, cùng xây gia đình.

同 心 同 德 美 滿 夫 婦
克 儉 克 勤 幸 福 鴛 鴦
Đồng tâm đồng đức mỹ mãn phu phụ
Khắc kiệm khắc cần hạnh phúc uyên ương.
Cùng lòng, cùng đức, vợ chồng mỹ mãn
Biết cần, biết kiệm hạnh phúc uyên ương.

恩 愛 夫 妻 情 似 青 山 不 老
幸 福 伴 侶 意 如 碧 水 長 流
Ân ái phu thê tình tự thanh sơn bất lão
Hạnh phúc bạn lữ ý như bích thủy trường lưu
Ân ái vợ chồng, tình tựa non xanh trẻ mãi
Hạnh phúc đôi lứa, ý như nước biếc chảy hoài.

男 尊 女 女 尊 男 男 幫 女 助
夫 敬 妻 妻 敬 夫 夫 德 妻 賢
Nam tôn nữ nữ tôn nam nam bang nữ trợ
Phu kính thê thê kính phu phu đức thê hiền.
Nam trọng nữ nữ trọng nam nam giúp nữ đỡ
Chồng kính vợ, vợ kính chồng chồng đức vợ hiền.

惟 求 愛 永 恒 一 生 同 伴 侶
但 愿 人 長 九 千 里 共 嬋 娟
Duy cầu ái vĩnh hằng nhất sinh đồng bạn lữ
Đản nguyện nhân trường cửu thiên lý cộng thiền quyên.
Mong tình yêu vĩnh hằng, một đời cùng đôi lứa
Muốn người lâu hưởng thọ, ngàn dặm với thiền quyên.

鳥 語 花 香 仲 春 一 幅 天 然 畫
賓 歡 主 樂 嘉 客 滿 堂 錦 上 花
Điểu ngữ hoa hương xuân nhất bức thiên nhiên hoạ
Tân hoan chủ lạc gia khách mãn đường cẩm thượng hoa.
Chim hót, hoa hương, một bức thiên nhiên xuân vẽ
Khách vui, chủ sướng đầy nhà rực rỡ gấm hoa.

鴛 鴦 對 舞
鸞 鳳 和 鳴
Uyên ương đối vũ
Loan phượng hoà minh
Uyên ương múa đôi
Loan phượng hoà tiếng.

月 圓 花 好
鳳 舞 龍 飛
Nguyệt viên hoa hảo
Phượng vũ long phi
Trăng tròn hoa đẹp
Phượng múa rồng bay.

男 婚 女 嫁
夫 德 妻 賢
Nam hôn nữ giá
Phu đức thê hiền
Trai cưới gái gả
Chồng đức vợ hiền.

志 同 道 合
意 厚 情 長
Chí đồng đạo hợp
Ý hậu tình trường.
Chí cùng ý hợp
Ý sâu tình dài.

東 風 入 户
喜 氣 盈 門
Đông phong nhập hộ
Hỉ khí doanh môn
Gió đông vào nhà
Khí lành đầy cửa.

志 同 道 合
花 好 月 圓
Chí đồng đạo hợp
Hoa hảo nguyệt viên.
Chí cùng đạo hợp
Hoa đẹp trăng tròn.

椿影已隨雲氣散
鵑聲猶帶月光寒
Xuân ảnh dĩ tuỳ vân khí tán
Quyên thanh do đới nguyệt quang hàn.
Xuân ảnh đã theo cùng vân khí
Quyên thanh như lạnh quyện trăng quang.

花落萱幃春去早
光寒婺宿夜來沉
Hoa lạc huyên vi xuân khứ tảo
Quang hàn vụ tú dạ lai trầm.
Hoa rụng màn huyên xuân đi sớm
Quang hàn sao vụ tối đến chìm.

寶婺雲迷粧閣冷
萱花霜萎繡幃寒
Bảo Vụ vân mê trang các lãnh
Huyên hoa sương uỷ tú vi hàn.
Sao Vụ mây mờ trang các lạnh
Hoa huyên sương giá màn thêu hàn.

萱謝北堂寒霧鎖
婺沉西海暮煙封
Huyên tạ bắc đường hàn vụ toả
Vụ trầm tây hải mộ yên phong.
Huyên héo bắc đường sương lạnh khóa
Sao chìm tây hải khói chiều phong.

椿樹早凋悲未已
萱花纔隕痛何如
Xuân thụ tảo điêu bi vị dĩ
Huyên hoa tài vẫn thống hà như
Xuân thụ sớm khô đau chưa dứt
Huyên hoa lại rụng xót làm sao.

萱草香凋春日暮
婺星光掩夜雲陰
Huyên thảo hương điêu xuân nhật mộ
Vụ tinh quang yểm dạ vân âm.
Cỏ huyên hương nhạt ngày xuân muộn
Ánh sao Vụ mất mây tối đêm.

杳 杳 雙 親 無 復 見
哀 哀 兩 字 那 堪 聞
Liểu liểu song thân vô phúc kiến
Ai ai lưỡng tự ná kham văn.
Vắng lặng song thân không còn thấy
Thảm thương hai chữ há chịu nghe.

萱 花 既 隕 山 河 黯
椿 樹 旋 枯 日 月 昏
Huyên hoa ký vẫn sơn hà ảm
Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt hôn.
Huyên hoa đã rụng sơn hà ám
Xuân thụ toàn khô nhật nguyệt đen.

夢 游 蝴 蝶 飛 雙 影
血 洒 杜 鵑 泣 四 親
Mộng du hồ điệp phi song ảnh
Huyết sái đỗ quyên khấp tứ thân.
Giấc mơ hồ điệp bay đôi bóng
Máu ứa đỗ quyên khóc mẹ cha.

臨 深 履 薄 言 猶 在
諭 志 承 歡 養 未 能
Lâm thâm lý bạc ngôn do tại
Dụ chí thừa hoan dưỡng vị năng.
"Vực sâu băng mỏng" câu còn đó[1]
Lời dạy thuận vui buổi dưỡng đâu.

雨 催 玉 樹 終 天 恨
雲 暗 竹 林 兩 地 悲
Vũ thôi ngọc thụ chung thiên hận
Vân ám trúc lâm lưỡng địa bi.
Mưa dồn ngọc thụ chung trời hận
Mây ám trúc lâm lưỡng đất bi.

愁 繫 竹 林 畔
淚 彈 荆 樹 邊

---

[1] Thiên *Thái Bá* sách *Luận ngữ* có câu: "... như lâm thâm uyên, như lý bạc băng". Nghĩa là: "... nguy hiểm như đến vực sâu, như đi trên băng mỏng". Ở đây ý nói lòng cung kính của con cái đối với cha mẹ.

Sầu hệ trúc lâm bạn
Lệ đàn kinh thụ biên
Sầu buộc bờ rừng trúc
Lệ đàn bên khóm gai.

不圖花萼終聯集
何忍雁行各自飛
Bất đồ hoa ngạc chung liên tập
Hà nhẫn nhạn hàng các tự phi.
Nào ngờ hoa cánh lìa khỏi khóm
Sao nỡ nhạn bầy lẻ tự bay.

祇道荆庭常聚首
寧知雁陣條離群
Chi đạo kinh đình thường tụ thủ
Ninh tri nhạn trận điều ly quần.
Chỉ nói sân gai thường tụ hội
Nào hay bầy nhạn lại ly đàn.

雁陣霜寒悲折翼
鴻原露冷痛孤飛
Nhạn trận sương hàn bi chiết dực
Hồng nguyên lộ lãnh thống cô phi.
Nhạn thế sương sa đau gẫy cánh
Hồng đàn mây lạnh xót lẻ bay.

原土春深鶺鴒音斷雲千里
林稍夜寂鴻雁聲哀月一輪
Nguyên thổ xuân thâm, tích linh âm đoạn vân thiên lý
Lâm sảo dạ tịch, hồng nhạn thanh ai nguyệt nhất luân.
Đất phẳng xuân sâu, tích linh[1] âm đứt, mây nghìn dặm;
Rừng thưa đêm vắng, hồng nhạn thanh buồn, nguyệt một vầng.

詩夢阻殘芳草野
壎聲吹落紫荆花
Thi mộng trở tàn phương thảo dã
Huyên thanh xuy lạc tử kinh hoa.
Giấc mộng thơ ngăn tàn cỏ nội
Tiếng huyên[2] thổi lại lạc hoa gai.

---

[1] *Tích linh*: Chim chìa vôi.
[2] *Huyên*: Một loại nhạc khí thời cổ.

薤 露 興 歌 刑 永 隔
鵜 鴒 抱 痛 淚 空 垂

Giới lộ hưng ca hình vĩnh cách
Tích linh bão thống lệ không thùy.

Giới lộ[1] nổi lên hình cách biệt
Tích linh[2] thống thiết lệ rơi hoài.

北 望 鴒 原 千 里 遠
南 來 雁 侶 半 行 孤

Bắc vọng linh nguyên thiên lý viễn
Nam lai nhạn lữ bán hàng cô.

Bắc ngóng cánh chim xa nghìn dặm
Nam về bầy nhạn lẻ nửa hàng.

藍 田 種 玉 緣 何 淺
青 鳥 傳 音 去 不 還

Lam điền chủng ngọc duyên hà thiển
Thanh điểu truyền âm khứ bất hoàn.

Lam Điền[3] trồng ngọc duyên sao mỏng;
Thanh điểu[4] truyền âm khuất chẳng về.

甘 苦 共 嘗 情 曷 極
幽 明 永 隔 痛 何 如

Cam khổ cộng thường tình hạt cực
U minh vĩnh cách thống hà như

Ngọt đắng sẻ chia, tình sao cực
U minh vĩnh cách, xót nhường bao.

獨 鶴 愁 悲 雙 鳳 管
孤 鸞 哀 斷 七 絃 琴

Độc hạc sầu bi song phượng quản
Cô loan ai đoạn thất huyền cầm.

Hạc lẻ sầu bi sáo song phượng
Loan cô thương xót đàn thất huyền.

---

(1) *Giới lộ*: Tên một bài hát lúc chôn người chết thời xưa.

(2) *Tích linh*: Xem chú thích trang trước

(3) *Lam Điền*: Tên núi ở Thiểm Tây (Trung Quốc). Vì có nhiều ngọc nên cũng gọi là Ngọc Sơn.

(4) *Thanh điểu*: Chim xanh. Chỉ điềm có người đến làm mối cho con trai con gái.

紅 墻 銀 漢 途 難 越
碧 海 青 天 怨 有 餘
Hồng tường Ngân Hán đồ nan việt
Bích hải thanh thiên oán hữu dư.
Tường hồng Ngân Hán đường khôn vượt
Bể biếc thanh thiên oán có thừa.

哭 爾 三 年 髮 白
愁 余 五 夜 燈 青
Khốc nhĩ tam niên phát bạch
Sầu dư ngũ dạ đăng thanh.
Khóc em ba năm tóc bạc
Sầu anh ngũ dạ[1] đèn xanh.

菱 鏡 影 孤 哉 慘 聽 秋 封 吹 落 葉
錦 機 聲 寂 矣 愁 看 夜 月 照 空 幃
Lăng kính ảnh cô tai, thảm thính thu phong xuy lạc diệp
Cẩm cơ thanh tịch hĩ, sầu khan dạ nguyệt chiếu không vi.
Gương kính bóng lẻ thay, thảm thấm gió thu bay lá rụng
Gấm khung thanh lặng vậy, oán nhìn trăng giãi chiếu màn không.

家 累 總 無 依 卿 從 此 去 擔 了 矣
世 情 多 不 測 我 自 今 來 喚 奈 何
Gia lụy tổng vô y, khanh tòng thử khứ đảm liễu hĩ
Thế tình đa bất trắc, ngã tự kim lai hoán nại hà.
Gia hệ thầy trông nhờ, nàng đi bỏ lại đây gánh nặng
Thế tình đa bất trắc, ta từ nay nào biết gọi ai.

南 極 輝 沉 空 太 息
東 床 望 斷 失 瞻 依
Nam cực huy trầm không thái tức
Đông sàng vọng đoạn thất chiêm y.
Nam cực[2] mờ chìm đành an nghỉ
Đông sàng[3] dứt đoạn mất trông nhờ.

丈 人 峰 屺 瞻 如 昨
半 子 情 灰 帳 在 茲

---

[1] *Ngũ dạ*: Nên hiểu là ngũ canh, tức cả đêm.
[2] *Nam cực*: Tên một ngôi sao. Ở đây chỉ Nhạc Phủ.
[3] *Đông sàng*: Chỉ chàng rể.

Trượng nhân phong dĩ chiêm như tạc
Bán tử tình khôi trướng tại tư.
Đỉnh non nhạc phụ trông như tạc
Tình cảm rể con xót tự đây.

峰 頂 丈 人 嗟 已 矣
膝 前 半 子 痛 何 如

Phong đính trượng nhân ta dĩ hĩ
Tất tiền bán tử thống hà như.
Nhạc phụ đỉnh non ôi đã khuất
Rể con trước gối tủi nhường bao.

丁 年 痛 入 黃 泉 路
年 夜 驚 頹 太 嶽 峰

Đinh niên thống nhập hoàng tuyền lộ
Niên dạ kinh đồi thái nhạc phong.
Tráng niên khổ nỗi hoàng tuyền[1] đến
Bán dạ kinh hồn thái nhạc[2] suy.

地 上 罔 聞 呼 小 子
雪 中 空 想 見 先 生

Bĩ thượng võng văn hô tiểu tử
Tuyết trung không tưởng kiến tiên sinh.
Chẳng còn nghe thầy gọi tiểu tử
Tưởng hoài trong tuyết thấy tiên sinh.

青 氈 席 冷 思 模 範
絳 帳 庭 空 憶 管 絃

Thanh chiên tịch lãnh tư mô phạm
Giáng trướng đình không ức quản huyền.
Chăn xanh chiếu lạnh suy khuôn mẫu
Trướng đỏ sân không nhớ sáo đàn.

面 命 只 今 無 一 語
心 喪 未 可 短 三 年

Diện mệnh chỉ kim vô nhất ngữ
Tâm tang vị khả đoản tam niên.
Trước mặt đến nay không một ngữ
Tang lòng chưa thể trọn ba năm.

---

[1] *Hoàng tuyền*: Nơi suối vàng, chỉ người đã chết.
[2] *Thái nhạc*: Núi lớn. Chỉ người bố vợ.

影落青松裏
神留絳帳中
Ảnh lạc thanh tùng lý
Thần lưu giáng trướng trung.
Hình ảnh lạc trong tùng xanh
Tinh thần lưu giữa trướng đỏ.

綠水青山長送月
碧雲紅樹不勝愁
Lục thủy thanh sơn trường tống nguyệt
Bích vân hồng thụ bất thăng sầu.
Nước biếc non xanh dài đưa nguyệt
Cây hồng mây thắm chẳng thiết sầu.

翠色和雲籠夜月
玉容帶雨泣春風
Thúy sắc hoà vân lung dạ nguyệt
Ngọc dung đới vũ khấp xuân phong.
Sắc biếc hoà vân lồng đêm nguyệt
Mặt hoa ngấn lệ khóc gió xuân.

春風十載交情舊
夜雨三秋別恨多
Xuân phong thập tải giao tình cựu
Dạ vũ tam thu biệt hận đa.
Gió xuân thập tải giao tình cũ
Mưa tối tam thu biệt hận nhiều.

雲鎖巫山人不見
月明仙嶺鶴歸來
Vân toả Vu Sơn nhân bất kiến
Nguyệt minh tiên lĩnh hạc qui lai.
Mây khoá Vu Sơn[1] người chẳng thấy;
Trăng soi Tiên Lĩnh[2] hạc bay về.

春影已隨殘月去
桂香猶逐好風來

---

[1] *Vu Sơn*: Nơi thần núi ở.
[2] *Tiên Lĩnh*: Nơi tiên ở.

Xuân ảnh dĩ tùy tàn nguyệt khứ
Quế hương do trục hảo phong lai.
Xuân ảnh đã theo trăng xế bóng
Quế hương còn đuổi gió lành đi.

推 殘 玉 樹 三 更 雨
促 隕 瓊 花 五 夜 風
Suy tàn ngọc thụ tam canh vũ
Xúc vẫn quỳnh hoa ngũ dạ phong.
Đẩy khô cây ngọc tam canh gió
Thúc tạ hoa quỳnh ngũ dạ mưa.

自 昔 文 章 誇 霧 隱
而 今 意 氣 仰 雲 模
Tự tích văn chương khoa vụ ẩn
Nhi kim ý khí ngưỡng vân mô.
Từ trước văn chương khoa vụ ẩn[1]
Mà nay ý khí ngưỡng vân mô[2]

三 月 雨 催 椿 樹 老
五 更 風 促 杜 鵑 啼
Tam nguyệt vũ thôi xuân thụ lão
Ngũ canh phong xúc đỗ quyên đề.
Mưa tháng ba giục cây xuân lão
Gió canh năm đòi tiếng quốc kêu.

月 臨 椿 樹 渾 無 影
風 送 杜 鵑 卻 有 聲
Nguyệt lâm xuân thụ hồn vô ảnh
Phong tống đỗ quyên khước hữu thanh.
Trăng soi xuân thụ mờ không ảnh,
Gió tiễn đỗ quyên lại có thanh.

何 知 一 夢 飛 蝴 蝶
竟 使 千 秋 泣 杜 鵑
Hà tri nhất mộng phi hồ điệp
Cánh sử thiên thu khấp đỗ quyên.

---

(1) *Khoa Vụ ẩn:* Khoa trương ở nơi mây mù ẩn khuất.
(2) *Ngưỡng vân mô:* Ngẩng nhìn mô phỏng lại ở trên mây.

Biết đâu một giấc bay hồ điệp
Để khiến nghìn thu khóc đỗ quyên.

倚 門 人 去 三 更 月
泣 丈 兒 悲 五 夜 寒

Ỷ môn nhân khứ tam canh nguyệt
Khấp trượng nhi bi ngũ dạ hàn.

Tựa cửa người đi tam canh nguyệt
Khóc cha trẻ tủi ngũ dạ hàn.

明 月 山 頭 思 古 道
清 風 江 上 想 芳 型

Minh nguyệt sơn đầu tư cổ đạo
Thanh phong giang thượng tưởng phương hình.

Trăng soi đỉnh núi mơ đạo cũ
Gió thổi trên sông tưởng mẫu hình.

大 雅 云 亡 綠 水 青 山 誰 作 主
老 成 凋 謝 落 花 啼 鳥 總 傷 神

Đại nhã vân vong, lục thủy thanh sơn, thùy tác chủ
Lão thành điêu tạ, lạc hoa đề điểu, tổng thương thần.

Bậc đại nhã[1] chẳng còn, núi biếc sông xanh ai làm chủ,
Người lão thành[2] khô héo, chim kêu hoa rụng thấy đau lòng.

掛 劍 若 爲 情 黃 菊 花 開 人 去 後
思 君 在 何 處 白 楊 秋 淨 月 明 時

Quải kiếm nhược vi tình, hoàng cúc hoa khai nhân khứ hậu
Tư quân tại hà xứ, bạch dương thu tịnh nguyệt minh thời.

Treo kiếm thuận theo tình, cúc vàng hoa nở khi người khuất
Nhớ ông nơi đâu ngụ, dương trắng tiết thu buổi tròn trăng.

懿 德 傳 諸 鄉 里 口
賢 慈 報 在 子 孫 身

Ý đức truyền chư hương lý khẩu
Hiền từ báo tại tử tôn thân.

Đức hạnh truyền đi nhiều làng xã
Hiền tài báo đáp khắp cháu con.

---

[1] *Bậc đại nhã*: Người có đức tao nhã lớn.
[2] *Người lão thành*: Người nhà có lịch duyệt nhiều.

瓊 簫 響 寂 三 千 界
玉 鏡 粧 空 十 二 樓

Quỳnh tiêu hưởng tịch tam thiên giới
Ngọc kính trang không thập nhị lâu

Vắng lặng quỳnh tiêu tam thiên giới[1]
Quạnh hiu gương ngọc thập nhị lâu[2]

蕙 質 蘭 姿 歸 閬 苑
瓊 林 玉 樹 繞 庭 階

Huệ chất lan tư qui lãng uyển
Quỳnh lâm ngọc thụ nhiễu đình giai.

Huệ đẹp lan thơm về lãng uyển[3]
Rừng quỳnh cây ngọc quẩn sân thềm.

駕 鶴 九 霄 懷 素 履
乘 鸞 三 島 憶 芳 蹤

Giá hạc cửu tiêu hoài tố lý
Thừa loan tam đảo ức phương tung.

Cưỡi hạc bay chín tầng in hài cũ
Theo loan về ba đảo nhớ gót xưa.

長 留 壺 範 型 千 古
自 有 龍 章 報 九 泉

Trường lưu hồ phạm hình thiên cổ
Tự hữu long chương báo cửu tuyền.

Khuôn mẫu còn lưu hình thiên cổ
Long chương[4] tự có báo cửu tuyền.

貞 靜 擬 歌 黃 髮 頌
逍 遙 竟 去 白 雲 天

Trinh tĩnh nghĩ ca hoàng phát tụng
Tiêu dao cánh khứ bạch vân thiên.

---

(1) *Tam thiên giới*: Nhà Phật quan niệm thế giới ta ở hiện nay là tam thiên thế giới (ba nghìn thế giới).

(2) *Thập nhị lâu:* Tức thập nhị trùng lâu: ống thực quản của người ta có 12 đốt, ở đây chỉ dáng đẹp của người phụ nữ đã khuất.

(3) *Lãng uyển*: Nơi tiên ở.

(4) *Long chương*: Vẻ đẹp.

Trinh tiết đắn đo mừng hoàng phát[1]
Tiêu dao chung cục ngưỡng bạch vân[2]

懿 德 難 忘 流 淚 血
慈 恩 未 報 繞 愁 腸

Ý đức nan vong lưu lệ huyết
Từ vân vị báo nhiễu sầu trường.

Đức hạnh khó quên lưu huyết lệ
Ân từ chưa báo khổ tâm sầu.

子 息 祇 依 青 鬢 母
孫 枝 還 賴 白 頭 人

Tử tức chi y thanh mấn mẫu
Tôn chi hoàn lại bạch đầu nhân.

Con gốc nương nhờ xanh tóc mẹ[3]
Cháu cành trông cậy trắng đầu ông[4]

鶴 馭 瑤 臺 秋 月 冷
鵑 啼 玉 砌 隴 雲 飛

Hạc ngự giao đài thu nguyệt lãnh
Quyên đề ngọc thế lũng vân phi

Hạc ngự đài tiên trăng thu lạnh
Quyên kêu thềm ngọc áng mây bay.

靜 夜 鳥 鳴 悲 月 色
長 年 雞 警 付 花 塵

Tĩnh dạ điểu minh bi nguyệt sắc
Trường niên kê cảnh phó hoa trần

Đêm lặng chim kêu sầu sắc nguyệt
Năm dài gà gáy mặc bụi hoa.

女 宗 靡 依 痛 深 戚 里
母 範 何 恃 淚 滴 慈 幃

Nữ tông mị y thống thâm thích lý
Mẫu phạm hà thị lệ trích từ vi.

---

(1) *Hoàng phát:* Người già xưng là hoàng phát (tóc vàng).
(2) *Bạch vân:* Chỉ nơi quê cha.
(3) Thanh mấn mẫu: Người mẹ tóc mai xanh. Chỉ người vợ kế của cha.
(4) *Bạch đầu nhân:* Người đầu bạc. Chỉ ông bà nội, hoặc ông bà ngoại.

Dâu hiền thôi hết cậy, đau đớn thâm tình thích lý[1]
Mẹ thảo chẳng còn nhờ, lệ rơi lã chã từ vi[2]

青鳥信來王母歸時環珮冷
玉簫聲斷秦娥去後鳳樓空

Thanh điểu tín lai, Vương Mẫu qui thời hoàn bội lãnh
Ngọc tiêu thanh đoạn, Tần nga khứ hậu phượng lầu không.
Thanh điểu truyền tin, Vương Mẫu[3] về rồi, vòng ngọc lạnh
Ngọc tiêu đứt đoạn, Tần nga[4] ly biệt, phượng lầu không.

柏操千磨無改翠
松齡百劫有餘青

Bách tháo thiên ma vô cải thúy
Tùng linh bách kiếp hữu dư thanh.
Bách dẫu nghìn mài không đổi thắm
Tùng già trăm kiếp vẫn thừa xanh.

北苑花飛寒繐帳
西窗月落冷深閨

Bắc uyển hoa phi hàn huệ trướng
Tây song nguyệt lạc lãnh thâm khuê.
Uyển bắc[5] hoa bay màn trướng lạnh
Song tây[6] nguyệt lặn chốn khuê mờ.

形單影隻經三世
志潔行芳越百年

Hình đơn ảnh chích kinh tam thế
Chí khiết hành phương việt bách niên.
Hình đơn bóng lẻ qua tam thế[7]
Chí sạch làm hay vượt bách niên.

靡他矢志扶黃口
惟此甘心到白頭

---

(1) *Thích lý*: Bà con làng xóm bên ngoại.
(2) *Từ vi*: Nơi màn trướng của mẹ hiền.
(3) Vương Mẫu: Một vị nữ thần, tức Tây Vương Mẫu. Con cháu cũng tôn xưng tổ đã mất là Vương Mẫu.
(4) *Tần nga*: Chỉ người con gái đẹp.
(5) Uyển bắc: Vườn phía bắc.
(6) *Song tây*: Cửa sổ phía tây.
(7) *Tam thế*: Ba đời: ông, cha, con.

Mỵ tha thỉ chí phù hoàng khẩu
Duy thử cam tâm đáo bạch đầu.
Chí thề chẳng khác phù con trẻ
Lòng quyết không sai đến bạc đầu.

型 節 難 移 方 鐵 石
堅 操 不 改 耐 冰 霜

Hình tiết nan di phương thiết thạch
Kiên thao bất cải nại băng sương.
Vững chí khôn dời niềm sắt đá
Kiên tâm chẳng cải mặc băng sương.

鸞 分 十 載 雲 中 舞
鶴 別 三 更 月 下 鳴

Loan phân thập tải vân trung vũ
Hạc biệt tam canh nguyệt hạ minh.
Trong mây loan múa phân thập tải
Dưới nguyệt hạc kêu biệt tam canh.

獨 鶴 猶 經 深 夜 雪
孤 鸞 且 耐 永 霄 霜

Độc hạc do kinh thâm dạ tuyết
Cô loan thả nại vĩnh tiêu sương.
Lẻ hạc còn qua đêm sâu tuyết
Đơn loan lại chịu cảnh sương mây.

禪 房 冷 靜 三 更 月
文 室 虛 明 牛 夜 燈

Thiền phòng lãnh tĩnh tam canh nguyệt
Văn thất hư minh ngưu dạ đăng.
Thiền phòng lạnh vắng tam canh nguyệt[1]
Văn thất quang không ngưu dạ đăng[2]

流 水 行 雲 談 貝 葉
清 風 明 月 憶 曇 花

Lưu thủy hành vân đàm bối diệp
Thanh phong minh nguyệt ức đàm hoa.

---

[1] *Tam canh nguyệt*: Trăng lúc canh ba, tức nửa đêm.
[2] *Cả câu ý nói*: Phòng văn trống không, đèn chỉ là ánh sáng của sao Thiên Ngưu rọi vào.

Nước chảy mây trôi đàm lá quý
Gió lành trăng sáng tưởng hoa mờ.

彈 指 不 聞 花 雨 落
轉 頭 猶 見 月 潭 清

Đàn chỉ bất văn hoa vũ lạc
Chuyển đầu do kiến nguyệt đàm thanh.

Đàn ngọt chẳng nghe mưa hoa rụng
Ngoảnh đầu còn thấy nguyệt đàm trong.

石 上 月 光 留 化 跡
瓶 中 蓮 影 散 餘 香

Thạch thượng nguyệt quang lưu hóa tích
Bình trung liên ảnh tản dư hương.

Trên đá trăng soi lưu dấu tích
Trong bình sen bóng tản hương thừa.

深 院 落 藤 花 石 不 點 頭 龍 不 語
殘 經 凋 貝 葉 香 無 飛 篆 磬 無 聲

Thâm viện lạc đằng hoa, thạch bất điểm đầu, long bất ngữ;
Tàn kinh điêu bối diệp, hương vô phi triện, khánh vô thanh.

Viện thẳm rụng hoa đằng, đá chẳng điểm đầu, rồng chẳng nói;
Kinh tàn mờ lá quí, hương không bay triện, khánh không thanh.

華 表 鶴 歸 留 素 影
玉 屏 仙 去 剩 丹 邱

Hoa biểu hạc qui lưu tố ảnh;
Ngọc bình tiên khứ thặng đan khưu.

Hoa biểu hạc về lưu bóng trắng;
Màn ngọc tiên đi để gò đan[1]

風 過 林 空 花 滿 地
丹 成 爐 在 火 無 煙

Phong quá lâm không hoa mãn địa;
Đan thành lô tại hỏa vô yên.

Gió qua rừng trống hoa mãn địa[2]
Đan thành lò tại hỏa vô yên[3]

---

(1) *Gò đan*: Gò luyện thuốc tiên.
(2) *Hoa mãn địa*: Hoa nở đầy đất.
(3) Cả câu ý nói: Lò luyện thuốc tiên còn đó, lửa khói không còn nữa.

夢不醒來野鶴空悲華表月
事都撇去桃華那戀武陵春
Mộng bất tỉnh lai, dã hạc không bi hoa biểu nguyệt;
Sự đô phách khứ, đào hoa na luyến Vũ lăng xuân.
Mộng chẳng tỉnh rồi, hạc nội luống buồn trăng hoa biểu;
Việc đều bỏ hết, hoa đào lưu luyến xuân Vũ lăng.

子道無成空讀禮
親恩罔極望回雲
Tử đạo vô thành không độc lễ;
Thân ân võng cực vọng hồi vân.
Đạo thầy chẳng thành luống đọc lễ;
Ơn cha vô tận ngóng hồi mây.

深恩未報慚爲子
飲泣難銷忝作人
Thâm ân vị báo tàm vi tử;
Ẩm khấp nan tiêu thiệm tác nhân.
Ơn sâu chưa báo làm con thẹn;
Nuốt tủi khôn tiêu cách sống hèn.

遇亦甚難哉慷慨先已駙馬子
神當不沒矣悽愴長在昇龍門
Ngộ diệc thậm nan tai! Khảng khái tiên dĩ Phò mã tử;
Thần đương bất một hĩ! Thê thương trường tại Thăng Long môn.
Cảnh ngộ thật khó thay, khảng khái trước hi sinh - con Phò mã;
Tinh thần không mất vậy, cảm thương người vời vợi đất Thăng Long.
(Viếng Nguyễn Tri Phương)

同郡疊告哀君之逝去竹堂范老幾何日
八年兩制敵今之役視癸酉往事勝一籌
Đồng quận điệp cáo ai, quân chi thệ khứ Trúc Đường Phạm lão kỷ hà nhật;
Bát niên lưỡng chế địch, kim chi dịch thị Quí Dậu vãng sự thắng nhất trù.
Đồng hương liên tiếp cáo tang, ông ra đi cách Phạm Trúc Đường là mấy?
Tám năm hai phen dẹp giặc, việc ngày nay so năm Quý Dậu hơn nhiều.
(Viếng Hoàng Diệu)

廿年使許身報國何以家爲何家非家亦何家
是家家國夢中苦最苦國破家亡仇尚在
一片心殉義捐生欲得死所欲死不死未欲死
竟死死生度外悲奚悲生雄死烈志難埋

Trấp niên sử hứa thân báo quốc, hà dĩ gia, vi hà gia phi gia, diệc hà gia thị gia, gia quốc mộng trung, khổ tối khổ,
quốc phá gia vong cừu thượng tại;
Nhất phiến tâm tuẫn nghĩa quyên sinh, dục đắc tử, sở dục tử bất tử, vị dục tử cánh tử, tử sinh độ ngoại, bi hề bi,
sinh hùng tử liệt chí nan mai.

Hai mươi năm đem thân báo nước, nào kể chi nhà, nhà nào là nhà, nhà nào không phải nhà, trong mộng nước nhà, khổ là khổ, nước mất nhà tan, thù vẫn đó.
Một tấm lòng vì nghĩa quên mình, muốn tìm chỗ chết, muốn chết không chết, không muốn chết lại chết, ngoài vòng sống chết, sống hùng chết liệt, chí khôn vùi.

(Viếng Tăng Bạt Hổ)

忠孝有眞傳念祖國念同胞豈忍天涯遺老父
英雄無印板亦頑民亦義士管教史筆屬名家

Trung hiếu hữu chân truyền, niệm Tổ quốc, niệm đồng bào,
khởi nhẫn thiên nhai di lão phụ;
Anh hùng vô ấn bản, diệc ngoan dân, diệc nghĩa sĩ,
quản giao sử bút thuộc danh gia.

Trung hiếu do truyền thống từ xưa, nghĩ Tổ quốc, nghĩ đồng bào, khởi nhẫn thiên nhai di lão phụ;
Anh hùng không bản in để lại, cũng ngoan dân, cũng nghĩa sĩ, rồi đây bút sử chép danh gia.

(Viếng Nguyễn Công Vân - Kiến Xương - Thái Bình)

霹靂一聲群奸膽散
江山千古大俠魂香

Tích lịch nhất thanh quần gian đảm tán
Giang sơn thiên cổ đại hiệp hồn hương.

Sấm sét một tiếng vang, bọn gian gan nát;
Non sông ngàn thuở mãi, hiệp sĩ hồn hương.

(Viếng Nguyễn Thế Trung, Bát Tràng)

讀四千年歷史刺客傳俠客傳乃君爲開卷
第一人固應日月星辰高懸姓字
語五千萬同胞吾民仇吾國仇矧汝亦亞黃
眞貴種好與江山城郭洗淨腥羶

Độc tứ thiên niên lịch sử, Thích khách truyện, Hiệp khách truyện nãi quân vi khai quyển đệ nhất nhân, cố ưng nhật nguyệt tinh thần, cao huyền tính tự;

Ngữ ngũ thiên vạn đồng bào, ngô dân cừu, ngô quốc cừu, thẩn nhữ diệc Á hoàng chân quí chủng, hảo dữ giang sơn thành quách, tẩy tịnh tinh chiên.

Đọc bốn nghìn năm lịch sử, truyện Thích khách, truyện Hiệp khách, với ông thật là người đầu tiên, vậy nên với mặt trời, trăng sao, nêu cao tên họ.

Nói năm ngàn vạn đồng bào, thù dân ta, thù nước ta, huống mày cũng da vàng châu Á, thề phải vì non sông thành quách, rửa sạch hôi tanh.

(Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Thế Trung)

不能死又不能生展轉病中魂國難家仇痛
史到君無底痛
與俱出誰與俱入蕭條亡後劫天涯海角悲
場任我自由悲

Bất năng tử hựu bất năng sinh, triển chuyển bệnh trung hồn, quốc nạn gia cừu, thống sử đáo quân vô để thống.

Dữ câu xuất thùy dữ câu nhập, tiêu điều vong hậu kiếp, thiên nhai hải giác, bi trường nhậm ngã tự do bi.

Chết không được, sống cũng lại không xong, bệnh hồn dằn vặt bấy lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi hồn xiết kể;

Ra với nhau, về biết cùng ai nhỉ? Thân thế tiêu điều lắm nỗi, chân trời góc bể, thương thầm tôi cũng biết sao đây?

(Viếng Đinh Doãn Tế; Hương Sơn, Hà Tĩnh)

造少年國先造少年人塡海補天蓋世奇功希汝翼
與同志出不與同志入悲風慘雨滿城方草爲誰萋

Tạo thiếu niên quốc, tiên tạo thiếu niên nhân, điền hải bổ thiên cái thế kỳ công hy nhữ dực;

Dữ đồng chí xuất, bất dữ đồng chí nhập, bi phong thảm vũ, mãn thành phương thảo vị thùy thê.

Tạo nước thiếu niên, trước tạo người thiếu niên, lấp bể vá trời,
công việc hơn đời nhờ ở bác;
Cùng đồng chí đi, không cùng đồng chí lại, mưa sầu gió thảm,
cỏ hoa đầy phố để cho ai?
(Viếng Phạm Tư Tề; Thư Trì, Thái Bình)

問汝漢姦即今奴隸舞臺閉幕從究竟何如
夢裏昏昏偏怪汝
哀君義種從古英雄歷史發軔初大都自此
儲中佼佼最憐君

Vấn nhữ Hán gian, tức kim nô lệ vũ đài, bế mạc hậu cứu cánh hà như, mộng lý hôn hôn thiên quái nhữ;
Ai quân nghĩa chủng, tòng cổ anh hùng lịch sử, phát nhận sơ đại đô tự thử, dong trung giảo giảo tối liên quân.

Hỏi mày bọn Hán gian, hiện nay sân khấu tôi đòi, hạ màn rồi sau sẽ ra sao? trong lúc tối tăm mày thật quái;
Thương bác người nghĩa hiệp, tự cổ anh hùng lịch sử, đẩy xe trước toàn như thế cả, làm thuê sáng tỏ bác nên thương.
(Viếng Đỗ Huy Nam, Thượng Lâu, Hưng Yên)

會看戰馬南旋殄仇虜慰壯心寄語英靈
有作九原應默護
愁見征鴻北上弔中原談舊事幾經艱苦
無情二豎忍相欺

Hội khan chiến mã Nam toàn, điển cừu lỗ, ủy tráng tâm, ký ngữ anh linh, hữu tác cửu nguyên ưng mặc hộ;
Sầu kiến chinh hồng Bắc thượng, điếu Trung nguyên, đàm cựu sự, kỷ kinh gian khổ, vô tình nhị thụ nhẫn tương khi

Những mong chiến mã về Nam, giết giặc cướp, thỏa tấm lòng, nhắn gửi hồn thiêng, có biết suối vàng nên giúp đỡ.
Buồn thấy chinh hồng lên Bắc, thăm Trung Nguyên, bàn việc cũ, trải bao gian khổ, vô tình mà bệnh nỡ giày vò.
(Viếng Trịnh Khắc Công, Thanh Trì, Hà Nội)

見君之去不見君之還他年奏凱聲中鴻嶺
魚峰草木爲君齊墜淚
與我同來寧與我國死幾度飲愁杯裏盤城
島國風塵剩我最傷心

Kiến quân chi khứ bất kiến quân chi hoàn, tha niên tấu khải thanh trung, Hồng lĩnh, Ngư phong, thảo mộc vị quân tề trụy lệ;
Dữ ngã đồng lai ninh dữ ngã đồng tử, kỷ độ ẩm sầu bôi lý, Bàn thành, Đảo quốc, phong trần thặng ngã tối thương tâm.
Thấy anh đi, chẳng thấy anh về, ngày nào trong tiếng khải hoàn, núi Hồng, cồn Ngư, cây cỏ vì anh đều nhỏ lệ;
Cùng tôi ra, không cùng tôi chết, mấy bận cùng nâng chén rượu, thành Bàn, nước Đảo, phong trần để bạn phải thương tâm.
(Viếng Lê Cầu Tinh, Nghi Lộc, Nghệ An)

心不能爲之哀一夢太淒涼六十年來故
國江山甘我棄

天竟何從而問同胞都義烈三千里外他
邦瘴厲忍予仇

Tâm bất năng vi chi ai, nhất mộng thái thê lương, lục thập niên lai, cố quốc giang sơn cam ngã khí;
Thiên cánh hà tòng nhi vấn, đồng bào đô nghĩa liệt, tam thiên lý ngoại, tha bang chướng lệ nhẫn du cừu.
Lòng thương biết làm sao? Một mộng quá buồn sầu, sáu chục năm nay, nước cũ non sông đành bỏ bạn;
Trời theo đâu mà hỏi? Đồng bào đều nghĩa liệt, ngoài ba ngàn dặm, quê người lam chướng nợ thù nhà.
(Viếng hai anh em Nguyễn Quốc Thụy, Nguyễn Quốc Trí, Quảng Nam)

壯在我公戰壘殘魂馳驅終不倦上留東數閱
月導游學先河不虛憂患半生竟隨國殉

嗟乎吾國新潮初涌進步未有窮況同志許多
人當復仇後勁有日中原一捷願告公知

Tráng tai ngã công, chiến lũy tàn hồn, trì khu chung bất quyện, thượng lưu Đông sổ duyệt nguyệt, đạo du học tiên hà, bất hư ưu hoạn bán sinh, cánh tùy quốc tuẫn;
Ta hồ ngô quốc, tân trào sơ dũng, tiến bộ vị hữu cùng, huống đồng chí hứa đa nhân, đương phục cừu hậu kính, hữu nhật trung nguyên nhất tiệp, nguyện cáo công tri.
Chí ông đáng khen thay! Chiến lũy đã tàn, mà ruổi rong không mỏi, còn lưu lại Đông Kinh vài tháng, khơi nguồn du học, không uổng nửa đời lo nghĩ, vì nước mà mất;

Vận nước đáng buồn lắm! Tân trào mới nổi, nên tiến bộ chưa cùng, đã có trong đồng chí bao người, gánh việc phục thù, có ngày đất nước thu hồi, xin cùng ông báo lại.

(Viếng Tăng Bạt Hổ)

君豈其虛生作戲於世耶提兵三稔去國廿
餘年一泣於英一泣於清忽忽焉大泣於東
誰齡思入秋風向我神京埋古劍
我亦不知死之爲何物也讀書五洲知交數
十輩或戰以舌或戰以筆端端的力戰以鐵
直使血塗溫帶爲吾黃族豎紅旗

Quân khởi kỳ hu sinh tác hí ư thế da, đề binh tam nẫm, khứ quốc trấp dư niên, nhất khấp ư Anh, nhất khấp ư Thanh, hốt hốt yên đại đại khấp ư Đông, thùy linh tứ nhập thu phong, hướng ngã thần kinh mai cổ kiếm.

Ngã diệc bất tri tử chi vi hà vật dã, độc thư ngũ châu, tri giao số thập bối, hoặc chiến dĩ thiệt, hoặc chiến dĩ bút, đoan đoan đích lực chiến dĩ thiết, trực sứ huyết đồ ôn đới, vị ngô hoàng tộc thụ hồng kỳ.

Bác há phải sống mà chơi đâu? Cầm quân ba bận, bỏ nước hai mươi năm, đã kêu ở Anh, đã kêu ở Thanh; lại còn thấy tiếng kêu ở Đông, vì đâu ngọn gió mùa thu, đến chốn thần kinh chôn kiếm cổ; Tôi không biết chết là vật gì nữa cả! Đọc sách năm châu, quen biết vài chục bạn, kẻ đánh bằng lưỡi, kẻ đánh bằng bút, có kẻ ra sức đánh bằng sắt để khiến máu rơi ôn đới, vì giống da vàng dựng cờ hồng.

(Nguyễn Thượng Hiền viếng Tăng Bạt Hổ)

崑崙島面積若幾偏容許多人奇絕奇造設
當初寧問有期與無期波中湧起孤峰高高
高留個英雄萬古宅
大越國血購得來所值只一死怨何怨流離
此日不以歌去以哭去夢裡驚呼同志戰戰
戰還我山河獨立天

Côn Lôn đảo diện tích nhược kỷ, thiên dung hứa đa nhân, kỳ tuyệt kỳ, tạo thiết đương sơ, ninh vấn hữu kỳ dữ vô kỳ, ba trung dũng khởi cô phong, cao cao cao, lưu cá anh hùng vạn cổ trạch.

Đại Việt quốc huyết cấu đắc lai, sở trị chỉ nhất tử, oán hà oán, lưu ly thử nhật, bất dĩ ca khứ dĩ khốc khứ, mộng lý kinh hô đồng chí, chiến chiến chiến, hoàn ngã sơn hà độc lập thiên.

Đảo Côn Lôn diện tích bấy nhiêu, dung được biết bao người lạ lạ sao! Xây dựng từ xưa, nào hỏi gì có hẹn hay không, giữa lòng nổi ngọn non côi, cao cao cao, nhà cửa anh hùng lưu tại đó;
Nước Đại Việt máu xương mua lại, giá đáng một cái chết, oán oán mãi! Lưu ly ngày ấy, bước ra lại không ca mà khóc, trong mộng hoảng kêu đồng chí, đánh đánh đánh, hãy trả trời độc lập cho ta !
(Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Hàm; Quảng Nam)

嗟嗟許大山河徵王不作趙嫗安歸翻教歷
史數千年多渠一死

咄咄成何世界沱海漲羞屏山凝臭忍看鬚
眉幾百輩與賊俱生

Ta ta hứa đại sơn hà, Trưng Vương bất tác, Triệu Ẩu an qui, phiên giáo lịch sử sổ thiên niên, đa cừ nhất tử;
Đốt đốt thành hà thế giới, Đà hải trướng tu, Bình Sơn ngưng xú, nhẫn khán tu mi kỷ bách bối, dữ tặc câu sinh.
Nước non rộng rãi đáng than thay! Trưng Vương không dậy, Triệu ẩu về đâu? Khiến cho lịch sử vài nghìn năm, thêm người chết nữa;
Thế giới lung tung đáng sợ thật! Đà Hải thẹn đầy, Bình Sơn thối ứ, nỡ để râu mày mấy trăm kẻ, cùng giặc sống sao?
(Viếng nữ liệt Đinh phu nhân)

嗟我生無補於時海外寄殘軀風雨一天空洒淚
噫君死已得其所簷頭留碧血江山千古有餘香

Ta nghã sinh vô bổ ư thời, hải ngoại ký tàn khu, phong vũ nhất thiên không sái lệ;
Y quân tử dĩ đắc kỳ sở, thiềm đầu lưu bích huyết, giang sơn thiên cổ hữu dư hương.
Sống như ta không ích cho đời, đất khách gửi xương tàn, mưa gió một trời riêng nhỏ lệ.
Chết mà bạn đã tìm được chốn, mái nhà rơi máu đỏ, non sông muôn thuở có thừa hương.
(Viếng Đặng Thái Thân; Nghi Lộc, Nghệ An)

邦傑沒兮百身終莫贖好是文明初度星火燎原
誓將百鍊千磨鑄時鑄世鑄江山光前爍後

國魂在否一慟竟無聲哀哉辛苦牧場仰天吞膽
所望一心同德有叔有弟有朋友雖死猶生

Bang kiệt một hề, bách thân chung mạc thục, hảo thị văn minh sơ độ, tinh hỏa liệu nguyên, thệ tương bách luyện thiên ma, chú thời, chú thế, chú giang sơn, quang tiền thước hậu;

Quốc hồn tại phủ, nhất đồng cánh vô thanh, ai tai tân khổ mục trường, ngưỡng thiên thôn đạm, sở vọng nhất tâm đồng đức, hữu thúc, hữu đệ, hữu bằng hữu, tuy tử do sinh.

Hào kiệt mất rồi, trăm mình khôn chuộc lại, tiếc nỗi văn minh buổi mới, chút lửa cháy đồng, thề rằng trăm luyện ngàn tôi, đúc thời, đúc thế, đúc non sông, trước sau rạng rỡ;

Quốc hồn đâu tá, một tiếng thét không ra, thương thay trường mục đắng cay, nhìn trời nuốt mật, ước những đồng tâm, đồng đức, còn chú còn em, còn bạn hữu, sống chết như nhau.

年少憶同游問嘗拔劍擘天誓殲仇虜眞個略韜素
蘊大有乃父風吾夫子席前言志時噲然心許

時危誰爲拯方欲揮戈挽日濠失英雄獨憐忠孝兩
全留作吾儕鏡老將軍海外聞哀日莞爾顏開

Niên thiếu ức đồng du, gian thường bạt kiếm phách thiên, thệ tiêm cừu lỗ, chân cá lược thao tổ vấn, đại hữu nãi phụ phong, ngô phu tử tịch tiền ngôn chí thời, khoái nhiên tâm hứa.

Thời nguy thời vị chửng, phương dục huy qua văn nhật, cự thất anh hùng độc liên trung hiếu lưỡng toàn, lưu tác ngô sài kính, lão tướng quân hải ngoại văn ai nhật, hoản nhĩ nhan khai.

Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi, đã từngmang giáo chỉ trời cao, thề trừ giặc cướp, thật là đã gồm tài thao lược, theo lối của người cha, thầy học ta khi nói chỉ học trò, lòng đà khâm phục;

Gặp lúc nguy nan ai cứu, những muốn múa gươm xong cuộc thế, đã mất anh hùng, chỉ tức rằng trọn đạo hiếu trung, làm gương cho bạn hữu, lão tướng quân lúc được nghe ai tin, mặt vẫn tươi cười.

(Hoàng Ngọc Long viếng Nguyễn Bá Tuyển, Hải Dương)

乾坤翻覆以來問豈無轟轟烈烈好場誰似君
家三櫻虜刃再殉孤城幾回看寶劍掌中魂到
九泉猶殺賊

身世浮沈至此日常抱鬱鬱孛孛奇氣欲揮吾
手拔崑崙山平芹徐海一聲語姪兒海外身先
同志厲誅仇

Càn khôn phiên phúc dĩ lai, gian khởi vô oanh oanh liệt liệt hảo trường, thùy tự quân gia, tam anh lỗ nhận, tái tuẫn cô thành, kỷ hồi khan bảo kiếm chưởng trung, hồn đáo cửu tuyền do sát tặc.
Thân thế phù trầm chí thử, nhật thường bão uất uất bột bột kỳ khí, dục huy ngô thủ, bạt Côn Lôn sơn, bình Cần Giờ hải, nhất thanh ngữ diệt nhi hải ngoại, thân tiên đồng chí lệ trừ cừu.

Trời nghiêng đất ngả đến nay, há không trường liệt liệt oanh oanh, ai như nhà ông, ba người đánh giặc chết, hai bận giữ thành cô, bao lần xem báu kiếm trong tay, hồn đến suối vàng còn giết giặc. Bẩy nổi ba chìm là thế, ôm cái chí uất uất bột bột, muốn giơ tay ta, san phẳng núi Côn Lôn, lấp bằng bể Cần Hải, một tiếng gọi cháu trai ngoài cõi, hàng đầu đồng chí gắng phanh thù.

(Trần Quốc Duy viếng Nguyễn Hữu Cương)

自攜手離東忽七年間風雨重洋關山萬里
每於艱險地膽爲酒薪爲床時對心言生斯
世當雄之飛毋雌之伏

暨分襟而西已一載半鴈音竟杳鴻爪空留
恍於夢寐中聲如雷目如炬來告予曰眞男
子寧玉而碎毋瓦而全

Tự huề thủ ly Đông, hốt thất niên gian, phong vũ trùng dương, quan sơn vạn lý, mỗi ư gian hiểm địa, đảm vi tửu tân vi sàng, thời đối tâm ngôn: sinh tư thế đương hùng chi phi, vô thư chi phục;
Ký phân khâm nhi Tây, dĩ nhất tải bán, nhạn âm cánh diểu, hồng trảo không lưu, hoảng ư mộng mị trung, thanh như lôi, mục như cự, lai cáo dư viết: chân nam tử ninh ngọc nhi toái, vô ngoã nhi toàn.

Từ dắt tay dời Đông, bỗng trong bẩy năm, mưa gió ngàn trùng, quan san muôn dặm, khi ở nơi gian hiểm, mật làm rượu, gai làm giường, bấm bụng nói thầm: "Sinh ở đời này, thà giống trống mà bay, không làm giống mái mà nấp".
Lần chia áo đi Tây, nay một năm rưỡi, tin nhà đã vắng, móng hồng không còn, bỗng trong giấc chiêm bao, tiếng như lôi, mắt như lửa, gọi tôi mà bảo: "Đã là nam tử, thà làm ngọc mà nát, không làm hòn ngói mà nguyên".

(Viếng Nguyễn Đức Công, Nghệ An)

浮生何足悲可憐國難家仇壯志半生流水逝
同黨依然在會看乾旋坤轉英魂萬里烈風來

Phù sinh hà túc bi, khả liên quốc nạn gia cừu,
tráng chí bán sinh lưu thủy thệ;
Đồng đảng y nhiên tại, hội khán kiền toàn khôn chuyển,
anh hồn vạn lý liệt phong lai.

Phù sinh có tiếc gì, đáng thương nạn nước thù nhà,
tráng chí nửa đời theo nước chẩy;
Đồng đảng còn đây cả, sẽ thấy trời xoay đất chuyển,
hồn thiêng muôn dặm gió bay về.

(Viếng Phan Lại Lương, Hưng Nguyên, Nghệ An)

噫天遽喪予耶磊磊一生心方將吞四海
吸三江捲萬千怒浪愁濤惟吾驅策
使人儘如君者茫茫全亞陸奠至朝歐雲
暮美雨把四百神州赤縣任汝縱橫

Y thiên cự táng dư da, lỗi lỗi nhất sinh tâm, phương tương thôn tứ hải
hấp tam giang, quyển vạn thiên nộ lãng sầu đào, duy ngô khu sách;
Sử nhân tận như quân giả, mang mang toàn Á lục, hề chí triêu Âu vân
mộ Mỹ vũ, bả tứ bách thần châu xích huyện, nhậm nhữ tung hoành.

Trời làm hại ta chăng? Lỗi lạc một tấm lòng, những đang hòng nuốt
bốn bể, hút tam giang, cuốn muôn ngàn ngọn sóng kinh đời,
để ta sai khiến;
Mọi người như ông cả, mênh mông toàn châu Á, sao đến nỗi sớm
mây Âu, chiều gió Mỹ, đem bốn trăm huyện châu quí báu
cho chúng tung hoành.

(Viếng Nguyễn Đình Lâm; Hương Sơn, Hà Tĩnh)

一腔熱血竟付東流成敗局人奈天何千
秋淚洒珠江水
十歲雄圖欲翻西海感慨場今猶昨也萬
里魂馳故國山

Nhất xoang nhiệt huyết cánh phó Đông lưu, thành bại cục nhân nại
thiên hà, thiên thu lệ sái Châu giang thủy.
Thập tuế hùng đồ dục phiên Tây hải, cảm khái trường kim do tạc
dã, vạn lý hồn tri cố quốc sơn.

Một bầu nhiệt huyết, phó mặc Đông lưu, cuộc thành bại người biết
[illegible] sao, nước Châu giang ngàn thu lệ rưới.
Mười năm hùng đồ, muốn lay Tây hải, trường cảm khái nay như xưa
vậy, non cố quốc muôn dặm hồn về.

(Viếng Võ Quán; Bình Sơn; Quảng Ngãi)

方將聯一氣爲地球無所謂合並無所謂離
管教地下人間總依然燈前劍影枕畔雞聲
得意也都忘爾我
且欲導眾生於天國有爲之因必有爲之果
憑仗天靈佛力會須看塵裏歐雲毫端美雨
牧場那復計東西

Phương tương liên nhất khí vi địa cầu, vô sở vị hợp tịnh vô sở vị ly, quản giáo địa hạ nhân gian, tổng y nhiên đăng tiền kiếm ảnh, chẩm bạn kê thanh, đắc ý dã đô vong nhĩ ngã;
Thả dục đạo chúng sinh ư thiên quốc, hữu vi chi nhân, tất hữu vi chi quả, bằng trượng thiên linh Phật lực, hội tu khán trần lý Âu vân, hào đoan Mỹ vũ, mục trường na phục kế đông tây.

Cũng toan liều một mạch làm địa cầu, không gì là hợp, cũng không gì là ly, khiến cho dưới đất giữa người, đều y nhiên trước đèn bóng kiếm, bên gối tiếng gà, khi đắc ý lại quên mày tớ;
Lại muốn dẫn chúng sinh lên thiên quốc, đã làm ra nhân ắt sẽ làm ra quả, dựa ở oai trời sức Phật, tất phải thấy trong bụi mây Âu, đầu tia mưa Mỹ, trường chăn chi sá kể đông tây.

(Nguyễn Thượng Hiền viếng Hồ Bá Kiện)

玄黃未定如此世須才有其奮矣而更蹶有
其蹶矣而復能奮歟臥我於窮島荒山尸祝
萬人齊救國
淘汰無情祇疑天亦醉彼宜死者何以生彼
宜生者又何而死也憐君以空拳白面奔馳
十載不知家

Huyền hoàng vị định, như thử thế tu tài, hữu kỳ phấn hĩ nhi cánh quệ, hữu kì quệ nhi phục năng phấn dư, ngoạ ngã ư cùng đảo hoang sơn thi chúc vạn nhân tề cứu quốc;
Đào thải vô tình, chi nghi thiên diệc túy, bỉ nghi tử giả hà dĩ sinh bỉ nghi sinh giả hựu hà nhi tử dã, liên quân dĩ không quyền bạch diện, bôn trì thập tải bất tri gia.

Cao dày chưa định thế, đời còn cần kẻ có tài, có người đã dậy rồi, lại ngã, có người đã ngã rồi lại dậy chăng? Đầy ta ra đảo vắng rừng hoang, muôn kẻ ước mong đều cứu nước.
Lừa lọc khéo vô tình, trời hẳn như người say rượu, kia kẻ đáng chết sao lại sống, kẻ đáng sống sao lại phải chết thế? Thương anh chỉ tay không mặt trắng, mười năm chạy vạy biết chi nhà.

(Đặng Nguyên Cẩn viếtng Phạm Ngôn)

君 子 一 生 心 可 白
將 軍 雖 死 面 猶 紅
Quân tử nhất sinh tâm khả bạch
Tướng quân tuy tử diện do hồng[1]
Quân tử trọn đời lòng tỏ trắng
Tướng quân dầu chết mặt còn hồng.

怒 倒 山 河 三 尺 劍
功 成 夫 婦 一 家 兵
Nộ đảo sơn hà, tam xích kiếm
Công thành phu phụ, nhất gia binh[2]
Núi sông rạp đổ, gươm ba thước
Chồng vợ xông pha, lính một nhà.

少 爲 故 鄉 子 老 還 爲 故 鄉 翁 得 喪 始 終 俱 隱 夢
生 爲 南 國 人 死 猶 爲 南 國 鬼 是 非 千 古 有 公 評
Thiếu vi cố hương tử, lão hoàn vi cố hương ông,
đắc táng thủy chung câu ẩn mộng
Sinh vi Nam quốc nhân, tử do vi Nam quốc quỷ,
thị phi thiên cổ hữu công bình[3]
Trẻ là con quê hương, già về là lão quê hương,
được mất trước sau dường giấc mộng.
Sống làm người đất nước, chết vẫn làm ma đất nước,
đúng sai muôn thuở có lời bàn.

痛 心 時 事 異 常 士 君 子 有 國 之 仇 無 身 之 怨
回 頭 江 山 依 舊 大 丈 夫 雖 死 之 日 猶 生 之 年
Thống tâm thời sự dị thường, sĩ quân tử hữu quốc chi cừu, vô thân chi oán;
Hồi đầu giang sơn y cựu, đại trượng phu tuy tử chi nhật, do sinh chi niên[4].
Đau lòng thay thời thế khác thường, người quân tử không
nghĩ oán riêng, chỉ lo thù nước;
Quay đầu lại non sông như cũ, kẻ trượng phu tuy rằng
đã chết, cũng vẫn như còn.

---

[1] Câu đối của Phó bảng Nguyễn Đôn Tiết viếng liệt sĩ Phạm Bành, mất năm 1886. Bản chữ Hán và bản dịch, tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19.*
[2] Khuyết danh; Câu đối mừng vợ chồng nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.
[3] Khuyết danh; Câu đối viếng một thủ lĩnh nghĩa quân Bãi Sậy. Xuất xứ như trên.
[4] Câu đối khuyết danh viếng Nguyễn Quang Bích mất năm 1889. Văn bản chữ Hán và bản dịch tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19.*

有 志 弗 成 英 雄 已 矣
未 捷 先 死 天 意 謂 何

Hữu chí phất thành, anh hùng dĩ hỉ
Vị tiệp tiên tử, thiên ý vị hà[1]

Có chí không thành, anh hùng đã khuất
Chưa thắng đã chết, ý trời ra sao!

雖 云 成 敗 由 天 唱 義 先 聲 存 藝 靜
堪 嘆 英 雄 無 地 扶 君 大 節 有 鴻 藍

Tuy vân thành bại do thiên, xướng nghĩa tiên thanh tồn Nghệ Tĩnh
Kham thán anh hùng vô địa, phù quân đại tiết hữu Hồng Lam.

Tuy rằng thành bại tại trời, xướng nghĩa đầu tiên truyền Nghệ Tĩnh
Than nhẽ anh hùng không đất, phò vua tiết lớn sánh Hồng Lam[2]

成 敗 英 雄 莫 論 此 孤 忠 此 大 義 誓 與 諸 君 子
始 終 硃 之 英 墨 之 靈 讀 書 每 念 綱 常 重 可 恨
者 垂 顛 大 廈 一 木 難 支 宮 冷 煙 消 誰 人 不 作
深 山 怨 況 當 日 龍 飛 雲 暗 共 嗟 人 事 無 常 可
憐 雒 越 江 山 百 年 文 獻 翻 兵 馬

古 今 天 地 無 窮 而 流 水 而 高 峰 同 此 大 丈 夫
宇 宙 藍 之 風 鴻 之 雪 沖 寒 無 奈 柏 松 凋 謂 何
哉 潰 決 頹 波 中 流 砥 柱 星 移 物 換 何 人 不 起
故 園 情 及 此 時 雁 散 風 吹 堪 嘆 天 心 莫 助 獨
此 松 梅 氣 節 一 死 精 神 貫 斗 牛[3]

Thành bại anh hùng mạc luận, thử cô trung, thử đại nghĩa, thề dữ chư quân tử thủy chung; Châu chi anh, Mặc chi linh, độc thư mỗi niệm cương thường trọng. Khả hận giả thùy điên đại hạ, nhất mộc nan chi; cung lãnh yên tiêu, thùy nhân bất tác thâm sơn oán! Huống đương nhật long phi vân ám, cộng ta nhân sự vô thường; khả liên Lạc Việt giang sơn, bách niên văn hiến phiên binh mã;
Cổ kim thiên địa vô cùng, nhi lưu thủy, nhi cao phong, đồng thử đại trượng phu vũ trụ; Lam chi phong, Hồng chi tuyết, xung hàn vô nại

---

[1] Câu đối của Phan Đình Phùng viếng Cao Thắng[2] và Lê Ninh[3]. Xuất xứ như trên.

[2] Đây là đôi câu đối các văn thân Nghệ Tĩnh viếng chí sĩ Phan Đình Phùng mất ngày 28 tháng 12 năm 1895. Phần chữ Hán và phần dịch, chúng tôi tuyển từ *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ 19*.

[3] Đôi câu đối này có ý nghĩa hết sức sâu sắc về nội dung, còn về nghệ thuật cũng rất đặc sắc; chúng tôi dẫn để chúng ta cùng tham khảo, học tập.

bách tùng điêu. Vị hà tai hội quyết đồi ba, trung lưu để trụ, tinh di vật hoán, hà nhân bất khởi cố viên tình! Cập hử thời nhạn tán phong xuy, khaim thán thiên tâm mạc trợ; độc thử tùng mai khí tiết, nhất tử tinh thần quán đẩu ngưu!

Anh hùng thành bại kể chi, tấc dạ cô trung, tấm gương nghĩa cả, thề cùng các bạn chu tuyền; Son mực thánh thần, đọc sách lấy cương thường làm trọng. Giận vì lẽ nhà to sắp đổ, một cây chẳng chống được nào; cung lạnh khói tàn, cảnh non thảm ai không xót nỗi. Gặp vận rồng bay mây tối, ngậm ngùi cuộc thế đổi thay, thương ôi Lạc Việt non sông, văn hiến trăm năm binh mã loạn;

Trời đất cổ kim còn mãi, một dòng nước chảy, muôn trượng núi xa, ấy chốn nam nhi ngang dọc; Lam Hồng gió tuyết, ngạo đông cho tùng bách cũng gầy. Tính sao đây sóng cả đang dâng, cột đá giữa dòng khó vững; sao dời vật đổi, tình cố hương ai chẳng chạnh lòng! Nguồn cơn nhạn lạc gió gầm, ngao ngán lòng trời cay nghiệt; thấy chửa tùng mai khí tiết, tinh thần một thác đẩu ngưu cao!

自古英雄鐵石肝腸難盡寫
到頭事勢川河血淚曷能流

Tự cổ anh hùng, thiết thạch can trường nan tận tả
Đáo đầu sự thế xuyên hà huyết lệ hạt năng lưu[1]

Từ trước anh hùng, dạ sắt gan vàng khôn xiết tả
Đến cùng sự thế, máu sông lệ suối chảy sao trôi.

錦悅動金風王母稱觴聯卺酒
燭花輝繡閣蘭孫引鳳舞斑衣

Cẩm thuế động kim phong Vương mẫu xưng thương liên cẩn tửu.
Chúc hoa huy tú các, lan tôn dẫn phượng vũ ban y.

Khăn gấm gió thu bay, Vương mẫu chén mời bên rượu cưới.
Đuốc hoa ngời gác đẹp, vườn lan đưa phượng múa áo hoa.

八月稱觴桂苑投香延八秩
千聲奏樂萱花迎笑祝千秋

Bát nguyệt xưng thương quế uyển đầu hương diên bát trật.
Thiên thanh tấu nhạc huyên hoa nghinh tiếu chúc thiên thu.

Tháng tám tiệc thọ, vườn quế đưa hương mừng tám chục.
Ngàn thanh nhạc tấu, hoa huyên vui đón chúc ngàn thu.

---

[1] Câu đối các thân sĩ Thanh Hóa viếng Tống Duy Tân mất ngày mồng 5 tháng 10 năm 1892. Xuất xứ như trên.

寶 婺 呈 輝 八 十 年 來 光 八 月
蟠 桃 獻 瑞 三 千 歲 後 待 三 禺

Bảo vụ trình huy bát thập niên lai quang bát nguyệt.
Bàn đào hiến thuỵ tam thiên tuế hậu đãi tam ngu.
Bảo vụ sáng sao, tám chục tuổi rồi soi tháng tám.
Bàn đào hiến thọ, ba ngàn năm tới đợi ba nơi.

錦 悅 動 金 鳳 壽 度 八 旬 逢 九 月
繡 花 輝 寶 婺 祥 鍾 一 室 慶 千 秋

Cẩm thuế động kim phượng thọ độ bát tuần phùng cửu nguyệt.
Tú hoa huy bảo vụ tường chung nhất thất khánh thiên thu.
Phượng vàng bay rực rỡ, tuổi thọ tám tuần vào tháng chín.
Bảo vụ ngời hoa đẹp, chuông lành một cửa chúc ngàn năm.

四 德 俱 全 逢 九 秩
三 多 咸 備 祝 千 秋

Tứ đức câu toàn phùng cửu trật.
Tam đa hàm bị chúc thiên thu.
Tứ đức vẹn toàn lên chín chục.
Tam đa đầy đủ chúc ngàn năm.

堂 北 萱 花 榮 九 秩
天 南 寶 婺 耀 千 秋

Đường bắc huyên hoa vinh cửu trật.
Thiên nam bảo vụ diệu thiên thu.
Nhà bắc hoa huyên vinh chín chục.
Trời nam Bảo vụ sáng ngàn năm.

德 合 無 疆 年 逾 九 秩
壽 稱 難 老 慶 祝 三 多

Đức hợp vô cương niên du cửu trật.
Thọ xưng nan lão khánh chúc tam đa.
Đức đến vô cùng vượt qua chín chục.
Thọ nay hiếm kẻ cầu chúc tam đa.

寶 婺 星 輝 年 九 十
蟠 桃 果 熟 歲 三 千

Bảo vụ tinh huy niên cửu thập.
Bàn đào quả thục tuế tam thiên.
Bảo vụ sáng soi năm chín chục.
Bàn đào quả chín tuổi ba ngàn.

九 旬 鶴 髮 同 金 母
七 秩 斑 衣 學 老 萊
Cửu tuần hạc phát đồng Kim Mẫu.
Thất trật ban y học Lão Lai.
Chín mươi tóc hạc cùng kim mẫu.
Bảy chục áo hoa học Lão Lai.

錦 悅 動 春 風 壽 延 九 秩
萱 花 棟 徑 色 慶 衍 千 秋
Cẩm thuế động xuân phong thọ diên cửu trật.
Huyên hoa đống kính sắc khánh diễn thiên thu.
Khăn gấm động gió xuân, thọ mừng chín chục.
Hoa huyên đầy luống cỏ, cầu chúc ngàn năm.

華 堂 酒 進 香 流 菊
粧 閣 詩 成 氣 挹 蘭
Hoa đường tửu tiến hương lưu cúc.
Trang các thi thành khí ấp lan.
Nhà hoa rượu rót thơm hương cúc.
Gác đẹp câu thơ đượm khí lan.

霞 藹 桃 觴 浮 玉 液
德 滋 蘭 蕊 映 金 粧
Hà ái đào thương phù ngọc dịch.
Đức tư lan nhuỵ ánh kim trang.
Ngọc dịch chén đào mây hiện bóng.
Áo vàng lan nhuỵ đức thơm hương.

瑞 啓 瓊 花 逢 七 秩
榮 聯 錦 膝 繞 雙 佳
Thuỵ khải quỳnh hoa phùng thất trật.
Vinh liên cẩm tất nhiễu song giai.
Mừng thấy hoa quỳnh hoa vừa bảy chục.
Vinh thay dưới gối đẹp hai đôi.

椿 室 開 筵 添 鶴 算
墨 池 起 浪 上 龍 門
Xuân thất khai diên thiêm hạc toán.
Mặc trì khởi lãng thượng long môn.
Nhà xuân mở tiệc thêm tuổi hạc.
Ao mực sóng cồn vượt cửa rồng.

萬 里 九 霄 初 發 軔
一 堂 三 代 慶 齊 眉
Vạn lý cửu tiêu sơ phát nhẫn.
Nhất đường tam đại khánh tề my.
Chín tầng muôn dặm xe vừa đẩy.
Ba đời một cửa chúc ngang mày.

春 酒 香 浮 芹 酒 綠
文 星 彩 煥 極 星 輝
Xuân tửu hương phù cần tửu lục.
Văn tinh thái hoán cực tinh huy.
Rượu xuân hương nổi, rượu cần xanh.
Sao văn rực rỡ, sao cực sáng.

椿 榮 海 屋 連 芹 綠
幟 樹 宮 墻 映 悅 紅
Xuân vinh hải ốc liên cần lục.
Sí thụ cung tường ánh thuế hồng.
Xuân tươi nhà biển rượu cần đậm.
Cờ treo cung điện sắc thêm hồng.

寶 砌 風 和 湘 蘭 並 茂
重 帷 日 暖 鶴 髮 雙 輝
Bảo thế phong hoà tương lan tinh mậu.
Trùng duy nhật noãn hạc phát song huy.
Thềm đá phong quang tương lan đều tốt.
Màn đôi ấm áp tóc hạc cùng soi.

祖 晉 霞 觴 蟠 溪 逸 叟
孫 明 花 燭 月 殿 常 娥
Tổ tấn hà thương bàn khê dật tẩu.
Tôn minh hoa chúc nguyệt điện thường nga.
Chúc ông rượu thọ, già ẩn bàn khê.
Mừng cháu đẹp duyên, hằng nga nguyệt điện.

陞 區 與 添 籌 濟 美
遊 擁 共 合 巹 齊 輝
Thăng biển dữ thiêm trù tế mỹ.
Du ung cộng hợp cẩn tề huy.
Biển treo tuổi thọ càng thêm đẹp.
Thành đạt hoà duyên cảnh thật vui.

椿 樹 逢 春 長 不 老
梯 花 浥 露 滿 庭 芳
Xuân thụ phùng xuân trường bất lão.
Đệ hoa ấp lộ mãn đình phương.
Cây xuân gặp xuân càng trẻ mãi.
Hoa đệ đầm sương khắp chốn thơm.

一 幹 靈 椿 榮 晝 錦
兩 株 丹 桂 吐 天 香
Nhất cán linh xuân vinh trú cẩm.
Lưỡng thù đan quế thổ thiên hương.
Một gốc linh xuân tươi tựa gấm.
Đôi cành đan quế nhả hương trời.

喬 木 籌 添 盈 海 屋
桂 花 香 噴 捷 雍 宮
Kiều mộc trù thiêm doanh hải ốc.
Quế hoa hương phún tiệp ung cung.
Gỗ lớn muốn sửa nhà trên biển.
Quế hoa hương toả ngát trong nhà.

弧 懸 共 慶 長 春 酒
藝 苑 咸 稱 命 世 才
Hồ huyền cộng khánh trường xuân tửu.
Nghệ uyển hàm xưng mạnh thế tài.
Cung treo tiệc chúc rượu trường xuân.
Vườn đẹp tiếng khen người tài đức.

蓮 池 特 誦 長 生 葉
璧 水 連 徵 命 世 才
Liên trì dặc tụng trường sinh diệp.
Bích thuỷ liên trưng mạnh thế tài.
Ao sen ca tụng lá trường sinh.
Nước biếc ngợi khen người tài đức.

婺 宿 流 輝 光 璧 水
宮 衣 絢 彩 舞 園 橋
Vụ tú lưu huy quang bích thủy.
Cung y huyến thái vũ viên kiều.
Sao vụ sáng ngời soi nước biếc.
Cung y rực rỡ múa cầu ngân.

海 屋 籌 添 萱 草 秀
雍 宮 彩 徹 梓 花 香
Hải ốc trù thiêm huyên thảo tú.
Ung cung thái triệt tử hoa hương.
Nhà biển cỏ huyên còn rực rỡ.
Cung vui hoa tử vẫn đưa hương.

寶 婺 呈 祥 共 應 萱 花 榮 晝 錦
圜 橋 播 譽 咸 推 桂 子 噴 天 香
Bảo vụ trình tường cộng ứng huyên hoa vinh trú cẩm.
Viên kiều bá dự hàm suy quế tử phún thiên hương.
Bảo vụ điềm lành, cùng với hoa huyên tươi vẻ gấm.
Cầu ngân lộng lẫy, còn thêm cây quế toả hương trời.

萱 草 長 凝 芹 藻 綠
蟠 桃 遠 送 桂 花 香
Huyên thảo trường ngưng cần tảo lục.
Bàn đào viễn tống quế hoa hương.
Cỏ huyên đẫm nước cần xanh lục.
Bàn đào đưa tiễn quế hương hoa.

萱 草 常 滋 仙 掌 露
梓 花 新 浴 判 池 春
Huyên thảo thường tư tiên chưởng lộ.
Tử hoa tân dục phán trì xuân.
Cỏ huyên vẫn đậm sương tiên giới.
Hoa tử vừa hay tắm nước xuân.

堂 上 萱 花 榮 晝 錦
階 前 桂 子 舞 斑 衣
Đường thượng huyên hoa vinh trú cẩm.
Giai tiền quế tử vũ ban y.
Trên nhà hoa huyên tươi vẻ gấm.
Trước sân con quế múa làm vui.

稱 觴 大 啓 蟠 桃 宴
拜 爵 榮 開 仕 進 門
Xưng thương đại khải bàn đào yến.
Bái tước vinh khai sĩ tiến môn.
Chốn bàn đào tiệc lớn chúc mừng.
Cửa thăng tiến vinh quang bái tước.

筵 啓 瓊 瑤 開 壽 域
才 徵 黼 黻 贊 王 尊

Diên khải quỳnh dao khai thọ vực.
Tài trưng phủ phất tán vương tôn.

Tiệc mở quỳnh dao mừng tuổi thọ.
Tài cao mũ áo tạ ơn vua.

堂 燦 萱 花 榮 鶴 算
名 登 仕 籍 試 鴻 才

Đường sán huyên hoa vinh hạc toán.
Danh đăng sỹ tịch thí hồng tài.

Nhà rạng hoa huyên vinh thọ hạc.
Tên ghi sỹ tịch bậc tài hoa.

萱 榮 晝 錦 聯 桃 碧
燭 燦 蘭 房 映 悅 紅

Huyên vinh trú cẩm liên đào bích.
Chúc sán lan phòng ánh thuế hồng.

Huyên tươi vẻ gấm bên đào biếc.
Đuốc sáng phòng lan đẹp khăn hồng.

花 燭 光 聯 萱 壽 燭
霞 杯 香 繞 子 交 杯

Hoa chúc quang liên huyên thọ chúc.
Hà bôi hương nhiễu tử giao bôi.

Đuốc hoa sáng, nhà huyên đuốc thọ.
Chén mừng thơm, lẫn chén giao hoan.

北 海 開 宗 西 陵 獻 壽
東 有 才 子 南 國 家 人

Bắc hải khai tôn Tây lăng hiến thọ.
Đông hữu tài tử Nam quốc gia nhân.

Biển Bắc tiệc bày, Tây lăng hiến thọ.
Miền đông tài tử, Nam quốc nên nhà.

王 母 獻 金 觴 看 此 日 桃 宴 生 輝 共 慶 長 春 不 老
蘭 孫 調 錦 瑟 喜 今 霄 梅 花 葉 韻 預 兆 五 世 其 昌

Vương mẫu hiến kim thương, khán thử nhật đào yến sinh huy,
cộng khánh trường xuân bất lão.
Lan tôn điều cẩm sắt, hỷ kim tiêu mai hoa diệp vận,
dự triệu ngũ thế kỳ xương.

Vương mẫu dâng chén vàng, nhớ ngày ấy yến đào rạng rỡ, chúc cho trẻ mãi không già.
Lan tôn vui đàn gấm, mừng đêm nay hoa mai tươi tốt, điềm nêu thịnh vượng năm đời.

萱草長榮十分秀色槐堂麗
桂枝特茂一種天香璧水生

Huyên thảo trường vinh, thập phần tú sắc hoè đường lệ.
Quế chi đặc mậu, nhất chủng thiên hương bích thuỷ sinh.
Cỏ huyên tươi tốt, xuân sắc mười phần sân hoè đẹp.
Cành quế rậm rạp, hương trời một loại nước biếc sinh.

海屋添籌，金丹進南山之祝
瑤池舞彩，蘭孫揚芹泮之名

Hải ốc thiêm trù, kim đan tiến Nam sơn chi chúc.
Dao trì vũ thái, lan tôn dương cần phán chi danh.
Nhà biển thêm dài, đơn vàng đến núi nam chúc thọ.
Dao trì múa đẹp, cháu lan nêu danh tiếng hoa cần.

設悅榮邀金闕露
明經聲著玉堂春

Thiết thuế vinh yêu kim khuyết lộ.
Minh kinh thanh trước ngọc đường xuân.
Cờ treo muốn đượm sương kim khuyết.
Thông kinh nức tiếng xuân ngọc đường.

喜向園橋舒彩步
欣看膝下對新粧

Hỷ hướng viên kiều thư thái bộ.
Hân khan tất hạ đối tân trang.
Mừng hướng cầu ngân thư thái bước.
Vui nhìn bên gối thấy tân trang.

春淩仕藉聯金誥
桂映粧臺對玉人

Xuân lăng sỹ tịch liên kim cáo.
Quế ánh trang đài đối ngọc nhân.
Trên biển vàng, hương xuân sỹ tịch.
Trước người ngọc, ánh quế đài trang.

琪 花 彩 結 金 門 曉
桂 蕊 香 含 寶 鏡 輝
Kỳ hoa thái kết kim môn hiểu.
Quế nhụy hương hàm bảo kính huy.
Cửa vàng rực rỡ kết hoa lạ.
Gương quý còn vương nhuỵ quế hương.

既 仰 雍 池 騰 鳳 起
旋 看 膝 下 警 雞 鳴
Ký ngưỡng ung trì đằng phượng khởi.
Toàn khan tất hạ cảnh kê minh.
Cưỡi phượng bay tham quan ao đẹp.
Sợ gà gáy bên gối vẫn xem.

椿 樹 敷 榮 膺 國 典
梓 花 吐 瑞 引 文 鸞
Xuân thụ phu vinh ưng quốc điển.
Tử hoa thổ thuỵ dẫn văn loan.
Cây xuân tươi tốt nhờ ơn nước.
Hoa tươi điềm báo bởi văn loan.

伯 擅 英 才 騰 鳳 闕
仲 輝 彩 筆 畫 鸞 眉
Bá thiện anh tài đằng phượng khuyết.
Trọng huy thái bút hoạ loan my.
Cả có tài năng gần cửa phượng.
Hai vung bút tốt vẽ mày loan.

壎 奏 雍 池 歌 鳳 起
篪 吹 繡 幙 警 雞 鳴
Huân tấu ung trì ca phượng khởi.
Trì suy tú mạc cảnh kê minh.
Ao đẹp tấu huân ca cưỡi phượng.
Rèm thêu thổi sáo nhắc tiếng gà.

難 弟 難 兄 名 標 璧 沼
宜 家 宜 室 議 注 蘭 房
Nan đệ nan huynh danh tiêu bích chiểu.
Nghi gia nghi thất nghị chú lan phòng.
Tên nêu hồ ngọc khó anh khó em.
Bàn chuyện phòng lan nên nhà nên cửa.

伯 擅 奇 才 騰 藝 苑
仲 輝 彩 筆 注 蘭 房

Bá thiện kỳ tài đằng nghệ uyển.
Trọng huy thái bút chú lan phòng
Cả rõ tài đạo vườn nghệ thuật.
Hai vung bút đẹp tô điểm phòng lan.

伯 儲 攀 桂 風 流 欣 從 壁 水 橋 中 漸 徵 大 志
仲 擅 探 花 手 暇 喜 向 溫 柔 鄉 裏 聊 試 奇 才

Bá trừ phan quế phong lưu hân tòng bích thuỷ kiều trung tiệm trưng đại chí
Trọng thiện thám hoa thủ hạ hỷ hướng ôn nhu hương lý liêu thí kỳ tài.
Anh sẵn phong lưu vin quế, tạm khoe chí lớn,
men theo dòng biếc qua cầu,
Em từng vươn tay bẻ hoa, muốn thử tài năng,
mừng hướng thuận hoà hương lý.

壎 奏 橋 門 聲 葉 鹿 鳴 誇 拔 萃
篪 和 繡 幙 音 諧 梅 韻 笑 摧 粧

Huân tấu kiều môn thanh diệp lộc minh khoa bạt tụy.
Trì hoà tú mạc âm hài mai vận tiếu thôi trang.
Huân tấu cửa cao, lá reo hươu tộ khoe siêu việt.
Sáo thổi màn thêu, âm đẹp mai cười vui điểm trang.

壎 跨 鸞 幃 羆 入 夢
篪 騰 鳳 閣 筆 生 花

Huân khoá loan vi bi nhập mộng.
Trì đằng phượng các bút sinh hoa.
Huân phủ màn loan, bi đến mộng.
Trì vươn gác phượng, bút sinh hoa.

壎 從 繡 幕 歌 鸞 舞
篪 向 儒 林 譜 鹿 鳴

Huân tòng tú mạc ca loan vũ.
Trì hướng nho lâm phổ lộc minh.
Huân theo rèm đẹp ca loan múa.
Sáo hướng rừng nho hoạ tiếng hươu.

桂 子 登 龍 誇 拔 萃
蘭 孫 引 鳳 笑 摧 粧

Quế tử đăng long khoa bạt tuỵ.
Lan tôn dẫn phượng tiếu thôi trang.
Con quế cưỡi rồng khoe tài giỏi.
Cháu lan đưa phượng cười điểm trang.

桂 蕊 飄 香 盈 藝 苑
蘭 芽 競 繡 映 粧 臺

Quế nhụy phiêu hương doanh nghệ uyển.
Lan nha cạnh tú ánh trang đài.
Nhuỵ quế hương tràn vườn nghệ thuật.
Mầm lan tranh đẹp rạng đài trang.

桂 子 題 名 騰 鳳 閣
蘭 孫 合 巹 對 鸞 幃

Quế tử đề danh đằng phượng cát.
Lan tôn hợp cẩn đối loan vi.
Con quế tên nêu leo gác phượng.
Cháu lan duyên đẹp trước màn loan.

青 雲 生 錦 步 泮 璧 騰 輝 燕 翼 徽 聲 游 碧 水
彩 筆 繪 新 眉 瑟 琴 葉 韻 詒 謀 令 緒 引 紅 絲

Thanh vân sinh cẩm bộ phán bích đằng huy yến dực huy thanh du bích thuỷ.
Thái bút hội tân my sắt cầm diệp vận di mưu lệnh tự dẫn hồng ty.
Thành đạt tạo dáng đi, bến ngọc cao bay cánh yến, tiếng kêu vọng nước xanh.
Bút tốt vẽ hàng mi, cầm sắt lá reo bày đặt, se chắp mối tơ hồng.

辟 雍 傳 燕 翼 璧 耀 奎 明 俱 慶 堂 中 鳴 瑞 鳳
繡 幙 詔 詁 謀 琴 和 瑟 合 齊 眉 案 上 舞 祥 鸞

Tích ung truyền yến dực bích diệu khuê minh câu khánh đường trung minh thuỵ phượng.
Tu mạc chiếu hỗ mưu cầm hoà sắt hợp tề my án thượng vũ tường loan.
Lệnh trên truyền cánh yến, bích sáng khuê minh đều tốt, phượng lành hót nhà trong.
Rèm đẹp giảng nghĩa xưa, cầm hoà sắt hợp ngang mày, loan vui múa trên án.

桂 子 題 名 早 凌 璧 水 振 辟 雍 望 重 園 橋 誇 拔 萃
蘭 孫 得 意 先 詠 關 雎 歌 麟 趾 聲 來 繡 閣 笑 摧 粧

Quế tử đề danh tảo lăng bích thủy chấn tích ung vọng trọng
viên kiều khoa bạt tuỵ.
Lan tôn đắc ý tiên vịnh quan thư ca lân chỉ thanh lai
tú các tiếu thôi trang.
Con quế nêu tên, sớm vượt nước xanh, dựng ngôi cao vọng trọng,
cầu ngân khoe lỗi lạc.
Cháu lan đắc ý, trước vịnh Quan thư, ca Lân chỉ vang dội,
gác đẹp giục tân trang.

膝 下 名 婚 雙 濟 美
堂 中 龍 鳳 並 增 輝
Tất hạ danh hôn song tế mỹ.
Đường trung long phượng tịnh tăng huy.
Danh hôn dưới gối hai đều đẹp.
Long phượng trong nhà rạng cả đôi.

堂 前 彩 結 宜 男 草
月 裏 清 飄 桂 子 香
Đường tiền thái kết nghi nam thảo.
Nguyệt lý thanh phiêu quế tử hương.
Trước nhà cỏ đẹp kết nên trai.
Dưới nguyệt hương thanh vờn gốc quế.

入 貢 暨 芳 梡 並 值 蘭 階 欣 納 婦
明 經 推 俊 彥 初 週 甲 子 慶 添 籌
Nhập cống thụ phương ngôi tịnh trị lan giai hân nạp phụ.
Minh kinh suy tuấn ngạn sơ chu giáp tý khánh thiêm trù.
Đỗ đạt dựng cây cao, tính chuyện thềm lan vui nạp thái.
Thông kinh nên rạng vẻ, tuần đầu giáp tý chúc thêm lâu.

得 相 遊 雍 所 喜 箕 裘 丕 振
明 經 樹 幟 正 逢 甲 子 初 週
Đắc tương du ung sở hỷ cơ cừu phỉ chấn.
Minh kinh thụ xí chính phùng giáp tý sơ chu.
Được dự chốn cao sang, mừng thấy cơ cừu dựng nghiệp.
Thông kinh nêu cờ quạt, hội may giáp tý tuần đầu.

蛾 眉 好 試 生 花 筆
泮 沼 欣 逢 佐 讀 人
Nga my hảo thí sinh hoa bút.
Phán chiểu hân phùng tá độc nhân.

Mày ngài thi giỏi bút sinh hoa.
Hồ nước gặp may người giúp đọc.

試把蟾宮攀桂手
好從繡閣畫蛾眉

Thí bả thiềm cung phan quế thủ.
Hảo tòng tú các hoạ nga my.
Thử đến cung thiềm tay bẻ quế.
Mừng lên gác đẹp vẽ mày ngài.

袖喏桂香飄月頂
筆翻花氣上雲頭

Tụ nhã quế hương phiêu nguyệt đính.
Bút phiên hoa khí thượng vân đầu.
Áo đưa hương quế lên thăm nguyệt.
Bút dẫn khí hoa đến đỉnh mây.

金屋屏開欣中雀
泮池日暖羨乘龍

Kim ốc bình khai hân trung tước.
Phán trì nhật noãn tiễn thừa long.
Nhà vàng màn mở vui nhờ sẻ.
Hồ đẹp ấm trời thích cưỡi rồng.

燭搖紅影輝金屋
袖帶芹香馥洞房

Chúc dao hồng ảnh huy kim ốc.
Tụ đới cần hương phức động phòng.
Chập chờn ánh đuốc chiếu nhà vàng.
Thoang thoảng hương cần nơi hợp cẩn.

盛世名才儲虎觀
香幃雅奏葉笙鸞

Thịnh thế danh tài trừ hổ quán.
Hương vi nhã tấu diệp sinh loan.
Danh tài đời thịnh sẵn quan hổ.
Màn hương nhã nhạc nhịp sênh, loan.

連理枝頭騰鳳羽
合歡筵上酌芹杯

Liên lý chi đầu đằng phượng vũ.
Hợp hoan diên thượng chước cần bôi.

Gắn bó đầu cành tung cánh phượng.
Chung vui trên tiệc rót ly cần.

雀 屏 喜 中 穿 楊 手
虎 榜 旋 登 折 桂 才

Tước bình hỷ trúng xuyên dương thủ.
Hổ bảng toàn đăng chiết quế tài.
Bắn sẻ mừng tay xuyên lá liễu.
Bảng hổ khen tài quế bẻ cành.

泮 沼 風 流 推 吉 士
月 宮 消 息 問 嫦 娥

Phán chiểu phong lưu suy cát sỹ.
Nguyệt cung tiêu tức vấn thường nga.
Hồ đẹp phong lưu tôn kẻ sỹ.
Cung trăng tin tức hỏi hằng nga.

詠 雪 佳 人 歡 占 鳳
談 經 才 子 喜 乘 龍

Vịnh tuyết giai nhân loan chiếm phượng.
Đàm kinh tài tử hỷ thừa long.
Mừng chiếm phượng giai nhân vịnh tuyết.
Vui cười rồng tài tử bàn kinh.

早 知 天 下 無 雙 士
獨 占 人 間 第 一 春

Tảo tri thiên hạ vô song sỹ.
Độc chiếm nhân gian đệ nhất xuân.
Sớm hay thiên hạ vô song sỹ.
Mình chiếm nhân gian đệ nhất xuân.

司 馬 三 升 榮 國 命
玉 蕭 雙 徹 繞 秦 樓

Tư mã tam thăng vinh quốc mạnh.
Ngọc tiêu song triệt nhiễu tần lâu.
Tư mã ba lần vinh mạnh nước.
Ngọc tiêu hai giỏi hoạ lầu Tần.

明 經 筆 寫 春 山 媚
博 議 才 通 學 海 深

Minh kinh bút tả xuân sơn my.
Bác nghị tài thông học hải thâm.

Thông kinh bút tả non xuân đẹp.
Bàn rộng tài hay biển học sâu.

解 語 花 前 思 獻 策
明 經 案 內 羨 吟 梅

Giải ngữ hoa tiền tư hiến sách.
Minh kinh án nội tiễn ngâm mai.

Trước hoa giải nghĩa lo dâng sách.
Bên án thông kinh chuộng vịnh mai.

明 經 喜 試 描 眉 筆
博 議 欣 賡 詠 絮 才

Minh kinh hỷ thí miêu mi bút.
Bác nghị hân canh vịnh nhự tài.

Thông kinh vui thử bút vẽ mày.
Bàn rộng mừng xem tài vịnh tuyết.

雲 閣 教 佳 人 燈 燭 交 輝 經 藉 明 時 裁 博 議
莊 臺 親 國 士 淑 才 雙 美 繡 奩 香 處 載 文 章

Vân các giáo giai nhân đăng chúc giao huy kinh tịch minh thời tài bác nghị.
Trang đài thân quốc sỹ thục tài song mỹ tú liêm hương xứ tải văn chương.

Gác sách tiếp giai nhân, đèn đuốc dáng trưng, kinh sách gặp thời nên biết rộng.
Đài trang thân quốc sỹ, đức tài trọn vẹn, rèm thêu hương ngát tập văn chương.

萃 吉 慶 於 德 門 大 登 科 小 登 科 喜 見 名 婚 同 濟 美
振 芳 徽 於 天 府 恩 進 士 歲 進 士 行 看 黼 黻 永 騰 輝

Tuỵ cát khánh ư đức môn đại đăng khoa tiểu đăng khoa hỷ kiến danh hôn đồng tế mỹ.
Chấn phương huy ư thiên phủ ân tiến sỹ tuế tiến sỹ hành khan phủ phất vĩnh đằng huy.

Họp chúc mừng nơi cửa đức, đại đăng khoa tiểu đăng khoa, mừng thấy cả hai đều tốt đẹp.
Rạng danh thơm chốn phủ đệ, ân tiến sỹ tuế tiến sỹ, thử xem mũ áo mãi huy hoàng.

八 歲 佳 人 歡 解 語
九 齡 才 子 試 明 經

Bát tuế giai nhân hoan giải ngữ.
Cửu linh tài tử thí minh kinh.
Tám tuổi giai nhân mừng giải ngữ.
Lên chín tài tử thử minh kinh.

巹合洞房方妙歲
明經藝苑正髫年

Cẩn hợp động phòng phương diệu tuế.
Minh kinh nghệ uyển chính điều niên.
Động phòng hợp cẩn khi vừa lớn.
Vườn nghệ thông kinh tuổi trái đào.

髫年喜協明經選
幼歲欣瞻詠雪才

Điều niên hỷ hiệp minh kinh tuyển.
Ấu tuế hân chiêm vịnh tuyết tài.
Từng dự minh kinh khi để chỏm.
Đã tài vịnh tuyết lúc còn thơ.

芳名此日登天府
花燭今宵映洞房

Phương danh thử nhật đăng thiên phủ.
Hoa chúc kim tiêu ánh động phòng.
Tiếng thơm ngày ấy nêu thiên phủ.
Hoa đuốc đêm nay sáng động phòng.

雍宮擅藻推佳士
繡閣摘葩貯麗人

Ung cung thiện tảo suy giai sỹ.
Tú các xi hoa trữ lệ nhân.
Cung đình mũ áo tôn tài sỹ.
Gác cao hoa lệ đợi giai nhân.

名題鳳閣芳徽遠
筆畫娥眉氣象新

Danh đề phượng các phương huy viễn.
Bút hoạ nga my khí tượng tân.
Tên nêu gác phượng, thơm còn mãi.
Bút vẽ mày ngài, vẻ mới thay.

辟雍池煖觀龍躍
繡閣香浮聽鳳鳴

Tịch ung trì noãn quan long dược.
Tú các hương phù thính phượng minh.
Chốn thanh, ao ấm, xem rồng nhảy.
Gác đẹp, hương bay, nghe phượng kêu.

位 列 雍 宮 南 北 試
當 聯 花 燭 室 家 宜

Vị liệt ung cung nam bắc thí.
Đường liên hoa chúc thất gia nghi.
Chỗ đứng cung đình xét nam bắc.
Nhà treo hoa đuốc đẹp cửa nhà.

璧 水 輕 飄 紅 葉 句
園 橋 垂 愛 綠 衣 郎

Bích thuỷ khinh phiêu hồng diệp cú.
Viên kiều thuỳ ái lục y lang.
Nước biếc nhẹ bay câu lá đỏ.
Cầu ngân lưu luyến chàng áo xanh.

園 橋 門 外 紅 葉 句
銀 燭 臺 前 白 雪 詩

Viên kiều môn ngoại hồng diệp cú.
Ngân chúc đài tiền bạch tuyết thi.
Trước cổng cầu ngân câu lá đỏ.
Trên lầu thơ tuyết dưới đuốc hoa.

雍 門 桃 李 恩 初 屋
繡 閣 笙 簧 調 始 諧

Ung môn đào lý ân sơ ốc.
Tú các sinh hoàng điệu thuỷ hài.
Cửa cung đào mận, ơn vừa thấm.
Gác đẹp sinh hoàng, điệu mới hoà.

佳 兒 桂 婦 聯 佳 氣
大 德 大 年 表 大 廷

Giai nhi giai phụ liên giai khí.
Đại đức đại niên biểu đại đình.
Con hay cha hay, lắm vẻ hay.
Đức lớn tuổi lớn, sân triều lớn.

當 夏 佳 兒 歡 合 巹
來 秋 乃 祖 樂 含 飴

Đương hạ giai nhi hoan hợp cẩn.
Lai thu nãi tổ lạc hàm di.
Hạ tới con trai vui hợp cẩn.
Thu sau lên nội ngậm đường nha.

此日加冠尊醮命
他年繩武有英人
Thử nhật gia quan tôn tiếu mạnh.
Tha niên thằng vũ hữu anh nhân.
Ngày nay đội mũ theo hôn lễ.
Năm sau nối nghiệp có anh tài.

肖子良緣眉試畫
阿翁喜色耳何聾
Tiêu tử lương duyên my thí hoạ.
A ông hỷ sắc nhĩ hà lung.
Con nhỏ vui duyên thử vẽ mày.
Ông già mừng rỡ điếc sao đang.

序列三偕孫娶媳
祥開四葉子爲翁
Tự liệt tam giai tôn thú tức.
Tương khai tứ diệp tử vi ông.
Tính đã ba đời cháu lấy vợ.
Mừng xem tứ đại con lên ông.

喜值三秋陳醮席
旋覘四代舞斑衣
Hỷ trị tam thu trần tiếu tịch.
Toàn chiêm tứ đại vũ ban y.
Mừng đã ba thu bày tiệc rượu.
Ngoái xem tứ đại múa áo hoa.

王父詒謀聯冠命
嫡孫衍慶顯弧門
Vương phụ di mưu liên quán mạnh.
Đích tôn diễn khánh hiển hồ môn.
Vương phụ lo toan làm kẻ cả.
Đích tôn mừng thọ rạng cung dâu.

鳳卜已酬王父願
熊祥早葉太人占

Phượng bốc dĩ thù vương phụ nguyện.
Hùng tường tảo diệp thái nhân chiêm.
Đoán phượng xem ra vừa ý bố.
Điềm hùng chừng đã sớm theo ông

華堂初詠雎麟句
繡閣新編博議書
Hoa đường sơ vịnh Thư Lân cú.
Tú các tân biên Bác nghị thư.
Nhà hoa vừa vịnh thơ Thư Lân.
Gác đẹp mới biên sách Bác nghị.

華開連理描新樣
酒飲交杯醉太平
Hoa khai liên ý miêu tân dạng.
Tửu ẩm giao bôi tuý thái bình.
Liền cành hoa nở vẻ thanh tân.
Trao chén rượu mời say khang thái.

笙吹夜月無雙韻
鳳占巫山第一峰
Sinh suy dạ nguyệt vô song vận.
Phượng chiếm Vu Sơn đệ nhất phong.
Tiêu thổi đêm trăng tiếng vô song.
Phượng đậu Vu Sơn đỉnh cao nhất.

留菊好裝金屋夜
望梅先占玉堂春
Lưu cúc hảo trang kim ốc dạ.
Vọng mai tiên chiếm ngọc đường xuân.
Nhà vàng mặc đẹp đêm hương cúc.
Đài ngọc đầu xuân sớm ngắm mai.

雲棲欲上攀丹桂
月殿先登晤素娥
Vân thê dục thượng phan đan quế.
Nguyệt điện tiên đăng ngộ Tố Nga.
Thang mây những muốn vin đan quế.
Điện nguyệt vừa lên gặp Tố Nga.

永 結 百 年 諧 靜 好
宏 開 五 世 慶 琪 昌

Vĩnh kết bách niên hài tĩnh hảo.
Hoằng khai ngũ thế khánh kỳ xương.
Trăm năm kết mối duyên hài đẹp.
Năm đời rộng mở chúc vinh xương.

鸞 鳳 和 鳴 琴 瑟 樂
熊 羆 葉 夢 子 孫 多

Loan phượng hoà minh cầm sắt lạc.
Hùng bi diệp mộng tử tôn đa.
Phượng loan cùng hót vui cầm sắt.
Hùng bi mộng lá đông cháu con.

花 堂 日 暖 朝 鳴 鳳
繡 閣 風 清 夜 夢 熊

Hoa đường nhật noãn triêu minh phượng.
Tú các phong thanh dạ mộng hùng.
Nhà hoa ngày ấm phượng sớm hót.
Gác xinh gió mát hùng đêm mơ.

吐 鳳 雄 才 成 博 議
畫 娥 彩 筆 點 新 詩

Thổ phượng hùng tài thành bác nghị.
Hoạ nga thái bút điểm tân thi.
Tài hùng nhả phượng thành bác nghị.
Bút hay vẽ đẹp điểm tân thi.

芙 蓉 帳 裡 香 風 度
翡 翠 簾 前 皓 月 來

Phù dung trướng lý hương phong độ.
Phỉ thuý liêm tiền hạo nguyệt lai.
Phù dung trong trướng thơm hương gió;
Ngọc biếc trước rèm sáng ánh trăng.

瑞 藹 華 堂 欣 鳳 舞
香 笙 繡 閣 樂 鸞 飛

Thụy ái hoa đường hân phượng vũ.
Hương sinh tú các lạc loan phi.
Mừng phượng múa nhà hoa mây phủ.
Vui loan bay gác đẹp sênh hương.

宜 男 草 發 連 科 綠
多 子 花 開 及 第 紅

Nghi nam thảo phát liên khoa lục.
Đa tử hoa khai cập đệ hồng.

Nên trai thịnh phát liền khoa bảng.
Lắm con hoa nở nối ngôi cao.

鴛 鴦 對 舞 輸 迴 月
鸞 鳳 偕 鳴 葉 納 春

Uyên ương đối vũ thâu hồi nguyệt.
Loan phượng giai minh diệp nạp xuân.

Uyên ương múa cặp thu vầng nguyệt.
Loan phượng cùng kêu đón gió xuân.

雙 玉 初 諧 琴 瑟 調
五 花 新 授 鳳 鸞 封

Song ngọc sơ hài cầm sắt điệu.
Ngũ hoa tân thụ phượng loan phong.

Điệu cầm, sắt hài hoà đôi ngọc.
Vây phượng loan trao mới năm hoa.

藍 橋 步 上 雲 程 月
紅 葉 詩 裁 繡 閣 春

Lam kiều bộ thượng vân trình nguyệt.
Hồng diệp thi tài tú các xuân.

Cầu lam bước nguyệt thẳng đường mây.
Lá đỏ gác xuân đề thơ đẹp.

已 看 春 雲 籠 彩 鬢
還 窺 月 夜 印 金 蓮

Dĩ khán xuân vân lung thái mấn.
Hoàn khuy nguyệt dạ ấn kim liêm.

Đã ngó mây xuân trùm tóc đẹp.
Lại nhòm trăng dọi dấu gót vàng.

心 事 如 白 日 青 天 磊 磊 落 落
神 氣 在 乾 涯 榜 嶺 愴 愴 悽 悽

Tâm sự như bạch nhật thanh thiên lỗi lỗi lạc lạc;
Thần khí tại càn nhai bảng lĩnh thương thương thê thê.

Tâm sự giữa trời xanh ngày rộng, quang minh chính đại;
Tình thần nêu núi thẳm mây cùng, thương cảm thê lương.
(Phạm Thận Duật, Quan Thành văn tập; viếng Vũ Phạm Khải)

新秀士三我上村又在其上
舊儒門八今君族始發於君

Tân tú sĩ, tam ngã thượng thôn, hựu tại kỳ thượng;
Cựu nho môn, bát kim quân tộc, thủy phát ư quân.

Trò ưu tú mới, tôi là người thứ ba, thôn trên lại đứng hàng trên;
Cửa nhà nho cũ, nay đến vị thứ tám, họ ông mới phát ở ông.
(Mừng tú tài Mai Viết Hồ)

吾祖積累數百年以有今日
吾侄博得此一捷少慰兄心

Ngô tổ tích lũy sổ bách niên dĩ hữu kim nhật;
Ngô điệt bác đắc thử nhất tiệp thiểu úy huynh tâm.

Tổ ta tích lũy vài trăm năm để có ngày nay;
Cháu ta giành được phắt một cái, chẳng bận lòng anh.
(Mừng tú tài Phạm Khắc Cư)

白日青天先生心也
泰山北斗小子仰之

Bạch nhật thanh thiên tiên sinh tâm dã;
Thái Sơn Bắc Đẩu tiểu tử ngưỡng chi.

Tấm lòng của tiên sinh như thanh thiên bạch nhật;
Ngưỡng vọng của học trò tới Bắc Đẩu Thái Sơn.
(Nghĩ hộ bạn học viếng thầy Vũ Phạm Khải)

終不諠兮大老素爲州里重
死無憾矣舊臣上有聖王知

Chung bất huyên hề, đại lão tố vi châu lý trọng;
Tử vô hám hỹ, cựu thần thượng hữu thánh vương tri.

Khi mất chẳng rùm beng, bậc đại lão vốn được châu lý coi trọng;
Ra đi không ân hận, đấng cựu thần đã có thánh vương xét soi.
(Nghĩ hộ người làng viếng Đông Dương tiên sinh Vũ Phạm Khải)

十室邑人皆似昔
九旬憐母獨安歸

Thập thất ấp nhân giai tự tích;
Cửu tuần lân mẫu độc an qui.

Người trong ấp mười nhà đều khỏe mạnh;
Bà hàng xóm cửu tuần được qui tiên.
(Viếng bà lão họ Nguyễn)

嗟 哉 先 封 翁 絳 帳 多 年 師 望 重
懷 哉 我 年 友 墨 衣 此 日 子 心 忙

Ta tai! Tiên Phong ông giáng trướng đa niên sư vọng trọng;
Hoài tai! Ngã niên hữu mặc y thử nhật tử tâm mang.

Than ôi! Ông Phong thuở trước buông trướng đỏ nhiều năm làm thầy trọng vọng;
Nhớ thay! Bạn cũ của tôi mặc áo đen ngày nọ,
lòng trẻ bồi hồi.
(Viếng ông Đặng Phong làng Hành Thiện)

噫 故 州 杖 屢 典 型 吾 文 執 無 復 存 者
噫 他 日 釜 鐘 悲 感 吾 窗 契 其 將 若 何

Y cố châu trượng lũ điển hình, ngô văn chấp vô phục tồn giả;
Y tha nhật phủ chung bi cảm, ngô song khế kỳ tương nhược hà.

Than ôi, châu xưa "trượng lũ điển hình" người giúp đỡ văn chương không còn nữa;
Sao đành ngày nọ "phủ chung bi cảm" bạn đồng sông thi phú thế nào đây.
(Viếng tú tài làng Trà Tu)

一 爲 奄 長 終 去 阮 秀 才 幾 辰 去 潘 團 長 幾 日
千 里 遙 相 感 爲 吾 故 鄉 而 惜 爲 此 芳 鄰 而 疑

Nhất vị yêm trường chung, khứ Nguyễn tú tài kỷ thời,
khứ Phan đoàn trưởng kỷ nhật;
Thiên lý giao tương cảm, vi ngô cố hương nhi tích,
vi thử phương lân nhi nghi.

Một căn bệnh lâu dài mới mất, đi như Nguyễn tú tài chỉ mấy giờ như Phan đoàn trưởng thì mấy buổi;
Ngàn dặm xa xôi đầy thương cảm, làm cho tôi người cùng quê mà tiếc, cho xóm giềng như vẫn còn ngờ.
(Viếng ông tú tài Mai Đài cùng làng)

生 果 有 涯 耶 畢 世 功 名 終 于 團 長
死 亦 何 因 也 百 船 情 況 酷 似 枚 家

Sinh quả hữu nhai gia, tất thế công danh chung vu đoàn trưởng;
Tử diệc hà nhân dã, bách ban tình huống khốc tự Mai gia.

Sống quả có điểm cùng thay, công danh trọn đời làm ông đoàn trưởng;
Chết cũng do nguyên nhân vậy, khốc hại trăm bề tựa sách Thọ Mai.

(Viếng doàn trưởng họ Phan trong làng)

昔君登庠吾子喜曰先祠香火有托矣
今君溘逝吾子嘆曰長侄年壽誰奪之

Tích quân đăng tường, ngô tử hỉ viết: tiên từ hương hỏa hữu thác hỹ;
Kim quân hạp thệ, ngô tử thán viết: trưởng điệt niên thọ thùy đoạt chi.

Năm xưa anh đi học, thầy ta khen rằng: từ đường hương hỏa tổ tiên đã có người ký thác;
Năm nay anh qua đời, thầy ta than rằng: tuổi thọ của cháu trưởng ta kìa ai cướp mất rồi.

(Viếng tú tài Nhuận ở Tam Đăng)

亡有亦豪別有軒昂磊落氣
吾人相感不在言語文字間

Vong hữu diệc hào, biệt hữu hiên ngang lỗi lạc khí;
Ngô nhân tương cảm, bất tại ngôn ngữ văn tự gian.

Vong hồn bạn cũng tự hào, riêng khí chất hiên ngang lỗi lạc;
Bọn chúng ta cùng thương cảm, chẳng phải bằng ngôn ngữ văn chương.

(Viếng ông tú tài họ Đinh, người họ hàng bên vợ)

熙鴻號於無窮鄉老國老
擬生平之還覽象山榜山

Hy Hồng hiệu ư vô cùng hương lão quốc lão;
Nghĩ sinh bình chi hoàn lãm Tượng sơn Bảng sơn.

Ông hiệu Hy Hồng, đẹp vô cùng, hưởng hương lão quốc lão;
Nghĩ khi còn sống, nay nhìn lại như Tượng sơn, Bảng sơn.

(Nghĩ hộ thôn nhà viếng ông Phong ở Phượng Trì)

卿之逝去吾先舅禫祥幾何日也
今而後奉吾祖祠香火誰其主之

Khanh chi thệ khứ, ngô tiên cậu đàm tường kỷ hà nhật dã;
Kim nhi hậu phụng, ngô tổ từ hương hỏa thùy kỳ chủ chi.

Bậc khanh sĩ khuất rồi, thuở trước cậu tôi biết bao ngày, chuyện thường đàm bổ ích;
Nay về sau thờ phụng, truy tư tiên tổ trông cậy ai người hương hỏa từ đường.

(Viếng tú tài Ôn)

白社會甲失一老
青黎閣下歸散官
Bạch xã hội giáp thất nhất lão;
Thanh lê các hạ qui tản quan.
Trong giáp hội tiêu dao ngâm vịnh, tổn thất một người trưởng lão;
Dưới các hàng quan lại lê dân, qui tiên một vị tản quan.
(Nghĩ hộ tống nhà viếng ông Phong làng Phượng Trì)

行正文亦純借無所就
母老兒又幼傷如之何
Hành chính văn diệc thuần, tích vô sở tựu;
Mẫu lão nhi hựu ấu, thương như chi hà.
Việc làm thì trung chính, văn chương cũng thuần hậu,
tiếc chưa có gì thành tựu;
Mẫu thân thì già nua, con cái lại còn nhỏ,
thương tâm kể biết dường bao.
(Viếng Phạm Bá Tuyển)

昨夜有人來曰君逝矣
吾州故老在於今幾何
Tạc dạ hữu nhân lai viết quân thệ hỹ;
Ngô châu cố lão tại ư kim kỷ hà.
Đêm qua có người chạy đến nghẹn ngào, ông đi thật rồi ư?
Cố lão châu quận ta còn đến nay, phỏng trụ được mấy người?
(Viếng tú tài Ngoạn ở Côi Trì)

一病而陳情咫尺故園猶在夢
十年九制敵錯槃此地孰分憂
Nhất bệnh lưỡng trần tình, chỉ xích cố viên do tại mộng;
Thập niên cửu chế địch, thác bàn thử địa thục phân ưu.
Một bệnh, hai biểu trần tình, vườn cũ tấc gang vương vấn mộng;
Mười năm, chín lần chống giặc, khó khăn nơi ấy cậy trông ai?
(Viếng Bùi Tuấn, tổng đốc Bắc Ninh)

廿載兩解元先庚伯後庚侄
一家別機抒二甲父三甲翁
Trấp tải lưỡng giải nguyên, tiên canh bá, hậu canh điệt;
Nhất gia biệt cơ trữ, nhị giáp phụ, tam giáp ông.

Hai mươi năm hai giải nguyên, bác đỗ canh trước, cháu đỗ canh sau;
Một nhà riêng nếp văn chương, cha đệ nhị giáp, ông đệ tam giáp.

(Mừng Nguyễn Kham đỗ giải nguyên trường Hà Nội)

勗子史皆成古稱畫荻和風賢母眞無愧者
望子不忍去幾度加餐強藥皇天若有臨之

Trợ tử sử giai thành cổ xưng họa địch hòa phong, hiền mẫu chân vô quý giả;
Vọng tử bất nhẫn khứ kỷ độ gia xan cường dược, hoàng thiên nhược hữu lâm chi.

Nuôi con đều thành đạt, người xưa khen tần tảo sớm hôm, người mẹ hiền không hổ thẹn;
Trông con không nỡ đi, mấy phen cố ăn gắng uống thuốc, có hoàng thiên mãi biết cho.

(Viếng thân mẫu ông cử nhân ở Bằng Lâm)

秀士同榜中兄可惜弟可喜
人家最樂事母之壽子之成

Tú sĩ đồng bảng trung, huynh khả tích, đệ khả hỉ;
Nhân gia tối lạc sự, mẫu chi thọ, tử chi thành.

Trong bảng, đỗ cùng khoa, em đáng vui, anh đáng tiếc;
Sự nhà vui biết mấy, con thành đạt, mẹ thọ trường.

(Mừng ông tú tài họ Quách ở Bằng Lâm)

七中又七旬升於鄉杖於國
數來便數訪年吾長學吾師

Thất trúng hựu thất tuần, thăng ư hương, trượng ư quốc;
Số lai tiện số phỏng, niên ngô trưởng, học ngô sư.

Bảy mươi tuổi, bảy lần đỗ, bác tiến ở làng, thọ ở nước;
Mấy bận lại mấy lượt thăm, bác tuổi như anh, học như thầy.

(Mừng thọ ông tú tài làng Đa Mai 70 tuổi)

袍笏萃一門京堂交在省堂翁在
春秋連兩捷鄉榜解元廷榜亞元

Bào hốt tụy nhất môn, kinh đường phụ tại, tỉnh đường ông tại;
Xuân thu liên lưỡng tiệp, hương bảng giải nguyên, đình bảng á nguyên.

Trâm hốt đồn một nhà, quan ông ở kinh, quan bác ở tỉnh;
Xuân thu liền hai bảng, thi hương đỗ nhất, thi điện đỗ nhì.

(Mừng Trực học sĩ mới Nguyễn Kham)

輸 財 漢 賈 猶 能 相
順 則 堯 民 儘 可 封

Thâu tài Hán cổ do năng tướng;
Thuận tắc Nghiêu dân tận khả phong.

Xe của bán buôn như nước sông Hán, còn có năng lực đảm đang công việc;
Được thuận tình bầu nhu dân vua Nghiêu, hết thảy đều chức bá hộ được phong.

(Mừng cha con người xã Đại Tráng quyên góp tiền đều được thưởng bá hộ)

周 官 鄉 有 大 夫 公 私 奚 擇
唐 制 上 自 三 品 父 母 並 封

Chu quan hương hữu đại phu, công tư hề trạch;
Đường chế thượng tự tam phẩm, phụ mẫu tịnh phong.

Quan chức như thời Chu, làng có bậc đại phu, công tư đâu có chọn?
Chế độ như thời Đường, trên từ hàng tam phẩm, cha mẹ đều được phong.

(Mừng ông Bố chính Nguyễn Định Thường được phong tặng)

帝 雅 重 其 才 再 用 三 用
公 雖 屈 於 遇 形 全 神 全

Đế nhã trọng kỳ tài, tái dụng tam dụng;
Công tuy khuất ư ngộ, hình toàn thần toàn.

Vua có đức trọng người tài, đã tái dụng lại tam dụng;
Ông tuy khuất không gặp nữa, hình vẫn toàn thân vẫn toàn.

(Viếng ông Nguyễn Vĩ nguyên chức Hồng lô)

三 甲 子 爲 親 去 官 於 義 何 害
七 旬 翁 宜 封 而 贈 其 死 也 哀

Tam giáp tử vi thân khứ quan, ư nghĩa hà hại;
Thất tuần ông nghi phong nhi tặng, kỳ tử dã ai.

Con tam giáp vì cha phải bỏ quan, đối với nghĩa sao mà thêm hại;
Ông thất tuần đáng vinh phong mà tặng, việc từ trần nghĩ lại càng thương.

(Viếng thân phụ Thái phiên họ Vũ)

帝 謂 非 屈 匪 非 出 征 群 議 定 矣
子 素 有 奇 才 有 英 氣 造 物 妒 之

Đế vị phi khuất phỉ, phi xuất chinh, quần nghị định hĩ;
Tử tố hữu kỳ tài, hữu anh khí, tạo vật đố chi.

Vua bảo không phải khuất phục phỉ, không phải xuất chinh,
cũng đủ đánh giá được;
Thầy vốn là người có kỳ tài, vốn có anh khí,
nên tạo hóa ghét ghen.
(Viếng Đông Dương tiên sinh Vũ Phạm Khải)

生死偶然耶胡與東翁從而歸又從而去
感慨繫之矣適此秋潦日難爲挽遂難爲歌

Sinh tử ngẫu nhiên gia, hồ dữ Đông Niết ông, tòng nhi qui,
hựu tòng nhi khứ;
Cảm khái hệ chi hĩ, thích thử thu lạo nhật, nan vi vãn,
toại nan vi ca.

Việc sinh tử ngẫu nhiên thay, sao cùng ông Đông Niết theo về lại
theo từ biệt;
Sự cảm khái quan hệ vậy, đi lúc mưa thu lớn, khó khăn viếng,
khó khăn ca.
(Nghĩ hộ huyện hội Tư văn viếng quan lãnh binh ở Côi Trì)

菊松彭澤餘三徑
風雅吳中少一評

Cúc tùng Bành Trạch dư tam kính;
Phong nhã Ngô Trung thiếu nhất bình.

Loài cúc tùng Bành Trạch, thừa ba luống biếc;
Nếp phong nhã Ngô Trung, thiếu một lời bình.
(Nghĩ hộ huyện hội Tư văn viếng quan án sát người làng Côi Trì)

舅子業甚勤今升庠矣
我母聞之喜如獲寶然

Cậu tử nghiệp thậm cần, kim thăng tường hĩ,
Ngã mẫu văn chi chỉ, như hoạch bảo nhiên.

Cậu tu nghiệp thật chuyên cần, ngày nay đỗ đạt;
Mẹ tôi nghe tin mừng rỡ, như được vàng mười.
(Mừng tân tú tài Ôn)

翁何病哉塵夢百年終化鶴
客有吊者酬醪千里但憑風

Ông hà bệnh tai, trần mộng bách niên chung hóa hạc;
Khách hữu điếu giả, thù lao thiên lý đãn bằng phong.

Bệnh tình ông làm sao, mộng trần thế trăm năm hóa hạc;
Lời điếu tôi than rằng: chén tiễn đưa nghìn dặm bằng phong.
(Viếng ông hậu nho)

秀士榜中妻妾幸皆有弟
烏衣巷裡後先各自成家

Tú sĩ bảng trung thê thiếp hạnh giai hữu đệ;
Ô y hạng lý hậu tiên các tự thành gia.

Bảng tú sĩ, thê thiếp của ông may mắn đều có em;
Ngõ Ô, Y, trước sau rồi sẽ thành những nhà nổi tiếng.

(Mừng ông tú tài Tiếp Chi)

科舉有命耶何吾翁得之難而吾曹乃得之易
此捷可喜也視與侄若少遜而與兄則若少強

Khoa cử hữu mệnh gia, hà ngô ông đắc chi nan nhi ngô tào nãi đắc chi dị;
Thử tiệp khả hĩ dã, thị dữ điệt nhược thiếu tốn nhi dữ huynh tắc nhược thiếu cường.

Khoa cử có mệnh chăng, sao cha tôi đạt thì chầy,
bọn ta đạt lại dễ;
Việc mau chóng mừng vậy, với cháu lúc trẻ lại kém,
với anh lúc trẻ lại hơn.

(Mừng tú tài Chiểu Ân)

吾縣兩途並顯池武溪文
名家四代同堂祖壽孫貴

Ngô huyện lưỡng đồ tịnh hiển, trì vũ khê văn;
Danh gia tứ đại đồng đường, tổ thọ tôn quí.

Hàng huyện vui, ao vũ suối văn hai đường đều hiển đạt;
Nếp nhà tổ, cha vinh con quí, bốn hệ hưởng đồng đường.

(Mừng ông cử Phạm Trung Lương)

吾邑近聖宇道化觀感多得之
休翁有古風子侄成立亦宜矣

Ngô ấp cận thánh vũ, đạo hóa quan cảm đa đắc chi;
Hưu ông hữu cổ phong, tử điệt thành lập diệc nghi hĩ.

Ông vốn phong cách xưa, con đạt cháu thành vui hợp lẽ;
Ấp ta gần cửa thánh, cảnh quan cảm hóa hưởng bội phần.

(Mừng ông cử nhân Triều Kha)

幹止未寧非欲舍我而去也
催科獨拙安得如公以繼之

Cán chỉ vị ninh, phi dục xả ngã nhi khứ dã;
Thôi khoa độc chuyết, an đắc như công dĩ khế chi.

Thân phận chú chưa yên, chẳng muốn bỏ tôi mà đi được:
Tiến thân tôi còn vụng, sao bằng được chú kế nghiệp cha.
(Nghĩ hộ ông họ Dương ở Võ Giàng mừng tiễn em trai thứ hai)

吾州幸無事人以和神亦以寧
皇福厚所生昔雙封今又雙贈

Ngô châu hạnh vô sự, nhân dĩ hòa, thần diệc dĩ ninh;
Hoàng phúc hậu sở sinh, tích song phong kim hựu song tặng.
Phúc dày vui lớn lại sinh, xưa song phong nay lại phong tặng;
May mắn châu ta vô sự, người được hòa, thân cũng được an.
(Mừng thọ phụ mẫu Đông Dương tiên sinh lại được gia tặng)

舅子初小成膝下怡愉歡日幾
舅計久已到軍中空總挽歌遲

Cậu tử sơ tiểu thành tất hạ, chi du hoan nhật kỷ;
Cậu phó cửu dĩ đáo quân trung, không tổng vãn ca trì.
Cậu còn nhỏ, giữ trọn niềm hiếu thảo, ngày thanh thản
trong lòng được mấy;
Cậu từ trần, tin chậm đến quân trung, trách cao xanh
để muộn tiễn đưa.
(Viếng người cậu họ)

從來拙者逸能者勞莫非命也
日下諒已平高已復蓋少待之

Tòng lai chuyết giả dật, năng giả lao mạc phi mệnh dã;
Nhật hạ lượng dĩ bình, cao dĩ phục cái thiểu đãi chi.
Xưa nay kẻ vụng về thì nhàn hạ, người vất vả chẳng ai không xúi quẩy;
Hàng ngày sống độ lượng sẽ bình yên, điều lôi thôi tất ít phải chờ lo.
(Viếng nguyên ngự sử họ Dương)

吾州出臬三茅拔彙征昔如此今乃如此
望邑歸官二菊園鄰北居與偕去亦與偕

Ngô châu xuất niết tam, mao bạt vựng chinh, tích như thử
kim nãi như thử;
Vọng ấp qui quan nhị, cúc viên lân bắc, cư dữ giai,
khứ diệc dữ giai.
Châu ta án sát có ba người, việc tiến cử trọng đức tài, xưa như thế
nay đà như thế;
Hương ấp hưu quan có hai vị, cùng xóm giềng vui vườn cúc, sống vẻ
vang, thác cũng vẻ vang.
(Viếng quan án sát họ Nguyễn người làng Côi Trì)

平 生 安 所 遇 不 怨 不 憂
族 党 惜 其 才 既 文 既 博

Bình sinh an sở ngộ, bất oán bất ưu;
Tộc đảng tích kỳ tài, ký văn ký bác.

Khi sống, ông là người không âu lo, không oán hận;
Khi mất, họ hàng tiếc người quảng bác, người văn chương.

(Viếng Phạm Đài ở Phượng Trì)

奇 哉 翁 一 臥 更 成 千 古 夢
今 何 日 片 情 追 感 隔 年 喪

Kỳ tai ông, nhất ngọa cánh thành thiên cổ mộng;
Kim hà nhật, phiến tình truy cảm cách niên tang.

Ông thật lạ thay, vừa nằm xuống đã thành người thiên cổ;
Nay ngày nào vậy, nhớ cảnh nhà tang tóc mới cách năm.

(Viếng ông người làng)

子 爲 親 遊 遠 地 得 歸 難 得 養
家 惟 母 在 至 情 相 似 故 相 憐

Tử vi thân du viễn địa, đắc qui nan đắc dưỡng;
Gia duy mẫu tại chí tình, tương tự cố tương lân.

Con sống xa cha ở nơi đất lạ, lúc lâm chung, tuy về được
mà sao nuôi được;
Nhà duy còn mẹ chăm sóc chí tình, giờ ly biệt, cảnh giống nhau,
nên mới thương nhau.

(Viếng tang thân phụ ông cấp sự Dương Khắc Niệm)

天 下 無 事 則 病 生 山 賊 平 病 而 歸 高 賊 平 病 而 去
人 世 不 朽 者 名 在 文 陣 捷 名 之 始 武 陣 捷 名 之 終

Thiên hạ vô sự tắc bệnh sinh, Sơn tặc bình bệnh nhi qui,
Cao tặc bình bệnh nhi khứ;
Nhân thế bất hủ giả danh tại, văn trận tiệp danh chi thủy,
vũ trận tiệp danh chi chung.

Khi thiên hạ còn vô sự là lúc bệnh sinh, Sơn Tây bình, bệnh về,
Cao Bằng bình, ông khuất,
Điều bất hủ của đời người là danh tồn tại, văn trận thắng, danh nổi,
vô trận thắng, danh tan.

(Viếng Tán ban Ngô Văn Khánh)

名 之 逝 去 范 相 公 幾 何 日
今 而 後 雖 賢 邑 宰 焉 取 斯

Danh chi thệ, khứ Phạm tướng công kỷ hà nhật;
Kim nhi hậu, tuy hiền ấp tể yên thủ tư.
Người nổi tiếng mất rồi, trước Phạm tướng công là mấy chốc;
Nay về sau đành vậy, bậc hiền ấp tể mấy lúc chọn riêng ông.
(khuyết lạc khoản)

居是邦不得事其大夫之賢可惜
生斯世無糧革於千里之外也宜

Cư thị bang, bất đắc sự kỳ đại phu chi hiền, khả tích;
Sinh tư thế, vô lương cách ư thiên lý chi ngoại, dã nghi.
Ở trong nước, không được giúp việc bậc hiền đại phu thì đáng tiếc;
Sống ở đời, không có binh lương ở ngoài ngàn dặm lại cũng nên.
(Viếng tổng đốc họ Phạm người Bình Phú)

第一名題丁卯榜
七千才讓桂陽人

Đệ nhất danh đề Đinh mão bảng;
Thất thiên tài nhượng Quế Dương nhân.
Tên đề đầu bảng khoa thi Đinh mão;
Sức thắng bẩy nghìn quê gốc Quế Dương.
(Mừng Nguyễn Cao người làng Cách Bi)

苴内常自如當貴乎何加患難乎所損
文力訓其矣精詳似是於愉略似是工

Thư nội thường tự như phú quí hồ, hà gia hoạn nạn hồ sở tổn;
Văn lực huấn kỳ hĩ tinh tường tự, thị ư du lược tự thị công.
Cái gốc bên trong thường từ phú quí chăng, sao nói tổn hại là do hoạn nạn;
Văn lực vững do dạy bảo tinh tường vậy, đại để như người thợ khéo làm nên.
(Mừng ông tú tài Vũ Thế Huynh làng Phượng Trì)

家八世科名東岸進士子繼父
鄉三甲錦晝北寧督部翁兼師

Gia bát thế khoa danh, Đông Ngạn tiến sĩ tử kế phụ;
Hương tam giáp cẩm trú, Bắc Ninh đốc bộ ông kiêm sư.
Tám đời khoa bảng, con đỗ tiến sĩ kế nghiệp cha nức tiếng một nhà vùng Đông Ngạn;
Ba giáp danh đề, ông thăng tổng đốc kiêm sư phụ nổi tên cả ấp tỉnh Bắc Ninh.
(Mừng tiến sĩ Nguyễn Kham)

七品軍功小亦貴
百年人世老宜閒

Thất phẩm quân công tiểu diệc quí;
Bách niên nhân thế lão nghi nhàn.

Thất phẩm quân công, nhỏ cũng quí;
Trăm năm nhân thế, già nên nhàn.

(Mừng ông cai tổng ở Vân Hiệp)

世路迭升沈廿載青藜還似昔
人生忽聚散一朝白社半成空

Thế lộ điệt thăng trầm, trấp tải thanh lê hoàn tự tích;
Nhân sinh hốt tụ tán, nhất triêu bạch xã bán thành không.

Đường đời đắp đổi thăng trầm, ba mươi năm quan lại lê dân hoàn như cũ;
Cuộc thế bỗng nhiên tụ tán, một sáng nơi tiêu dao ngâm vịnh đã thành không.

(Nghĩ hộ hội Tư văn hàng tổng viếng Đông Dương tiên sinh)

村居翁豈孝爲莊耶鼓盆而歌又而哭
縣幫子亦酷似毛矣捧檄而喜又而空

Thôn cư ông khởi hiếu vi Trang gia, cổ bồn nhi ca hựu nhi khốc;
Huyện bang tử diệc khốc tự Mao hĩ, bổng hịch nhi hỉ hựu nhi không.

Thôn ông làm tang hiền thê như Trang tử gõ bồn để mà ca như để khóc;
Quan huyện than khóc thân mẫu tựa họ Mao bưng hịch sắc mặt vui, dạ lạnh lùng.

(Viếng tang thân mẫu ông lục phụng họ Vũ)

於戌若有緣我得庚君今得甲
此家不終屈弟在門賀已在閭

Ư tuất nhược hữu duyên ngã đắc canh quân kim đắc giáp;
Thử gia bất chung khuất đệ tại môn hạ dĩ tại lư.

Năm Canh tuất (1850) nếu tôi có duyên thì may mắn nay đứng hàng khoa giáp;
Chốn gia môn ông chẳng chịu khuất đã mừng vui toại nguyện với quê hương.

(Mừng cử nhân Đoàn Tiến ở Nam Định)

兩度偶相逢去冬爲憂今冬爲喜
百杯強飲客心忘其病恙忘其貧

Lưỡng độ ngẫu tương phùng, khứ đông vi ưu, kim đông vi hỉ;
Bách bôi cường ẩm khách, tâm vong kỳ bệnh, dạng vong kỳ bần.
Hai dịp tình cờ gặp nhau, đông trước còn lo, đông sau đã thỏa;
Trăm chén đông đảo khách uống, quên ngay cả bệnh, quên luôn cả nghèo.
(Mừng ông cai tổng Nham Nộn Khê)

百年壺範存書擭
千古鍾情謹束芻

Bách niên hồ phạm tồn thư hoạch;
Thiên cổ chung tình cẩn thúc xu.
Trăm năm khuôn phép còn thu hoạch được trong sách vở;
Nghìn xưa tình nghĩa trong việc tang cung kính mặc áo xô.
(Viếng thân mẫu ông Linh Đường, tri huyện Văn Chấn)

木丸佳邑猶前度
左武耆年少此人

Mộc Hoàn giai ấp tồn tiền độ;
Tả Vũ kỳ niên thiếu thử nhân.
Thôn ấp cạnh núi Mộc Hoàn mãi mãi nhớ ông;
Bậc kỳ lão làng Tả Vũ ít người được vậy.
(Viếng bá hộ Nhàn ở Đại Tráng, tỉnh Bắc Ninh)

惜哉翁去方亭先生幾多日
今而後有邑宰君子焉取斯

Tích tai ông khứ Phương Đình tiên sinh kỷ đa nhật;
Kim nhi hậu hữu ấp tể quân tử yên thủ tư.
Tiếc thay, Phương Đình tiên sinh đi trước ông mới bấy nhiêu ngày;
Nay thì ấp tể quân tử, ai người giữ đạo thánh thay ông.
(Viếng đốc học Nam Định họ Dương người Hà Nội)

昔仗王之靈樽俎笑談四城乃復
今逢國有慶璽書褒異三代並封

Tích trượng vương chi linh, tôn trở tiếu đàm tứ thành nãi phục;
Kim phùng quốc hữu khánh, tể thư bao dị tam đại tịnh phong.
Xưa nhờ uy linh vua, yến tiệc nói cười, bốn thành khôi phục;
Nay gặp ngày quốc khánh, ban khen bằng cấp, tam đại vinh phong.
(Mừng Hiệp biện Đại học sĩ Thượng thư bộ Hộ ba đời được tặng phong)

帝軫臣私甫得歸奈不久得養
天奪母壽經此變即亦同此悲

Đế chẩn thần tư phủ đắc qui, nại bất cửu đắc dưỡng;
Thiên đoạt mẫu thọ kinh thử biến tức diệc đồng thử bi.
Vua cho con làm bề tôi trở về, sao không ở lâu để được nuôi dưỡng;
Trời cướp mất tuổi thọ của mẹ, qua sự biến này liền đến sự bi.
(Viếng tang thân mẫu quan Ngự sử Dương Quản người làng Vân Đình)

遇亦甚難哉慷慨先已駙馬子
神當不沒矣悽愴長在升龍間

Ngộ diệc thậm nan tai, khẳng khái tiên dĩ Phò mã tử;
Thần đương bất một hĩ, thê thương trường tại Thăng Long gian.
Cảnh ngộ thật khó thay, khẳng khái trước hi sinh của con là Phò mã;
Tinh thần không mất vậy, cảm thường còn vời vợi tại đất cũ Thăng Long.
(Viếng Võ hiển điện Đại học sĩ Nguyễn Tri Phương)

一哭重憂母未禫而父去
四郊多壘公爲重則死輕

Nhất khốc trùng ưu, mẫu vị đàm nhi phụ khứ;
Tứ giao đa lũy, công vi trọng tắc tử khinh.
Một khóc hai nỗi buồn, tang mẹ chưa xong, tang cha đã đến;
Bốn cõi nhiều rối loạn, sự công làm trọng, sự chết coi thường.
(Viếng tang thân phụ ông Tiễu phủ Vũ Huy Thụy)

雙慶此家門今後夕晨性母在
三子皆我友年來次第爲親還

Song khánh thử gia môn, kim hậu tịch thần duy mẫu tại;
Tam tử giai ngã hữu, niên lai thứ đệ vị thân hoàn.
Hai niềm vui chốn gia môn, từ nay về sau sớm chiều duy còn mẹ;
Ba người con đều là bạn, từ đây trở đi đến lượt chịu tang cha.
(Viếng tang thân phụ Nguyễn Hữu Lợi, nguyên làm Niết sứ Cao Bằng)

吾境小而安擇賜花筵隨處有
北邊險且遠輸財義户似君希

Ngô cảnh tiểu nhi an, trạch tứ hoa diên tùy xứ hữu;
Bắc biên hiểm thả viễn, thâu tài nghĩa hộ tự quân hi.
Bờ cõi của ta nhỏ bé yên hàn, chọn được người ngồi đúng chiếu hẳn tùy nơi mới có;
Biên giới phía Bắc xa xôi hiểm trở, gom tiền của làm việc nghĩa như ông cũng chẳng nhiều.
(Mừng ông bá hộ Đoàn Văn Chí làng Phù Sa)

人 有 賢 父 兄 樂 也
天 不 遺 耆 老 哀 哉

Nhân hữu hiền phụ huynh lạc dã;
Thiên bất di kỳ lão ai tai.

Người có cha anh hiền thì vui vậy;
Trời chẳng cho tuổi tác, thật buồn thay.

(Viếng tang thân phụ bạn cùng tuổi làng Ngô Đồng – câu 1)

遊 子 尚 多 揚 顯 日
壽 翁 蓋 得 太 平 年

Du tử thượng đa dương hiển nhật;
Thọ ông cái đãi thái bình niên.

Con đi xa còn mong ngày hiển đạt;
Già sống thọ sao chờ hưởng thanh bình.

(Viếng tang thân phụ bạn cùng tuổi làng Ngô Đồng – câu 2)

淑 人 暫 別 君 子 歸 豈 知 桑 梓 到 來 遽 成 永 訣
老 臣 身 當 天 下 事 可 奈 春 秋 閒 度 浪 作 鰥 夫

Thục nhân tạm biệt quân tử qui, khởi tri tang tử đáo lai cừ thành vĩnh quyết;
Lão thần thân đương thiên hạ sự, khả nại xuân thu nhàn độ lãng tác quan phu.

Vợ hiền tạm chia tay quân tử trở về,đâu biết nơi quê nhà phút giây thành vĩnh biệt;
Lão thần còn đang lo toan bao việc nước, có thể nào tuổi tác bỗng chốc hóa quan phu.

(Nghĩ hộ ông họ Nguyễn khóc vợ – câu 1)

令 妻 喪 寒 暑 載 離 奈 邊 事 在 身 未 敢 以 請
旅 病 翁 進 退 維 谷 噫 古 賢 處 此 亦 難 爲 情

Lệnh thê tang hàn thử tải ly, nại biên sự tại thân vị cảm dĩ thỉnh;
Lữ bệnh công tiến thoái duy cốc, y cổ hiền xử thử diệc nan vi tình.

Nóng lạnh chở biệt ly, tang vợ xui nên, thân mình nào phải biên cương dám đâu cầu nguyện;
Tiến lui đành một nẻo, bệnh ông chất chứa, người hiền xưa âu cũng thế, khó nói hết tình.

(Nghĩ hộ ông họ Nguyễn khóc vợ – câu 2)

芻 束 來 從 千 里 外
桃 筵 纔 隔 兩 秋 間

Xô thúc lai tòng thiên lý ngoại;
Đào diên tài cách lưỡng thu gian.
Mặc áo xô về từ ngoài ngàn dặm;
Ngồi chiếu đào mới cách khoảng hai thu.
(Viếng tang thân mẫu ông Cai tổng Thổ Tang)

才子勗于成北鐸翁詩禮門庭無愧矣
良守挽不得吾州閭大小人士咸惜之

Tài tử trợ vu thành bắc đạc ông thi lễ môn đình vô qúy hĩ;
Lương thủ vãn bất đắc ngô châu lư đại tiểu nhân sĩ hăm tích chi.
Người tài do cố gắng mà thành, ông vốn nhà dòng dõi nho gia, thật không hổ thẹn;
Đức tốt phải tiễn đưa ai muốn, khắp châu huyện thân hào nhân sĩ đều tiếc thương.
(Viếng tang ông họ Đoàn làm tri phủ An Khánh)

將強則兵強四征有大快舉
功懋斯賞懋五爵從此階升

Tướng cường tắc binh cường, tứ chinh hữu đại khoái cử;
Công mậu tư thưởng mậu, ngũ tước tòng thử giai thăng.
Tướng giỏi thì binh hùng, cất quân chinh phạt bốn phương có công lớn;
Công nhiều tất thưởng hậu, được thăng lên bậc ngũ tước xứng chí cao.
(Mừng đề đốc họ Nguyễn được thưởng tước nam)

草舍爲親成於斯聚乃於斯哭
晨昏惟母在同此地亦同此悲

Thảo xá vi thân thành, ư tư tụ nãi ư tư khốc;
Thần hôn duy mẫu tại, đồng thử địa diệc đồng thử bi.
Nhà cỏ làm tang cha, sống ở đây khóc lóc cũng ở đây;
Sớm chiều chỉ còn mẹ, sinh nơi này thương xót cũng nơi này.
(Viếng tang thân phụ ông cử nhân Phạm Chấn Lang ở Nộn Khê)

調變豈無方惟人壽蓋自有命有數
生平多可取其行義驗之一縣一鄉

Điều biến khởi vô phương duy nhân thọ, cái tự hữu mệnh hữu số;
Sinh bình đa khả thủ kỳ hành nghĩa nghiệm chi nhất huyện nhất hương.
Dời đổi tai biến há không phương kế, duy tuổi thọ có số có mệnh;
Đời người lấy việc hành nghĩa của mình, kiểm nghiệm lại một huyện một làng.
(Viếng ông Giám trương họ Nguyễn ở Côi Trì)

舊轄挽不能有代者來便別去
新御追以勸雖死之日如生年

Cựu hạt vãn bất năng, hữu đại giả lai tiện biệt khứ;
Tân ngự truy dĩ khuyến, tuy tử chi nhật như sinh niên.

Dân trị hạt cũ chẳng thể đi đưa, tôi làm khách đến đây tiễn biệt;
Nơi cai quản mới đem lòng tưởng nhớ, ngày từ trần cúng giống năm sinh.

(Viếng ông họ Đặng làm thập bộ tỉnh nhà)

咫尺有天臨鬼域不爲君子累
江山以人重馬車應記昔年題

Chỉ xích hữu thiên lâm quỉ vực, bất vị quân tử lụy;
Giang sơn dĩ nhân trọng mã xa, ứng ký tích niên đề.

Cách gang tấc trời cao soi vực quỉ, chẳng làm người quân tử lụy;
Giang sơn nhân thế xem trọng ngựa xe, lời bình còn nhớ năm xưa.

(Nghĩ hộ làng Kinh Đề trong tỉnh mừng ông Vũ Ích Khiêm án sát tỉnh Hưng Yên. Mùa hạ năm Tân Tỵ (1881) niên hiệu Tự Đức)

闕下捧金龜帝眷親恩感懷萬緒
秋初聞鶴別鰥夫徵士進退兩難

Khuyến hạ bổng kim qui đế quyến, thân ân cảm hoài vạn tự;
Thu sơ văn hạc biệt quan phu, trưng sĩ tiến thoái lưỡng nan.

Dưới trướng dâng rùa vàng, vua quí, cha ơn, cảm hoài muôn mối;
Đầu thu nghe hạc lánh, chồng côi, danh sĩ, tiến thoái khó bề.

(Viếng tang vợ ông tú tài Đài ở Phượng Trì - mùa đông năm Tân Tỵ (1881), niên hiệu Tự Đức).

噫居母喪甫終繼之以嫂
噫居兄病未起忽然而鰥

Hi! Cư mẫu tang phủ chung kế chi dĩ tẩu;
Hi! Cư huynh bệnh vị khởi hốt nhiên nhi quan.

Ôi! Cư tang mẹ vừa xong, kế theo tang chị;
Ôi! Bệnh của anh chưa khỏi, bỗng hóa chồng côi.

(Viếng tang thân mẫu ông Đỗ Y làng Đa Hòa - mùa đông năm Tây Tỵ (1881), niên hiệu Tự Đức)

八載兩成鰥兒幼提攜大丈夫亦難處此
朝聞暮得請室家情緒聖天子寔深體之

Bát tải lưỡng thành quan, nhi ấu đề huề, đại trượng phu diệc nan xử thử;
Triêu văn mộ đắc thỉnh, thất gia tình tự, thánh thiên tử, thực thâm thể chi.

Tám năm hai lần góa, con nhỏ dắt tay, đại trượng phu cũng khó xử thế;
Sớm nghe chiếu được phép, tình nhà vấn vít, thánh thiên tử thực thể tất cho.

(Đầu xuân năm Nhâm Ngọ (1882) niên hiệu Tự Đức, viếng tang bà vợ Biện lý bộ Binh Vũ Tuân)

帝軫臣私三子得歸二得養
天奪母壽兩家相似迭相憐

Đế chẩn thần tư, tam tử đắc qui nhị đắc dưỡng;
Thiên đoạt mẫu thọ, lưỡng gia tương tự điệt tương liên.

Vua thương nỗi riêng, ba con được về, hai được nuôi;
Trời cướp tuổi mẹ, hai nhà tương tự cảnh cùng thương.

(Viếng tang thân mẫu ông Hữu Hữu Lợi, người Hành Thiện, nguyên án sát tỉnh Cao Bằng)

胭屬九旬翁久已逝矣
宦遊千里客今乃聞之

Yên thuộc cửu tuần, ông cửu dĩ thệ hỹ;
Hoạn du thiên lý, khách kim nãi văn chi.

Ông đã chín mươi, mất từ lâu lắm;
Quan xa nghìn dặm, nay mới hay tin.

(Viếng ông phó già)

邑老壽而康暮歲成鰥無別憾
長郎病未愈一朝失恃最堪憐

Ấp lão thọ nhi khang, mộ tuế thành quan vô biệt hám;
Trưởng lang bệnh vị dũ, nhất triêu thất thị tối kham liên.

Già làng vẫn an khang, cuối đời góa bụa không hờn oán;
Anh cả bệnh chưa khỏi, một chiều nhắm mắt đáng thương sao.

(Viếng bà chánh già trong làng)

宋名臣有言作縣不易
曾大賢所樂逮親之存

Tống danh thần hữu ngôn tác huyện bất dịch;
Tăng đại hiền sở lạc đãi thân chi tồn.

Giống như danh thần đời Tống, từng có câu làm một huyện ổn định;
Được như đại hiền họ Tăng có niềm vui khi cha mẹ còn sống.

(Tặng phó bảng Nghệ An Nguyễn Thái Tuân mới được thăng tân Đồng tri phủ phân phủ Vĩnh Tường)

吁亦異哉嘗聞先封翁寥廓之遊曾此日
伊可懷矣今後太封母門閭之聖難爲情

Hu, diệc dị tai, thường văn tiên phong ông liêu quách chi du tằng thử nhật;
Y, khả hoài hỹ, kim hậu thái phong mẫu môn lư chi vọng nan vi tình.

Ôi sao mà lạ thế! Dẫu đã từng nghe cuộc nhà du thanh thản tiên ông ngày này dồn đến;
Thật đáng nhớ lắm thay! Từ nay về sau nơi môn hộ xa trông thái mẫu khó nói nỗi niềm.

(Viếng Tham tri Lê Đình Tuấn)

有命名也夫簪笏三朝系葩三代
其明德遠矣雪龍天北香屏天南

Hữu mệnh danh dã phù, trâm hốt tam triều, cổn ba tam đại;
Kỳ minh đức viễn hỹ, tuyết long thiên Bắc, Hương Bình thiên Nam.

Tiếng tốt được tôn vinh, trâm hốt ba triều, tiếng thơm tam đại;
Đức sáng còn xa mãi, tuyết rồng trời Bắc, Hương Ngự trời Nam.

(Mừng Văn Minh điện Đại học sĩ Trần Tiễn Thành được nhà vua tặng sắc phong ba đời)

五經兼通有此材宜有此遇
九重嘉悅詢其父又及其翁

Ngũ kinh kiêm thông, hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;
Cửu trùng gia duyệt, tuân kỳ phụ hựu cập kỳ ông.

Thông suốt năm kinh, có tài ấy thì đạt danh ấy;
Đẹp ý nhà vua, đã tin cha thì ắt tin ông.

(Mừng Nguyễn Sĩ Bình người Quảng Trị, đỗ giải nguyên khoa Giáp Ngọ (1882) là con rể Hiệp biện Đại học sĩ Nguyễn Văn Tường)

人無百年耶九旬翁湖海逍遙忽乘鶴去
養難再得矣兩遊子朔南蒲伏咸戴星歸

Nhân vô bách niên gia, cửu tuần ông hồ hải tiêu dao, hốt thừa hạc khứ;
Dưỡng nan tái đắc hỹ, lưỡng du tử sóc nam bồ phục hàm đới tinh qui.

Mấy ai sống được trăm năm, ông cửu tuần hồ hải tiêu dao, bỗng vội lên tiên cưỡi hạc;
Dưỡng nuôi khó bề trở lại, con hai độ bắc nam tang phục, âu đành đưa tiễn đội sao.

(Viếng tang thân phụ ông bố chính Nghệ An Nguyễn Khắc Vĩ, người làng Bình Hồ)

一 舉 成 名 有 是 父 兄 宜 有 是 子 弟
九 重 好 士 取 其 道 行 兼 取 其 文 章

Nhất cử thành danh, hữu thị phụ huynh nghi hữu thị tử đệ;
Cửu trùng hiếu sĩ, thư kỳ đạo hạnh kiêm thủ kỳ văn chương.

Một lần thi đã thành danh, có cha anh ấy thì có con em ấy;
Nhà vua xem trọng kẻ sĩ, chọn người đạo đức chọn cả bậc văn chương.

(Mừng Vũ Trinh quê Quảng Bình đỗ cử nhân khoa Nhâm Ngọ(1882) con đốc học Vũ Trọng Bình)

考 廟 昔 加 封 大 慶 年 疊 荷 恩 榮 同 乎 仲 氏
使 旄 今 再 出 官 遊 子 克 事 制 書 告 于 前 人

Khảo miếu tích gia phong, đại khánh niên điệp hà, ân vinh đồng hồ trọng thị;
Sứ mao kim tái xuất, quan du tử khắc sự, chế thư cáo vu tiền nhân.

Cha mẹ trước được gia phong, niềm vui lớn bao lần ân sủng ấy vẻ vang cả họ:
Sứ thần nay lại tiếp bước, đứa con xa chịu lỗi, áng văn này tỏ với tiền nhân.

(Mừng cha mẹ quan Kinh lược phó sứ Bùi Văn Di được vua gia tặng)

噫 異 哉 昨 胡 今 黎 冬 鄉 相 繼 去
可 慨 矣 仆 稀 子 幼 旅 殯 何 辰 歸

Y dị tai! Tạc hồ kim lê đông khanh tướng kế khứ;
Khả khái hĩ! Phó hi tử ấu lữ tấn hà thời qui.

Ôi lạ thay! Mới đó mà nay lê dân khanh tướng theo đi cả;
Thương biết mấy! Chợt nghe cáo phó, ấu thơ lữ tấn tự khi nào.

(Viếng Công bộ thượng thư Lê Hữu Tá người tỉnh Sơn Tây)

先 大 夫 通 德 門 高 鬱 鬱 征 看 槐 蔭 茂
賢 太 守 新 除 命 下 囱 囱 已 帶 白 雲 歸

Tiên đại phu thông đức môn cao, uất uất chinh khan hòe ấm mậu;
Hiền thái thú tân trừ mệnh hạ, thông thông dĩ đới bạch vân qui.

Bậc đại phu thuở trước, đức càng sáng, cửa thêm cao, cảnh xanh tươi nhìn quế hòe ấm bụi;
Quan Thái thú hiền tài, chức mới trao, mệnh đã xuống, trời thoáng không mây trắng kết vòng vây.

(Viếng tang thân phụ Đình nguyên Đỗ Huy Liệu ở La Ngạn)

皇 使 好 于 家 金 帛 昨 朝 恩 典 望
天 胡 奪 其 養 木 風 終 古 孝 情 忙

Hoàng sứ hiếu vu gia, kim bạch tạc triều ân điển vọng,
Thiên hồ đoạt kỳ dưỡng, mộc phong chung cổ hiếu tình mang.
Hoàng sứ mở vội về nhà, vàng lụa triều qua nặng lòng ân điển;
Trời sao cướp công nuôi dưỡng, gió cây trọn kiếp bề bộn hiếu tình.
(Viếng tang thân phụ Tham tri bộ Binh Hà Văn Quan)

一養字天何於人耶府檄來辰母已去
數年前我亦猶之君也權車行處路多難

Nhất dưỡng tự thiên hà ư nhân gia, phủ hịch lai thì mẫu dĩ khứ;
Sổ niên tiền ngã diệc do chi quân dã, quyền xa hành xứ lộ đa nan.
Một chữ "dưỡng" sao trời tiếc người ta thế, phủ nha loan báo mẹ từ đây xa mãi;
Vài năm trước, tôi cũng giống như ông vậy, xe sẽ về nơi đường sao lắm gian nan.
(Viếng tang thân mẫu Trần Khắc Quang, nguyên thông phán tỉnh nhà mới thăng đồng tri phủ)

以直道事人慷慨可徵嚴父訓
以親喪去位徘徊卻憶昔年心

Dĩ trực đạo sự nhân, khảng khái khả trưng nghiêm phụ huấn;
Dĩ thân tang khứ vị, bồi hồi khước ức tích niên tâm.
Lấy sự ngay thẳng làm việc với người, khảng khái kinh vâng lời cha dạy;
Vì tang phụ thân mà rời cương vị, bồi hồi lòng lại nhớ năm xưa.
(Viếng tang thân phụ Nguyễn Hữu Đạo, tri huyện huyện Đông Anh)

噫三兄今從夫子遊步趨間有異聞否
噫三兄未赴禮部試場屋事能忘懷耶

Y Tam huynh! Kim tòng phu tử du bộ xu gian hữu dị văn phủ;
Y Tam huynh! Vị phó Lễ bộ thí trường ốc sự năng vong hoài gia.
Ôi Tam huynh! Nay theo phu tử rong ruổi đi chơi xa,
nghe thế có lạ không!
Ôi Tam huynh! Chưa cáo phó với bộ Lễ, với trường thi
chẳng quên nỗi nhớ thương.
(Viếng cử nhân Đệ Tam Đài làng Tam Đăng)

公重私爲輕聞命不敢辭勞憔悴喪中夫杖往
餞高貌亦古引年何乃無術徘徊路半帶棺歸

Công trọng tư vi khinh, văn mệnh bất cảm từ lao tiều tụy,
tang trung phù trượng vãng;
Tiễn cao mạo diệc cổ, dẫn niên hà nãi vô thuật bồi hồi
lộ bán đới quan qui.

Việc công là trọng, xem nhẹ riêng tây, nói tính mệnh chẳng dám chối từ vất vả, đám tang ông đi theo chống gậy;
Đưa tiễn thanh cao, dáng hình như cũ, nghĩ tuổi đời sao không có thuật, bồi hồi một nửa cất gánh ra về.

(Viếng lão y họ Đỗ ở Đa Hòa)

九陛軫臣私移贈恩綸夕朝且至
幾回聞母訃隨身使節進退極難

Cửu bệ chẩn thần tư, di tặng ân luận tịch triêu thả chí;
Kỷ hồi văn mẫu phó, tùy thân sứ tiết tiến thoái cực nan.

Chín bậc thềm vua xuống chiếu tặng phong, ân huệ sớm chiều lại đến;
Mấy lần nghe tin mẹ đau yếu nặng, tiến lui cờ sứ băn khoăn.

(Viếng tang đích mẫu Giản sung ấn sứ Trần Khánh Du)

同舍兩告喪人爲其母今君又爲其祖
昨朝新有命賀在乎門而吊已在乎閭

Đồng xá lưỡng cáo tang, nhân vi kỳ mẫu, kim quân hựu vi kỳ tổ;
Tạc triêu tân hữu mệnh, hạ tại hồ môn, nhi điếu dĩ tại hồ lư.

Cùng nhà hai lần cáo tang, tang mẹ trước rồi, nay tang bà lại đến;
Sáng nọ nẩy liền tin mới, gia môn tin vui, tiếp gia quyến tin buồn.

(Viếng tang bà nội ông Biện lý Đỉnh người cùng bộ)

同郡疊告哀君之逝去竹堂范老幾何日
八年兩制敵今之役視癸酉往事勝一籌

Đồng quận điệp cáo ai, quân chi thệ khứ Trúc Đường Phạm lão kỷ hà nhật;
Bát niên lưỡng chế địch, kim chi dịch thị Quý Dậu vãng sự thắng nhất trù.

Đồng hương liên tiếp cáo tang, ông ra đi cách Phạm Trúc Đường là mấy;
Tám năm hai phen dẹp giặc, việc ngày nay so năm Quý Dậu hơn nhiều.

(Viếng Hoàng Diệu, Tổng đốc hai tỉnh Hà Nội – Ninh Bình)

幾度賦歸來鹿洞陶園自有眞樂
今朝乘化去胡笳羌笛蓋不忍聞

Kỷ độ phú qui, lai lộc động đào viên tự hữu chân lạc;
Kim hồ thừa hóa khứ hồ già khương địch cái bất nhẫn văn.

Mấy độ cấp lương cho trở lại, vườn đào động hươu về tự thấy vô cùng hoan lạc;
Sáng nay cưỡi chim hạc bay đi, tiếng sáo kèn đưa tiễn, quả tình chẳng nhẫn tâm nghe.

(Viếng ông họ Đoàn, nguyên đốc học Bắc Ninh về hưu, người làng Hữu Thanh Oai)

有母難辭歸一表朝成夕得赴
聞喪亟奔去前途此況我曾經

Hữu mẫu nan từ qui, nhất biểu triêu thành tịch đắc phó;
Văn tang cực bôn khứ, tiền đồ thử huống ngã tằng kinh.

Có mẹ không thể không về, sáng dâng biểu, chiều cáo phó;
Nghe tang mà hộc tốc chạy, cảnh này tôi cũng từng qua.

(Viếng tang thân mẫu Ngự sử Trần Văn Gia, đạo An Tĩnh)

有母不遑將戎役久勞千里外
所遭亦相似星奔曾歷數年前

Hữu mẫu bất hoàng tương, nhung dịch cửu lao thiên lý ngoại;
Sở tao diệc tương tự, tinh bôn tằng lịch số niên tiền.

Có mẹ mà không nhà, việc quân vất vả ngoài nghìn dặm;
Cách ta cũng giống thế, đêm hôm tất bật cách mấy năm.

(Viếng tang thân mẫu Ngự sử Trần Văn Gia, đạo An Tĩnh)

吾榜人多眞率自如推此老
古藤地勝耆英有會別成仙

Ngô bảng nhân đa, chân suất tự như suy thử lão;
Cổ Đằng địa thắng, kỳ anh hữu hội biệt thành tiên.

Bảng đề danh nhiều người đỗ đạt, trong vất vả đắng cay, có sức có công người lão trượng;
Châu Đằng cũ đất lắm nhân tài, hội người già lỗi lạc, mới riêng ông sớm hưởng tuổi tiên.

(Mừng Phạm Mẫn Triệu, nguyên đề học nghỉ hưu thọ 70 tuổi)

久病敢辭勞於下事繁況方國孝日
此間幾送別探花即去繼以緋衣翁

Cửu bệnh cảm từ lao ư hạ sự phồn, huống phương quốc hiếu nhật;
Thử gian kỷ tống biệt thám hoa tức khứ, kế dĩ phỉ y ông.

Bệnh lâu chẳng dám ngại ngần, vất vả bao việc lo toan, huống vừa trải qua ngày quốc hiếu;
Thời gian này mấy lần tiễn biệt, thám hoa vừa mới khuất, kế tiếp liền lại đến tang ông.

(Viếng Toản tu sử quán Bùi Ước)

蓋少留耶志草未成是吾東觀責
伊可懷矣私年既去繼以緋衣翁

Cái thiểu lưu gia, chí thảo vị thành, thị ngô đông quan trách;
Y khả hoài hĩ, tư niên ký khứ, kế dĩ phỉ y ông.

Có lẽ ít để lại chăng, chí hướng làm bản thảo chưa thành, đó là cách nhìn ra trách nhiệm;

Việc ấy đáng nhớ thương vậy, riêng năm có người hiền khuất núi, kế tiếp liền lại đến tang ông.

(Viếng Toản tu Bùi Ước – câu 2)

嗟哉吾大夫先生之門十年間事受頻來至此極

嗟哉吾世兄後喪之訃萬里外音書不越將奈何

Tai tai, ngô đại phu tiên sinh chi môn thập niên gian sự thụ tần lai chí thử cực;

Ta tai, ngô thế huynh hậu tang chi phó vạn lý ngoại âm thư bất việt tương nại hà.

Than ôi, trong khoảng mười năm, cửa tiên sinh đại phu của ta sự việc đến nhiều như thế này chăng;

Than ôi, ở ngoài vạn dặm, sau tin tang thế huynh của ta tiếng tăm chẳng vượt khỏi làm sao được.

(Viếng bà cung nhân ở Phượng Trì)

仙翁胡不百年壽

吊客新從萬里來

Tiên ông hồ bất bách niên thọ;

Điếu khách tân tòng vạn lý lai.

Cớ sao thế tiên ông, luống chẳng được trăm năm tuổi thọ;

Xin được làm điếu khách, đành theo đòi vạn dặm đến đây.

(Viếng tang thân phụ tú tài họ Bùi ở Nộn Khê)

吾邑第一等壽翁逝已久矣

海國千萬重遊客人始聞之

Ngô ấp đệ nhất đẳng thọ ông, thệ dĩ cửu hĩ;

Hải quốc thiên vạn trùng du, khách nhân thủy văn chi.

Vào hàng thọ nhất làng ta, ông đã ra đi rồi vậy;

Dạo chơi nghìn dặm quốc hải, khách vừa mới biết được tin.

(Viếng ông chánh Xuân trong làng)

孰如兄之遭封老辛勤無暇預日

人傳弟已死歸來問訊若夢寐中

Thục như huynh chi tao, phong lão tân cần vô hạ dự nhật;

Nhân truyền đệ dĩ tử, qui lai vấn tấn nhược mộng mị trung.

Có ai gặp cảnh ngộ như anh, già lão chịu đắng cay làm việc;
chẳng có ngày yên vui nhàn hạ;
Người ta truyền chú em đã mất, ra về cho tin tức hỏi han,
giống như chìm trong một giấc mơ.
(Khóc người anh họ)

君於世能忘懷耶當此多難遽遊方外
人傳我爲已死矣幾回相訪恍若夢中

Quân ư thế năng vong hoài gia! Đương thử đà nan cử du phương ngoại;
Nhân truyền ngã vi dĩ tử hĩ, kỷ hồi tương phỏng hoảng nhược mộng trung.

Với đời, ông há lãng quên! Đương lúc gian nan vội vàng chín suối;
Còn tôi, người đồn đã chết! Mấy lần thăm hỏi hoảng hốt giấc mòng.
(Viếng Biện lý bộ Hình Đình Nho Điền)

雲百母何驟仙去耶往度塵埃不忍見
賢二郎能代兄卷否九原雲駕急相從

Vân bách mẫu hà sậu tiên khứ gia, vãng độ trần ai bất nhẫn kiến;
Hiền nhị lang năng đại huynh quyển phủ, cửu nguyên vân giá cấp tương tòng.

Vân bách mẫu sao vội qui tiên, ly biệt trần ai đầy thương cảm;
Hiền nhị lang lấy anh thay thế, xe mây chín suối vội theo đi.
(Viếng tang thân mẫu ông Dực Thiện họ Vũ ở Phượng Tri)

籲閣正需才再命出於三己後
松竹今克表雙封曾自十年前

Vi các chính nhu tài, tái mệnh xuất ư tam kỷ hậu;
Tùng trúc kim khắc biểu, song phong tằng tự thập niên tiền.

Cảnh trí đúng nho gia, tái xuất sau ba lần truyền hịch;
Trúc tùng nay biểu hiện, từng hai lần tặng trước mười năm.

籲笛幾回客夢暗傷星景外
笙歌何處秋風遙度馬梁間

Khương địch hỷ hồi, khách mộng ám thương tình cảnh ngoại;
Sinh ca hà xứ, thu phong giao độ mã lương gian.

Kèn sáo mấy hồi vang, ngoại cảnh sao trời, đớn đau lòng mộng khách;
Sênh ca nơi nào vọng, đoạn đường đưa tiễn xa lạ gót phong thu.
(Viếng phu nhân lại tham Bùi Quan)

羌 笛 幾 回 方 難 世
盆 歌 何 處 又 驚 人
Khương địch kỷ hồi phương nan thế;
Bồn ca hà xứ hựu kinh nhân.
Kèn sáo mấy hồi, vừa mới thở than cùng trần thế;
Bồn ca đâu đến, lại thêm hốt hoảng với nhân gian.

煙 徑 雲 迷 風 淒 翠 柳
石 階 露 冷 雨 泣 黃 花
Yên kính vân mê phong thê thúy liễu;
Thạch giai lộ lãnh vũ khấp hoàng hoa.
Khói dày mây tỏa, gió buồn thúy liễu;
Thềm cao sương lạnh, mưa khóc hoàng hoa.

一 夜 頂 風 堆 白 雪
三 年 淚 水 滴 紅 冰
Nhất dạ đỉnh phong đôi bạch tuyết;
Tam niên lệ thủy trích hồng băng.
Một tối gió về đùn tuyết trắng;
Ba năm nước mắt dỏ băng hồng.

九 原 有 淚 流 知 己
萬 户 同 聲 哭 善 人
Cửu nguyên hữu lệ lưu tri kỷ;
Vạn hộ đồng thanh khốc thiện nhân.
Khắp nơi đều khóc vì tri kỷ;
Muôn hộ cùng buồn bởi bạn lành.

廟 堂 日 月 經 桑 海
弓 劍 霜 懷 掛 沛 山
Miếu đường nhật nguyệt kinh tang hải;
Cung kiếm tương hoài Quải Bái Sơn.
Miếu đường ngày tháng bao thay đổi;
Cung kiếm anh hùng Quải Bái Sơn.
(Đền Thống Chinh, Nam Đàn, Nghệ An)

之 德 之 才 之 事 業
此 時 此 世 此 功 名
Chi đức chi tài chi sự nghiệp;
Thử thời thử thế thử công danh.

Đức ấy, tài ấy, sự nghiệp ấy;
Thời này, thế này, công danh này.
(Sĩ phu Nam Đàn chửi Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Cảnh Cự, tay sai cho thực dân Pháp)

建設杏壇依舊址
昌明教化起新潮
Kiến thiết hạnh đàn y cựu chỉ
Xương minh giáo hóa khởi tân trào.
Xây dựng hạnh đàn nguyên móng cũ;
Chấn hưng giáo dục nổi phong trào.
(Câu đối để gác chuông văn từ phủ Kiến Xương cũ)

天理在人心瞻仰自然起敬
吾道如元氣周流渭水不存
Thiên lý tại nhân tâm, chiêm ngưỡng tự nhiên khởi kính;
Ngô đạo như nguyên khí, chu lưu vị thủy bất tồn.
Lẽ phải ở lòng người, chiêm ngưỡng tự nhiên kính trọng;
Đạo nho như nguyên khí, chu lưu mãi mãi vẫn còn.
(Câu đối để cổng văn từ phủ Kiến Xương cũ)

貉雄數千載迄今吾道南矣
洙泗億萬年以後聖澤留兮
Lại Hùng sể thiên tải hất kim, ngô đạo Nam hĩ;
Thù Tứ ức vạn niên dĩ hậu, thánh trạch lưu hề.
Giống Lạc Hồng mấy nghìn năm tới nay, đạo nho truyền bá;
Sông Thù Tứ ức vạn năm về sau, ơn thánh thấm nhuần.
(Câu đối ở Văn từ phủ Kiến Xương cũ)

帝德如天屏嶺雲間瞻日近
臣心似水濂江月色印秋聲
Đế đức như thiên, Bình Lĩnh vân gian chiêm nhật cận;
Thần tâm tự thủy, Liêm Giang nguyệt sắc ấn thu thanh.
Đức vua như trời, mây núi Ngự Bình trời soi sáng;
Lòng tôi như nước, trăng sông Liêm Thủy vẻ thu trong.
(Câu đối để ở công đường phủ Kiến Xương cũ)

正氣凜如生桂嶺石碑標義烈
芳名誰不朽魚峰詩集表情忠
Chính khí lẫm như sinh, Quế Lĩnh thạch bi tiêu nghĩa liệt;
Phương danh thùy bất hủ, Ngư Phong thi tập biểu tình trung.

Chính khí như còn sống, bia Quế Sơn kia nêu nghĩa liệt;
Danh thơm lưu bất hủ, tập Ngư Phong nọ tỏ lòng trung.
(Câu đối từ đường Nguyễn Quang Bích)

赫赫然佐孟英書清焰樹越旗不朽奇功光史册
飄飄乎現身下士始花煙終浪泊長留正氣鎮山河

Hách hách nhiên tá manh anh thư, thanh Hán diệm, thụ Việt kỳ,
bất hủ kỳ công quang sử sách;
Phiêu phiêu hồ hiện thân hạ sĩ, thủy Hoa Yên, chung Lãng Bạc,
trường lưu chính khí trấn sơn hà.

Rạng rỡ thay phò tá bậc anh thư, đuổi giặc Hán, dựng cờ Nam, bất hủ công to ngời sử sách;
Phơi phới vậy hiện thân là hạ sĩ, trước Hoa Yên, sau Lãng Bạc, còn lưu chính khí với non sông.
(Câu đối đình đá xã An Bồi, Kiến Xương, Thái Bình thờ nữ tướng Hai Bà Trưng)

殲仇志氣與徵朝相始終喝渚金田留異蹟
報國精神爲越民所崇拜故鄉石廟尚餘靈

Tiêm cừu chí khí dữ Trưng triều tương thủy chung, Hát Chử, Kim
Điền lưu dị tích;
Báo quốc tinh thần vi Việt dân sở sùng bái, cố hương thạch miếu
thượng dư linh.

Ý chí diệt thù, cùng Bà Trưng sóng hàng, Hát Chử Kim Điền còn dấu tích
Tinh thần cứu nước, được dân Việt sùng bái, quê hương đình đá hãy linh thiêng.
(Đình đá, An Bồi, Kiến Xương)

許女主以伏仇君臣父子一親長使金田留竹帛
睹南天者思德城郭人民千古不皆銅柱變桑蒼

Hứa nữ chủ dĩ phục cừu, quân thần phụ tử nhất thân,
trường sử Kim Điền lưu trúc bạch;
Đổ Nam thiên giả tư đức, thành quách nhân dân thiên cổ,
bất giai đồng trụ biến tang thương.

Giúp vua nữ để báo thù, vua tôi cha con một nhà,
còn mãi Kim Điền lưu sách vở;
Thấy trời Nam còn nhớ đức, thành quách nhân dân muôn thuở,
chẳng cùng đồng trụ biến tang thương.
(Đình đá, An Bồi, Kiến Xương)

蓬 華 之 漏 瓦 屋 譬 遷 何 憂 雨 濕
興 城 雖 失 戰 區 廣 設 不 患 敗 忘

Bồng tất chi lậu, ngõa ốc cảnh thiên, hà ưu vũ thấp;
Hưng thành tuy thất, chiến khu quảng thiết, bất hoạn bại vong.

Mái rạ dột rồi, đình ngói dọn lên, lo gì mà ướt;
Thành Hưng dẫu mất, chiến khu mở rộng, chẳng sợ bại vong.

(Câu đối tại Đèo Ách. Vế 1 do Nguyễn Quang Bích đọc, vế 2 do Trần Ngọc Dư đối)

三 尺 身 存 國 辱 不 消 未 即
寸 心 常 在 師 酬 未 報 不 休

Tam xích thân tồn, quốc nhục bất tiêu vị tức;
Thốn tâm thường tại, sư thù vị báo bất hưu.

Ba thước thân còn, nhục nước chưa tan, chưa nghỉ;
Một trái tim đập, thù thầy chưa trả, chẳng thôi.

(Đốc Nhường gửi Lãnh Hoan trong phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX)

生 以 除 國 難 吾 決 謀 生
死 而 報 師 酬 我 無 畏 死

Sinh dĩ trừ quốc nạn, ngô quyết mưu sinh;
Tử nhi báo sư thù, ngã vô úy tử.

Sinh để trừ nạn cho nước, tôi quyết mưu sinh;
Tử mà trả thù cho thầy, ta không sợ tử.

(Lãnh Hoan gửi cho Đốc Nhường. Hai thủ lĩnh yêu nước chống Pháp nói trên)

九 邑 九 屯 梁 賊 破
四 男 四 將 李 神 尊

Cửu ấp cửu đồn Lương tặc phá;
Tứ nam tứ tướng Lý thần tôn.

Chín ấp chín đồn Lương tặc phá;
Bốn con bốn tướng Lý thần tôn.

(Đền Chàng xã Đông Thọ, Đông Hưng, Thái Bình thờ năm cha con ông Lê Ngọ là những tướng lĩnh chống quân Lương ở thế kỷ VI)

一 統 山 河 南 越 帝 都 南 越 甸
萬 春 廟 社 太 平 天 子 太 平 安

Nhất thống sơn hà, Nam Việt đế đô Nam Việt điện;
Vạn Xuân miếu xã, thái bình thiên tử thái bình an.

Thống nhất sơn hà, Nam Việt đế đô, Nam Việt vững;
Vạn Xuân đền miếu, Thái Bình thiên tử, thái bình yên.

(Đền Chàng xã Đông Thọ ca ngợi nhà Tiền Lý)

七 年 戎 劍 驚 天 北
萬 壽 宮 庭 屹 海 南

Nhất niên nhung kiếm kinh thiên Bắc;
Vạn thọ cung đình ngật hải Nam.

Bảy năm đao kiếm vang trời Bắc;
Vạn thọ cung đình ngất biển Nam.

(Đền Chàng xã Đông Thọ)

大 義 所 當 爲 殺 賊 昂 心 光 日 月
漢 卿 猶 未 雪 捐 生 浩 氣 壯 山 河

Đại nghĩa sở đương vi, sát tặc đan tâm quang nhật nguyệt;
Thâm thù do vị tuyết, quyên sinh hạo khí tráng sơn hà.

Nghĩa lớn đã đương làm, giết giặc lòng son ngời nhật nguyệt;
Thù sâu còn chưa trả, quên sinh chính khí rạng non sông.

(Ngô Quang Đoan viếng Nguyễn Thái Học)

壹 方 民 社 恩 留 溥
百 世 明 堂 俎 豆 香

Nhất phương dân xã ân lưu phổ;
Bách thế minh đường trở đậu hương.

Dân xã một vùng ơn lưu khắp;
Từ đường trăm thuở vật phẩm thơm.

(Từ đường thủy tổ họ Hồ, Huế)

帝 德 巍 峨 高 北 闕
神 靈 顯 赫 照 南 天

Đế đức nguy nga cao Bắc khuyết;
Thần linh hiển hách chiếu Nam thiên.

Đế đức nguy nga cao lầu Bắc;
Thần linh rực rỡ chiếu trời Nam.

(Từ đường thủy tổ họ Hồ)

九 陛 恩 波 桃 李 門 中 均 潤 澤
五 陵 春 色 杉 松 山 上 倍 光 輝

Cửu bệ ân ba, đào lý môn trung quân nhuận trạch;
Ngũ lăng xuân sắc, sam tùng sơn thượng bội quang huy.

Đào lý trong sân đều thấm nhuầm sóng ơn cửu bệ;
Sam tùng trên núi thấy sáng ngời xuân sắc ngũ lăng.

(Đền Mỹ Hóa Công)

浦邑屬源初萬本祐降特命
銀河資灌溉一枝香色異群英

Phố ấp thuộc nguyên sơ, vạn bản hưu phường giáng đặc mệnh;
Ngân hà tư quán khái, nhất chi hương sắc dị quần anh.

Bến ấp thuộc đầu nguồn, muôn gốc tế thần trao mệnh lớn;
Sông Ngân nhờ tưới tắm, một cành hương sắc khác trăm hoa.

(Đền Mỹ Hóa Công)

沁水新開湯沐邑
玉鞭平興賣書人

Thấm thủy tân khai thang mộc ấp;
Ngọc tiên bình hứng mại thư nhân.

Thấm thủy mới khai vùng thang mộc;
Ngọc tiên bình hứng khách thi thư.

(Đền Mỹ Hóa Công)

雨露渥金枝梏嶺風雲連坦步
肅雍申帝命柳營莖艸共芬輝

Vũ lộ ốc kim chi, cốc lĩnh phong vân liên thảm bộ;
Túc ung thân đế mệnh, liễu doanh hành thảo cộng phân huy.

Ân trạch thấm cành vàng, núi níu gió mây liền dạo bước;
Kính hòa vâng đế mệnh, doanh đồn cây cỏ cùng sáng thơm.

(Đền Mỹ Hóa Công)

神格思洋洋如在
德盛矣蕩蕩難名

Thần cách tư, dương dương như tại;
Đức thịnh hỹ, đãng đãng nan danh.

Thần đến với ta, mênh mông như ở cạnh;
Đức thịnh thay, bát ngát khó gọi tên.

(Đình xã Cựu Xuân Dương)

高明配天厚配地
至誠通聖藥通神

Cao minh phối thiên, hậu phối;
Chí thành thông thánh, dược thông thần.

Trí cao minh sánh với trời, lòng nhân hậu sánh với đất;
Nết chí thành thông tới thánh, tài thuốc thang thông với thần.

(Đền thờ đức thánh Trần)

捉 縛 瘟 煌 消 五 氣
驅 除 龍 犯 滅 千 精

Tróc phọc ôn hoàng tiêu ngũ khí;
Khu trừ long phạm diệt thiên tinh.

Trói bắt ôn hoàng tiêu ngũ khí;
Khu trừ bùa yểm, diệt ngàn binh.

(Đền thờ đức thánh Trần)

中 興 凜 烈 存 南 史
上 等 威 靈 貫 北 圻

Trung hưng lẫm liệt tồn Nam sử;
Thượng đẳng uy linh quán Bắc Kỳ.

Trung hưng lẫm liệt lưu Nam sử;
Thượng đẳng oai linh suốt Bắc Kỳ.

(Đền thờ đức thánh Trần)

柱 賴 以 尊 千 載 功 勳 偉 大
燈 高 遠 烙 億 年 廟 貌 輝 煌

Trụ lại dĩ tôn, thiên tải công huân vĩ đại;
Đăng cao viễn lạc, ức niên miếu mạo huy hoàng.

Cột vững tôn vinh, nghìn thuở công huân vĩ đại;
Đèn cao chói lọi, muôn năm miếu mạo huy hoàng.

(Đền thờ đức thánh Trần)

王 將 兼 全 討 賊 除 凶 名 垂 宇 宙
聖 神 永 顯 庇 民 護 國 威 振 山 河

Vương tướng kiêm toàn, thảo tặc trừ hung, danh thùy vũ trụ;
Thánh thần vĩnh hiển, tí dân hộ quốc, uy chấn sơn hà.

Vương tướng kiêm toàn, đánh giặc trừ hung, danh trùm vũ trụ;
Thánh thần mãi hiển, cứu dân giúp nước, oai chấn sơn hà.

(Đền thờ đức thánh Trần)

功 在 陳 朝 名 在 史
福 留 仙 錄 德 留 民

Công tại Trần triều, danh tại sử;
Phúc lưu tiên lục, đức lưu dân.

Công ở triều Trần, danh ở sử;
Phúc lưu tiên sách, đức lưu dân.

(Đền thờ đức thánh Trần)

聖王功蓋南邦劫泊千秋龍朝虎伏
神將威除北寇香江萬古浪靜波平

Thánh vương công cái Nam bang, Kiếp Bạc thiên thu long triều hổ phục;
Thần tướng uy trừ Bắc khấu, Hương Giang vạn cổ lãng tĩnh ba bình.

Thánh vương công phủ trời Nam, Kiếp Bạc nghìn thu rồng chầu hổ phục;
Thần tướng oai trừ giặc Bắc, Hương Giang vạn thuở sóng lặng bể yên.

(Đền thờ đức thánh Trần)

南天秀氣才無比
北地威靈哲莫當

Nam thiên tú khí tài vô tỉ;
Bắc địa uy linh triết mạc đương.

Tú khí trời Nam tài ai sánh?
Uy linh đất Bắc, trí nào đương?

(Đền thờ đức thánh Trần)

金銀挺出南邦巍峨顯聖
寶劍討除北寇赫赫精神

Kim ngân đĩnh xuất Nam bang, nguy nguy hiển thánh;
Bảo kiếm thảo trừ Bắc khấu, hách hách tinh thần.

Bạc vàng vượt trội trời Nam, cao vời hiển thánh;
Kiếm báu tiễu trừ giặc Bắc, lừng lẫy tinh thần.

(Đền thờ đức thánh Trần)

青册留芳四字琨璜蒙帝簡
白頭字節一心金百對天知

Thanh sách lưu phương, tứ tự côn hoàng mông đế giản;
Bạch đầu vũ tiết, nhất tâm kim thạch đối thiên tri.

Thanh sử lưu hương, bốn chữ ngọc ngà ơn vua chép;
Bạch đầu khí tiết, một lòng vàng đá thấu trời cao.

(Đền thờ đức thánh Trần)

儼若思孝孫有慶
祭如在明德維馨

Nghiễm nhược tư, hiếu tôn hữu khánh;
Tế như tại, minh đức duy hinh.

Nghiêm như nghĩ, cháu hiền thì phúc;
Tế tựa còn, đức sáng sẽ thơm.

(Đền thờ đức thánh Trần)

春風得意花千里
秋月揚輝桂一枝
Xuân phong đắc ý hoa thiên lý;
Thu nguyệt dương huy, quế nhất chi.
Xuân phong được ý, hoa nghìn dặm;
Thu nguyệt sáng soi, quế một cành.
(Đền thờ đức thánh Trần)

死如生亡如存陰陽無別憾
春以祀秋以嘗魂魄有所歸
Tử như sinh, vong như tồn, âm dương vô biệt hám;
Xuân dĩ tự, thu dĩ thường, hồn phách hữu sở qui.
Chết như sống, mất như còn, âm dương không hề trách;
Xuân để tế, thu để thờ, hồn phách có chốn về.
(Đền thờ đức thánh Trần)

聖域胥陶賢其賢親其親樂樂利利
佛堂歸杖老乃老幼乃幼喜喜歡歡
Thánh vực tư đào, hiền kỳ hiền, thân kỳ thân, lạc lạc lợi lợi;
Phật đường qui trượng, lão nãi lão, ấu nãi ấu, hỷ hỷ hoan hoan.
Thánh vực luyện rèn, hiền với bậc hiền, thân với bậc thân,
lạc lạc lợi lợi;
Phật đường qui về tuổi, lão cùng hàng lão, trẻ cùng hàng trẻ,
hỉ hỉ hoan hoan.
(Đền thờ đức thánh Trần)

樹色泉聲南宮北苑
墨緣書味東壁西園
Thụ sắc truyền thanh, Nam cung Bắc uyển;
Mặc duyên thư vị, Đông bích Tây viên.
Vui sắc cây tiếng suối nơi Nam cung Bắc uyển;
Thú duyên mực mùi thư chốn Đông bích Tây viên.
(Đền thờ đức thánh Trần)

四大海滄清九品咸登彼岸
五帶山宛轉十方惟到菩提
Tứ đại hải thương thanh, cửu phẩm hàm đăng bỉ ngạn;
Ngũ đới sơn uyển chuyển, thập phương duy đáo bồ đề.
Bốn bể biển trong xanh, chín cấp đều lên bỉ ngạn;
Năm dãy non uyển chuyển, mười phương chỉ đến bồ đề.
(Đền thờ đức thánh Trần)

四德兼優好作銀潢中女烈
一心自宇榮爵閨榜上皇恩

Tứ đức kiêm ưu, hảo tác ngân hoàng trung nữ liệt;
Nhất tâm tự thủ, vinh tước khuê bảng thượng hoàng ân.

Bốn đức đều hay, khéo gây nghiệp nữ nơi ao báu;
Một lòng tự giữ, vẻ vang ơn đế chốn khuê môn.

(Đền thờ đức thánh Trần)

聖澤汪涵眾生一切吉祥也
佛門廣大但願十方良善哉.

Thánh trạch uông hàm, chúng sinh nhất thiết cát tường dã;
Phật môn quảng đại, đãn nguyện thập phương lương thiện tai.

Ơn thánh chứa sâu, tất cả chúng sinh điềm lành vậy;
Cửa thiền rộng lớn, mười phương chỉ nguyện việc tốt thay!

(Đền thờ đức thánh Trần)

扶國救民偉跡芳名垂宇宙
除侵去賊功高德大振山河

Phù quốc cứu dân, vĩ tích phương danh thùy vũ trụ;
Trừ xâm khử tặc, công lao đức đại chấn sơn hà.

Giúp nước cứu dân, dấu lớn tiếng thơm trùm vũ trụ;
Trừ xâm khử tặc, công cao đức lớn chấn sơn hà.

(Đền thờ đức thánh Trần)

細草長松同霑法雨
黃花翠竹共蔭慈雲

Tế thảo, trường tùng đồng chiêm pháp vũ;
Hoàng hoa, thúy trúc cộng ấm từ vân.

Cỏ nhỏ, tùng cao thấm nhuần Phật pháp;
Hoa vàng, trúc biếc che rợp Thiền từ.

(Đền thờ đức thánh Trần)

得天地枝英孝忠兩
稟江山枝秀文武全

Đắc thiên địa chi anh, hiếu trung lưỡng;
Bẩm giang sơn chi tú, văn vũ toàn.

Trung hiếu cả hai, anh khí tỏa cùng trời đất;
Vũ văn toàn vẹn, tú linh hòa với núi sông.

(Đền thờ đức thánh Trần)

佛法相因翠柳拂開金世界
聖功參贊紅蓮湧出玉樓臺

Phật pháp tương nhân, thúy liễu phất khai kim thế giới;
Thánh công tham tán, hồng liên dũng xuất ngọc lâu đài.

Phật pháp vì nhau, liễu biếc mở ra vàng thế giới.
Thánh công tham dự, sen hồng nẩy vọt ngọc lâu đài.

(Đền thờ đức thánh Trần)

同類相憐死也如歸生也寄
惟誠是格求枝必應感之通

Đồng loại tương lân, tử dã như qui, sinh dã ký;
Duy thành thị cách, cầu chi tất ứng, cảm chi thông.

Đồng loại thương nhau, chết cũng như về, sống như gửi;
Lòng thành động thấu, cầu là hẳn ứng, cảm hẳn thông.

(Đền thờ đức thánh Trần)

赫聲濯靈在其上在其左右
陰扶默相保我民保我子孫

Hách thanh trạc linh, tại kỳ thượng, tại kỳ tả hữu;
Âm phù mặc tương, bảo ngã dân, bảo ngã tử tôn.

Lừng tiếng linh thiêng, ở từ trên, ở từ phải trái;
Âm thầm giúp đỡ, gìn giữ dân, gìn giữ cháu con.

(Đền thờ đức thánh Trần)

得天地之精英洋洋乎在上
含山川之秀麗濯濯矣厥靈

Đắc thiên địa chi tinh anh, dương dương hồ tại thượng;
Hàm sơn xuyên chi tú lệ, trạc trạc hĩ quyết linh.

Tràn ngập khắp ở trên, bao khí tinh anh trời đất;
Sáng ngời nơi linh địa, chung bầu tú lệ núi sông.

(Đền thờ đức thánh Trần)

日裏樓頭詩可辯
夜間庭際字能評

Nhật lý lâu đầu thi khả biện;
Dạ gian đình tế tự năng bình.

Ngày mải lầu cao thơ tranh biện;
Đêm về sân họp chữ phẩm bình.

(Đền Thụy Thái Vương)

振振艷說麟之趾
挺挺榮看竹有筠
Chân chân diễm thuyết lân chi chỉ;
Đĩnh đĩnh vinh khan trúc hữu quân.
Vẻ nhân hậu nói chân con lân;
Dáng ngay thẳng nhìn tre lẫn trúc.
(Đền Thụy Thái Vương)

若木分光桐葉圭猶傳帝子
皇枝藉慶梅花粧幸前天孫
Nhược mộc phân quang, đồng diệp khuê do truyền đế tử;
Hoàng chi tạ khánh, mai hoa trang hạnh liệt thiên tôn.
Cây nhược chia nắng, lá ngô ngộc còn truyền đế tử;
Cành vua nhờ phúc, hoa mai may điểm hàng thiển tôn.
(Đền Thụy Thái Vương)

藩印祥開堂隸有花皆昔樹
仙源慶衍沁園一水是從波
Phiên ấn tường khai, đường lệ hữu hoa giai tích thụ;
Tiên nguyên khánh diễn, Thấm viên nhất thủy thị tòng ba.
In sách phúc khai, đường lệ trổ hoa, cây thuở trước;
Nguồn tiên mừng khắp, Thấm viên dòng nước, sóng dồn theo.
(Đền Thụy Thái Vương)

寵樹燈升瑞盎東藩桐削葉
靈根式固芬流兌野隸穠花
Sủng thụ đăng thăng, thụy áng đông phiên đồng tước diệp;
Linh căn thức cố, phân lưu đoài dã lệ nùng hoa.
Cây mến trèo lên, chậu ngọc dậu Đông, ngô đồng bóc lá;
Gốc thiêng phép vững, dòng thơm đồng Tây, đường đệ nồng hoa.
(Đền Thụy Thái Vương)

福罪本由心寂寂回光近照
成功唯向佛惺惺正念分明
Phúc tội bản do tâm, tịch tịch hồi quang cận chiếu;
Thành công duy hướng Phật, tinh tinh chính niệm phân minh.
Phúc tội vốn do tâm, lặng lẽ hồi quang chiếu rọi;
Thành công chỉ theo Phật, tỏ tường chính niệm rõ ràng.
(Chùa Phúc Thành)

前 向 香 江 壹 帶 澄 清 來 活 水
後 面 峰 山 三 台 靉 靆 y 祥 雲

Tiền hướng Hương Giang nhất đới, trừng thanh lai hoạt thủy;
Hậu diện Phong Sơn tam đài, ái đại đổ tường vân.

Hướng trước Hương Giang một dải, trong xanh vòng nước chảy;
Mặt sau Phong Sơn ba đài, lãng đãng thấy mây lành.

(Đình Phú Cát)

表 柱 擎 天 水 直 江 津 英 鍾 文 物 地
城 都 接 路 山 頭 海 岸 鼓 舞 泰 平 天

Biểu trụ kình thiên, thủy trực giang tân anh chung văn vật địa;
Thành đô tiếp lộ, sơn đầu hải ngạn cổ vũ thái bình thiên.

Cột trụ chống trời, nước thẳng bến sông, đắp vun đất văn vật;
Thành đô tiếp lối, đầu non bờ biển, cổ vũ trời bình yên.

(Đình Phú Cát)

聖 德 匡 扶 億 載 當 強 人 安 物 阜
神 恩 保 裕 千 秋 吉 慶 國 泰 家 康

Thánh đức khuông phù, ức tải phú cường nhân an vật phụ;
Thần ân bảo dụ, thiên thu cát khánh quốc thái gia khang.

Thánh đức chở che, muôn thuở mạnh giàu dân an vật thịnh;
Ơn thần bù đậy, ngàn thu phúc tốt, nước thái nhà vui.

(Đình Phú Cát)

廟 貌 巍 峨 屏 嶺 拱 朝 物 華 天 寶
神 基 鞏 固 香 江 環 抱 人 傑 地 靈

Miếu mạo nguy nga, Bình Lĩnh củng triều vật hoa thiên bảo;
Thần cơ củng cố, Hương Giang hoàn bão nhân kiệt địa linh.

Miếu mạo nguy nga, núi Ngự chầu về vật hoa thiên bảo;
Đền đài củng cố, sông Hương vòng lại nhân kiệt linh.

(Đình Phú Cát)

大 杖 夫 明 明 白 白
三 兄 弟 古 古 今 今

Đại trượng phu minh minh bạch bạch;
Tam huynh đệ cổ cổ kim kim.

Bậc đại trượng phu phẩm hạnh rõ ràng trong sạch;
Ba người kết nghĩa gương soi thấu suốt xưa nay.

(Chùa Quan Thánh)

佛 前 恭 祝 三 香 篆
世 上 全 憑 一 點 心

Phật tiền cung chúc tam hương triện;
Thế thượng toàn bằng nhất điểm tâm.

Trước Phật cung chúc ba vòng hương khói;
Trên trần dựa trọn một tấm lòng trung.

(Chùa Long Phước)

威 福 門 來 聞 戒 虎
莊 嚴 殿 講 聽 經 龍

Uy phước môn, lai văn giới hổ;
Trang nghiêm điện, giảng thính kinh long.

Cửa uy phước, đến nghe răn hổ;
Điện trang nghiêm, dạy bảo trị rồng.

(Chùa Long Phước)

落 花 祉 憑 風 伯 掃
飛 塵 時 借 雨 師 清

Lạc hoa chỉ bằng phong bá tảo;
Phi trần thời tá vũ sư thanh.

Hoa rụng những nhờ bác gió quét;
Bụi bay thường mượn thầy mưa thau.

(Chùa Thuận Hóa)

忠 義 匡 君 正 氣 天 之 上 之 下
慈 悲 救 世 靈 聲 海 以 北 以 南

Trung nghĩa khuông quân, chính khí thiên chi thượng chi hạ;
Từ bi cứu thế, linh thanh hải dĩ Bắc dĩ Nam.

Trung nghĩa giúp vua, chính khí trời ban trùm thượng hạ;
Từ bi cứu thế, tiếng thiêng biển phát khắp Bắc Nam.

(Chùa Thuận Hóa)

直 將 忠 義 師 千 古
無 論 英 雄 蔽 萬 人

Trực tương trung nghĩa sư thiên cổ;
Vô luận anh hùng tế vạn nhân.

Nguyện đem trung nghĩa nêu thiên cổ.
Chẳng luận anh hùng khuất vạn nhân.

(Chùa Thuận Hóa)

價重同門使府星輝袍帶耀
恩封一代卿階月炤壤泉光

Giá trọng đồng môn, sứ phủ tinh huy bào đới diệu;
Ân phong nhất đại, khanh giai nguyệt chiếu nhưỡng tuyền quang.

Quý trọng đồng môn, phủ sứ sao soi áo đai lấp lánh;
Ơn phong một thuở, thềm khanh trăng chiếu bờ suối long lanh.

(Chùa Thuận Hóa)

黃門九擅文章價
馬舅常陳德正書
(龍飛癸巳春)

Hoàng môn cửu thiện văn chương giá;
Mã cữu thường trần đức chính thư.
(Long phi Quý Tỵ xuân)

Hoàng môn giữ mãi văn chương đẹp;
Mã cữu thường phô đức chính hay.

(Long phi, mùa xuân năm Quý Tỵ – 1893)
(Đền thờ Nghi Quốc Công)

先相公順慶兼撫雙城常爰膏車存偉躅
今賢弟禾多有此民土焰山滄水認前程
(成泰丑夏)

Tiên tướng công Thuận Khánh kiêm phủ song thành, thường viên cao xa tồn vĩ trục;
Kim hiền đệ Hòa Đa hữu thử dân thổ, diệm sơn thương thủy nhận tiền trình.
(Thành Thái, Tân Sửu hạ)

Xưa tướng công Thuận Khánh trị nhậm hai thành, ân huệ khoan hòa lưu dấu lớn;
Nay hiền đệ Hòa Đa cai quản dân thổ, nước trong núi sáng trước mặt phô.

(Mùa hạ năm Tân Sửu niên hiệu Thành Thái, 1901) (Đền thờ Nghi Quốc Công)

持其志無暴其氣
敏於事而慎於言

Trì kỳ chí vô bộc kỳ khí;
Mẫn ư sự nhi thận ư ngôn.

Giữ chí ấy, không phô bày khí ấy;
Nhanh ở việc mà cẩn trọng ở lời.

(Đền thờ Nghi Quốc Công)

阮 福 功 名 盛
建 祥 當 貴 興

Nguyễn Phúc công danh thịnh;
Kiến Tường phú quý hưng.

Họ Nguyễn Phúc công danh thịnh đạt;
Phủ Kiến Tường phú quý chấn hưng.

(Công phủ Kiến Tường)

明 鏡 非 臺 炤 見 本 來 面 目
菩 提 無 樹 常 開 不 謝 心 花

Minh kính phi đài, chiếu kiến bản lai diện mục;
Bồ đề vô thụ, thường khai bất tạ tâm hoa.

Gương sáng chẳng kỳ đài, chiếu thấy nguyên lai tướng mạo;
Bồ đề không cổ thụ, thường khai chẳng héo hoa lòng.

(Chùa Phúc Tuệ)

郡 爵 紹 家 風 曰 貴 曰 壽
正 卿 榮 帝 命 完 福 完 名

Quận tước thiệu gia phong, viết quý, viết thọ;
Chính khanh vinh đế mệnh, hoàn phúc, hoàn danh.

Tước Quận công nối tiếp gia phong, thế là quí, thế là thọ;
Hàng khanh tướng hiển vinh đế mệnh, thật đủ phúc, thật đủ danh.

(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

近 者 悅 遠 者 來
入 則 孝 出 則 悌

Cận giả duyệt, viễn giả lai;
Nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ.

Người gần thì vui, người xa thì lại;
Ở nhà thì hiếu, ra ngoài thì đễ.

(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

本 其 仁 心 行 其 仁 術
不 爲 良 相 則 爲 良 醫

Bản kỳ nhân tâm, hành kỳ nhân thuật;
Bất vi lương tướng, tắc vi lương y.

Gốc ở nhân tâm, làm ở nhân thuật;
Chẳng thành lương tướng, thì thành lương y.

(Đền thờ Quận công Tuy Lý)

地 遺 來 左 對 屏 山 鍾 秀 氣
天 作 合 前 迎 香 水 演 文 瀾

Địa di lai, tả đối Bình sơn chung tú khí;
Thiên tác hợp, tiền nghênh Hương thủy diễn văn lan.

Đất để lại, phía trái núi Ngự đúc thành khí tốt;
Trời làm nên, mặt tiền sông Hương dăng rộng sóng văn.

(Đền Chu Môn)

樂 地 祠 堂 今 再 廠
尚 書 世 裔 昔 由 傳

Lạc địa từ đường kim tái xưởng;
Thượng thư thế duệ tích do truyền.

Phú Lạc từ đường nay mở rộng;
Thượng thư dòng dõi cũ vẫn truyền.

(Từ đường thờ Nguyễn Bảo ở xã Phú Xuân, Thái Bình)

文 名 宦 業 黎 朝 史
善 址 仁 基 阮 氏 祠

Văn danh hoạn nghiệp Lê triều sử;
Thiện chỉ nhân cơ Nguyễn thị từ.

Văn chương sự nghiệp vang Lê sử;
Đức thiện nền nhân tiếng Nguyễn đường.

(Từ đường thờ Nguyễn Bảo ở xã Phú Xuân, Thái Bình)

進 士 祖 黃 甲 孫 入 格 文 章 家 四 世
渭 川 前 安 堵 後 朝 庭 詩 禮 國 三 元

Tiến sĩ tổ, hoàng giáp tôn, nhập cách văn chương gia tứ thế;
Vị Xuyên tiền, Yên Đổ hậu, triều đình thi lễ quốc tam nguyên.

Nhà, tứ thế văn chương nổi tiếng, tiến sĩ ông, hoàng giáp cháu;
Nước, tam nguyên thi lễ lừng danh, Vị Xuyên trước, Yên Đổ sau.

(Tam nguyên Vị Xuyên Trần Bích San mừng Tam nguyên Yên Đổ vinh quy bái tổ)

長 長 長 長 長 長 長
長 長 長 長 長 長 長

Trưởng trưởng trường trường trường trưởng trưởng;
Trường trường trưởng trưởng trưởng trường trường.

Lớn lớn dài dài dài lớn lớn;
Dài dài lớn lớn lớn dài dài.

(Nguyễn Khuyến làm câu đối cho một anh nông dân dán chuồng lợn)

兄南弟北威名振
子孝臣忠節義高.

Huynh Nam đệ Bắc uy danh chấn;
Tử hiếu, thần trung tiết nghĩa cao.

Anh trấn trong Nam, em trấn ngoài Bắc, uy danh lừng lẫy;
Con tròn đạo hiếu, tôi vẹn lòng trung, tiết nghĩa nêu cao.

(Anh em Lê Văn Duyệt, Lê Văn Phong thờ ở từ đường họ Lê, làng Bồ Đề tỉnh Quảng Ngãi)

拒莫扶黎功在皇家名在史
光前裕後生爲良將死爲神

Cự Mạc phò Lê, công tại hoàng gia danh tại sử;
Quang tiền dụ hậu, sinh vi lương tướng tử vi thần.

Chống Mạc phò Lê, công tại triều đình, tên tại sử;
Phúc sau sáng trước, sống làm tướng giỏi, chết làm thần.

(Phủ thờ họ Đặng ở Lương Xá, Hà Tây)

槐門舊蔭豐根本
芝誥新恩貴壤泉

Hòe môn cựu ấm phong căn bản;
Chi cáo tân ân quý nhưỡng tuyền.

Cửa hòe tươi tốt nhờ gốc cũ;
Ân mới vua phong rạng cửu tuyền.

(Từ đường thờ cử nhân Vũ Đường, thôn Thượng Hòa, xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, Thái Bình)

君臣論列一篇嘉模意範
聲績秉彪千古牝直孤忠

Thiên thần luận liệt nhất thiên, gia mô ý phạm;
Thanh tích bỉnh bưu thiên cổ, tẫn trực cô trung.

Quân thần luận một thiên, khuôn mẫu đẹp phép tắc;
Tiếng thơm vang muôn thuở, lòng chính trực trung thành.

(Từ đường thờ Nguyễn Hy Quang, làng Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội)

四海名人題古寺
一山風物媚禪深

Tứ hải danh nhân đề cổ tự;
Nhất sơn phong vật mị thiền thâm.

Bốn bể danh nhân đề thơ chùa cổ;
Một vùng cảnh vật đẹp chốn cửa thiền.

(Cổng chùa Từ Hiếu ở cố đô Huế)

慈孝表徽稱人心世道有關梵宇鐘聲宣大覺
楊春多美景古刹名藍所在如來慧日照中天

Từ Hiếu biểu huy xưng, nhân tâm thế đạo, hữu quan Phạn Vũ chung thanh tuyên đại giác;
Dương Xuân đa mỹ cảnh, cổ sái danh lam, sở tại Như Lai tuệ nhật chiếu trung thiên.

Từ Hiếu nổi danh thơm, lòng người đạo đời đều hợp, tiếng chuông ngân làm giấc mơ chợt tỉnh;
Dương Xuân nhiều cảnh đẹp, tạo chùa cổ chốn danh lam, trí tuệ Như Lai bừng sáng khắp nơi.

(Chùa Từ Hiếu, cố đô Huế)

日照月臨招景象
乾開坤闔妙玄機

Nhật chiếu nguyệt lâm chiêu cảnh tượng;
Kiền khai khôn hạp diệu huyền cơ.

Nhật chiếu nguyệt soi cảnh tượng rực rỡ;
Càn khôn đóng mở, máy thật diệu huyền.

(Đền Bách Linh, Dự Xá Thượng, Hà Tây)

人保當爲天下惜
宦情能動九重憐

Nhân bảo đương vi thiên hạ tích;
Hoạn tình năng động cửu trùng liên.

Người mất đi thiên hạ đều tiếc nuối;
Làm quan thanh bạch trời cũng xót thương.

(Bảng nhãn Phạm Thanh viếng Bảng nhãn Vũ Duy Thanh)

勝地栽培連福果
德門自暗發櫻桃

Thắng địa tài bồi liên phúc quả;
Đức môn tự ám phát anh đào.

Đất đẹp vun trồng nên quả phúc;
Đức cao tự lắng nẩy anh đào.

(Đình Danh Thượng, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

慈風浩浩祥雲繞
法雨飛飛瑞氣濃

Từ phong hạo hạo tường vân nhiễu;
Pháp vũ phi phi thụy khí nồng.

Gió từ mênh mang mây lành quấn quýt;
Mưa pháp ngào ngạt khí đẹp bao quanh.
(Chùa Danh Thượng, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

德道救民昭靈顯列揚安義
功多讓國歷朝封曾表精忠

Đức đạo cứu dân, chiêu linh hiển liệt dương an nghĩa;
Công đa hộ quốc, lịch triều phong tặng biểu tinh trung.
Đạo đức cứu dân, rờ rỡ linh thiêng nêu gương an nghĩa;
Công nhiều giữ nước, các triều phong tặng tỏ rõ tính trung.
(Đình thôn Thống Nhất, Trung Phú, Bắc Giang)

一水前開明善地
象山還抱翠珠基

Nhất thủy tiền khai minh thiện địa;
Chúng sơn hoàn bão thúy châu cơ.
Một dòng mở trước đền, rõ ràng đất thiện;
Cả dãy núi vây bọc, xanh biếc nền châu.
(Đền thờ Trần Hưng Đạo, thôn Đồng Tiến, xã Danh Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang)

千載上是加非誰能辨之龜爪弩機傳外史
五倫定夫與父果孰親也蚌蠐井水獨深情

Thiên tải thượng, thị da phi, thùy năng biện chi?
Qui trảo nỗ cơ truyền ngoại sử;
Ngũ luân định, phu dữ phụ, quả thục thân dã?
Bạng trai tỉnh thủy độc thâm tình.
Ngàn năm trải, đúng và sai, người nào dám chắc? Móng rùa,
nỏ thần ghi ngoại sử;
Ngũ luân định, cha với chồng, ai thân hơn ai? Ngọc trai
giếng nước thấy tình thâm.
(Đền thờ Mỵ Châu ở Cổ Loa, Hà Nội)

刻石立天臺萬代仰瞻不朽
焚香求帝闕億家壽演無疆

Khắc thạch lập thiên đài, vạn đại ngưỡng chiêm bất hủ;
Phần hương cầu đế khuyết, ức gia thọ diễn vô cương.
Tạc đá dựng đài hương, muôn thuở phụng thờ không mất;
Dâng hương cầu đế miếu, vạn nhà trường thọ vô cương.
(Cột hương đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa, Hà Nội)

感必應求必通香篆不離三尺地
福以來災以去心誠願格九重天

Cảm tất ứng, cầu tất thông, hương triện bất ly tam xích địa;
Phúc dĩ lai, tai dĩ khứ, tâm thành nguyện cách cửu trùng thiên.
Cảm tất ứng, cầu tất thông, hương thơm chẳng rời ba thước đất;
Phúc đã đến, tai đã qua, lòng thành quả thấy chín tầng trời.
(Cột hương đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa, Hà Nội)

護國出家八代天皇光李葉
眞身報佛千秋地脈養蓮花
Hộ quốc xuất gia, bát đại thiên hoàng quang lý diệp;
Chân thân báo Phật, thiên thu địa mạch dưỡng liên hoa.
Giúp nước dời nhà đi tu, tám đời vua, vẫn vẻ vang họ Lý;
Chân tu viên mãn đắc đạo, ngàn năm mạch đất tô thắm đài sen.
(Chùa làng Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

國叔國師新教傳開十八子李
佛王佛祖靈聲永奠莊暇青威
Quốc thúc, quốc sư, tân giáo truyền khai thập bát tử Lý;
Phật vương, Phật tổ, linh thanh vĩnh điện trang hạ Thanh Oai.
Chú của vua, sư của nước, mở nền Phật giáo, công lao triều Lý;
Vương thành Phật, Phật thành tổ, tiếng anh linh vững ở trang hạ Thanh Oai.
(Chùa làng Thượng Phúc, xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

由皇親爲僧爲聖爲菩薩凜凜英聲莫狀
自李朝而陳而胡而本紀巍巍字典如新
Do hoàng thân, vi tăng, vi thánh, vi Bồ tát, lẫm lẫm anh thanh mạc trạng;
Tự Lý triều, nhi Trần, nhi Hồ, nhi bản kỷ, nguy nguy tự điển như tân.
Vốn dòng dõi vua, là sư, là thánh, là Bồ tát có tiếng linh thiêng chẳng đổi thay lẫm liệt;
Từ triều Lý đến triều Trần, triều Hồ, đến triều ta, diễn tích chữ nghĩa vẫn như mới ngời ngời.
(Nơi thờ một vị Bồ tát, nguyên là hoàng thân quốc thích đời Trần Minh Tông tại chùa Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

帝后爲他山勢高峰標宇宙
神威佛德度人福量等河沙
Đế hậu vị tha, sơn thế cao phong tiêu vũ trụ;
Thần uy Phật đức, độ nhân phúc lượng đẳng Hà sa.

Thái hậu thương người như núi cao gió lộng trong trời đất;
Phật thần cứu giúp, phúc nhiều tựa cát bãi sông Hằng.
(Miếu thờ Minh Từ hoàng thái hậu tại Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội)

陳朝母儀光大會弘天也帝
福林禪定靈通幻化佛而仙
Trần triều mẫu nghi, quang đại hội hoằng thiên dã đế;
Phúc lâm thiền định, linh thông ảo hóa Phật nhi tiên.
Bậc quốc mẫu thời Trần, gương sáng bao la, thánh bà là đế;
Phật phúc như cây rừng, phép mầu như hóa, Phật mà lại tiên.
(Miếu thờ Minh Từ hoàng thái hậu, ở Thượng Phúc, Tả Thanh Oai, Hà Tây)

淨土梵宮佛日增輝于四代
磨空寶塔法輪常轉遍三千
Tịnh thổ phạn cung, Phật nhật tăng huy vu tứ đại;
Ma không bảo tháp, Pháp luân thường chuyển biến tam thiên.
Cõi Tịnh thổ, cung trời phạm, Phật pháp ngày càng thêm rạng rỡ;
Niệm ma không linh bảo tháp, Phật pháp truyền khắp ba ngàn.
(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, cố đô Huế)

八功之水常清一設眾生吉祥也
五典之車不敝大願十方良善哉
Bát công chi thủy thường thanh, nhất thiết chúng sinh cát tường dã;
Ngũ điển chi xa bất tệ, đại nguyện thập phương lương thiện tai.
Nước tám công rửa sạch bụi trần, giúp chúng sinh đến nơi cực lạc;
Xe ngũ điển không ngơi phát đại, nguyện thập phương đến cõi thiện tai.
(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, cố đô Huế)

開發菩提心而化統萬類
弘施方便力以覺悟群生
Khai phát bồ đề tâm, nhi hóa thống vạn loại;
Hoằng thi phương tiện lực, dĩ giác ngộ quần sinh.
Mở tâm bồ đề để hóa thông vạn vật;
Bày muôn ngàn phép để giác ngộ chúng sinh.
(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, cố đô Huế)

法雨弘施萬木昆蟲沾利益
身雲遍滿虛空世界放光明
Pháp vũ hoằng thi, vạn mộc côn trùng triêm lợi ích;
Thân vân biến mãn, hư không thế giới phóng quang minh.

Mưa phép thấm đều, vạn mộc côn trùng đều hưởng lợi;
Phật thân biến hóa, hư không thế giới sáng muôn màu.
(Tháp Phước Duyên, chùa Thiên Mụ, Huế)

心即佛濟人歸萬善
色即空闡教定一心

Tâm tức Phật, tế nhân qui vạn thiện;
Sắc tức không, xiển giáo định nhất tâm.
Tâm tức Phật, cứu người quay về muôn điều thiện;
Sắc tức không, xiển dương Phật giáo chỉ một lòng.
(Tháp Phước Duyên, chùa Thiên Mụ, Huế)

萬化搖源普四代而咸歸善念
七層寶塔對兩間而敷積福緣

Vạn hóa dao nguyên, phổ tứ đại nhi hàm qui thiện niệm;
Thất tầng bảo tháp, đối lưỡng gian nhi phu tích phúc duyên.
Nguồn thiền tỏa rộng để quay về với cõi thiện duyên;
Tháp báu bẩy tầng, như bày ra phép lành duyên phước.
(Trước cửa chùa Thiên Mụ, Huế)

永留勝跡睹碑文而金碧增輝
圓滿善緣釋鐘響而寶珠覺悟

Vĩnh lưu thắng tích, đổ bi văn nhi kim bích tăng huy;
Viên mãn thiện duyên, thích chung hưởng nhi bảo châu giác ngộ.
Thắng tích lưu ngàn đời, nhìn văn bia kim bích càng thêm sáng;
Thiện duyên tròn vành cạnh, nghe chuông ngân châu báu cũng tỏ bày.
(Trụ cổng chùa Thiên Mụ, Huế)

閱字碑仰先王雜福之人水月常圓光滿
三代千世界
讀國史記老果現身之語嶽河水固靈終
億萬敘基圖

Duyệt tự bi, ngưỡng tiên vương tạp phúc chi nhân, thủy nguyệt thường viên, quang mãn tam đại thiên thế giới;
Độc quốc sử, ký lão quả hiện thân chi ngữ, nhạc hà thủy cố, linh chung ức vạn tự cơ đồ.
Xem bia chùa, biết người xưa tạo phúc, trăng tỏ nước đầy
chiếu sáng tới tam thiên thế giới;
Đọc sử thấy lời lão bà là sấm, núi cao sông hiểm,
khí thiêng lưu ức vạn cơ đồ.
(Trước cửa chùa Thiên Mụ, Huế)

入不退金城衣鉢優游隨機說法
登無逢寶塔春秋自在任意參禪

Nhập bất thoái kim thành, y bát ưu du tùy cơ thuyết pháp;
Đăng vô phùng bảo tháp, xuân thu tự tại nhiệm ý tham thiền.

Trong tường vàng, y bát thong dong, tùy cơ thuyết pháp;
Lên tháp báu, xuân thu tự tại, theo ý tham thiền.

(Trụ tháp chùa Thiên Mụ, Huế)

西天掛跡靈媒懸瓶何處去歸懲元宗者
舍利飛香浮圖藏色此成安住敦厚高僧

Tây thiên quải tích, Linh Mụ huyền bình, hà xứ khứ qui
Trừng Nguyên tôn giả;
Xá lị phi hương, phù đồ tàng sắc, thử thành an trú
Đôn Hậu cao tăng.

Tây thiên cầm tích, Linh Mụ mang bình, chẳng biết đi đâu về đâu
hỡi ngài Trừng Nguyên tôn giả;
Xá lị tỏa hương, tháp báu tàng nhục, chỗ này là chỗ yên nghỉ
của ngài Đôn Hậu cao tăng.

(Tháp Đôn Hậu, chùa Thiên Mụ, Huế)

累世東阿傳舊德
名存南史邑青香

Lũy thế Đông A truyền cựu đức;
Danh tồn Nam sử ấp thanh hương.

Gốc gác họ Trần truyền cựu đức;
Danh lưu Nam sử tỏa hương thơm.

(Đền thờ làng La Cả, nay thuộc xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

故家事業存編錄
儒宦風聲有古今

Cố gia sự nghiệp tồn biên lục;
Nho hoạn phong thnah hữu cổ kim.

Sự nghiệp nhà xưa còn ghi trong sử sách;
Nho phong hoạn lộ có công luận xưa nay.

(Từ đường thờ Nguyễn Tú, xã Phượng Để, huyện Trực Ninh, Nam Định)

閥閱家聲陳朝莫狀元之後
源流世譜東海清河郡以來

Phiệt duyệt gia thanh, Trần kiều Mạc trạng nguyên chi hậu;
Nguyên lưu thế phổ, Đông Hải Thanh Hà quận dĩ lai.

Dòng dõi gia phong, trạng Mạc triều Trần sau nối tiếp;
Ngọn nguồn thế phả, Thanh Hà Đông Hải lại từ đây.
(Từ đường họ Vũ Tiến, làng Trực Nội, huyện Đông Hưng, Thái Bình)

四百年前終復始
十三世後異而同

Tứ bách niên tiền chung, phục thủy;
Thập tam thế hậu dị nhi đồng.
Bốn trăm năm trước, cuối cùng lại như ban đầu;
Mười ba đời sau, khác nhau mà vẫn cùng một.
(Từ đường họ Lều ở Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Tây)

調鼎鼐攝陰陽朝廷柱石
還規模定號令國家棟樑

Điều đỉnh nại, nhiếp âm dương, triều đình trụ thạch;
Hoàn qui mô, định hiệu lệnh, quốc gia đống lương.
Nếm canh đỉnh vạc, điều khí âm dương, ở triều đình làm trụ;
Hoàn thành qui mô, định ra hiệu lệnh, là rường cột nước nhà.
(Từ đường thờ Phạm Công Trứ ở Liêu Xuyên, xã Nghĩa Hiệp, huyện Mỹ Văn, Hưng Yên)

嗟哉冠古才名難弟亦難兄不世偶生還偶死
已矣到頭事勢此人而此景混塵留臭即留香

Ta tai! Quán cổ tài danh, nan đệ diệc nan huynh, bất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử;
Dĩ hỉ! Đáo đầu sự thế, thử nhân nhi thử cảnh, hỗn trần lưu xứ tức lưu hương.
Than ôi! Tài danh tuyệt thế, khó có người anh em như thế, sinh chẳng gặp thời, cùng sinh và cùng mất;
Thôi rồi! Sự thế đáo đầu, người như thế mà cảnh như thế, đời này hỗn độn, tiếng xấu tức tiếng thơm.
(Câu đối viếng Cao Bá Quát – khuyết danh)

俯敵歷朝經文緯武光前後
卿相兩國義腑忠肝振朔南

Phủ phất lịch triều, kinh văn vĩ vũ, quang tiền hậu;
Khanh tướng lưỡng quốc, nghĩa phủ trung can, chấn sóc Nam.
Áo lễ một triều, văn vũ dọc ngang, sáng lòa sau trước;
Tiếng vang hai nước, lòng gan trung nghĩa, vang dậy Bắc Nam.
(Từ đường thờ Tiến sĩ Phạm Công Dung, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)

廟 貌 顧 瞻 一 邑 聚 歌 童 叟 共
簡 毛 之 進 億 年 饗 祀 地 天 長

Miếu mạo cố chiêm, nhất ấp tụ ca đồng tẩu cộng;
Giản mao chi tiến, ức niên hưởng tự địa thiên trường.

Trông lại miếu đình, già trẻ một lòng cùng ca ngợi;
Tiến dâng lễ mọn, đất trời muôn thuở mãi phụng thờ.

(Miếu thờ Phạm Thọ Lý, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)

跡 稠 洞 庭 威 鎮 漢
芳 留 青 史 力 扶 徵

Tích trù Động Đình uy trấn Hán;
Phương lưu thanh sử lực phù Trưng.

Hiển hách còn lưu Động Đình phương Bắc;
Danh thơm truyền sử phù giúp vua Trưng.

(Đền thờ Phật Nguyệt, xã Phương Lĩnh, huyện Thanh Ba, Phú Thọ)

同 世 同 朝 三 進 士
一 家 一 日 兩 榮 歸

Đồng thế đồng triều tam tiến sĩ;
Nhất gia nhất nhật lưỡng vinh qui.

Làm quan cùng triều, ba tiến sĩ;
Vinh qui một buổi, cả hai người.

(Nhà thờ họ Nguyễn, xã Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

百 世 稱 神 歷 年 與 國
八 村 居 守 猶 族 而 鄉

Bách thế xưng thần lịch niên dự quốc;
Bát thôn cư thủ do tộc nhi hương.

Làm quan trăm đời nhiều năm giúp nước;
Giữ đất tám thôn nhờ họ nên làng.

(Nhà thờ họ Đặng xã Tứ Trung, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

靈 應 累 封 文 九 仰 神 權 惟 社 會
洪 恩 談 太 乙 重 新 廟 貌 鎮 江 山

Linh ứng lũy phong văn, cửu ngưỡng thần quyền duy xã hội;
Hồng ân đàn thái ất, trùng tân miếu mạo trấn giang sơn.

Linh thiêng ứng nghiệm dày, nhiều đời được tặng sắc văn,
tín ngưỡng thần quyền duy trì xã hội;
Công lao ân đức lớn, ông cha được phong thái ấp,
trùng tu đền miếu, giữ vững núi sông.

(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)

河潤神高靈況永延今廟社
地連太壤恩波同木舊江山

Hà nhuận thần cao, linh huống vĩnh diên kim miếu xã;
Địa liên thái nhưỡng, ân ba đồng mộc cựu giang sơn.

Sông nước nhuần hòa, có thần linh hun đúc, thiêng liêng còn mãi đến nay vẫn uy nghi miếu xã;
Đất đai liền giải, nhờ thái ất sẻ chia, ân đức hưởng chung vẫn còn nguyên thuở trước giang sơn.

(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)

六載稱王傳內史
千秋實邑顯餘靈

Lục tải xưng vương truyền nội sử;
Thiên thu thực ấp hiển dư linh.

Sáu năm ngự ngai vàng còn truyền nội sử;
Nghìn thu ở thực ấp vẫn rạng uy linh.

(Đình Chương Dương, Thường Tín, Hà Tây)

還繞好江山虎伏龍蟠眞譜作
軒昂新棟宇輝飛鴻翼壯觀瞻

Hoàn nhiễu hảo giang san, hổ phục long bàn chân phổ tác;
Hiên ngang tân đống vũ, huy phi hồng dực tráng quan chiêm.

Núi sông tươi đẹp uốn quanh, rồng chầu hổ phục chân cảnh tượng;
Miếu vũ nguy nga tạo dựng, tráng lệ chim bằng sải cánh bay.

(Miếu thần trên núi Đền làng Yên Phụ, huyện Yên Phong, Bắc Ninh)

母儀終古瞻如在
祖國千秋有所依

Mẫu nghi chung cổ chiêm như tại;
Tổ quốc thiên thu hữu sở y.

Mẹ nước ngàn xưa trông như còn đó;
Non sông muôn thuở có chỗ cậy nhờ.

(Miếu Bạch Kê trên đồi Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

終古三靈憑眷侑
千秋七妙仰熏高

Chung cổ Tam Linh bằng quyến hựu;
Thiên thu Thất Diệu ngưỡng huân cao.

Tam Linh vạn thuở, nơi nương tựa;
Thất Diệu ngàn năm, mộ khói hương.

(Đền thờ Thánh Tam Giang làng Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

正氣曰浩然上則日星下則河嶽
爲德其盛矣明詩禮樂幽而鬼神

Chính khí viết hạo nhiên, thượng tắc nhật tinh, hạ tắc hà nhạc;
Vi đức kỳ thịnh hỹ, minh thi lễ nhạc, u nhi quỉ thần.

Chính khí là khí hạo nhiên, trên là mặt trời, dưới là sông núi;
Đức của thần thịnh vậy, sáng là lễ nhạc, tối là quỉ thần.

(Đền thờ Thánh Tam Giang, làng Yên Phụ, Yên Phong, Bắc Ninh)

父先功子先功父子繼先功之業
祖積德孫積德祖先培積德之基

Phụ tiên công, tử tiên công, phụ tử kế tiên công chi nghiệp;
Tổ tích đức, tôn tích đức, tổ tiên bồi tích đức chi cơ.

Cha có công, con có công, cha con kế tiếp nhau công nghiệp;
Ông lưu đức, cháu lưu đức, ông cháu cùng bồi đức truyền lưu.

(Hai cha con Nguyễn Tòng, Nguyễn Cầu thờ ở đình làng Trinh Cát và Đức Cơ, huyện Tiền Hải, Thái Bình)

虎榜爭魁時巨擘
離廷合德國良能

Hổ bảng tranh khôi thì cự phách;
Ly đình hợp đức quốc lương năng.

Bảng hổ ngôi đầu trang cự phách;
Sân rồng hợp đức bậc tôi hiền.

(Gia phả họ Phạm, làng Đông Ngạc, Từ Liêm, Hà Nội)

座上巍峨來妙相
案前祈禱表眞心

Tọa thượng nguy nga lai diệu tướng;
Án tiền kỳ đảo biểu chân tâm.

Trên tòa nguy nga ngôi diệu tướng;
Trước án lễ bái tỏ lòng thành.

(Chùa Long Vân, tỉnh Hà Tây)

山水有情英靈殿
龍雲合意最靈臺

Sơn thủy hữu tình anh linh điện;
Long Vân hợp ý tối linh đài.

Linh điện hữu tình nhờ non nước;
Đài thiêng hợp ý bởi rồng mây.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

色聚龍雲三寶花登傳佛法
景光香積十方善信向心靈

Sắc tụ Long Vân, tam bảo hao đăng truyền Phật pháp;
Cảnh quang Hương Tích, thập phương thiện tín hướng tâm linh.

Sắc tụ Long Vân, tam bảo đèn hoa truyền Phật pháp;
Cảnh quang Hương Tích, mười phương thiện tín hướng tâm linh.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

法界光輝廣運慈心開覺岸
龍雲寶座弘施惠力度迷津

Pháp giới quang huy, quảng vận từ tâm khai giác ngạn;
Long Vân bảo tọa, hoằng thi huệ lực độ mê tân.

Pháp giới sáng ngời, vận dụng từ tâm mở bờ giác;
Long Vân tòa báu, thi hành huệ lực thoát bến mê.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

月印江溪龍竹影
花留石洞峙山雲

Nguyệt ấn giang khê long trúc ảnh;
Hoa lưu thạch động trĩ sơn vân.

Sông suối bóng trăng, in ánh lung linh hoa trúc;
Cỏ hoa động đá, mây lưu phủ núi một vùng.

(Chùa Long Vân, Hà Tây)

同世同朝三進士
一家一日兩榮歸

Đồng thế đồng triều tam tiến sĩ;
Nhất gia nhất nhật lưỡng vinh qui.

Một đời, một triều ba người đỗ tiến sĩ;
Một nhà, một ngày hai người được vinh qui.

(Ba cha con Nguyễn Kim, Nguyễn Chuyên Mỹ, Nguyễn Đốc Tín làng Thạch Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng)

匡黎偉績存山海
平宋英聲貫古今

Khuông Lê vĩ tích tồn sơn hải;
Bình Tống anh thanh quán cổ kim.

Phò Lê công lớn vang sông núi;
Dẹp Tống tiếng lừng dội xưa nay.

(Đền thờ Phạm Cự Lượng, xã Đan Nê, huyện An Định, Thanh Hóa)

跡顯東封鳳照歷朝隆字典
泥留春爪鴻圓隨處仰芳輝

Tích hiển đông phong, phượng chiếu lịch triều long tự điển;
Nê lưu xuân trảo, hồng viên tùy xứ ngưỡng phương huy.

Dấu cũ sắc vua ban, còn mãi sáng ngời trong lịch sử;
Vết xưa chim hồng đậu, vẫn lưu rạng rỡ với danh thơm.

(Đình Nam làng Thư Điền, xã Tây Giang, Tiền Hải, Thái Bình)

一簇樓臺增壯麗
億年居里木恩波

Nhất thốc lâu đài tăng tráng lệ;
Ức niên cư lý mộc ân ba.

Một cụm lâu đài thêm tráng lệ;
Vạn năm thôn xóm đội ơn sâu.

(Miếu thờ Vinh Quốc công Lê Sao, thôn Phạm Xá, xã Đinh Xá, Bình Lục, Hà Nam)

問渠那得清洮水之源泗水
登高視益小竹山之上東山

Vấn vừ ná đắc thanh, Thao Thủy chi nguyên Tứ Thủy;
Đăng cao thị ích tiểu, Trúc Sơn chi thượng Đông Sơn.

Làm sao có được dòng trong, nước Thao Giang nguồn từ Tứ Thủy;
Lên cao nhìn càng thấy nhỏ, ngọn Trúc Sơn hướng thẳng Đông Sơn.

(Theo Sắc văn thi trường đối liên – sách chép tay)

忘邑訪文科費公後阮公前將輝佛籙
名區鍾旺氣茂之森柳之長同面德根

Vọng ấp phỏng văn khoa, Phí Công hậu, Nguyễn Công tiền tương huy Phật lục;
Danh khu chung vượng khí, mậu chi sâm, liễu chi trường đồng diện đức căn.

Tìm văn khoa ở Vọng ấp, thời sau ông Phí, thời trước ông Nguyễn
cùng rạng danh trong Đăng Khoa Lục;
Chung vượng khí nơi xóm làng cành liễu dài, cành mậu tốt,
đều làm cho cội đức vững bền.

(Từ đường họ Phí làng Mậu Hòa, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

借花洞以開基一統山河皆毅力
遊茂林而訪古五洲風會此崇祠

Tá Hoa động dĩ khai cơ, nhất thống sơn hà giai nghị lực;
Du Mậu lâm nhi phỏng cổ, ngũ châu phong hội thử sùng từ.
Phò chúa động Hoa Lư gây dựng cơ đồ, thống nhất non sông đều nhờ nghị lực;
Thăm rừng quê làng Mậu kiếm tìm dấu cũ, năm châu vận hội lưu tại đền thiêng
(Từ đường họ Đỗ làng Mậu Hòa, huyện Hoài Đức, Hà Tây)

乾 御 奠 中 區 肅 穆 位 成 朝 左 右
旅 庭 趨 下 駿 濟 蹌 序 列 作 西 東

Kiền ngự điện trung khu, túc mục vị thành triều tả hữu;
Lữ đình xu hạ tuấn, tế thương tự liệt tác tây đông.
Ngai chúa ngự trung khu, cung kính đứng hai bên tả hữu;
Sân chầu bày phía dưới, xếp thành hàng thứ tự tây đông.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

當 宇 穆 晨 旒 豈 弟 爲 綱 徵 壽 考
正 朝 恢 治 体 時 幾 懋 勉 挽 凝 熙

Đương vũ mục thần lưu, khởi đễ vi cương trưng thọ khảo;
Chính triều khôi trị thể, thời cơ mậu miễn vãn ngưng hi.
Gánh trọng trách cung đình, ngự phục trang nghiêm, vui vẻ mối dường, điềm thọ khảo;
Sửa sang nơi triều chính, rộng nền thịnh trị, cơ trời sẽ đến, hưởng phúc lành.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

離 照 四 方 瞻 虎 步 龍 行 昭 瑞 彩
春 和 千 古 見 鳳 儀 麟 舞 荐 嘉 祥

Ly chiếu tứ phương chiêm, hổ bộ long hành chiêu thụy thái;
Thái hòa thiên cổ kiến, phụng nghi lân vũ tiến gia tường.
Soi sáng bốn phương xem, hổ bước rồng bay điềm hay tỏ;
Thái hòa nghìn thuở thấy, phượng chầu lân múa phúc lành dâng.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

百 姓 總 吾 胞 遍 照 無 私 光 是 燭
八 方 皆 我 闔 併 包 罔 外 豁 如 心

Bách tính tổng ngô bào, biến chiếu vô tư, quang thị chúc;
Bát phương giai ngã đát, tinh bao võng ngoại, hoát như tâm.
Trăm họ thảy đồng bào, soi khắp vô tư trưng đuốc sáng;
Tám phương đều cửa ngõ, chẳng ngoài bao bọc, rộng như tâm.
(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

才 難 得 亦 難 知 較 若 驪 黃 歸 藻 鑑
民 可 近 不 可 下 儼 然 軒 陛 見 茅 茨

Tài nan đắc, diệc nan tri, hiệu nhược ly hoàng qui tảo giám;
Dân khả cận, bất khả hạ, nghiễm nhiên hiên bệ kiến mao từ.

Tài khó được, cũng khó hay, ví ngựa đen tuyền dùng gương soi chiếu;
Dân nên gần, không hạ thấp, ở nơi hiên bệ thấy chốn nhà tranh.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

四 序 昭 融 清 晏 會
重 門 軒 豁 照 臨 中

Tứ tự chiêu dung thanh yến hội;
Trùng môn hiên hoát chiếu lâm trung.

Bốn vách sáng trong, gặp hội thanh bình sông yên bể lặng;
Cửa đôi hiên rộng, không gian rạng rỡ, nhật chiếu, nguyệt soi.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

卷 阿 伴 渙 時 遊 豫
天 保 升 恒 會 泰 亨

Quyển A bạn hoán thời du dự;
Thiên Bảo thăng hằng hội thái hanh.

Ngâm khúc *Quyển A* đủng đỉnh thư nhàn rõ trang du khách;
Đọc thơ *Thiên Bảo*, trời lên trăng sáng tỏ hội thái hòa.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

鐘 鼓 樂 同 魚 躍 沼
簫 韶 和 奏 鳳 儀 庭

Chung cổ lạc đồng ngư dược chiểu;
Tiêu thiều hòa tấu phụng nghi đình.

Chuông trống vui chung, ao cá nhảy;
Tiêu thiều hòa tấu phượng sân chầu.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

五 絃 聲 繞 臨 風 院
八 闋 歌 喧 得 月 樓

Ngũ huyền thanh nhiễu lâm phong viện;
Bát khuyết ca huyên đắc nguyệt lâu.

Đàn năm dây quanh nhà hóng gió;
Ca tám khúc cạnh gác đón trăng.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

兌 澤 一 泓 妝 寶 鏡
坤 儀 億 載 鞏 璇 庭

Đoài trạch nhất hoằng trang bảo kính;
Khôn nghi ức tải củng tuyền đình.

Một khoảnh đầm đoài tô gương báu;
Muôn năm nghĩa mẹ vững sân rồng.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

玉 燭 宣 輝 光 四 表
全 波 闡 瑞 慶 千 秋

Ngọc chúc tuyên huy quang tứ biểu;
Kim ba xiển thụy khánh thiên thu.

Đuốc ngọc dọi soi trưng bốn cõi;
Sóng vàng mở dấu phúc nghìn thu.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

仙 杖 僊 成 裝 岸 柳
天 香 飛 入 滿 湖 蓮

Tiên trượng trang thành liên ngạn liễu;
Thiên hương phi nhập mãn hồ liên.

Nghi vệ tiên trang bên bờ liễu;
Hương trời hòa nhập ngát hồ sen.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

雍 睦 燦 堯 名 晝 省 夕 修 兼 懋 勉
瞻 依 環 禹 服 南 成 北 始 慶 清 夷

Ung mục xán Nghiêu danh, trú tỉnh tịch tu kiêm mậu miễn;
Chiêm y hoàn Vũ phục, Nam thành Bắc thủy khánh thanh di.

Hòa mục tiếng vua Nghiêu, đêm tu ngày tỉnh thêm gắng gỏi;
Trông nhờ quanh vua Vũ, mở Bắc thành Nam dẹp cõi bờ.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

萬 里 隔 隕 長 地 廠 日 南 增 式 廓
九 畿 基 本 壯 天 高 辰 北 屹 綱 維

Vạn lý cách vẫn trường, địa xưởng Nhật Nam tăng thức quách;
Cửu kỳ cơ bản tráng, thiên cao Thần Bắc ngật cương duy.

Muôn dặm cách trở xa, mở cõi Nhật Nam thênh thang thể thức;
Chín châu nền gốc vững, vươn cao Thần Bắc sừng sững mối dường.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

萬里奉明威蕃閫瘞瞻華萼邇
四時宣雅化絲綸遙仰彩雲來

Vạn lý phụng minh uy, phiên khổn cận chiêm hoa ngạc nhĩ;
Tứ thì tuyên nhã hóa, ti luân dao ngưỡng thái vân lai.

Muôn dặm sáng quyền uy, chốn phiên ổn ngắm xem hoa ngạc;
Bốn mùa ngời giáo hóa, chiếu vua ban xe đón mây lành.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

邦國樹藩翰遵奉典常勤述職
聖賢留範軌講明學問要存心

Bang quốc thụ phiên hàm, tuân phụng điển thường cần thuật chức;
Thánh hiền lưu phạm quĩ, giảng minh học vấn yếu tồn tâm.

Dựng phên dậu nước nhà, noi phép tắc gắng theo chức nghiệp;
Lưu khuôn mẫu thánh hiền, chăm vấn bài, cốt yếu để tâm.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

學焉新又新君子及時修德業
政者正不正王臣居作守彝章

Học yên tân hựu tân, quân tử cập thì tu đức nghiệp;
Chính giả chính bất chính, vương thần cư tác thủ di chương.

Học mới lại càng mới, quân tử kịp thời rèn đức nghiệp;
Chỉnh ngay điều chẳng ngay, vương thần cư xử giữ luân thường.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

夙夜彈厥心忠愛恪敦臣子職
終始典于學言行敬佩聖賢書

Túc dạ đàn quyết tâm, trung ái khác đôn thần tử chức;
Chung thủy điển vu học, ngôn hành kính bội thánh hiền thư.

Sớm tối dốc hết lòng, trung nước, yêu dân, tròn danh thần tử;
Trước sau chăm chỉ học, việc làm, lời nói, theo sách thánh hiền.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

大化奉宣揚溫室德音常在耳
小心存洞屬閶門威令不違顏

Đại hóa phụng tuyên dương, ôn thất đức âm thường tại nhĩ;
Tiểu tâm tồn động thuộc, xương môn uy lệnh bất vi nhan.

Đức hóa kính tuyên dương, lời hay triều chính còn vang mãi;
Cẩn thận lưu trong dạ, uy lệnh nhà vàng chẳng giám sai.

(Theo bài Câu đối ở phủ chúa, Thông báo Hán Nôm năm 2001)

能力堅強埠堤御水懇荒揚名今古
奇功偉人桑海成田更作建業子孫

Năng lực kiên cường, phụ đê ngự thủy khẩn hoang, dương danh kim cổ;
Kỳ công vĩ đại, tang hải thành điền canh tác, kiến nghiệp tử tôn.

Năng lực kiên cường, ngăn nước đắp đê, mở đất khai hoang nổi danh kim cổ;
Kỳ công vĩ đại, thay chua rửa mặn, cấy trồng canh tác khởi nghiệp cháu con.

(Nhà thờ dòng họ Tiên Công, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh)

築海成田神弟一
箕裘克紹止戈祠

Trúc hải thành điền thần đệ nhất;
Cơ cầu khắc thiệu chỉ qua từ.

Ngăn biển thành đồng, thần là bậc nhất;
Noi theo tổ trước, tổ chiếm công đầu.

(Nhà thờ họ Vũ thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hưng, Quảng Ninh)

開耕廟烈三公祖
翌保朝封四社神

Khai canh miếu liệt tam công tổ;
Dực bảo triều phong tứ xã thần.

Công sức khai canh thờ ba vị tổ;
Trung hưng dực bảo phong bốn xã thần.

(Nhà thờ họ Nguyễn thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hưng, Quảng Ninh)

開耕功神留後世
祠堂陶族創前人

Khai canh công thần lưu hậu thế;
Từ đường Đào tộc sáng tiền nhân.

Mở đất khai hoang, công thần lưu hậu thế;
Dựng xây sáng lập, Đào tộc sánh tiền nhân.

(Nhà thờ họ Đào xã Lưu Khê, Yên Hưng, Quảng Ninh)

龍城夢應光先世
蝸井聲聞啓後人

Long Thành mộng ứng quang tiên thế;
Oa tỉnh thanh văn khải hậu nhân.

Long Thành ứng mộng danh tiên tổ;
Giếng Ếch âm vang nghiệp cháu con.
(Nhà thờ họ Nguyễn thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hương, Quảng Ninh)

龍 城 舊 址 三 兄 弟
東 海 開 耕 二 萼 花

Long Thành cựu chỉ tam huynh đệ;
Đông Hải khai canh nhị ngạc hoa.
Thăng Long quê cũ tam huynh đệ;
Đông Hải khai canh chú với anh.
(Nhà thờ họ Vũ thôn Cung Đường, xã Phong Cốc, Yên Hương, Quảng Ninh)

福 生 禮 義 家 堂 盛
祿 進 榮 花 富 貴 春

Phúc sinh lễ nghĩa gia đường thịnh;
Lộc tiến vinh hoa phú quí xuân.
Phúc sinh lễ nghĩa cho nhà thịnh;
Lộc nẩy vinh hoa phú quí xuân.
(Gia đình cụ Nguyễn Đăng Thám, thành phố Thái Bình)

九 陛 敕 封 光 苡 水
億 年 廟 宇 對 桐 江

Cửu bệ sắc phong quang dĩ thủy;
Ức niên miếu vũ đối Đồng Giang.
Chín bậc sắc phong rạng ngời họ Phạm;
Ngàn năm từ miếu vọng hướng sông Đồng.
(Từ đường họ Phạm, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình)

一 堂 花 聚 精 神 爽
百 世 本 枝 嗣 續 長

Nhất đường hoa tụ tinh thần sảng;
Bách thế bản chi tự tục trường.
Một nhà hoa tụ tinh thần sáng;
Trăm thế bản chi nối tiếp dài.
(Từ đường họ Phạm, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình)

佛 道 光 明 濟 度 群 生 登 覺 岸
雲 庵 屹 立 輝 煌 寶 座 向 桐 江

Phật đạo quang minh, tế độ quần sinh đăng giác ngạn;
Vân am ngật lập, huy hoàng bảo tọa hướng Đồng Giang.

Đạo Phật sáng ngời, cứu giúp chúng sinh lên bờ giác;
Am mây cao ngất, huy hoàng bảo tháp, hướng sông Đồng.
(Chùa thôn Lãng Đông, xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, Thái Bình)

億 年 規 矩 存 碑 記
一 世 瓶 陶 入 範 圍

Ức niên qui củ tồn bi ký;
Nhất thế bình đào nhập phạm vi.
Nghìn năm mực thước ghi bia đá;
Nhất thế hình thù nhập mẫu khuôn.
(Am thờ vị tổ nghề kim hoàn ở Đồng Xuân, Kiến Xương, Thái Bình)

先 祖 仁 風 留 永 濟
後 昆 義 道 繼 長 光

Tiên tổ nhân phong lưu vĩnh tế;
Hậu côn nghĩa đạo kế trường quang.
Tiên tổ dựng nền nhân giúp đỡ bao người lưu tiếng tốt;
Cháu con chăm đạo nghĩa sáng ngời đức hạnh tiếp ơn xưa.
(Từ đường thờ tiên tổ Tế Quang y sư, thôn Tả Phụ, xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình)

山 水 清 高 春 不 盡
神 仙 樂 趣 景 長 生

Sơn thủy thanh cao xuân bất tận;
Thần tiên lạc thú cảnh trường sinh.
Sông núi thanh cao xuân mãi mãi;
Thần tiên vui thú cảnh đời đời.
(Ngôi miếu huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ)

東 土 關 鳩 鳴 得 偶
南 城 英 鳥 樂 同 聲

Đông Thổ quan cưu minh đắc ngẫu;
Nam Thành anh điểu lạc đồng thanh.
Oanh gọi lứa đôi nơi Đông Thổ;
Điểu hòa thanh ứng chốn Nam Thành.
(Cụ Nguyễn Đăng Súy, quê Kiến Xương, Thái Bình mừng đám cưới một gia đình ở Hà Nội)

明 月 清 風 百 類 魚 禽 皆 國 色
金 枝 玉 葉 四 時 花 草 有 天 香

Minh nguyệt thanh phong, bách loại ngư cầm giai quốc sắc;
Kim chi ngọc diệp, tứ thời hoa thảo hữu thiên hương.

Gió mát trăng thanh, chim cá muôn loài khoe sắc nước;
Cành vàng lá ngọc, cỏ cây bốn tiết ngát hương trời.
(Câu đối ở chợ xuân tỉnh Thái Bình năm 1996)

范族卜居安邑今成安業
愛州衍派望山同此望恩

Phạm tộc bốc cư An ấp kim thành an nghiệp;
Ái châu diễn phái Vọng Sơn đồng thử vọng ân.
Phạm tộc chuyển cư, An ấp nay thành an nghiệp;
Ái châu dời đến Vọng Sơn như thể vọng ân.
(Từ đường thờ Phạm Thận Duật ở Yên Mô, Ninh Bình)

行義不相離討賊君恩心不死
敗成非所論孤臣殺敵志猶生

Hành nghĩa bất tương ly, thảo tặc quân an tâm bất tử;
Bại thành phi sở luận, cô thần sát địch chí do sinh.
Làm việc nghĩa chẳng xa nhau, trừ tặc, báo ơn vua,
lòng không khuất;
Dẫu bại thành, không luận xét, diệt thù, trung thần chết,
chí mãi còn.
(Câu đối của lãnh binh Phạm Hữu Bí quê ở Bồ Xuyên, Thái Bình dặn em trai là Phạm Hữu Kiển)

讎戎不共戴天萬古芳名留象郡
護駕別心靜地千年殘骨寄龍州

Thù nhung bất cộng đới thiên, vạn cổ phương danh lưu Tượng Quận;
Hộ giá biệt tâm tĩnh địa, thiên niên tàn cốt ký Long Châu.
Thù Tây không đợi trời chung, muôn thuở tiếng thơm ghi Tượng Quận;
Hộ giá riêng tìm cõi khác, ngàn năm xương bọc gửi Long Châu.
(Câu đối trên mộ chí Tôn Thất Thuyết ở Long Châu, Trung Quốc – theo Việt Nam vong quốc sử, (1906) của Phan Bội Châu)

蓋世如愚眞君子
爲人能忍是英雄

Cái thế như ngu chân quân tử;
Vi nhân năng nhẫn thị anh hùng.
Khí khái tựa ngu, trang quân tử;
Làm người biết nhẫn, thật anh hùng.
(Câu đối khắc lòng máng thân cau, treo ở nhà cụ Vũ Văn Khang, thôn Tả Phụ xã Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình, thế kỷ trước)

池 邊 水 積 呼 軍 淚
樹 上 風 吹 罵 賊 聲

Trì biên thủy tích hô quân lệ;
Thụ thượng phong xuy mạ tặc thanh.

Bên ao vẫn còn những giọt nước mắt gọi quân;
Trên cây gió thổi nghe như tiếng chửi giặc.

(Dương Công San ca ngợi tinh thần chống Pháp của Vương Thúc Mậu ở Nam Đàn)

心 可 懸 於 偏 日 月
身 曾 可 以 越 山 川

Tâm khả huyền ư thiên nhật nguyệt;
Thân tằng khả dĩ việt sơn xuyên.

Lòng ấy treo cao cùng nhật nguyệt;
Thân này đã gắn với non sông.

(Miếu thờ Hoe Báu ở núi Vân Sơn Nam Đàn)

十 年 不 讀 父 親 所 孝 子 防 諸 葛 傳
一 舉 巧 酬 母 志 恨 非 壬 午 甲 申 前

Thập niên bất độc phụ thân, sở hiếu Tử Phòng Gia Cát truyện;
Nhất cử xảo thù mẫu chí, hận phi Nhâm Ngọ Giáp Thân tiền.

Mười năm không đọc sách cha, bởi ham truyện Trương Lương cùng Gia Cát;
Một khoa chưa đền chí mẹ, tiếc chẳng vin Nhâm Ngọ trước Giáp Thân.

(Vương Thúc Quý cảm tác)

書 燈 足 料 三 生 氣
湖 海 應 遑 萬 里 心

Thư đăng túc liệu tam sinh khí;
Hồ hải ưng hoàng vạn lý tâm.

Đèn sách cũng đủ chí ba sinh;
Hải hồ nên theo lòng muôn dặm.

(Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh Bác Hồ mừng bạn đỗ tú tài)

抗 戰 必 勝
建 國 必 成

Kháng chiến tất thắng;
Kiến quốc tất thành.

(Đinh Hợi Nguyên đán)

Kháng chiến nhất định thắng lợi;
Kiến quốc nhất định thành công[1].
(Tết Nguyên đán năm Đinh Hợi – 1947)

請爾須臾忘世事
松林雪絡似梅花
Thỉnh nhĩ tu du vong thế sự;
Tùng lâm tuyết lạc tự mai hoa.
Xin bạn giây lát quên việc đời;
Rừng thông tuyết bám như hoa mai.
(Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện tặng một người bạn Trung Quốc năm 1943)

忠義固家風而桂子而蘭孫壽更雙懸娛白髮
文明新運會是倉松是翠竹春花孟發滿芳園
Trung nghĩa cố gia phong, nhi quế tử nhi lan tôn,
thọ cánh song huyền ngu bạch phát;
Văn minh tân vận hội, thị thương tùng thị thúy trúc,
xuân hoa mạnh phát mãn phương viên.
Trung nghĩa vốn đạo nhà, đây con quế, đây cháu lan, song thọ nêu cao vui tóc bạc;
Văn minh đương hội mới, nào tùng xanh, nào trúc biếc, hoa xuân đua nở kín vườn xuân.
(Câu đối ông Vũ Đình Ngạn mừng ông Bùi Văn Bảo ở Thái Bình cuối thế kỷ trước)

衛道有丹心天下最隆惟道義
行文堅夙志世間無價是文章
Vệ đạo hữu đan tâm, thiên hạ tối long duy đạo nghĩa;
Hành văn kiên túc chí, thế gian vô giá thị văn chương.
Giữ đạo tấm lòng son, thiên hạ đẹp cao là đạo nghĩa;
Hành văn bền ý chí, thế gian vô giá, đó văn chương.
(Ông Lan Đình tặng ông Đồng Giang ở Thái Bình thế kỷ trước)

行善豈應爲惡報
太平何事惹兵刀
Hành Thiện khởi ưng vi ác báo;
Thái Bình hà sự nhạ binh đao.

---

[1] Bác Hồ viết lối chữ lệ cổ trên giấy hồng điều, theo lời thỉnh cầu của sư cụ chùa Trầm, huyện Chương Mỹ, Hà Đông. Câu đối được dán trước cửa chùa, nhưng không đề tên tác giả - theo Vũ Kiên trong bài *Bác Hồ với thú làm câu đối*, báo *Sức khỏe & Đời sống* số Xuân Ất Dậu – 200).

Hành Thiện há nên gây ác báo;
Thái Bình sao để dấy binh đao.
(Điếu Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn, 1913)

豪 傑 千 秋 歸 造 化
神 仙 一 見 可 忘 憂

Hào kiệt thiên thu quy tạo hóa;
Thần tiên nhất kiến khả vong ưu.
Hào kiệt nghìn thu về với đất;
Thần tiên vừa thấy đã quên buồn.

三 寸 枝 棺 五 寸 之 槨
十 年 樹 木 百 年 樹 人

Tam thốn chi quan, ngũ thốn chi quách;
Thập niên thụ mộc, bách niên thụ nhân.
Ba tấc là quan, năm tấc là quách;
Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người.

此 是 生 平 到 頭 事 業
無 非 沒 世 結 局 文 章

Thử thị sinh bình, đáo đầu sự nghiệp;
Vô phi một thế, kết cục văn chương.
Đây chính sự nghiệp đến chót cuộc sống;
Chẳng phải văn chương kết thúc hết đời.

南 朝 遠 播 聲 名 靜 邊 塞 擎 天 一 柱
北 鎮 長 留 義 氣 耀 精 靈 護 國 千 秋

Nam triều viễn bá thanh danh, tĩnh biên tái kình thiên nhất trụ;
Bắc trấn trường lưu nghĩa khí, diệu tinh linh hộ quốc thiên thu.
Thanh danh vang khắp triều nam, một cột chống trời yên bờ cõi;
Nghĩa khí lưu truyền trấn bắc, nghìn thu giúp nước dấy tinh linh.
(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)

故 國 江 山 巍 然 存 古 廟
將 軍 事 業 卓 爾 肆 功 神

Cố quốc giang sơn, nguy nhiên tồn cổ miếu;
Tướng quân sự nghiệp, trác nhĩ dị công thần.
Nước cũ non sông, sừng sững còn miếu cổ;
Tướng quân sự nghiệp, trác việt sáng thần công.
(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)

一氣冠山河雄國龍城留弄跡
雙桑懸日月東橋魚鋪記遺蹤

Nhất khí quán sơn hà, Hùng quốc Long thành lưu dị tích;
Song Tang huyền nhật nguyệt, Đông kiều Ngư phố ký di tung.

Khí mạnh trùm núi sông; nước vua Hùng, thành Thăng Long còn lưu vết lạ;
Mặt trời, mặt trăng treo trên hai đất Tang; Cầu Đông, Bến Cá vẫn giữ dấu xưa[1].

爲名將爲元臣許多政績戎功赫赫然在人耳目
此墓碑此祠廟歷几歐風亞雨巍巍乎吾土江山

Vi danh tướng, vi nguyên thần, hứa đa chính tích nhung công,
hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục;
Thử mộ bi, thử từ miếu, lịch kỷ Âu phong Á vũ,
nguy nguy hồ ngô thổ giang sơn.

Là danh tướng, là công thần, rất nhiều thành tích chiến công,
dưới tai mắt người oai vệ lắm;
Đây mộ bia, đây đền miếu, trải bao gió Âu mưa Á,
cùng non sông ta lớn lao thay.

(Danh nhân Hà Nội)

佐中興附鳳攀龍與國百年昭偉績
制外困安民息盜令人千載佩威風

Tá trung hưng, phụ phượng phan long, dữ quốc bách niên chiêu vĩ tích;
Chế ngoại khốn, an dân tức đạo, lệnh nhân thiên tải bội uy phong.

Giúp trung hưng, đỡ chúa phò vua, công lao lớn trăm năm với nước;
Chống giặc đến, yên dân dẹp trộm, uy phong nhiều ngàn thuở cùng người.

(Danh nhân Hà Nội)

君聖臣忠施耐封功推第一
地靈人傑瀝岑發跡定無雙

Quân thánh thần trung, Thi Nại phong công suy đệ nhất;
Địa linh nhân kiệt, Rạch Gầm phát tích định vô song.

Vua thánh tôi trung, Thi Nại đánh xong phong hạng nhất;
Đất thiêng người giỏi, Rạch Gầm dấu cũ thật không hai.

(Danh nhân Hà Nội)

---

[1] Theo Vũ Tuân Sán; Lý Tiến, ông Hiển, ông Dực, ông Minh...; *Danh nhân Hà Nội*, Hà Nội, 1973, tr. 10.

護國庇民萬古勳名垂宇宙
越南振北千秋聲勢壯山河

Hộ quốc tý dân, vạn cổ huân danh thùy vũ trụ;
Việt Nam chấn bắc, thiên thu thanh thế tráng sơn hà.

Giữ nước giúp dân, vạn thuở công lao lưu trời đất;
Vượt nam chặn bắc, ngàn thu danh tiếng dậy non sông.

(Danh nhân Hà Nội)

六千春色在眉頭記當年翠暖珠香曾遊贍部
五萬鶯花如夢裡念此日丁歌甲舞重睡崑崙

Lục thiên xuân sắc tại my đầu, ký đương niên thúy noãn châu hương, tằng du Thiệm Bộ;
Ngũ vạn oanh hoa như mộng lý, niệm thử nhật đinh ca giáp vũ, trùng thụy Côn Lôn.

Sắc xuân sáu ngàn năm chỉ chớp mắt, nhớ bấy giờ mơn mởn ngọc ngà, từng chơi Thiệm Bộ.
Hoa xuân năm vạn tuổi như trong mộng, nghĩ ngày ấy nay ca mai nhảy, ngủ lại Côn Lôn.

(Danh nhân Hà Nội)

潘郎佐國前良將
嘉定勤王後顯神

Phan Lang tá quốc, tiền lương tướng;
Gia Định cần vương, hậu hiển thần.

Giúp nước ở Phan Rang, trước tướng giỏi;
Cần vương nơi Gia Định, sau thần linh.

(Danh nhân Hà Nội)

嘉鎮漢鴻人民思汗馬朝廷崇拜別天南
橫山伏虎物色會雲龍節鉞指揮爲帝佐

Gia trấn mạc hồng, nhân dân tư hãn mã, triều đình sùng bái biệt thiên nam;
Hoành sơn phục hổ, vật sắc hội vân long, tiết việt chỉ huy vi đế tá[1].

Đại bàng Gia Định, nhân dân nhớ công trạng, triều đình sùng bái ở trời nam;
Hổ nấp Hoành Sơn, gắng sức lúc thời cơ, cờ búa chỉ huy vì đế tá.

(Danh nhân Hà Nội)

---

[1] Theo chúng tôi, đôi câu đối này có thể đảo vế.

良將才能千古流芳懸北闕
英雄氣節百年著績壯南疆

Lương tướng tài năng, thiên cổ lưu phương huyền Bắc khuyết;
Anh hùng khí tiết, bách niên trứ tích tráng Nam thiên.

Tài năng tướng giỏi, ngàn thuở tiếng thơm lưu cửa Bắc;
Khí tiết anh hùng, trăm năm công sáng rõ trời Nam.

(Danh nhân Hà Nội)

文章有命相終始
聲器同悲自古今

Văn chương hữu mệnh tương chung thủy;
Thanh khí đồng bi tự cổ kim.

Văn chương có mệnh liền sau trước;
Tri kỷ cùng buồn vẫn xưa nay.

(Nguyễn Văn Siêu khóc Cao Bá Quát)

嗟哉貫古才名難弟難兄一世偶生還偶死
已矣到頭事勢可憐可惡渾塵留臭亦留芳

Ta tai! Quán cổ tài danh, nan huynh nan đệ, nhất thế ngẫu sinh hoàn ngẫu tử;
Dĩ hĩ! Đáo đầu sự thế, khả lân khả ố, hỗn trần lưu xú diệc lưu phương!

Thương thay! Vượt cổ tài danh, em đấy mà anh, một cặp lúc sinh chết cũng vậy;
Ôi thôi! Việc đã đến thế, đáng thương đáng ghét, một đời lưu xấu cũng lưu thơm!

(Nguyễn Văn Siêu điếu Cao Bá Nhạ và Cao Bá Quát, 1854)

征施耐封功第一
收歸仁偉績無雙

Chinh Thi Nại, phong công đệ nhất;
Thu Quy Nhơn, vĩ tích vô song.

Đánh Thi Nại, công phong hạng nhất;
Lấy Quy Nhơn, việc lớn không hai.

(Lăng Ông Bà Chiểu[1]*)*

五木尚家風屈子騷魂天欲同
一生惟國患杜陵詩思地難埋

---

[1] Theo Lý Việt Dũng: *Văn bia và câu đối tại lăng Ông Bà Chiểu; Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn;* Huế; 2002, tr. 649.

Ngũ mộc thượng gia phong, Khuất Tử tao hồn thiên dục vấn;
Nhất sinh duy quốc hoạn, Đỗ Lăng thi tứ địa nan mai.
Năm gốc chuộng lề nhà, hồn phú Khuất Nguyên trời muốn hỏi;
Một đời vì nạn nước, ý thơ Đỗ Phủ đất khôn vùi.
(Phan Bội Châu viếng Lâm Mậu – 1933[1])

聰明我是黃家子
正直君爲黑帝神
Thông minh, ngã thị Hoàng gia tử;
Chính trực, quân vi Hắc đế thần.
Thông minh, ta là con nhà họ Hoàng;
Chính trực, ông là thần nhà họ Mai.
(Đầu xứ Thái để ở đền vua Mai)

閱寺碑仰先王造福之因水月常圓光滿
三千大世界
讀國史記老媼現身之語岳河水固靈鐘
億萬祀基圖
Duyệt tự bi ngưỡng tiên vương tạo phúc chi nhân,
thủy nguyệt thường viên quang mãn tam thiên đại thế giới.
Đọc quốc sử, ký lão ẩu hiện thân chi ngữ,
nhạc hà thủy cố linh chung ức vạn tự cơ đồ.
Xem bia chùa ngưỡng mộ nguyên do của tiên vương tạo phúc. Trăng tỏ nước tràn chiếu sáng tới tam thiên đại thế giới.
Đọc quốc sử thấy ghi lão bà hiện thân xuống nói. Núi thiêng sông hiểm đúc linh khí ngàn năm vững cơ đồ.
(Câu đối chùa Linh Mụ)

西天掛錫靈姥懸瓶何處去歸澄源尊者
舍利飛香浮屠藏色此城安住敦厚高僧
Tây thiên quải tích, Linh Mụ huyền bình, hà xứ khứ quy
Trừng Nguyên tôn giả
Xá lợi phi hương, phù đồ tàng sắc, thử thành an trú
Đôn Hậu cao tăng.
Tây Thiên cầm tích, Linh Mụ đeo bình, không biết đi đâu về đâu hỡi ngài Trừng Nguyên Tôn Giả;

---

[1] Theo Lê Nguyễn Lưu; *Chùa Phổ Quang và bài văn bia của Lâm Mậu; Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn;* Huế; 2002, tr. 405.

Xá lợi tỏa hương, tháp báu tàng nhục, thành này là nơi ở yên hỡi ngài Đôn Hậu Cao Tăng.

(Câu đối ở tháp Đôn Hậu chùa Thiên Mụ)

四 海 名 人 題 古 寺
一 山 風 物 眉 禪 深

Tứ hải danh nhân đề cổ tự;
Nhất sơn phong vận my thiền thâm.

Bốn biển danh nhân đề cổ tự;
Núi mây cảnh đẹp chốn thiền môn.

(Câu đối chùa Từ Hiếu)

幾 度 功 勳 長 皓 月
一 生 奇 氣 慫 高 峰

Kỷ độ công huân trường hạo nguyệt;
Nhất sinh kỳ khí túng cao phong.

Mấy lần dồn sức vầng trăng sáng;
Chí khí một đời động núi cao.

(Câu đối tháp thầy Thiện Minh chùa Thiền Tông)

石 碑 只 在 春 山 上
今 錫 授 飛 樂 國 中

Thạch bi chỉ tại Xuân sơn thượng;
Kim tích thụ phi lạc quốc trung.

Dương xuân trên núi dựng bia đá;
Trong nước truyền bay tích trượng vàng.

(Câu đối ở tháp ngài Nhất Định chùa Từ Hiếu)

同 苦 同 甘 兄 弟 族
一 心 一 志 子 孫 家

Đồng khổ đồng cam huynh đệ tộc;
Nhất tâm nhất chí tử tôn gia.

Đồng cam cộn khổ là anh em trong họ;
Một lòng một chí là con cháu trong nhà.

惠 施 天 地 番 生 盛
福 蔭 乾 坤 養 育 多

Huệ thi thiên địa phiên sinh thịnh;
Phúc ấm càn khôn dưỡng dục đa.

Ơn ban trời đất sinh vật thịnh;
Phúc rợp càn khôn nuôi nấng nhiều.

氣 英 雄 至 忠 大 義
厚 廣 大 以 德 爲 仁

Khí anh hùng chí trung đại nghĩa;
Hậu quảng đại dĩ đức vi nhân.

Khí phách anh hùng chí trung đại nghĩa;
Đầy đặn quảng đại lấy đức làm nhân.

載 筆 已 存 村 之 史
傳 言 還 自 里 之 民

Tải bút dĩ tồn thôn chi sử;
Truyền ngôn hoàn tự lý chi dân.

Nét bút vẫn còn trong sử xóm;
Lời truyền là bởi ở dân thôn

一 天 春 意 催 花 發
萬 里 財 源 擁 户 來

Nhất thiên xuân ý thôi hoa phát;
Vạn lý tài nguyên ủng hộ lai.

Một trời xuân ý giục hoa nở;
Muôn dặm tài nguyên ủng hộ thêm.

上 馬 提 鞍 三 尺 劍 戰功 顯 赫
保 民 護 國 萬 古 留 青史威 光

Thượng mã đề an, tam xích kiếm chiến công hiển hách;
Bảo dân hộ quốc vạn cổ lưu thanh sử uy quang.

Lên ngựa vỗ yên, ba thước kiếm lập chiến công hiển hách;
Giúp dân giữ nước, sáng uy danh lưu trong sử muôn đời.

雨 洒 天 流 淚
風 號 地 放 悲

Vũ sái thiên lưu địa;
Phong hào địa phóng bi.

Mưa rơi trời rơi lệ;
Gió khóc đất sầu thương.

靈 地 長 存 國 泰 民 安 同 日 月
丘 豪 氣 雄 威 戰 跡 配 乾 坤

Linh địa trường tồn quốc thái dân an đồng nhật nguyệt;
Khâu sơn hào khí hùng uy chiến tích phối càn khôn.

Đất thiêng mãi còn, quốc thái dân an ngang nhật nguyệt;
Núi non hào khí anh hùng chiến tích sánh càn khôn.

壽 脈 培 基 長 濟 世
延 禧 厚 澤 廣 民 安

Thọ mạch bồi cơ trường tế thế;
Diên hi hậu trạch quảng dân an.

Mạch thọ đắp thêm nền, cứu đời mãi mãi;
Dài phúc dày ơn huệ, mở rộng dân yên.

打 東 揲 北 威 風 兩 國
愛 民 治 諾 和 合 義 情

thiếu câu
dịch nghĩa

Đánh đông dẹp bắc uy phong lưỡng quốc;
Yêu dân trị nước hòa hợp nghĩa tình.

德 水 澄 清 玉 帶 繞 環 鍾 秀 氣
福 山 雄 俊 精 神 聚 會 肇 光 基

Đức thủy trừng thanh, ngọc đới nhiễu hoàn chung tú khí;
Phúc sơn hùng tuấn, tinh thần tụ hội triệu quang cơ.

Sông Đức trong dòng, như đai ngọc quấn quanh, đọng khí tốt;
Núi Phúc cao vọi, tựa tinh anh hội tụ mở nền to.

一 點 忠 心 昭 日 月
千 秋 義 氣 壯 乾 坤

Nhất điểm trung tâm chiêu nhật nguyệt;
Thiên thu nghĩa khí tráng càn khôn.

Một chút lòng trung, soi vầng nhật nguyệt;
Nghìn thu nghĩa khí hùng tráng càn khôn.

四 面 山 河 歸 社 稷
百 年 來 歷 薦 將 來

Tứ diện sơn hà quy xã tắc;
Bách niên lai lịch tiến tương lai.

Bốn mặt sơn hà quy về xã tắc;
Trăm năm lai lịch tiến bước tương lai.

派 衍 本 支 承 世 德
慶 流 苗 裔 引 書 香

Phái diễn bản chi thừa thế đức;
Khánh lưu miêu duệ dẫn thư hương.

Dòng rộng bản chi thừa hưởng đức;
Phúc lưu con cháu để thư hương.

地 存 靈 地 成 美 俗
人 有 傑 人 起 淳 風

Địa tồn linh địa thành mỹ tục;
Nhân hữu kiệt nhân khởi thuần phong.

Đất còn địa linh, trở nên mỹ tục;
Người có nhân kiệt, khởi dựng thuần phong.

捨 衮 冕 服 田 衣 接 悟 渡 迷 開 正 眼
避 王 身 騰 梵 教 示 權 指 寔 透 禪 心

Sả cổn miện phục điền y, tiếp ngộ độ mê khai chính nhãn;
Tỵ vương thân đằng phạn giáo, thị quyền chỉ thực thấu thiền tâm.

Bỏ áo cổn mũ miện, mặc áo nâu sồng, tiếp giác ngộ cứu si mê là con mắt sáng;
Tránh nghiệp vua theo Phật giáo, đem quyền thực hiện hết thiền tâm.

全 心 開 百 福
一 水 衍 千 祥

Toàn tâm khai bách phúc;
Nhất thủy diễn thiên tường.

Ngài toàn tâm mở ra trăm phúc;
Như dòng sông tuôn vạn điều lành.

覃 恩 浩 蕩 長 流 海
厚 德 巍 峨 配 天

Đàm ân hạo đãng trường lưu hải;
Hậu đức nguy nga độc phối thiên.

Ơn rộng mênh mang trải dài sông biển;
Đức cao sừng sững chỉ sánh với trời.

功 德 永 傳 先 世 譜
淳 龐 不 改 我 家 風

Công đức vĩnh truyền tiên thế phả;
Thuần bàng bất cải ngã gia phong.

Công đức truyền lâu từ phổ hệ trước;
Thói thuần hậu không đổi nếp nhà ta.

餘 百 年 來 鐘 秀 氣
萬 千 載 下 著 英 靈

Dư bách niên lai chung tú khí;
Vạn thiên tải hạ trứ anh linh.

Hơn trăm năm qua chung đúc tú khí;
Muôn vạn năm sau nổi tiếng linh thiêng.

才明高舉世
功德冠全民
Tài minh cao cử thế;
Công đức quán toàn dân.
Tài chí cao hơn đời;
Công đức trùm toàn dân.

功高護國萬古支勳名不死
德大康民千秋之義氣於生
Công cao hộ quốc vạn cổ chi huân danh bất tử;
Đức đại khang dân thiên thu chi nghĩa khí ư sinh.
Công cao hộ quốc nghìn thuở huân danh bất tử;
Đức lớn yên dân muôn năm nghĩa khí vẫn còn.

美俗淳風文扶地
春堂壽域太和天
Mỹ tục thuần phong văn phù địa;
Xuân đường thọ vực thái hòa thiên.
Mỹ tục thuần phong văn minh phò giúp;
Đài xuân cõi thọ đời sống thanh bình.

庭獻自家修禮云同敬
民和而福降詩詠來成
Đình hiến tự gia tu lễ vân đồng kính;
Dân hòa nhi phúc giáng thi vịnh lai thành.
Phép nhà do gia giáo lễ khởi do thành kính;
Dân hòa thì phúc giáng thơ ca sẽ nảy sinh.

福載無私德合二儀參化育
太平有象民同三甲集衣冠
本社香子同拜進
Phúc tái vô tư đức hợp nhị nghi tham hóa dục;
Thái bình hữu tượng dân đồng tam giáp tập y quan.
Phúc giáng chẳng riêng ai, đức hợp đất trời, tham gia giáo hóa;
Thái bình có biểu tượng, dân cùng tam giáp, tụ tập áo xiêm.
(Bản xã hương tử đồng bái tiến (Con hương bản xã cùng bái tiến))

志氣精神家是國
歷朝世代古而今

Chí khí tinh thần gia thị quốc;
Lịch triều thế đại cổ nhi kim.
Chí khí tinh thần, nhà la nước;
Đời trải các triều, cổ và kim.

萬古綱常明日月
百年福慶衍雲仍
Vạn cổ cương thường minh nhật nguyệt;
Bách niên phúc khánh diễn vân nhưng.
Vạn cổ cương thường sáng như nhật nguyệt;
Trăm năm phúc khánh dài tựa mây trời.

忠孝百年傳世寶
仁慈萬代裕家恩
Trung hiếu bách niên truyền thế bảo;
Nhân từ vạn đại dụ gia ân.
Trung hiếu là của báu trăm năm;
Nhân từ là đức lớn của gia tộc muôn đời.

五倫雖有親疏異
一孝推來內外同
Ngũ luân tuy hữu thân sơ dị;
Nhất hiếu suy lai nội ngoại đồng.
Đạo ngũ luân dẫu có thân sơ khác biệt;
Nhưng chữ hiếu suy ra, nội ngoại như nhau.

重會同壹成果福
尊老增餘有歲長
Trọng hội đồng nhất thành quả phúc;
Tôn lão tăng dư hữu tuế trường.
Đồng lòng coi trọng hội, thành quả phúc;
Thêm nhiều tôn lão có tuổi thọ cao.

開道圓通才無量
往來信仰福有餘
Khai đạo viên thông tài vô lượng;
Vãng lai tín ngưỡng phúc hữu dư.
Mở đạo viên thông tài cao vọi;
Vãng lai tín ngưỡng phúc càng dư.

碧閬遺跡九陛女中開色相
坤元植德三華神化別人間

Bích lãng di tích cửu bệ nữ trung khai sắc tướng;
Khôn nguyên thực đức tam hoa thần hóa biệt nhân gian.
Cửu biếc cao, dấu lưu nơi cửu bệ, mở ra sắc tướng trong giới nữ;
Đấng Khôn nguyên (mẹ) đức trồng chốn tam hoa,
riêng lập nhân gian, hóa làm thần.

科甲高標前起後輝家列祖
仕途踐履內參外讀國名臣

Khoa giáp cao tiêu tiền khởi hậu huy gia liệt tổ;
Sĩ đồ tiễn lý nội tham ngoại tán quốc danh thần.
Các vị tổ trong nhà ta nêu cao khoa giáp, người trước mở đường,
người sau kế bước;
Bầy tôi nổi danh trong nước, nối gót làm quan, trong làm Tham tán,
ngoài được ban khen.

中孝一門月印江心明大義
山河滿古詩吟天上協靈聲

Trung hiếu nhất môn nguyệt ấn giang tâm minh đại nghĩa;
Sơn hà mãn cổ thi ngâm thiên thượng hiệp linh thanh.
Trung hiếu một nhà, trăng in đáy nước gương đại nghĩa;
Sơn hà vạn cổ, trời cao thơ vọng tỏ danh thiêng.

萬古靈聲保民村康吉
二期禮拜以福德亦留

Vạn cổ linh thanh bảo dân thôn khang cát;
Nhị kỳ lễ bái dĩ phúc đức diệc lưu.
Vạn cổ linh thiêng gìn giữ dân thôn yên ổn;
Hai kỳ lễ bái để phúc đức được lưu truyền.

精忠貫日
浩氣凌雲

Tinh trung quán nhật;
Hạo khí lăng vân.
Đức tinh trung bao trùm vầng nhật;
Khí hạo nhiên vượt khỏi tầng mây.

科甲千秋家父子
聲名萬古國君臣

Khoa giáp thiên thu gia phụ tử;
Thanh danh vạn cổ quốc quân thần.

Cha con một nhà, nghìn thu khoa giáp;
Quân thần trong nước, vạn thuở tiếng tăm.

先 祖 扶 民 義 情 滿
子 孫 衛 國 孝 忠 全

Tiên tổ phù dân tình nghĩa mãn;
Tử tôn vệ quốc hiếu trung toàn.

Tiên tổ giúp dân nghĩa tình đầy đủ;
Cháu con giữ nước trung hiếu vẹn toàn.

大 豪 傑 大 英 雄 力 贊 徵 王 古 劍 寒 凝 昌 水 月
爲 烹 蒿 爲 悽 愴 魂 消 漢 賊 金 環 香 引 玉 林 花

Đại hào kiệt, đại anh hùng, lực tán Trưng vương, cổ kiếm hàn ngưng Xương thủy nguyệt;
Vi huân cao, vi thê thảng, hồn tiêu Hán tặc, kim hoàn hương dẫn Ngọc Lâm hoa.

Thực hào kiệt, thực anh hùng, những khi giúp đỡ vua Trưng, mặt nước sông Thương, gươm báu giăng lồng còn lấp lánh;
Còn bâng khuâng, còn phảng phất, sau lúc đuổi tan giặc Hán, cành hoa bến Ngọc, vòng tay thơm nức hãy đâu đây.

南 嶺 僊 蹤 頭 陀 安 子 上
東 阿 出 現 聖 祖 竹 林 山

Nam lĩnh Tiên tung, Đầu Đà Yên Tử thượng;
Đông A xuất hiện, Thánh tổ Trúc Lâm sơn.

Dấu Tiên ở núi Nam là vị Đầu Đà trên Yên Tử;
Xuất hiện trong họ Trần làm vị Thánh tổ phái Trúc Lâm.

(Đệ tứ Thắng cung tiến)

和 平 福 壽 榮 昌 世
忠 厚 儉 勤 盛 達 家

Hòa bình phúc thọ vinh xương thế;
Trung hậu kiệm cần thịnh đạt gia.

Đời hưng thịnh bởi hòa bình phúc thọ;
Nhà thịnh đạt do trung hậu kiệm cần.

一 片 忠 肝 懸 日 月
天 秋 義 氣 表 江 山

Nhất phiến trung can huyền nhật nguyệt;
Thiên thu nghĩa khí biểu giang sơn.

Một tấm lòng trung treo nhật nguyệt;
Nghìn năm nghĩa khí ngất non sông.

建立江山古敬流傳萬世
庶富鄉豪繼承昔樹今旄

Kiến lập giang sơn cổ kính lưu truyền vạn thế;
Thứ phú hương hào kế thừa tích thụ kim mao.

Kiến lập giang sơn cổ kính lưu truyền vạn thế;
Giàu sang đông đúc, cháu con thừa kế lâu dài.

族姓貴尊萬代長存名繼盛
祖堂靈拜千年恒在德流光

Tộc tính quý tôn vạn đại trường tồn danh kế thịnh;
Tổ đường linh bái thiên niên hằng tại đức lưu quang.

Tộc tính quý ở chỗ tôn sùng, gìn giữ muôn đời danh giá nối nhau thịnh;
Tổ đường thiêng nhờ sự chiêm bái, muôn năm tồn tại đức sáng truyền.

(Đinh Sửu niên thu tạo gia đình cộng cung tiến (Tạo mùa thu năm Đinh Sửu, gia đình cụng tiến))

聖德神功靈跡配天垂日月
國恩民事廟庭隋地至焄蒿

Thánh đức thần công linh tích phối thiên thùy nhật nguyệt;
Quốc ân dân sự miếu đình tùy địa chí huân cao.

Thánh đức thần công, linh tích ngang trời dài năm tháng;
Nước nhớ dân thờ, miếu đình đâu cũng khói hương dâng.

愛民如子眞神德
勸善爲師實聖恩

Ái dân như tử chân thần đức;
Khuyến thiện vi sư thực thánh ân.

Yêu dân như con, đúng như thần đức;
Khuyến thiện làm gương, quả thực thánh ân.

國泰民安歌正氣
純風美俗樂人間

Quốc thái dân an ca chính khí;
Thuần phong mỹ tục lạc nhân gian.

Quốc thái dân an ngợi ca chính khí;
Thuần phong mỹ tục vui vẻ nhân gian.

樂作紅娘忙處處
喜覩佳偶結雙雙
Lạc tác hồng nương mang xứ xứ;
Hỷ quan giai ngẫu kết song song.
Vui làm bà mối bận tíu tít;
Mừng xem hai trẻ thật xứng đôi.

尋尋覓覓韶華轉眼即逝
猶猶豫豫知音再度難逢
Tầm tầm mịch mịch, thiều hoa chuyển nhãn tức thệ;
Do do dự dự, tri âm tái độ nan phùng.
Tìm tìm kiếm kiếm, tuổi xanh chớp mắt đã qua;
Do do dự dự, vừa ý bỏ rồi khó gặp.

破腐俗何必追求門當户對
建新風更應廢氣輕女重南
Phá hủ tục, hà tất truy cầu môn đăng hộ đối;
Kiến tân phong, cánh ưng phế khí khinh nữ trọng nam.
Bỏ tục xấu, hà tất phải chọn môn đăng hộ đối;
Xây nếp hay, phải nên phế bỏ khinh nữ trọng nam.

雨中翠竹如含淚
雪裏蒼松亦貫情
Vũ trung thúy trúc như hàm lệ;
Tuyết lý thương tùng diệc quán tình.
Trong mưa trúc biếc như rơi lệ;
Dưới tuyết tùng xanh cũng thấu tình.

虛窗月冷空庭寂
霜落天高曠野幽
Hư song nguyệt lãnh không đình tịch;
Sương lạc thiên cao khoáng dã u.
Song thưa trăng lạnh, sân hiu quạnh;
Sương xuống trời cao, nội thâm u.

三春乘鶴雲如彩
午夜啼鵑雪作衣
Tam xuân thừa hạc vân như thái;
Ngọ dạ đề quyên tuyết tác y.

Ba xuân hạc cưỡi mây như vẽ;
Nửa đêm quyên gọi tuyết làm chăn.

一夢黃粱歸覺路
千班愁思起哀情

Nhất mộng hoàng lương quy giác lộ;
Thiên ban sầu tứ khởi ai tình.

Giấc mộng kê vàng về bến giác;
Ngàn mối sầu tư gợi nỗi đau.

鐘聲寂寂蓮臺靜
竹影蕭蕭蘭院幽

Chung thanh tịch tịch liên đài tĩnh;
Trúc ảnh tiêu tiêu lan viện u.

Đài sen tĩnh, tiếng chuông tịch mịch;
Viện lan u, vẻ trúc đìu hiu.

惠帳消紅留母德
松門掩黛寄坤儀

Huệ trướng tiêu hồng lưu mẫu đức;
Tùng môn yểm đại ký khôn nghi.

Trướng huệ giảm hồng lưu đức mẹ;
Cửa tùng bớt vẻ nhớ nghi khôn.

佛榻月明金鼓寂
禪堂風冷本魚間

Phật tháp nguyệt minh kim cổ tịch;
Thiền đường phong lãnh mộc ngư gian.

Trống đồng lăng, trăng soi giường Phật;
Mõ gỗ im, gió lạnh nhà Thiền.

梅吐玉容含孝德
柳拖金色動哀情

Mai thổ ngọc dung hàm hiếu đức;
Liễu đà kim sắc động ai tình.

Mai phô vẻ ngọc chứa đức hiếu;
Liễu rủ màu kim động nỗi đau.

家出良駒微富貴
門翔彩鳳耀光輝

Gia xuất lương câu trưng phú quý;
Môn tường thái phượng diệu quang huy.
Nhà có ngựa hay, phô phú quý;
Cửa cao phượng lượn, rực hào quang.

海上蟠桃多結子
月中仙桂復生枝
Hải thượng bàn đào đa kết tử;
Nguyệt trung tiên quế phục sinh chi.
Bàn đào trên biển kết nhiều quả;
Tiên quế trong trăng lại nẩy cành.

桂子呈祥微福厚
蘭孫毓秀兆佳祥
Quế tử trình tường trưng phú hậu;
Lan tôn dục tú triệu giai tường.
Con quế báo điềm khoe phúc hậu;
Cháu lan vẻ đẹp gợi niềm vui.

積德累仁先世栽培惟福喜
玉麟丹鳳後昆光耀顯門楣
Tích đức lũy nhân tiên thế tài bồi duy phúc hỉ;
Ngọc lân đan phượng hậu côn quang diệu hiển môn my.
Tích đức góp nhân, đời trước vun trồng mừng có phúc;
Ngọc lân, hồng phượng, lớp sau tỏ rõ mặt con nhà.

靈結珠胎初羨瑩輝之入掌
祥符熊夢方誇秀色已臨門
Linh kết châu thai sơ tiện oanh huy chi nhập chưởng;
Tường phù hùng mộng phương khoa tú sắc dĩ lâm môn.
Mừng kết thai châu, những mong ngọc quý trong tay nắm;
Điềm lành mộng gấu, mới khoe vẻ đẹp đã vào nhà.

泮水芹香三級浪
蟾宮桂折九秋枝
Phán thủy cần hương tam cấp lãng;
Thiềm cung quế chiết cửu thu chi.
Bờ nước hương cần ba bậc sóng;
Cung thiền bẻ quế chín cành thu.

五 經 貫 通 有 此 材 宜 有 此 遇
九 重 嘉 悅 詢 其 父 必 詢 其 君

Ngũ kinh quán thông hữu thử tài nghi hữu thử ngộ;
Cửu trùng gia duyệt tuần kỳ phụ tất tuần kỳ quân.

Năm kinh thông thuộc, có tài này hẳn có gặp gỡ;
Chín trùng mãn ý, kính trọng cha ắt kính trọng vua.

一 舉 成 名 有 是 父 兄 宜 有 此 子 弟
九 重 孝 士 取 其 道 行 兼 取 其 文 章

Nhất cử thành danh, hữu thị phụ huynh, nghi hữu thử tử đệ;
Cửu trùng hiếu sĩ, thủ kỳ đạo hành, kiêm thủ kỳ văn chương.

Một lần thi đỗ, có cha anh ấy, nên có con em ấy;
Chín trùng quý sĩ, chọn theo đạo đức, kiêm chọn theo văn chương.

儒 常 尊 易 禮 詩 書 學 能 則 士
世 所 謂 英 雄 豪 傑 志 有 必 成

Nho thường tôn dịch, lễ, thi, thư, học năng tắc sĩ,
Thế sở vị anh hùng hào kiệt, chí hữu tất thành.

Nho thường tôn Dịch, Lễ, Thi, Thư, học hay ắt đỗ;
Thế vẫn gọi anh hùng hào kiệt, có chí thì nên.

男 兒 當 自 強 詎 肯 甘 爲 愚 子 弟
先 型 明 我 道 須 知 幸 有 賢 父 兄

Nam nhi đương tự cường, cự khẳng cam vi ngu tử đệ;
Tiên hình minh ngã đạo, tu tri hạnh hữu hiền phụ huynh.

Làm trai phải tự cường, há lại chịu làm con em dốt;
Gương trước sáng ta đạo, nên hay may mắn cha anh hiền.

書 田 菽 粟 皆 眞 味
心 地 芝 蘭 有 異 香

Thư điền thúc túc giai chân vị;
Tâm địa chi lan hữu dị hương.

Ruộng, sách, đậu, thóc đều vị tốt;
Đất, tâm, chi lan có hương riêng.

立 志 宜 思 眞 品 格
讀 書 須 盡 苦 功 夫

Lập chí nghi tu chân phẩm cách;
Độc thư tu tận khổ công phu.

Lập chí nên giữ đúng phẩm cách;
Đọc sách cần đem hết công phu.

桃李門前新雨露
詩書帳下舊栽培
Đào lý môn tiền tân vũ lộ;
Thi thư trướng hạ cựu tài bồi.
Đào lý trước nhà mưa móc mới;
Thi thư dưới trướng đắp vun xưa.

朝吟暮詠文章古
口誦心惟學業新
Triêu ngâm mộ vịnh văn chương cổ;
Khẩu tụng tâm duy học nghiệp tân.
Sáng ngâm, chiều vịnh, văn chương cổ;
Miệng tụng, lòng theo học nghiệp nay.

文無山水非奇氣
人不風霜未老才
Văn vô sơn thủy phi kỳ khí;
Nhân bất phong sương vị lão tài.
Văn không non nước đâu khí lạ;
Người chẳng phong sương chẳng lão tài.

掃地流香靜裏塵緣飛不到
彈琴讀易個中滋味有誰知
Tảo địa lưu hương, tĩnh lý trần duyên phi bất đáo;
Đàn cầm độc dịch, cá trung tư vị hữu thùy tri.
Quét đất còn hương, nơi tĩnh trần duyên bay chẳng tới;
Gảy đàn đọc Dịch, trong chốn thơm tho mấy kẻ hay.

春滿管城書成焦葉文猶綠
聲流竹簡吟到梅花句亦香
Xuân mãn quản thành, thư thành tiêu diệp văn do lục;
Thanh lưu trúc giản, ngâm đáo mai hoa cú diệc hương.
Xuân khắp nẻo thành, sách từ lá chuối, văn xanh mãi;
Tiếng lưu thẻ trúc, ngâm đến hoa mai trắng cũng thơm.

冬後有春歲律安排眞不改
否終復泰玄機往返亦無常
Đông hậu hữu xuân, tuế luật an bài chân bất cải;
Bĩ chung phục thái, huyền cơ vãng phản diệc vô thường.
Đông qua xuân đến, quy luật hàng năm đâu có đổi;
Bĩ đi thái lại, huyền cơ xuôi ngược cũng vô thường.

家有藏書十萬卷
世承先業百餘年
Gia hữu tàng thư thập vạn quyển;
Thế thừa tiên nghiệp bách dư niên.
Chứa sách trong nhà mười vạn quyển;
Nối nghiệp người xưa trăm năm dư.

有客遊觀時何必俱俱風水議
同鄉歆慕處所謂存存道義門
Hữu khách du quan thời, hà tất câu câu phong thủy nghị;
Đồng hương hâm mộ xứ, sở vị tồn tồn đạo nghĩa môn.
Có khách đến tham quan, hà tất xoay quanh chuyện phong thủy;
Đồng hương mà tưởng nhớ, đáng cho còn có đạo nghĩa chung.

書成焦葉文猶綠
題向丹楓字亦紅
Thư thành tiêu diệp văn do lục;
Đề hướng đan phong tự diệc hồng.
Sách từ lá chuối văn còn biếc;
Đề hướng cây phong chữ cũng hồng.

治國齊家經傳十章昭大學
存心養性聖賢一貫在中庸
Trị quốc tề gia, kinh truyện thập chương chiêu Đại học;
Tồn tâm dưỡng tính, thánh hiền nhất quán tại Trung dung.
Trị quốc tề gia, kinh nghiệm mười chương, nơi đại học;
Tồn tâm dưỡng tính, thánh hiền một ý, ở trung dung.

瀟灑謝紅塵滿架圖書朝試筆
光明生玉葉一窗風月夜鳴琴
Tiêu sái tạ hồng trần mãn giá đồ thư triêu thí bút;
Quang minh sinh ngọc diệp, nhất song phong nguyệt dạ minh cầm.
Thoải mái trước bụi trần, đầy giá sách tranh sớm thử bút;
Rõ ràng sinh lá ngọc, một song trăng gió tối chơi đàn.

苦志時黃卷青燈聽夜雨
得意處玉堂金馬醉春風
Khổ chí thời, hoàng quyển, thanh đăng thính dạ vũ;
Đắc chí xứ, ngọc đường kim mã túy xuân phong.
Lúc gian chuân, sách cũ, đèn xanh, nghe mưa tối;
Khi đắc ý, nhà cao, ngựa đẹp, say gió xuân.

風 送 花 香 研 筆 硯
月 移 竹 影 拂 欄 杆

Phong tống hoa hương nghiên bút nghiễn,
Nguyệt di trúc ảnh, phất lan can.

Gió tiễn hương hoa mài nghiên bút;
Trăng dời ảnh trúc đến lan can.

開 東 閣 要 招 賢 士
依 北 斗 以 望 京 華

Khai đông các yêu chiêu hiền sĩ;
Y Bắc đẩu dĩ vọng kinh hoa.

Mở đông các phải vời người giỏi;
Tựa Bắc đẩu để ngóng đô thành.

夫 子 晚 年 閒 讀 易
門 子 暇 日 愛 評 詩

Phu tử vãn niên nhàn độc Dịch;
Môn sinh hạ nhật ái bình Thi.

Nhà thầy cuối đời nhàn đọc Dịch;
Học trò lúc rỗi thích bình Thi.

南 海 不 揚 波 祈 天 授 命
北 山 仍 樹 木 隨 地 開 花

Nam hải bất dương ba, kỳ thiên thụ mạnh;
Bắc sơn nhưng thụ mộc, tùy địa khai hoa.

Biển Nam không nổi sóng, cầu trời trao mệnh;
Núi Bắc có trồng cây, tùy đất nở hoa.

青 眼 客 相 逢 明 月 亭 邊 詩 起 興
白 頭 吟 可 和 名 歌 琴 譜 曲 稱 高

Thanh nhãn khách tương phùng, minh nguyệt đình biên thi khởi hứng;
Bạch đầu ngâm khả họa, danh ca cầm phổ khúc xưng cao.

Gặp khách mắt xanh, trăng sáng bên đình thơ nổi hứng;
Ngâm khúc bạc đầu, hát hay đàn ngọt, giọng khen cao.

有 子 能 賢 十 里 長 亭 生 草 木
惟 君 雅 愛 六 旬 壽 酒 醉 乾 坤

Hữu tử năng hiền, thập lý trường đình sinh thảo mộc;
Duy quân nhã ái, lục tuần thọ tửu túy càn khôn.

Có con tài giỏi, mười dặm trường đình cây cỏ mọc;
Riêng ông yêu mến, sáu tuần chúc thọ, khướt càn khôn.

闕閱家聲春酒香濃長引壽
顯揚令子紗袍彩弄每延年

Phiệt duyệt gia thanh, xuân tửu hương nùng trường dẫn thọ;
Hiển dương lệnh tử, sa bào thái lộng mỗi diên niên.

Tiếng nhờ dòng dõi, thơm ngát rượu xuân còn mãi thọ;
Nên danh con giỏi, áo sa đẹp vẻ lại thêm năm.

與聞詩禮趨庭訓
願以瓊瑰作壽環

Dữ văn thi lễ xu đình huấn;
Nguyện dĩ quỳnh khôi tác thọ hoàn.

Dạy thi lễ lúc qua sân, thường nghe thấy;
Lấy ngọc tốt làm vòng thọ, vẫn hằng mong.

復國贊戎功嶺表不磨名節
碧江留將口奸雄過此思量

Phục quốc tán nhung công, lĩnh biểu bất ma danh tiết;
Bích giang lưu tướng khẩu, gian hùng quá thử tư lường.

Phục quốc chiến công xưa, bời cõi không mờ danh tiết;
Giang sơn lưu cửa tướng, quân thù qua đó sởn lòng.

(Miếu Năm thôn xã Quỳnh Sơn, Quỳnh Phụ, Thái Bình thờ Hùng Quang Cảo, tướng của Hai Bà Trưng)

事君高飄節氣爲將實稱先鋒百世無雙鹽田壯士
對敵不遜威風攝民常思後樂千秋不朽虎隊英雄

Sự quân cao phiêu tiết khí, vi tướng thực xứng tiên phong, bách thế vô song Diêm Điền tráng sĩ;
Đối địch bất tốn uy phong, nhiếp dân thường tư hậu lạc, thiên thu bất hủ Hổ Đội anh hùng.

Thờ vua giương cao khí tiết, làm tướng thực xứng tiên phong, muôn thuở không ngờ Diêm Điền tráng sĩ;
Đối địchkhông kém oai phong, giúp dân chẳng màng hưởng trước, ngàn thu đâu thẹn Hổ Đội anh hùng.

(Nguyễn Nhất Năng viếng tiền quân Nguyễn Khái, dũng tướng của Đề đốc Tạ Hiện, thế kỷ 19)

承先祖救國繼伯叔勤王奇布攻標百世
芳名留都美
接父兄殲仇同姑舅抗法神溪血洒千秋
氣節壯農奇

Thừa tiên tổ cứu quốc, kế bá thúc cần vương, Kỳ Bố công tiêu,
bách thế phương danh lưu Đô Mỹ;
Tiếp phụ huynh tiêm cừu, đồng cô cữu kháng Pháp, Thần Khê huyết
sái, thiên thu khí tiết tráng Nông Kỳ.

Theo tiên tổ chống Pháp, nối chú bác cần vương, Kỳ Bố công nêu
muôn thuở, danh thơm làng Đô Mỹ;
Tiếp cha anh diệt thù, cùng cô cậu chống pháp, Thần Khê rưới máu
ngàn thu, khí tiết đất Nông Kỳ.

(Nguyễn Nhất Năng viếng thiếu niên anh dũng Nguyễn Nhưng)

攘敵守城渭壘當年潘俸英雄名不朽
獻身事國美壕今日定安將士淚皆垂

Nhưỡng địch thủ thành, Vị lũy đương niên, Phan Bổng anh hùng
danh bất hủ;
Hiến thân sự quốc, Mỹ Hào kim nhật, Định An tướng sĩ
lệ giai thùy.

Đánh giặc giữ thành, đắp lũy Vị Hoàng,
người anh hùng đất Phan Bổng danh còn mãi;
Hiến thân vì nước, vùi thân chợ Mỹ,
bao tướng sĩ vùng Yên Định thảy đều thương.

(Viếng dòng họ Nguyễn Thành, ba đời cha con ông cháu cùng chiến hào
chống Pháp)

帶疾又高年攻記爐州不愧英雄尸胯革
負傷常勝任名標憲舖痛哉壯士草爲棺

Đới tật hựu cao niên, công ký Lô Châu, bất quí
anh hùng thi khỏa cách;
Phụ thương thường thắng nhiệm, danh tiêu Hiến Phố, thống tai
tráng sĩ thảo vi quan.

Đeo bệnh lại tuổi cao, công ghi Bãi Sậy, không hổ anh hùng
bọc thây da ngựa;
Bị thương vẫn giỏi việc, tên nêu Phố Hiến, thương thay tráng sĩ
liệm xác chiếu manh.

(Viếng dòng họ Nguyễn Thành)

昔日陸江法匪驚魂都美英雄督領民封皆不朽
今朝爐棟僞奸葬膽農奇壯士饒男帝贈共長榮

Tích nhật Lục Giang, Pháp phỉ kinh hồn, Đô Mỹ anh hùng,
đốc lãnh dân phong giai bất hủ;
Kim triêu Lô Đống, ngụy gian táng đảm, Nông Kỳ tráng sĩ,
nhiêu nam đế tặng cộng trường vinh.

Ngày trước Sông Luộc, giặc Pháp kinh hồn, đất Đô Mỹ anh hùng,
đốc lãnh dân phong đều chẳng nát;
Giờ đây Đống Lau, Việt gian vỡ mật, vùng Nông Kỳ tráng sĩ,
nhiêu nam vua tặng mãi thơm danh.

(Viếng dòng họ Nguyễn Thành)

占白蓮科仁聖二宗推上父
引黃江派竹林三祖認前師

Chiếm Bạch Liên khoa, Nhân, Thánh nhị tông suy thượng phụ;
Dẫn Hoàng Giang phái, Trúc Lâm tam tổ nhận tiền sư.

Chiếm khoa Bạch Liên, Nhân Thánh hai vua phong Thượng phụ;
Dẫn phái Hoàng giang, Trúc Lâm ba tổ nhận Tiên sư.

(Đền thờ quốc sư Đỗ Đô, xã Song Lãng, Vũ Thư, Thái Bình)

生不虛生而報國而排侵能使降西眞辱死
自由爲死是綱常是氣節凜然大范可長生

Sinh bất hư sinh, nhi báo quốc, nhi bài xâm, năng sử hàng Tây chân nhục tử;
Tự do vi tử, thị cương thường, thị khí tiết, lẫm nhiên đại Phạm khả trường sinh.

Sống chẳng sống thừa, đền nợ nước, diệt xâm lăng, khiến bọn hàng
Tây xấu hổ chết;
Chết như chưa chết, trọng cương thường, nêu khí tiết, hiên ngang
ông Phạm vẫn trường sinh.

(Tiến sĩ Doãn Khuê viếng Phạm Thế Hiển, thế kỷ 19)

義憤合當爲但把丹心天日照
粉碎且不懼寧知此地雪霜多

Nghĩa phẫn hợp đương vi, đãn bả đan tâm thiên nhật chiếu;
Phấn toái thả bất cụ, ninh tri thử địa tuyết sương đa.

Trọng vì nghĩa ra tay, chắc hẳn lòng son trời chiếu thấu;
Nát như tro nào sợ, sá chi sương tuyết đất này nhiều.

(Nguyễn Quang Bích viếng Tán tương Nguyễn Khê Ông)

聞道遠來書遺囑葱芒仇帶客
濟此多難日致身應畏敵還心

Văn đạo viễn lai thư, di chúc thông mang cừu đới khách;
Tế thử đa gian nhật, trí thân ưng úy địch hoàn tâm.

Tang mẹ đường xa, dặn hãy khoan đưa người lữ khách;
Nước nhà nạn lớn, sao cho thỏa nguyện đấng từ thân.

(Nguyễn Quang Bích viếng ông Tán lý họ Nguyễn)

籌筆心勞擬把捐哀酬雨露
征衣線在那堪寸草係春輝

Trù bút tâm lao, nghĩ bả quyên ai thù vũ lộ;
Chinh y tuyến tại, na kham thốn thảo hệ xuân huy.

Trù bút lòng tôi, muốn được mảy may đền nợ nước;
Chỉ kim tay mẹ, khôn đem tấc cỏ báo đền ơn.

(Nguyễn Quang Bích viếng mẹ ông tham tán quân thứ)

生不與俱生完此科名完大節
死能寒未死可能白刃可中庸

Sinh bất dữ câu sinh, hoàn thử khoa danh, hoàn đại tiết;
Tử năng hàn vị tử, khả năng bạch nhận, khả trung dung.

Sống với giặc chẳng chung sống, đã trọn vẹn khoa danh,
đã chu toàn đại nghĩa;
Chết hàn tâm người chưa chết, vừa hy sinh gian khổ,
vừa trọn đạo trung dung.

(Nguyễn Quang Bích viếng Vũ Hữu Lợi)

廷對文章优甲第
家修學行在昇聞

Đình đối văn chương ưu giáp đệ;
Gia tu học hạnh tại thăng văn.

Mài dũa văn chương đứng đầu bảng;
Luyện rèn đức hạnh đến tai vua.

(Án sát Hà Nội Vũ Công mừng Nguyễn Quang Bích đỗ Hoàng giáp)

貳甲風聲今作古
壹門科宦弟難兄

Nhị giáp phong thanh kim tác cổ;
Nhất môn khoa hoạn đệ nan huynh.

Lẫy lừng nhị giáp vinh kim cổ;
Đỗ đạt một nhà rạng anh em.

(Đồng tiến sĩ khoa Quý Mão là Mai Hiên mừng Nguyễn Quang Bích)

聖勢龍雲千載遇
師門桃李入天交

Thánh thế long vân thiên tải ngộ;
Sư môn đào lý nhập thiên giao.

Triều thánh rồng mây duyên gặp gỡ;
Cửa thầy đào lý bạn tâm tình.

(Bạn học họ Dương làng An Xá, huyện Duyên Hà mừng Nguyễn Quang Bích)

才优同輩如今日
名振明廷自昔年

Tài ưu đồng bối như kim nhật;
Danh chấn minh đình tự tích niên.

Bè bạn đua tài vừa buổi mới;
Nhà vua nghe tiếng tự năm xưa.

(Trần Kiến Tuấn cử nhân làng Vân Đình mừng Nguyễn Quang Bích)

學行不負先生舉
科名果稱大兄心

Học hạnh bất phụ tiên sinh cử;
Khoa danh quả xứng đại huynh tâm.

Học hạnh chẳng quên lời thầy cử;
Khoa danh quả xứng bậc huynh mong.

(Cử nhân Trần Đương Tiết mừng Nguyễn Quang Bích)

昔年務隱南山豹
今日雲牽北海鵬

Tích niên vụ ẩn Nam Sơn báo;
Kim nhật vân khiên Bắc Hải bằng.

Núi Nam năm trước nương thân báo;
Bể Bắc ngày nay cất cánh bằng.

(Nguyễn Huyền, huyện Vũ Tiên mừng Nguyễn Quang Bích)

一日聲名遍天下
百年風運起吾州

Nhất nhật thanh danh biến thiên hạ;
Bách niên phong vận khởi ngô châu.

Tiếng thơm một buổi lừng thiên hạ;
Phong vận trăm năm nức huyện nhà.

(Câu đối Cơ Hữu Cường mừng Nguyễn Quang Bích)

鄉黨中人常謂志之堅學之確
大廷首選不負師所居友所期

Hương đảng trung nhân, thường vị chí chi kiên, học chi xác;
Đại đình thủ tuyển, bất phụ sư sở cư, hữu sở kỳ.

Người trong hương đảng luận bàn: thường nói chí kiên cường, học vững chắc;
Thi ở đại đình đỗ nhất: chẳng phụ thầy đề cử, bạn chờ mong.

(Bạn đồng khoa Nguyễn Mậu mừng Nguyễn Quang Bích)

天子臨軒索生命政教擢第一
先生入近疏學問持取以名聞

Thiên tử lâm hiên, sách tính, mệnh, chính, giáo, trạc đệ nhất;
Tiên sinh nhập cận, sớ học vấn, trì thủ dĩ danh văn.

Vua ngự tới hiên, hỏi về tính mệnh, chính trị, giáo dục, lấy đỗ đầu;
Thầy học vào chầu, tâu về học vấn, chí rèn luyện giữ gìn có tiếng.

(Bạn học Trần Duy Tân, làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc và Nguyễn Hoạt làng Xuân Canh, huyện Đông Ngàn mừng Nguyễn Quang Bích)

允先生鑄金待廿載標占廷元
張進士登甲來百年始開縣譜

Doãn tiên sinh chú kim, đãi trấp tải tiêu chiếm đình nguyên;
Trương tiến sĩ đăng giáp, lai bách niên thủy khai huyện phổ.

Doãn tiên sinh đúc vàng, hai mươi năm đình nguyên mới xuất;
Trương tiến sĩ thi đỗ, một thế kỷ huyện phổ mới khai.

(Bạn học Nguyễn Đức Dụ làng Đông Xuân cùng huyện mừng Nguyễn Quang Bích)

文章未必相懸鳥準高翔須欲格
科第豈眞定品黃葩青節看秋深

Văn chương vị tất tương huyền, điểu chuẩn cao tường tu liễm cách;
Khoa đệ khởi chân định phẩm, hoàng ba thanh tiết khán thu thâm.

Văn chương chưa hẳn đã xa xôi, chim sắp bay cao nên khép cánh;
Khoa giáp phải đâu là phẩm định, hoa vàng thanh lịch đợi thu sang.

(Đặng Văn Phủ làng Hành Thiện, Xuân Trường mừng Nguyễn Quang Bích)

兄有良太守弟有賢秀才家蔭百年微始大
師如允政卿友如楊副榜廷元一第信非奢

Huynh hữu lương thái thú, đệ hữu hiền tú tài, gia ấm bách niên trưng thủy đại;
Sư như Doãn chính khanh, hữu như Dương phó bảng, đình nguyên nhất đệ tín phi xa.

Anh là trì huyện giỏi, em lại đỗ tú tài,
phúc gia đình trăm năm thấy rõ;
Thầy như Doãn chính khanh, bạn như Dương phó bảng,
thật là xứng bậc đỗ đình nguyên.

(Giáo thụ huyện Ứng Hòa, Hà Đông là Vũ Đức Bình mừng Nguyễn Quang Bích)

南岳降神親國有
山民遺愛邵堂閭

Nam nhạc giáng thần thân quốc hữu;
Sơn dân di ái Thiệu đường lư.

Nhớ đức thân công, Nam nhạc giáng thần từ thuở trước;
Yêu nhà Thiệu Bá, lòng dân quí mến mãi về sau.

(Ông Như Phong, Ty Án sát Sơn Tây mừng Nguyễn Quang Bích)

欽恤只一心自以不冤民見德
兵刑非兩事方之決自帝歸功

Khâm tuất chỉ nhất tâm, tự dĩ bất oan dân kiến đức;
Binh hình phi lưỡng sự, phương chi quyết tự đế qui công.

Vẹn tròn yêu nước yêu dân, chẳng có nỗi oan, dân mến đức;
Kiêm cả việc hình việc võ, đã nhiều việc tốt, đế khen công.

(Nhân viên Ty Án sát Sơn Tây tặng Nguyễn Quang Bích)

風過肺石清如水
雨洒行楊潤若穌

Phong qua phế thạch thanh như thủy;
Vũ sái hàng dương nhuận nhược tô.

Gió qua đá phế trong như nước;
Mưa tới hàng dương sáng tựa gương.

(Tam tuyên đề đốc Lưu Vĩnh Phúc kính tặng Nguyễn Quang Bích)

文章德業有餘胸藏范老
成敗利鈍不計躬比武侯

Văn chương đức nghiệp hữu dư, hung tàng Phạm Lão;
Thành bại lợi độn bất kế, cung tỉ Vũ Hầu.

Văn chương đức nghiệp có thừa, bụng như Phạm Lão,
Thành bại hơn thua không kể, thân sánh Vũ Hầu.

(Văn thân điếu Nguyễn Quang Bích)

不朽者名在天下在後世
何奪之速此國祚此人心

Bất hủ giả danh, tại thiên hạ, tại hậu thế;
Hà đoạt chi tốc, thử quốc tộ, thử nhân tâm.
Tên ông bất hủ, thiên hạ biết mãi, đời sau biết mãi;
Trời sao vội cướp, lòng người thế này, vận nước thế này.
(Văn thân điếu Nguyễn Quang Bích)

痛心時事異常士君子有國之仇無身之怨
回首江山依舊大丈夫雖死之日猶生之年
Thống tâm thời sự dị thường, sĩ quân tử hữu quốc chi cừu vô thân chi oán;
Hồi thủ giang sơn y cựu, đại trượng phu tuy tử chi nhật do sinh chi niên.
Đau lòng thay, thời sự bất thường, kẻ sĩ quân tử, thù nước làm trọng, thân mình không tiếc;
Quay đầu lại, non sông như cũ, bậc đại trượng phu, cái chết xem khinh, sự sống vẫn còn.
(Văn thân điếu Nguyễn Quang Bích)

淚欲成冰回首桂山頭遙望白雲扶正氣
恨由未絶痛心茶海口途聞洪浪叫英風
Lệ dục thành băng, hồi thủ Quế Sơn đầu, dao vọng bạch vân phù chính khí;
Hận do vị tuyệt, thống tâm Trà Hải khẩu, đồ văn hồng lãng khiếu anh phong.
Nước mắt muốn thành băng, ngó lại Quế Sơn, chỉ thấy mây trắng phau, bát ngát chân trời bầu chính khí;
Hận thù chưa tan khối, trông vời Trà Hải, những nghe sóng đào cuồn cuộn, vật vờ mặt biển trận anh phong.
(Văn thân điếu Nguyễn Quang Bích)

手用從心造物足除無盡藏
昨耕實力人間別占自由權
Thủ dụng tòng tâm, tạo vật túc trừ vô tận tạng;
Tạc canh thực lực, nhân gian biệt chiếm tự do quyền.
Mặc sức chi dùng, tạo vật giành cho kho vô tận;
Tự tay cầy cấy, bầu trời riêng biệt chốn tự do.
(Con trai cả Nguyễn Quang Bích là Quang Đoan khi lập cơ sở ở núi Bàn Long, Tam Đảo, Vĩnh Phúc)

海角嬾 聞重浪叫
林巢樂借一枝棲

Hải giác lãn văn trùng lãng khiếu;
Lâm sào lạc tá nhất chi thê.
Góc biển lười nghe làn sóng vỗ;
Bìa rừng vui mượn một cành riêng.
(Ngô Quang Đoan khi ở Đại Hoàng)

大 義 所 當 爲 報 國 丹 心 光 日 月
深 讎 猶 未 絕 戴 仇 皓 氣 壯 山 河

Đại nghĩa sở đương vi, báo quốc đan tâm quang nhật nguyệt;
Thâm thù do vị tuyệt, tiêm cừu hạo khí tráng sơn hà.
Nghĩa lớn nên làm, giết giặc lòng son ngời nhật nguyệt;
Thù sâu chưa trả, hy sinh khí mạnh rạng non sông.
(Ngô Quang Đoan khóc Nguyễn Thái Học)

魁 元 聲 價 雲 霜 上
不 朽 精 靈 宇 宙 中

Khôi nguyên thanh giá vân tiêu thượng;
Bất hủ tinh linh vũ trụ trung.
Đình nguyên tiếng đọng trên mây biếc;
Trung nghĩa hồn thiêng lắng núi sông.
(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

砥 柱 千 秋 標 越 國
名 門 百 世 表 程 江

Chỉ trụ thiên thu tiêu Việt quốc;
Danh môn bách thế biểu Trình giang.
Cột trụ ngàn năm nêu nước Việt;
Danh thơm muôn thuở tỏa sông Trình.
(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

萬 里 春 山 淒 雨 泣
百 年 冬 望 感 風 寒

Vạn lý xuân sơn thê vũ khấp;
Bách niên đông vọng cảm phong hàn.
Muôn dặm xuân sơn mưa thấm khóc;
Trăm năm đông vọng gió lạnh tràn.
(Đền thờ Nguyễn Quang Bích)

風 自 南 來 經 解 慍
月 猶 雙 照 可 忘 懷

Phong tự Nam lai kinh giải uất;
Nguyệt do song chiếu khả vong hoài.
Gió phương Nam thổi, giải cơn buồn bực;
Trăng cửa sổ soi, giữ nỗi u hoài.
(Câu đôi dán cửa sổ gia đình Ngô Quang Đoan)

其人如俊嶺寒梅蕊吐殘冬香益遠
此地有秋園黃菊色鋪老圃節彌高

Kỳ nhân như tuấn lĩnh hàn mai, nhị thổ tàn đông hương ích viễn;
Thử địa hữu thu viên hoàng cúc, sắc phô lão phố tiết di cao.
Đất kia cúc nẩy vườn thu, xóm cũ hoa vàng cao khí tiết;
Người ấy mai vàng đỉnh núi, đông tàn nhụy tỏa ngát sơn khê.
(Ông Ấm Trưng quê Quần Anh, Xuân Trường, Nam Định tặng Ngô Quang Đoan)

有是哉山溪瘴海波濤幾度艱危能不死
無負也世簪纓家忠孝千秋名節凜如生

Hữu thị tai, sơn khê chướng, hải ba đào, kỷ độ gian nguy năng bất tử;
Vô phụ dã, thế trâm anh, gia trung hiếu, thiên thu danh tiết lẫm như sinh.
Từng ở nơi, núi lam chướng, bể ba đào, mấy độ gian nan mà chẳng chết;
Không phụ nòi, giống trâm anh, nhà trung hiếu, ngàn thu danh tiết vẫn như còn
(Cụ Vũ Mạnh Phương ở Thanh Nê, Kiến Xương viếng cụ Ngô Quang Đoan)

天里在人心瞻仰自然起敬
吾道如元氣周流未必不存

Thiên lý tại nhân tâm, chiêm ngưỡng tự nhiên khởi kính;
Ngô đạo như nguyên khí, chu lưu vị tất bất tồn.
Lẽ phải ở lòng người, chiêm ngưỡng tự nhiên kính trọng;
Đạo nho như nguyên khí, chu lưu mãi mãi vẫn còn.
(Trần Ngọc Dư đề cổng văn từ huyện Kiến Xương, Thái Bình)

犬逢猛虎平原上
蝦遇眞龍淺水中

Khuyển phùng mãnh hổ bình nguyên thượng;
Hà ngộ chân long thiển thủy trung.

Chó đùa hổ dữ trên đồng phẳng;
Tôm bơn rồng thiêng chỗ nước nông.
(Đối đáp của cụ cử Mỹ Lộc (Nam Định) và cụ cử An Bồi (Thái Bình))

館舍未逢青眼客
路途堪嘆白頭翁

Quán xá vị phùng thanh nhãn khách;
Lộ đồ kham thán bạch đầu ông.
Trong quán khách mắt xanh chưa gặp;
Giữa đường ông đầu bạc những buồn.
(Đối đáp của cụ cử Mỹ Lộc và cụ cử An Bồi)

瀆江一陣交攻銳氣沖天無敗北
對嶺百年長在甘心誓地不降西

Độc giang nhất trận giao công, nhuệ khí xung thiên vô bại Bắc;
Đối lĩnh bách niên trường tại, cam tâm thệ địa bất hàng Tây.
Sông Độc một trận giao phong, khí bốc ngút trời không bại Bắc;
Núi đồn trăm năm còn mãi, quyết thề với đất chẳng hàng Tây.
(Phạm Thế Hiển viết trước khi mất, tháng 7 năm Tân Dậu (1861) tại Phú Yên)

雨飄翠竹垂紅淚
雲壓青松帶素冠

Vũ phiêu thúy trúc thùy hồng lệ;
Vân áp thanh tùng đái tố quan.
Mưa bay trúc biếc rơi hàng lệ;
Mây tỏa thông xanh trắng khăn tang.

天不自閒且向忙中尋曉暇
事都如戲何修假處笑非眞

Thiên bất tự nhàn, thả hướng mang trung tầm hiểu hạ;
Sự đô như hí, hà tu giả xứ tiếu phi chân.
Trời chẳng cho thong dong, tìm chút thư nhàn trong bận rộn;
Cuộc đời giống tuồng hát, sống trong kiếp giả chẳng chê hư.
(Câu đối của Đào Tấn treo ở rạp diễn Thị Như Quan, kinh đô Huế)

明同日月妙南天鳳趾麟場嘉錦繡
香滿乾坤靈越地龍蟠虎踞盛文章

Minh đồng nhật nguyệt diệu nam thiên, phụng chỉ lân trường giu cẩm tú;
Hương mãn càn khôn linh việt địa, long bàn hổ cứ thịnh văn chương.

Ánh sáng không thua nhật nguyệt, soi khắp trời Nam, như phượng múa lân chầu, càng tăng thêm gấm vóc;
Mùi hương tràn khắp càn khôn, làm thơm cõi Việt, tựa hổ ngồi rồng cuộn, đẹp những đấng tài hoa.
(Trịnh Hoài Đức đề ở đình Gia Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh)

朝有勳名半屬河汾舊學
斗南風教齊欽岳麓餘輝

Triều hữu huân danh, bán thuộc Hà Phần cựu học;
Đẩu Nam phong giáo, tề khâm Nhạc Lộc dư huy.
Triều chính huân danh, chia nửa thuộc đất Hà Phần chân cựu học;
Trời Nam phong giáo, hoàn toàn nhờ danh Nhạc Lộc tiếng lừng vang.
(Nguyễn Vương, sau này là Gia Long ban cho Vũ Trường Toản ở làng Hòa Hưng, huyện Bình Dương, Gia Định, năm 1792)

生前教訓得人無子而有子
沒後聲名在世雖亡也不亡

Sinh tiền giáo huấn đắc nhân, vô tử nhi hữu tử;
Một hậu thanh danh tại thế, tuy vong dã bất vong.
Khi sống, dạy trò nên người, không con mà như có;
Lúc về, tiếng thơm để lại, dẫu mất vẫn như còn.
(Học trò Võ Trường Toản khóc thầy)

陸旬我已休官去
三甲君初得第回

Lục tuần ngã dĩ hưu quan khứ;
Tam giáp quân sơ đắc đệ hồi.
Sáu chục tuổi, tôi hưu quan đấy;
Tam giáp khoa, anh đỗ rồi về.
(Đào Tấn mừng Hồ Sĩ Tạo, làng Hòa Cư, An Nhơn, Bình Định, đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904))

聖德瑰瑰職掌人間之主宰
臣工赫赫命承天帝之權行

Thánh đức khôi khôi, chức chưởng nhân gian chi chủ tể;
Thần công hách hách, mệnh thừa thiên đế chi quyền hành.
Thánh đức mênh mang, giữ ngôi chủ tể trong thiên hạ;
Thần công hiển hách, thừa lệnh quyền hành chốn chính cung.
(Đình làng Đôn Thư, Gia Lộc, Hải Dương thờ võ tướng Trần Công Hiến, (? - 1817))

安相只爲樂天廿年春香水風輕屏山雲淡
定徵祥於吉地四月夏堯書龜應晉調龍飛

An tương chỉ vi lạc thiên, trấp niên xuân, Hương thủy phong khinh,
Bình sơn vân đạm;
Định trưng tường ư cát địa, tứ nguyệt hạ, Nghiêu thư qui ứng,
Tấn điệu long phi.
An ở chỗ vui mệnh trời, hai chục năm xuân, gió nhẹ sông Hương,
mây mờ đỉnh Ngự;
Định cho điềm về đất tốt, tháng tư mùa hạ, rồng bay điệu Tấn,
rùa biến sách Nghiêu.
(Cổng cung An Định, kinh đô Huế)

豈敢以民力爲臺爲沼
尚其遺孫謀惟園惟翰
Khởi cảm dĩ dân lực vi đài vi chiểu;
Thượng kỳ di tôn mưu duy viên duy hàn.
Đâu dám lấy sức dân đào ao dựng gác;
Chỉ trao cho đời cháu cây bút mảnh vườn.
(Mặt trong cổng cung An Định, kinh đô Huế)

五木尚家風屈子騷魂天欲問
一生惟國患杜陵詩思地難埋
Ngũ mộc thượng gia phong, Khuất Tử tao hồn thiên giục vấn;
Nhất sinh duy quốc hoạn, Đỗ Lăng thi tứ địa nan mai.
Năm gốc giữ lề nhà, hồn nhạc Khuất Nguyên trời muốn hỏi;
Một đời lo nạn nước, ý thơ Đỗ Phủ đất khôn vùi.
(Phan Bội Châu viếng Lâm Mâu, làng Minh Hương, Hương Trà,
Thừa Thiên Huế, năm 1933)

一柱名藍創見猶留舊跡
十方善念重修凌唱新規
Nhất trụ danh lam, sáng kiến do lưu cựu tích;
Thập phương thiện niệm, trùng tu lăng xướng tân qui.
Chùa Một Cột danh lam, sáng kiến dựng xây lưu dấu cũ;
Lòng thập phương mộ đạo, càng tăng vẻ đẹp mới trùng tu.
(Đặng Văn Hòa, làng Thanh Lương, Hương Trà, Thừa Thiên Huế cung tiến
vào chùa Một Cột, Hà Nội, năm 1838)

石柱湖中除法雨
金蓮座上吐慈雲
Thạch trụ hồ trung trừ pháp vũ;
Kim Liên tòa thượng thổ từ vân.

Trụ đá trong hồ ban mưu phép;
Sen vàng trên bệ tỏa mây từ.
(Đặng Văn Hòa, Thừa Thiên Huế cung tiến vào chùa Một Cột, Hà Nội năm 1839)

恣 火 量 籌 欽 聖 允
爲 民 之 繼 動 神 知
Tứ hỏa lượng trù khâm thánh doãn;
Vị dân chi kế động thần tri.
Trù hỏa tính xa, vâng thánh ý;
Vì dân tận lực, động thần tâm.
(Đặng Văn Hòa, Thừa Thiên Huế, cúng vào miếu Yên Hội, huyện Thọ Xương, Hà Nội, 1838)

遍 覽 名 山 無 如 鄉 景 好
盡 嘗 美 味 爲 若 菜 根 香
Biến lãm danh sơn, vô như hương cảnh hảo;
Tận thường mỹ vị, vị nhược thái căn hương.
Xem khắp danh lam, không bằng cảnh làng quê đẹp;
Nếm hết mĩ vị, khó sánh hương vị rau thơm.
(Đặng Văn Hòa, làng Thanh Lương, Hương Trà, Thừa Thiên Huế)

夙 興 夜 寐 無 忝 所 生
言 念 耳 愫 聿 修 厥 德
Túc hưng dạ mị, vô thiểm sở sinh;
Ngôn niệm nhĩ tố, duật tu quyết đức.
Dậy sớm thức khuya, đừng hổ danh cha mẹ;
Nhớ lời thực nhĩ, noi theo đức người xưa.
(Đặng Văn Hòa di huấn cho con cháu)

征 施 耐 封 功 弟 一
收 歸 仁 偉 績 無 雙
Chinh Thi Nại, phong công đệ nhất;
Thu Qui Nhơn, vĩ tích vô song.
Đánh cửa Thi Nại, công ông đệ nhất;
Chiếm thành Qui Nhơn, chiến tích vô song.
(Mặt trước lăng Ông Bà Chiểu (Lê Văn Duyệt) ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

潘 鄉 佐 國 前 良 將
嘉 定 勤 王 後 顯 神
Phan Rang tá quốc tiền lương tướng;
Gia Định cần vương hậu hiển thần.

Giúp nước ở Phan Rang, thuở trước nên trang tướng giỏi;
Phò vua tại Gia Định, về sau thành bậc thần linh.
(Mặt trước lăng Ông Bà Chiểu (Lê Văn Duyệt) ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

嘉鎮漢鴻人民思汗馬朝廷崇拜別天南
橫山伏虎物色會雲龍節鉞指揮爲帝佐

Gia trấn mạc hồng, nhân dân tư hãn mã, triều đình sùng bái biệt thiên Nam;
Hoành Sơn phục hổ, vật sắc hội vân long, tiết việt chỉ huy vi đế tá.

Tại Gia Định như cánh hồng bay vút, nhân dân tưởng nhớ công ơn, riêng cõi trời Nam triều đình sùng bái;
Nơi Hoành Sơn tựa mãnh hổ nép mình, cơ hội rồng mây gặp gỡ, hiên ngang tiết việt phò chúa chỉ huy.
(Bên trong điện tiền lăng Ông Bà Chiểu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

良將才能千古留芳懸北闕
英雄氣節百年著績壯南疆

Lương tướng tài năng, thiên cổ lưu phương huyền Bắc khuyết;
Anh hùng khí tiết, bách niên trước tích tráng Nam cương.

Tài năng tướng giỏi, thơm ngát ngàn thu nên Bắc khuyết;
Khí tiết anh hùng, công lưu muôn thuở nức Nam cương.
(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiểu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

君聖臣忠施耐封功推第一
地靈人傑瀝哮發蹟定無雙

Quân thánh thần trung, Thi Nại phong công suy đệ nhất;
Địa linh nhân kiệt, Rạch Gầm phát tích định vô song.

Chúa thánh tôi trung, trận Thi Nại phong công có một;
Đất linh người giỏi, vùng Rạch Gầm phát tích không hai.
(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiểu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

護國庇民萬古勳名垂宇宙
越南振北千秋聲勢壯山河

Hộ quốc tý dân, vạn cổ huân danh thùy vũ trụ;
Việt Nam chấn Bắc, thiên thu thanh thế tráng sơn hà.

Giữ nước, che dân, muôn thuở tiếng thơm trùm trời đất;
Vượt Nam, ngăn Bắc, ngàn đời thanh thế tráng non sông.
(Bên vách điện tiền lăng Ông Bà Chiểu ở Rạch Gầm, Mỹ Tho)

大天春色在眉頭記當年翠暖珠香曾游瞻部
五萬鶯花如夢裏念此日丁歌甲舞重睡崑崙

Đại thiên xuân sắc tại mi đầu, ký đương niên thúy noãn châu hương, tằng du Thiệm Bộ;
Ngũ vạn oanh hoa như mộng lý, niệm thử nhật đinh ca giáp vũ, trùng thụy Côn Lôn.

Xuân sắc mấy ngàn nước mắt, nhớ năm xưa thúy châu thơm ấm, bóng cũ từng tới lui Thiệm Bộ;
Oanh hoa năm vạn trong mơ, tưởng ngày nọ đinh giáp múa ca, hình xưa lại ghi dấu Côn Lôn.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

爲良將爲元臣許多政蹟戎功赫赫然在人耳目
此墓碑此祠廟歷幾歐風亞雨巍巍乎吾土山江

Vi lương tướng, vi nguyên thần, hứa đa chính tích nhung công, hách hách nhiên tại nhân nhĩ mục;
Thử mộ bi, thử từ miếu, lịch kỷ Âu phong á vũ, nguy nguy hồ ngô thổ sơn giang.

Trang danh tướng, bậc lương thần, bao chiến tích nhung công, rõ ràng trước nhân dân tai mắt;
Nọ mộ bia, kìa đền miếu, trải gió Âu mưa á, sừng sững cùng đất nước non sông.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

佐中興附鳳攀龍與國百年昭偉績
制外闇安民息盜令人千載佩威風

Tá trung hưng phụ phượng, phan long, dữ quốc bách niên chiêu vĩ tích;
Chế ngoại khổn an dân, tức đạo, lệnh nhân thiên tải bội uy phong.

Giúp trung hưng, phò vua đỡ chúa, trăm năm cùng nước non nêu công tích;
Ngăn cõi bờ an dân diệt giặc, ngàn đời khiến dân chúng phục uy phong.

(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

南朝遠播聲名靖遍塞擎天一柱
北鎮長留義氣耀精靈護國千秋

Nam triều viễn bá thanh danh, tịnh biên tái kình thiên nhất trụ;
Bắc trấn trường lưu nghĩa khí, diệu tinh linh hộ quốc thiên thu.

Tiếng thơm truyền mãi mãi Nam, yên bờ cõi chống trời một cột;
Nghĩa khí vang dài đất Bắc, vững oai linh giúp nước ngàn thu.
(Trung điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

故國江山巍然存古廟
將軍事業卓爾肆功臣

Cố quốc giang sơn, nguy nhiên tồn cổ miếu;
Tướng quân sự nghiệp, trác nhĩ dị công thần.
Cổ miếu còn kia, sừng sững với non sông đất nước;
Công thần hiển hiện, rõ ràng cùng sự nghiệp tướng quân.
(Chính điện lăng Ông Bà Chiểu, Rạch Gầm, Mỹ Tho)

居之無倦行之以忠敏則有功寬則得眾
永言配命自求多福慎乃儉德惟懷永圖

Cư chi vô quyện, hành chi dĩ trung, mẫn tắc hữu công, khoan tắc đắc chúng;
Vĩnh ngôn phối mệnh, tự cầu đa phúc, thận nãi kiệm đức, duy hòai vĩnh đồ.
Cư quan không mệt mỏi, hành sự chỉ biết trung, chăm chỉ tất thành công, bao dung tất được mến;
Hòa hợp phối mệnh, tự cầu nhiều phúc, thận trọng kiệm đức, mong giữ lâu dài.
(Vua Tự Đức để ở điện Cần Chánh, kinh đô Huế)

不剛不柔敷政優優無偏無黨王道蕩蕩
有正其心先誠其意有之於諸己后求諸人

Bất cương bất nhu, phu chính ưu ưu, vô thiên vô đảng, vương đạo đãng đãng.
Hữu chính kỳ tâm, tiên thành kỳ ý, hữu chi ư chư kỉ hậu cầu chư nhân;
Chẳng nhu chẳng cương, chính sự giỏi giang, không thiên không lệch, vương đạo bát ngát.
Muốn chính tâm mình, trước hết phải thành ý, có ở mình sau mới cầu ở người;
(Vua Tự Đức để ở Viện Đông Các, kinh thành Huế)

名播光榮前爵祿
情孚匆慕後人民

Danh bá quang vinh tiền tước lộc;
Tình phu thông mộ hậu nhân dân.

Tên nổi vinh quang, trước là tước lộc;
Thỏa lòng ngưỡng mộ, sau là nhân dân.

公門出入皆君子
正路往來客善人

Công môn xuất nhập giai quân tử;
Chính lộ vãng lai khách thiện nhân.

Ra vào cửa công đều là quân tử;
Lại qua đường thẳng là khách thiện nhân.

大樹成材榮祖業
高堂福壽顯家居

Đại thụ thành tài vinh tổnghiệp;
Cao đường phúc thọ hiển gia cư.

Đại thụ um tùm vinh tổ nghiệp;
Cao đường phúc thọ hiển gia cư.

靜業重修功果
慈門普渡福緣

Tĩnh nghiệp trùng tu công quả;
Từ môn phổ độ phúc duyên.

Tĩnh nghiệp trùng tu công với quả;
Từ tâm phổ độ phúc và duyên.

老去又逢新歲月
春來更有好花枝

Lão khứ hựu phùng tân tuế nguyệt;
Xuân lai cánh hữu hảo hoa chi.

Tuổi lão qua rồi, lại thêm năm tháng mới;
Ngày xuân đến tiếp, lại mừng nhánh hoa tươi.

人之初莫不本乎祖
後有繼思以光於前

Nhân chi sơ mạc bất bản hồ tổ;
Hậu hữu kế tư dĩ quang ư tiền.

Người ta ra đời ai cũng bắt gốc ở tổ tiên;
Đời sau đều nghĩ phát sáng công đức đời trước.

向來已事多爲史
細認如圖欲命詩

Hướng lai dĩ sự đa vi sử;
Tế nhận như đồ dục mệnh thi.
Xưa nay việc cũ thường trong sử:
Xem kỹ bản đồ vẽ nên thơ.

不盡波潘培德樹
有餘慶衍發芳枝
Bất tận ba phiên bồi đức thụ;
Hữu dư khánh diễn phát phương chi.
Trồng cây đức dẫu ba đào chẳng ngại;
Nảy cành xanh nên phúc khánh có thừa.

香山旺氣鐘五枝百葉
芑木清源遠萬派千流
Hương sơn vượng khí chung ngũ chi bách diệp;
Dĩ mộc thanh nguyên viễn vạn phái thiên lưu.
Non Hương có vượng khí chung đúc nên năm cành trăm lá;
Cội đã được tưới bởi nguồn trong xa vạn phái muôn dòng.
(Bảo Đại Quý Mùi (Năm Bảo Đại, Quý Mùi))

福果圓完佳境樹
善根秀發滿成花
Phúc quả viên hoàn giai cảnh thụ;
Thiện căn tú phát mãn thành hoa.
Phúc quả vẹn tròn cây giai cảnh;
Thiện căn nảy lộc phát thành hoa.

開道圓通才無量
往來信仰福有餘
Khai đạo viên thông tài vô lượng;
Vãng lai tín ngưỡng phúc hữu dư.
Khai đạo được vẹn tròn, tài cao không lường hết;
Vãng lai mà tín ngưỡng, quả phúc có dư.

福址厚培于古遠
人基高築萬年存
Phúc chỉ hậu bồi vu cổ viễn;
Nhân cơ cao trúc vạn niên tồn.
Nền phúc bồi đầy xa xưa từ cổ;
Lầu nhân xây cao vạn thuở còn đây.

德 澤 長 流 千 里 潤
恩 光 普 照 萬 家 春

Đức trạch trường lưu thiên lý nhuận;
Ân quang phổ chiếu vạn gia xuân.

Đức trạch chảy dài muôn dặm nhuận;
Ân quang chiếu khắp vạn nhà xuân.

道 户 顯 揚 傳 閥 閱
人 基 培 肇 衍 雲 仍

Đạo hộ hiển dương truyền phiệt duyệt;
Nhân cơ bồi triệu diễn vân nhưng.

Gia đạo vẻ vang truyền thế phiệt;
Nền nhân bồi đắp mãi cháu con.

萬 法 皆 開 聲 第 一
貳 塵 不 染 智 無 雙

Vạn pháp giai văn thanh đệ nhất;
Nhị trần bất nhiễm trí vô song.

Muôn pháp đều nghe danh đệ nhất;
Hồng trần chẳng nhiễm, trí không hai.

大 衍 追 完 香 願
古 希 增 佑 僊 齡

Đại diễn truy hoàn hương nguyện;
Cổ hy tăng hựu tiên linh.

Năm mươi tìm về hương nguyện;
Bảy mươi thêm được tuổi tiên.